

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 145/2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 12213/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai và Tờ trình số 12883/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Tờ trình số 12213/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 170 dự án với tổng diện tích là 2.659,71 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha (Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 82 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, gồm: 78 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích là 95,16 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích là 1,47 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích là 7,66 ha; 02 dự án sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ, trong đó diện tích đất trồng lúa 6,15 ha, diện tích đất rừng

phòng hộ 19,74 ha và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang các mục đích khác của các địa phương với tổng diện tích 338 ha (Phụ lục II kèm theo).

3. Danh mục 24 dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện với tổng diện tích 293,23 ha (Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

Đối với các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014, Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2015, Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, đánh giá đối với từng dự án, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, khả năng thực hiện của từng dự án, đề xuất xử lý và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./. u

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.



Nguyễn Phú Cường



Phụ lục I
Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019 tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng các dự án thu hồi				170	2.659,71	2.230,63	
I. Dự án thu hồi theo Khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013				164	2.447,65	2.218,64	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				40	173,77	167,01	
1	Mở rộng Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	0,07	Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
2	Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	DGD	1,40	0,02	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Trường Tiểu học Hóa An 2	Biên Hòa	Hóa An	DGD	0,85	0,85	Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2017 (lần 2); Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B.
4	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	DGD	2,14	1,14	Quyết định số 3522/UBND-PT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
5	Trường Tiểu học Long Bình 2	Biên Hòa	Long Bình	DGD	0,81	0,81	Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm (2016-2020)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
6	Trường cao đẳng y tế và bệnh viện (Lê Quý Đôn)	Biên Hòa	Long Bình Tân	DYT	4,51	4,51	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7843517681, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 2 ngày 09/3/2016; Thông báo thu hồi đất số 7081/TB-UBND ngày 17/10/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Trường TH Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	DGD	1,30	0,04	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
8	Trường TH Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	DGD	0,51	0,06	Đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án tại văn bản số 11029/UBND-ĐT ngày 14/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa
9	Trụ sở làm việc các phòng ban TP. Biên Hòa	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	2,64	2,64	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa,
10	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	1,70	0,80	Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
11	Trường Mầm non Sóng Ray (áp 10)	Cẩm Mỹ	Sóng Ray	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020,
12	Trường Mầm non Sóng Ray (áp 9)	Cẩm Mỹ	Sóng Ray	DGD	0,70	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
13	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	TSC	0,20	0,20	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
14	Trạm y tế xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DYT	0,05	0,05	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
15	Trường Mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường Mầm non Bảo Quang
16	Trường Tiểu học Thái Thiện	Long Thành	Phước Thái	DGD	1,27	1,27	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
17	Trường Tiểu học Tam An (Giai đoạn 2)	Long Thành	Tam An	DGD	1,06	1,06	Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Long Thành về việc quyết định chủ trương đầu tư
18	Cơ sở 2 Đại học Y được TP HCM	Nhơn Trạch	Long Tân, Phước Thiện	DGD	126,00	126,00	Thông báo số 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh về việc địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y được TP HCM Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
19	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DYT	0,17	0,17	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
20	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	DYT	0,19	0,19	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
21	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	DYT	0,15	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
22	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lập	TSC	0,12	0,12	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
23	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	1,53	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
24	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	TSC	0,18	0,18	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
25	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	DYT	0,07	0,07	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
26	Trường TH Xuân Thanh (Khu TTHC xã)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DGD	1,00	1,00	Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc điều chỉnh, bổ sung và kế hoạch đầu tư công 6 tháng cuối năm 2018
27	Trường Tiểu học Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	DGD	1,72	1,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 09/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom về việc chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
28	Mở rộng trường tiểu học thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	DGD	0,17	0,17	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom về việc chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
29	Công an xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	TSC	0,08	0,08	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
30	Trường THCS Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
31	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về chủ trương đầu tư dự án sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
32	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	DVH	1,04	1,04	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý (ghi vốn năm 2018)
33	Trường Mầm non Cây Gáo	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	DGD	1,20	1,20	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
34	Nhà Văn hóa Siêng Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DVH	0,07	0,03	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
35	Trường Mầm non Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DGD	0,86	0,86	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
36	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DGD	1,58	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
37	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,65	0,15	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
38	Trường Mầm non Xuân Thành (mở rộng phần hiệu Tân Hợp)	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
39	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
40	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Thống Nhất	Xuân Thạnh	DGD	14,00	14,00	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải				69	645,77	524,70	

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thù hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
41	Hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	DGT	1,00	0,75	Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hành lang Quốc lộ 51 trước mặt tiền dự án Sơn Tiên; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
42	Xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch (Đường N1)	Biên Hòa	Bình Đa	DGT	0,24	0,24	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch từ đường Vũ Hồng Phô đến hết phần đất dọc theo đất khu dân cư Bình Đa
43	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	9,00	1,80	Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh về báo cáo nghiên cứu khả thi; điều chỉnh lại diện tích lên 9 ha
44	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DTL	1,85	0,38	Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2018, điều chỉnh tăng thêm diện tích; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía cũ lao Phổ); Công văn số 1443/TTG-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương) Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
45	Đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	DGT	17,92	17,92	Quyết định số 3618/UBND-XDCB ngày 26/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường chuyên dùng VLXD - Văn bản số 1125/SKHĐT-DN ngày 3/4/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc đầu tư tuyến nối vào đường Võ Nguyên Giáp thuộc tuyến dự án BOT đường chuyên dùng VLXD Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
46	Đường từ Hương lộ 2 đầu nối vào đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	5,30	5,30	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất về chủ trương đầu tư tại các khu đất
47	Mở rộng Quốc lộ 51	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	0,09	0,09	Văn bản số 9122/UBND-ĐT ngày 12/9/2017 về việc cải tạo mở rộng đoạn km4+556-km5+395, cải tạo bổ sung hệ thống thoát nước, cải tạo các nút giao thông thuộc dự án mở rộng QL 51 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
48	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
49	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	DGT	0,10	0,08	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Điều Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất
50	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	DGT	2,80	2,80	Công văn số 948/HUBND-VP ngày 28/12/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
51	Dự án nạo vét suối Sân Mầu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hố Nai	DTL	13,75	11,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;
52	Via hè đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Thanh Bình	DGT	0,00	0,00	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Sân Mầu theo quy hoạch
53	Tuyến đường giao thông dọc suối Sân Mầu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,20	1,20	Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Sân Mầu theo quy hoạch
54	Đường Nguyễn Văn Hoa	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,60	1,60	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Sân Mầu theo quy hoạch
55	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,60	0,76	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020,
56	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,70	1,70	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát); Công văn số 1443/TTG-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương)
57	Nâng cấp đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	DGT	7,20	3,60	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
58	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DNL	1,63	0,76	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
59	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	3,10	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
60	Giếng khoan quan trắc	Định Quán	Các xã	DKH	0,03	0,03	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
61	Nâng cấp, mở rộng đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774) đoạn từ km1+600 đến km 7+300	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DGT	5,74	4,74	Tờ trình số 12255/TT-Tr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
62	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	DGT	19,26	9,01	Tờ trình số 12255/TT-Tr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
63	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
64	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	DGT	9,00	1,48	Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
65	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
66	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	4,12	Tờ trình số 12255/TT-Tr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
67	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	DGT	4,45	3,85	Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
68	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nhỏ, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
69	Nâng cấp đường ĐT.763 (đoạn qua thị xã Long Khánh).	Long Khánh	Bảo Quang	DGT	0,05	0,05	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
70	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Làng văn hóa Đồng bào dân tộc Choro	Long Khánh	Bảo Vinh	DTL	0,24	0,24	Văn bản số 10620/UBND-CNN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Choro tại xã Bảo Vinh (GD1); Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018.
71	Đường Cây Khế - Bưng Môn	Long Thành	Long An	DGT	2,70	0,70	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
72	Đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	3,09	0,09	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
73	Hẻm 21 đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	1,02	0,02	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
74	Hẻm 109 đường Khai Thác Đá 3	Long Thành	Long An	DGT	3,44	0,34	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
75	Nâng cấp đường Long Đức-Long An	Long Thành	Long Đức- Long An	DGT	10,00	0,10	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020
76	Trung tâm Logistic Long Thành	Long Thành	Tân Hiệp		67,50	67,50	Văn bản số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến Tập đoàn Cao su Việt Nam về địa điểm đầu tư dự án Trung tâm Logistic Long Thành tại huyện Long Thành; công văn số 91/HDQTCSVN-KHĐT ngày 21/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thông nhất theo Công văn số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh (thu hồi giao Trung tâm phát triển Quý đất đầu giá); Văn bản số 1098/UBND-CNN ngày 18/10/2018 về việc đầu giá quyền sử dụng đất xây dựng trung tâm logistic Long Thành
77	Nạo vét và gia cố bờ kè suối Quán Thủ	Long Thành	TTLong Thành - Lộc An	DTL	31,04	1,04	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	0,06	0,06	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh về việc duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới cầu Mít trên Hương lộ 12 huyện Nhơn Trạch
79	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	3,20	3,20	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tỉnh hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
80	Giếng khoan quan trắc	Tân Phú	Các xã	DKH	0,01	0,01	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
81	Trạm bơm dã chiến áp 2	Tân Phú	Đắc Lua	DTL	0,20	0,20	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
82	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DTL	0,30	0,30	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 duyệt điều chỉnh một số điều của Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
83	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	DGT	14,07	11,47	Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
84	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An	Tân Phú	Phú An	DTL	0,20	0,20	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
85	Đường Lá Ú (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	DGT	1,66	0,40	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ú, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
86	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lai - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	DGT	4,48	3,46	Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
87	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	DGT	8,82	8,82	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
88	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cấp nhất vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
89	Giếng khoan quan trắc	Thống Nhất	Hưng Lộc; Quang Trung	DKH	0,02	0,02	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
90	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	DGT	3,85	3,85	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tỉnh hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
91	Đường U1 Tân Thành đi xã Sông Thao	Trảng Bom	Thanh Bình	DGT	5,70	4,50	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
92	Đường Hà Huy Tập	Trảng Bom	T.T.Trảng Bom	DGT	0,45	0,45	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
93	Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	Trảng Bom	T.T.Trảng Bom	DGT	1,84	1,84	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 về việc buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018; trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng Trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện về việc xin Trường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư các khu đất
94	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
95	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,18	0,18	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
96	Đường Đất Cát	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,25	0,25	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
97	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	SON	4,68	4,68	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
98	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
99	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phù Lý	DTL	0,18	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
100	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	SON	7,00	7,00	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
101	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường DT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	DTL	1,00	1,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
102	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
103	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	1,50	Quyết định 2697/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại); Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
104	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	5,30	5,30	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 về việc buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018; trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng Trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện về việc xin Trường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư các khu đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
105	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	DNL	2,44	2,44	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
106	Nút giao thông giữa đường DT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát)	Xuân Lộc	Suối Cát	DGT	2,60	1,50	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt chủ trương đầu tư dự án Nút giao thông giữa đường DT765 với Quốc lộ 1 (Ngã ba Suối Cát); đã dự kiến bố trí vốn đầu tư năm 2019
107	Nâng cấp đường DT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	DGT	48,79	21,64	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
108	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	Đất nông nghiệp	230,00	230,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
109	Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DRA	1,88	1,88	Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh về việc cho công ty TNHH Cù Lao Xanh thuê đất để thực hiện dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Văn bản số 8015/UBND-ĐT ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh ranh giới, vị trí dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					13	49,81	45,05

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
110	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Bình Đa, Tam Hiệp, An Bình	ODT	2,33	2,33	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
111	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	28,60	25,20	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
112	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	0,56	0,07	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
113	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	DKV	1,30	0,43	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ điều hòa
114	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Tam Hiệp	ODT	9,40	9,40	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
115	Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trảng An)	Biên Hòa	Tam Phước	ONT	6,40	6,40	Công văn số 7820/UBND-CNN ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo thực hiện các dự án tại xã Tam Phước của công ty CP Trảng An; Quyết định thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và Quyết định 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh điều chỉnh diện tích thu hồi trong Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008.
116	Nhà văn hóa ấp 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
117	Nhà văn hóa ấp 61	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
118	Công viên dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	DKV	0,65	0,65	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh bổ sung vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở để xuất
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
120	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
122	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	TON	0,21	0,21	Thông báo thu hồi đất số 2711/TB-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng							
123	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	ODT	3,24	1,72	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
124	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	0,13	0,13	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
125	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	9,53	9,53	Công văn số 12286/UBND-CNN ngày 27/11/2017 ghi nhận công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc là nhà đầu tư đề xuất dự án đường Nguyễn Du theo hình thức BT.
126	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	ODT	5,51	0,05	Văn bản số 3143/UBND-ĐT ngày 8/9/2011 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương Văn bản số 247/VBTD-STNMT ngày 23/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án
127	Khu dân cư Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	ONT	40,00	40,00	Quyết định thu hồi đất số 2771/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh; Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu dân cư Long Hưng; còn 40 ha chưa hoàn thành công tác thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
128	Khu tái định cư số 53 (Khu đất Lâm trường Biên Hòa)	Biên Hòa	Tân Biên	ODT	6,20	6,20	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn thành phố Biên Hòa
129	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Biên Hòa	Tân Phong	ODT	1,00	1,00	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 1580/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 từ chức năng đất giao dự sang đất ở, diện tích 0,31 ha; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư và Điều 1, QĐ 3495/QĐ.CT.UBT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh; đã giao đất 9,4 ha, còn 1 ha đang tiếp tục thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
130	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Tân Phong, Bửu Long	ODT	3,95	3,95	Công văn số 2844/BQP ngày 02/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng để quy hoạch xây dựng khu gia đình quân đội Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư tại các khu đất
131	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	2,12	2,12	Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; Công văn số 7807/UBND-ĐT ngày 18/06/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh nội dung các văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư một số dự án do Công ty Đông Á Phát làm chủ đầu tư
132	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	4,02	4,02	Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
133	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,98	0,98	Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
134	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	30,62	8,22	Thông báo số 3949/TB-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất; Văn bản số 132/UBND-CNN ngày 05/1/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh ranh quy hoạch dự án khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); còn 8,22 ha chưa hoàn thành thu hồi đất nên đang ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
135	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	3,71	3,71	Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư tại khác khu đất
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,15	0,15	Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch; Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
137	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	ODT	1,10	0,55	Văn bản số 3799/UBND-ĐT ngày 7/10/2013 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở Khu dân cư giai đoạn 2
138	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
139	Khu dân cư An Phước	Long Thành	An Phước	ONT	1,13	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư tại An Phước (Cty Vi Như)	Long Thành	An Phước	ONT	3,08	3,08	Quyết định chủ trương đầu tư số 3526/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư tại An Phước (Cty Đại Thành Công Bình Thuận)	Long Thành	An Phước	ONT	1,17	1,17	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
142	Khu đô thị dịch vụ AMATA	Long Thành	An Phước, Tam An	ONT	122,00	122,00	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3275162351 ngày 28/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 55,4 ha; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106114566 ngày 8/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 51,9 ha

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thù hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
143	Khu đất để đầu giá	Long Thành	Bình Sơn	ONT	49,80	49,80	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
144	Khu dân cư Lộc An Mới	Long Thành	Lộc An	ONT	1,12	1,12	Quyết định chủ trương đầu tư số 3116/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Lộc An	Long Thành	Lộc An	ONT	1,00	1,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3129/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu đất để đầu giá	Long Thành	Long Đức	ONT	22,22	22,22	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
147	Khu đất để đầu giá	Long Thành	Long Đức, An Phước	ONT	190,00	190,00	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
148	Khu dân cư tại Phước Bình (Cty Ngân Hà)	Long Thành	Phước Bình	ONT	1,73	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 3560/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Công văn số 5617/SXD-QLN-TTBDS ngày 19/11/2018 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh diện tích đất theo quy hoạch của dự án Khu dân cư Phước Bình mới, xã Phước Bình, huyện Long Thành.
149	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Long Thành	Tam An	ONT	753,10	753,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1965/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3220817410 ngày 4/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
150	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,76	2,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 3117/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
151	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,55	2,55	Quyết định chủ trương đầu tư số 3118/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
152	Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,91	0,31	Văn bản số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
153	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,50	0,50	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1265/UBND-KT ngày 25/3/2013 của UBND huyện Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
154	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Nhơn Trạch	Đại Phước	ONT	55,33	22,75	Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu đô thị Du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch; Công văn số 731/UBND-CNN ngày 26/1/2007 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư tại các khu đất
155	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Nhơn Trạch	Long Tân	ONT	35,30	35,30	Văn bản số 9298/UBND-CNN ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến Ban thường vụ tỉnh ủy chấp thuận chủ trương; Văn bản 5552-CV/TU ngày 27/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25/9/2018 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Nhơn Trạch	Long Tân, Phước An	ONT	40,95	29,45	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh về việc giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
157	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành- Sông Hồng cũ)	Nhon Trách	Phù Hội	ONT	7,06	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trách về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phù Hội huyện Nhon Trách
158	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Nhon Trách	Phước An	ONT	36,87	36,87	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Dây tơ Xây dựng Nhon Thành làm chủ đầu tư ; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh.
159	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trách	Phước Thiện	ONT	3,30	3,30	Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trách về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trách
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Nhon Trách	Vĩnh Thanh	ONT	6,62	6,62	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Cụm CN Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	SKN	50,00	50,00	Đã được thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 nhưng vị trí tại xã An Viễn. Nay quy hoạch được phê duyệt đã điều chỉnh sang xã Đồi 61 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
162	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	ONT	18,22	18,22	Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
163	Cụm công nghiệp VLXD Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	SKN	21,82	8,00	- QĐ thuế đất đợt 1 số 1192/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 (13,9); QĐ thuế đất đợt 2 số 3138/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 (19,64ha); QĐ thuế đất đợt 3 số 3648/QĐ ngày 16/10/2017 (8,54 ha). Còn lại 8 ha chưa hoàn thành thu hồi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Tân An	ONT	9,83	9,83	Quyết định chủ trương đầu tư số 3071/QĐ-UBND ngày 30/8/2018
II. Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP							
165	Mỏ đá xây dựng Thanh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thanh Phú, Thiện Tân	SKX	25,07	4,28	Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
166	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	Biên Hòa	An Hòa	TMD	179,50	5,00	Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ-CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh (373,62 ha); tuy nhiên đến nay còn 5 ha chưa thu hồi xong, do vậy đưa vào danh mục thu hồi để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ-CT.UBT ngày 15/11/2004
167	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Biên Hòa	Long Bình	TMD	2,70	0,27	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất được 1,9 ha; còn 0,27 ha đăng ký để tiếp tục thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
168	Trạm dừng chân Tp. Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	TMD	0,53	0,53	Thông báo thu hồi đất số 3145/TB-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
169	Khu đô thị, sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân	TMD	3,34	1,30	Quyết định thu hồi đất số 1972/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013.
170	Trường PTTH và dạy nghề (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Hòa	DGD	0,92	0,61	Quyết định thu hồi đất số 1238/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường, đang lập thủ tục bồi thường.

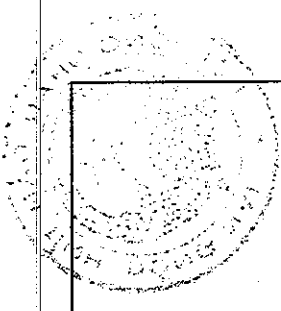


Phụ lục II

Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đúng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng			1.351,00	101,31	21,21	7,66	
1	KDC an bình mở rộng (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi Giang Điền)	Biên Hòa	An Bình	2,47	0,32			Có quyết định giao đất, còn 10 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường; Hiện nay đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
2	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình)	Biên Hòa	An Bình	2,40	1,10			Đã hoàn thành kiểm đếm; đang lập phương án bồi thường
3	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	3,24	0,71			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đang ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
4	Khu dân cư số 10 (Công ty CP BDS Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	4,90			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất
5	Khu đất đầu giá số 2, 3 (tờ 20 thửa 46; tờ 45 thửa 3)	Biên Hòa	An Hòa	0,72	0,87			Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý; Đã phê duyệt giá khởi điểm tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND tỉnh



STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
6	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Hóa An	55,34	3,44			Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 nối dài. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa
7	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	9,00	1,26			Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017
8	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,52			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa (đoạn từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm)
9	Ký túc xá trường ĐH Lạc Hồng (cơ sở 6)	Biên Hòa	Bửu Long	0,34	0,34			Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công văn số 5306/UBND-ĐT ngày 2/5/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc xác nhận hoàn thành bồi thường dự án KTX trường Đại học Lạc Hồng
10	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	0,13	0,13			Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
11	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70			Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa; BQLDA đề xuất tại Công văn số 375/QLDA-KT ngày 15/7/2016. Đang kêu gọi đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đựng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
12	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cãi)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35			Công văn số 5086/UBND-CNN ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất dự án đường ven sông Cãi theo hình thức PPP, hợp đồng BT. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký đề chuyển mục đích đất lúa
13	Đường ven sông Cãi (Đường Trần Phú)	Biên Hòa	Các phường	29,30	2,18			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa
14	Mở rộng trường TH Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,05			Công văn số 7032/UBND-ĐT ngày 29/7/2016 của UBND thành phố Biên Hòa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa năm 2017 (lần 2)
15	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	Biên Hòa	Hóa An	2,21	0,01			Quyết định số 4664/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017. Tuy nhiên, bổ sung diện tích sử dụng đất trồng lúa.
16	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,77			Tờ trình số 9291/TT-UBND ngày 30/11/2015 của UBND TP. Biên Hòa về việc xin điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Long Bình Tân (vị trí đoạn đường giao thông nằm giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến tại khu vực đất của dự án mở rộng Cảng Đồng Nai do Cty CP Cảng Đồng Nai làm chủ đầu tư); thông báo thu hồi đất số 2638/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
17	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,99	0,10			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 về thông qua danh mục thu hồi đất từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2014; còn 0,1 ha đất lúa đang ký thực hiện công tác giao đất
18	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Ba Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,05			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh về việc báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017
19	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	0,12	0,09			Quyết định giao đất số 846/QĐ-UBND ngày 07/04/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Liên hiệp HTX Dịch vụ nông nghiệp để xây dựng nhà máy gạch.
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 6 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	15,00	0,56			Đã có quyết định thu hồi đất
21	Trường TH Lê Văn Tám	Biên Hòa	Quang Vinh	1,00	0,47			Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 4/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
22	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	1,30	0,63			Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ Điều Hòa
23	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,16	0,16			Đất do trường tự thỏa thuận, đang lập thủ tục về đất đai xây dựng
24	Khu công nghiệp Giang Điền	Biên Hòa	Tam Phước	73,42	1,95			Đã có quyết định thu hồi đất, đã hoàn thành công tác bồi thường được 145,78 ha, còn 3 hộ chưa thu hồi xong

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đúng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
25	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,80		1,47		Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
26	Đường vào trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,24	0,22			Quyết định số 3522/UBND-CNN ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu KH vốn dầu tư công năm 2018 (lần 2)
27	Trung tâm TMDV theo quy hoạch (Cty TNHH TMDV Khang Điền Thịnh)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,94	0,07			Công văn số 9787/UBND-XD ngày 14/08/2017 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm
28	Trường MN Tâm Đức (Cty TNHH MN Tâm Đức)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,21	0,18			Đã được chấp thuận chủ trương tại văn bản số 713/UBND-ĐT ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Biên Hòa
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,14			Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
30	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	2,12	0,02			Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
31	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	4,02	0,35			Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
32	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,15	0,14			Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
33	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,99			Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
34	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	3,71	2,64			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 với diện tích 1,85 ha đất lúa (nằm trong dự án khu đất tạo vốn đường ven sông Cái). Nay rà soát lại là 2,64 ha. Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án; Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư tại các khu đất
35	Đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Cầm Mỹ	Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	120,00	4,41			Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc thu hồi đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đoạn qua các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
36	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cầm Mỹ	Xuân Đông	1,63	0,73			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
37	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cầm Mỹ	Xuân Đông	3,84	0,50			Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
38	Cầu Xuân Tây	Cầm Mỹ	Xuân Tây	0,28	0,09			Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
39	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mây - Tân Uyên	Định Quán	Các xã	0,44	0,1			Đã hoàn thành bồi thường, bổ sung lúa để thực hiện thủ tục đất đai. Văn bản số 359/UBND-NL ngày 07/02/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV trung tâm điện lực Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, qua địa bàn huyện Định Quán.
40	Trường TH Kim Đồng	Định Quán	Gia Canh	1,25	1,00			Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện Định Quán để thực hiện dự án trường TH Kim Đồng
41	Hồ chứa nước Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	174,00			7,66	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về bổ sung đầu tư công năm 2018 tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II mục IV phần b số thứ tự 8)
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	0,02			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
43	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	19,26	0,65			Văn bản số 486/BC-SKHDT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bổ trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 18)
44	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03			Thông báo kết luận số 197/TB-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện Định Quán về thực hiện các dự án nông thôn mới xã Ngọc Định

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
45	Dự án Trang trại chăn nuôi gà tại huyện Định Quán của Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Tâm Hai	Định Quán	Phú Hòa	12,40	6,47			Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
46	Đường Tà Lài - Trà Cổ (Đường ĐT-774)	Định Quán	Phú Hòa	5,74	1,15			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 19)
47	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	0,12			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
48	Trường THCS Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	2,00	0,42			Chuyển tiếp để hoàn thành các thủ tục đất đai. Tờ trình số 22/TTT-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Định Quán về đề nghị giao đất cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án Trường THCS Suối Nho tại ấp 4
49	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	0,54			Đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục đất đai. Văn bản số 315/TB-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện Định Quán chấp thuận bổ sung quy hoạch kế hoạch huyện Định Quán
50	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75	1,00			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đất trồng lúa	Sử dụng đất rừng phòng hộ	Sử dụng đất rừng đặc dùng	
51	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	4,45	0,80			Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
52	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	Định Quán	TT. Định Quán	0,10	0,10			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
53	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	Định Quán	TT. Định Quán	0,02	0,01			Văn bản số 45/TTPTQĐ ngày 06/9/2018 của TTPTQĐ huyện Định Quán về rà soát và đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của TTPTQĐ huyện Định Quán
54	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (Gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	0,02			Quyết định 1952/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Choro.Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
55	Kiên cố hạ lưu Suối Cài (chống ngập úng khu vực Suối Cài)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	9,43			Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
56	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	Long Khánh	X. Hòa; P. Bình; Xuân Tân	6,11	0,26			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
57	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	4,50	1,00			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 tuy nhiên do điều chỉnh ranh giới dự án nên tăng thêm 1 ha đất trồng lúa; Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
58	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,90	0,30			VB số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
59	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiên	Nhom Trạch	Phước Thiên	3,30	3,25			Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhom Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiên, Nhom Trạch
60	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Trượng	14,07	3,33	1,02		Tờ trình 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018; nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đất trồng lúa	Sử dụng đất rừng phòng hộ	Sử dụng đất rừng đặc dùng	
61	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điện	4,48	1,85			Văn bản số 486/BC-SKHDT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực UBND tỉnh Tờ trình 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018; nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019.
62	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	8,82	3,78			Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
63	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	0,13			Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
64	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,66	0,02			Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
65	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	3,85	0,99			Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 (PL9, STT20)
66	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	18,22	6,34			Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
67	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Borm, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	3,43	0,85			Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 cho Ban Quản lý Dự án lưới điện Miền Nam
68	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
69	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	4,68	2,07			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
70	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,37	0,37			Công văn số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí
71	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	7,00	6,55			Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
72	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	25,07	1,20			Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
73	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	3,00	0,5			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đất trồng lúa	Sử dụng đất rừng phòng hộ	Sử dụng đất rừng đặc dùng	
74	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	5,3	0,7			Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 về việc buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng Trườn; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện về việc xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư
75	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	2,44	1,16			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
76	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	1,01	0,66			Văn bản số 10840/UBND-CNN ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và hướng tuyến đường dây đầu nối
77	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	48,79	2,27			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	230,00	1,95			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
79	Điểm trung chuyển rác	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,40	0,16			Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27/06/2017 của UBND huyện Xuân Lộc V/v Xác định địa điểm trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện Xuân Lộc Đất công do UBND xã Xuân Phú quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
80	Trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30			Văn bản số 4571/UBND-KT ngày 24/09/2018 của UBND huyện Xuân Lộc V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng trang trại chăn nuôi gà đẻ và các khu vực phụ trợ tại huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH TM-DV-SX và Chăn nuôi Thanh Đức làm chủ đầu tư
81	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,58	0,38			Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
82	Khu dân cư (ấp Trảng Táo)	Xuân Lộc	Xuân Thành, Xuân Tâm, Xuân Trường	221,04	2,82	18,72		Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất của BQL RPH Xuân Lộc giao cho các xã Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường quản lý. Văn bản số 4957/UBND-CNN ngày 18/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v lập, thẩm định, phê duyệt đối phương án sử dụng đất với diện tích bàn giao địa phương quản lý. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất theo phương án sử dụng đất.
II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng đúng vào đất trồng lúa	Sử dụng đúng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng đúng vào đất rừng đặc dùng	
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường, xã	7,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các xã	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã	15,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã	12,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã	15,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn	3,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn	10,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	Các xã	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tràng Bom	Các xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tràng Bom	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tràng Bom	Các xã		11,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tràng Bom	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tràng Bom	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		9,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã		22,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
45	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã		26,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
48	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
49	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
50	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
51	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
52	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương



Phụ lục III
Danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm mà phải thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai
(Kèm theo Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
	Tổng số dự án				293,23	
1	Mở rộng Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
3	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
4	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHDT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
6	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
7	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo số 271/BC-BQLDAĐTXD' ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đề nghị tính bổ trí vốn
8	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
9	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
10	Trường mầm non Báo Quang	Long Khánh	Báo Quang	DGD	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Báo Quang
11	Đường giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Long Thành, Cẩm Mỹ	Các xã	DGT	193,38	Thông báo số 11631/TB-UBND ngày 31/10/2018 của PCT.UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh về việc thông nhất về hướng tuyến các tuyến đường kết nối cảng HKQT Long Thành.
12	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhơn Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch
13	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	Đã hoàn thành phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự kiến triển khai vào quý IV năm 2018.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
14	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
15	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú.
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
17	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
18	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	DGD	1,50	Tờ trình số 246/TT-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
19	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,69	Tờ trình số 246/TT-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm
20	Trạm y tế xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,08	Tờ trình số 246/TT-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
21	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
22	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
23	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
24	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12213/TT-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất;
dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

VĂN PHÒNG HĐND T. ĐỒNG NAI	
CÔNG	Số: 1543/B
VĂN	Ngày: 14/11/18
ĐẾN	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất năm 2019 tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong trường hợp:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”.

Đối với việc thực hiện các dự án có sử dụng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định *“Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.*

Đối với việc điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án, tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định:

“ - Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo.

- Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2019, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa quy định tại tại Điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Các dự án cần thu hồi đất phải theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai

năm 2013; dự án điều chỉnh vị trí thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 mà đang thực hiện dang dở, cần thiết phải điều chỉnh thời gian thực hiện để lập thủ tục đất đai.

III. Quá trình xây dựng dự án văn bản:

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 9646/UBND-CNN về việc rà soát báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và rà soát lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 11628/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 02/11/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 836/HĐND-VP về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp nhu cầu của các ngành, địa phương, lập danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thực hiện các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 9646/UBND-CNN giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa rà soát, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các địa phương; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa để thực hiện các nội dung nêu trên.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả triển khai các dự án, công trình thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 01/09/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

1. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 481 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 4.113,63 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả thực hiện như sau:

Tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 296 dự án với diện tích thu hồi là 2.777,50 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 67,52% về diện tích và đạt 61,54% tổng số dự án, cụ thể:

1.1. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có quyết định thu hồi đất là 90 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 106,45 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (sau đây viết tắt là theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 19 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 10,23 ha.

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (sau đây viết tắt là theo điểm b, khoản 3,

Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 31 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 53,97 ha.

+ Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (sau đây viết tắt là theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 38 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 39,73 ha.

+ Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (sau đây viết tắt là theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 02 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2,52 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 01 kèm theo)

1.2. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có thông báo thu hồi đất là 58 dự án với diện tích thu hồi đất là 281,83 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 21 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 20,14 ha.

+ Dự án theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 110,89 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 12 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 91,59 ha.

+ Dự án theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,89 ha.

+ Dự án thu hồi theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ là 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 49,32 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 02 kèm theo)

1.3. Các công trình, dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất là 148 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 2.389,22 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 38,06 ha.

+ Dự án theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 50 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 282,66 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 25 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 419,22 ha.

+ Dự án theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.569,28 ha.

+ Dự án theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 80 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 03 kèm theo)

1.4. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên, đến nay chưa triển khai thực hiện là 185 dự án với diện tích là 1.336,13 ha, chiếm 32,48% về diện tích và 38,46% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 34 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 23,2 ha.

+ Dự án theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 58 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 610,89 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 75 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 71,26 ha.

+ Dự án theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 18 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 630,78 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 04 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 78 dự án với diện tích 111,81 ha. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 84,06 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 10,29 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa:

Tổng số dự án đã được thông qua là 71 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 84,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 44 dự án với diện tích đất trồng lúa là 53,44 ha đạt 63,57% về diện tích và đạt 61,97% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích hoặc đã thu hồi đất là 9 dự án với diện tích là 11,39 ha.

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất là 11 dự án với diện tích là 15,72 ha.

- Dự án đã có chủ trương là 24 dự án với diện tích 26,33 ha.

2.2. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 5 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 10,29 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 4 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 10,2 ha đạt 99,13% diện tích và đạt 80% về số dự án. Trong đó đã có quyết định thu hồi đất là 2 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ 0,15 ha; 02 dự án đã có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm với diện tích đất rừng phòng hộ 10,05 ha.

2.3. Dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng

Tổng số dự án đã được thông qua là 2 dự án, sử dụng từ đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 1 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 0,49 ha đạt 3,49% diện tích và đạt 50% về số dự án.

2.4. Các dự án chưa thực hiện

Tổng số dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chưa triển khai thực hiện là 29 dự án với diện tích 44,28 ha, trong

đó các dự án sử dụng đất trồng lúa chưa triển khai thực hiện là 27 dự án với diện tích đất trồng lúa là 30,62 ha; các dự án sử dụng đất rừng phòng hộ chưa triển khai thực hiện là 01 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 0,09 ha; các dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 1 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 13,57 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 5A, 5B, 5C, 5D kèm theo)

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân:

- Chuyển từ đất lúa sang đất ở là 5,14 ha (Biên Hòa 0,01 ha, Cẩm Mỹ 0,08 ha, Định Quán 0,82 ha, Long Khánh 0,36 ha, Long Thành 0,45 ha, Tân Phú 0,09 ha, Trảng Bom 0,64 ha, Vĩnh Cửu 1,21 ha, Xuân Lộc 0,48 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 38,15 ha (Cẩm Mỹ 3,61 ha, Định Quán 7,11 ha, Long Thành 9,7 ha, Tân Phú 0,86 ha, Trảng Bom 4,06 ha, Vĩnh Cửu 8,11 ha, Xuân Lộc 1,64 ha, thị xã Long Khánh 3,06 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 0,65 ha (thuộc huyện Vĩnh Cửu).

- Chuyển đất lúa sang đất nông nghiệp khác là 6,17 ha (Cẩm Mỹ 3,77 ha, Tân Phú 1,73 ha, Xuân Lộc 0,67 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,12 ha (Vĩnh Cửu 0,06 ha, Xuân Lộc 0,06 ha).

4. Đánh giá chung

Như vậy, kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 đạt gần 70% về diện tích và trên 60% về số lượng dự án đã phân nào đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Số lượng dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải

phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

Để việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả cao hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tập trung thực hiện các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tỉnh Đồng Nai.

V. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh – thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2015, 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1. Kết quả thực hiện

1.1. Kết quả thực hiện các dự án cần thu hồi đất

Qua tổng hợp báo cáo bằng văn bản của các địa phương về kết quả triển khai thực hiện các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/10/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày

11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 là 1.071 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 711 dự án với diện tích thu hồi là 6.023,19 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 85,36% về diện tích và đạt 66,39% tổng số dự án, cụ thể:

a. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có quyết định thu hồi đất là 470 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,10 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 106 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 85,79 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 127 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 427,82 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 200 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 217,42 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.179,04 ha.

+ Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (sau đây viết tắt là theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1,03 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 1. Số lượng dự án đã có quyết định thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	53	207,18
2	Cẩm Mỹ	44	89,64
3	Xuân Lộc	21	483,08

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
4	Trảng Bom	47	43,83
5	Thống Nhất	32	68,99
6	Long Thành	44	156,63
7	Nhơn Trạch	28	552,07
8	Định Quán	71	41,04
9	Tân Phú	40	14,15
10	Vĩnh Cửu	58	223,22
11	Long Khánh	30	19,25
	Các huyện	2	12,02
	Tổng	470	1.911,10

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện tại Phụ lục số 6 kèm theo)

b. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 25,69 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 48 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 506,99 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 32 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 93,54 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 24 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.091,80 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 2. Số lượng công trình đã có thông báo thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	32	353,51
2	Cẩm Mỹ	2	27,56
3	Xuân Lộc	3	15,83
4	Trảng Bom	10	257,52
5	Thống Nhất	6	5,83
6	Long Thành	8	191,48
7	Nhơn Trạch	33	789,36
8	Định Quán	1	2,40
9	Tân Phú	24	14,44
10	Vĩnh Cửu	5	53,05
11	Long Khánh	6	7,04
	Tổng	130	1.718,02

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 7 kèm theo)

c. Các công trình, dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất:

Tổng số dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất là 111 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.394,07 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 20 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 14,89 ha.

+ Dự án theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 35 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 364,51 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 371,96 ha.

+ Dự án theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 29 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.638,71 ha.

+ Dự án theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 4 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 3. Số lượng công trình đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	16	803,38
2	Cẩm Mỹ	2	0,24
3	Xuân Lộc	3	6,27
4	Trảng Bom	1	0,50
5	Thống Nhất	2	0,44
6	Long Thành	20	527,43
7	Nhon Trạch	25	725,04
8	Định Quán	2	178,36
9	Tân Phú	4	1,18
10	Vĩnh Cửu	7	20,66
11	Long Khánh	28	84,47
	Các huyện	1	46,10
	Tổng	111	2.394,07

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 8 kèm theo)

d. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án chưa triển khai thực hiện là 360 dự án với diện tích là 1.023,62 ha, chiếm 14,51% về diện tích và 33,61% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 104 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 50,98 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 134 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 249,70 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 103 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 117,96 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 551,58 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 02 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 53,40 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 4. Số lượng công trình chưa triển khai thực hiện theo đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	33	165,93
2	Cẩm Mỹ	25	86,37
3	Xuân Lộc	16	12,12
4	Trảng Bom	29	121,66
5	Thống Nhất	118	85,34
6	Long Thành	21	34,29
7	Nhơn Trạch	14	244,34
8	Định Quán	27	28,65
9	Tân Phú	22	16,28
10	Vĩnh Cửu	34	141,25
11	Long Khánh	19	18,67
	Các huyện	2	68,71
	Tổng	360	1.023,62

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 9 kèm theo)

1.2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 184 dự án với diện tích 2.509,66 ha. Trong đó sử dụng

đất trồng lúa là 250,96 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 2,80 ha. Kết quả thực hiện như sau:

a. Dự án có sử dụng đất trồng lúa

Tổng số dự án đã được thông qua là 176 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 115 dự án với diện tích đất trồng lúa là 167,86 ha đạt 66,89% về diện tích và đạt 65,34% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích hoặc đã thu hồi đất là 87 dự án với diện tích là 127,90 ha.

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất là 19 dự án với diện tích là 24,44 ha.

- Dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang lập thủ tục pháp lý là 9 dự án với diện tích 15,52 ha.

b. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 08 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 12,84 ha. Hiện nay toàn bộ các dự án này đều đã hoặc đang triển khai thực hiện, đạt 100% kế hoạch. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích hoặc đã thu hồi đất là 05 dự án với diện tích là 11,11 ha.

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất là 02 dự án với diện tích là 1,68 ha.

- Dự án đã có chủ trương, hiện nay đang lập thủ tục pháp lý là 01 dự án với diện tích 0,05 ha.

c. Các dự án chưa thực hiện

Tổng các dự án chưa triển khai thực hiện là 62 dự án với tổng diện tích 85,91 ha, trong đó 61 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất rừng đặc dụng là 2,80 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 10A, 10B, 10C, 10D kèm theo)

2. Đánh giá chung

Như vậy, tổng số lượng dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số

183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Dự án, công trình cần thu hồi đất là 1.071 dự án, với diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 470 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,10 ha.

+ Đang thực hiện là 241 dự án với diện tích thu hồi 4.112,09 ha (đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha; đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập các thủ tục thu hồi đất là 111 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.394,07 ha).

+ Dự án chưa triển khai thực hiện là 360 dự án với diện tích là 1.023,62 ha, chiếm 14,51% về diện tích và 33,62% về số lượng dự án.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 176 dự án, sử dụng đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 46 dự án với diện tích là 60,91 ha.

+ Đang triển khai thực hiện là 69 dự án với diện tích đất trồng lúa 106,95 ha (đã có quyết định thu hồi đất 41 dự án với diện tích 66,99 ha, có thông báo thu hồi đất là 19 dự án với diện tích là 24,44 ha, có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập thủ tục đất đai 09 dự án với diện tích 15,52 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 61 dự án với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha.

- Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng là 09 dự án (sử dụng đất rừng phòng hộ là 12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng 2,8 ha). Trong đó:

+ Đã thực hiện là 02 dự án với diện tích là 7,8 ha.

+ Đang thực hiện là 06 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 5,044 ha (đã có quyết định thu hồi đất 3 dự án với diện tích 3,314 ha, có thông báo thu hồi đất là 02 dự án với diện tích 1,68 ha; đã có chủ trương đang thực hiện các thủ tục đất đai khác là 01 dự án với diện tích 0,05 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích 2,80 ha.

- Các dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

- Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

3. Ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

“Đối với diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để sử dụng vào mục đích khác nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật đất đai và không phải làm lại thủ tục xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật đất đai nếu tiếp tục thực hiện dự án”.

Từ căn cứ nêu trên, đối với 75 dự án đang thực hiện dở dang trong đó 69 dự án có sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 106,95 ha (41 dự án đã có quyết định thu hồi đất với diện tích đất trồng lúa 66,99 ha, 19 dự án đã có thông báo thu hồi đất là với diện tích đất trồng lúa là 24,44 ha; 9 dự án đã có chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục pháp lý với diện tích đất trồng lúa 15,52 ha); 06 dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ với tổng diện tích 5,044 ha (03 dự án đã có quyết định thu hồi đất với diện tích đất rừng phòng hộ 3,314 ha, 02 dự án đã có thông báo thu hồi đất với diện tích đất rừng phòng hộ là 1,68 ha; 01 dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang lập thủ tục pháp lý với

diện tích đất rừng phòng hộ 0,05 ha) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, cần thiết phải tiếp tục thực hiện trong năm 2019 để hoàn thành các thủ tục về đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện vào năm 2019.

Đối với 62 dự án chưa triển khai thực hiện, trong đó 61 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích 83,11 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích 2,80 ha, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa rà soát, tổng hợp vào hồ sơ hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án trên theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện công bố việc hủy bỏ theo quy định.

VI. Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm 2019 tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện dự án. Qua rà soát, tổng hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2019 tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

VI.1. Các dự án cần thu hồi đất năm 2019

Tổng số dự án cần thu hồi đất trong năm 2019 là 187 dự án với tổng diện tích là 2.582,82 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.095,60 ha, cụ thể:

1. Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 181 dự án với tổng diện tích là 2.370,76 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.083,61 ha, cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự

ng nghiệp công cấp địa phương: 43 dự án/164,55 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 157,34 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 81 dự án/774,22 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 595,78 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 16 dự án/69,88 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 64,80 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 41 dự án/1.362,12 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.265,69 ha.

2. Thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là 6 dự án/212,06 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 11,99 ha.

Phân theo đơn vị hành chính như sau:

Bảng 5. Số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	5	7,71
2	Cẩm Mỹ	-	-
3	Định Quán	-	-
4	Long Khánh	-	-
5	Long Thành	-	-
6	Nhơn Trạch	-	-
7	Tân Phú	-	-
8	Thống Nhất	-	-
9	Trảng Bom	-	-

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích thu hồi (ha)
10	Vĩnh Cửu	1	4,28
11	Xuân Lộc	-	-
Tổng		6	11,99

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 11 kèm theo)

VI.2. Các dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Tổng số dự án điều chỉnh vị trí thực hiện là 24 dự án với tổng diện tích 293,23 ha, trong đó có: 01 dự án đất di tích, 06 dự án đất giáo dục, 03 dự án đất giao thông, 02 dự án đất năng lượng, 02 dự án đất xử lý rác thải, 04 dự án đất văn hóa - sinh hoạt cộng đồng, 04 dự án đất thủy lợi và 02 dự án đất ở.

Bảng 6. Số lượng dự án, công trình cần điều chỉnh quy mô, vị trí năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)
1	Biên Hòa	2	53,86
2	Cẩm Mỹ	2	4,54
3	Định Quán	5	24,79
4	Long Khánh	1	0,51
5	Long Thành	-	-
6	Nhơn Trạch	1	7,06
7	Tân Phú	4	1,73
8	Thống Nhất	4	3,57
9	Trảng Bom	-	-
10	Vĩnh Cửu	2	0,28
11	Xuân Lộc	1	0,08
12	Liên huyện	2	196,81
Tổng		24	293,23

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 12 kèm theo)

VI.3. Các trường hợp có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019.

3.1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 là 90 dự án, cụ thể như sau:

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa là 86 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 108,23 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng phòng hộ là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,47 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng đặc dụng là 7,66 ha.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ: 2 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 6,15 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 19,74 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

3.2. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2019.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 51,65 ha, trong đó:

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 0,10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 3,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 0,8 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 5,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 7,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 2,0 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 4,0 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 12,98 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 0,20 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 8,57 ha.

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 8,0 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 120,58 ha, trong đó:

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 15 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 8,8 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 15,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 10,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 15 ha.

- + Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 16 ha.
- + Tại các xã của huyện Thống Nhất: 2 ha.
- + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 21,75 ha.
- + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 7,0 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 84 ha, trong đó:
 - + Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 12,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 10,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 15,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 11,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 26 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Thống Nhất: 5,0 ha.
 - + Tại các phường, xã của Thị xã Long Khánh: 5,0 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm là 7 ha, trong đó:
 - + Tại các xã của huyện Xuân Lộc: 4,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 3 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 13,76 ha, trong đó:
 - + Tại các xã của huyện Xuân Lộc: 1,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 0,95 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1 ha.
 - + Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 5,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 1,0 ha.
 - + Tại các phường, xã của Thị xã Long Khánh: 3,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 1,81 ha.
- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 18,89 ha, trong đó:
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 7,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 2,0 ha.
 - + Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 5,0 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 2,0 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

VII. Tổ chức thực hiện

Sau khi danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện, trong đó cập nhật đầy đủ danh mục dự án thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cùng các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cũng như giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, CNN, KT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

Số: 12883/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Điều chỉnh, bổ sung Tờ trình số 12213/TTr-UBND ngày 12/11/2018
của UBND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất;
dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất năm 2019 tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong trường hợp:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”.

Đối với việc thực hiện các dự án có sử dụng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định *“Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 hécta đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.*

Đối với việc điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án, tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định:

“- Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo.

- Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2019, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Các dự án cần thu hồi đất phải theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai

năm 2013; dự án điều chỉnh vị trí thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 mà đang thực hiện dang dở, cần thiết phải điều chỉnh thời gian thực hiện để lập thủ tục đất đai.

III. Quá trình xây dựng dự án văn bản:

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 9646/UBND-CNN về việc rà soát báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và rà soát lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 11628/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 02/11/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 836/HĐND-VP về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp nhu cầu của các ngành, địa phương, lập danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thực hiện các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 9646/UBND-CNN giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa rà soát, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các địa phương; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa để thực hiện các nội dung nêu trên.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả triển khai các dự án, công trình thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 01/09/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

1. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 481 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 4.113,63 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả thực hiện như sau:

Tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 296 dự án với diện tích thu hồi là 2.777,50 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 67,52% về diện tích và đạt 61,54% tổng số dự án, cụ thể:

1.1. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có quyết định thu hồi đất là 90 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 106,45 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (sau đây viết tắt là theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 19 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 10,23 ha.

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (sau đây viết tắt là theo điểm b, khoản 3,

Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 31 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 53,97 ha.

+ Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa; nhà tang lễ, nhà hỏa táng (sau đây viết tắt là theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 38 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 39,73 ha.

+ Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (sau đây viết tắt là theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 02 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2,52 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 01 kèm theo)

1.2. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có thông báo thu hồi đất là 58 dự án với diện tích thu hồi đất là 281,83 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 21 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 20,14 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 110,89 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 12 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 91,59 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ: 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 49,32 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 02 kèm theo)

1.3. Các công trình, dự án đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất là 148 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 2.389,22 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 38,06 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 50 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 282,66 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 25 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 419,22 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.569,28 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 80 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 03 kèm theo)

1.4. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên, đến nay chưa triển khai thực hiện là 185 dự án với diện tích là 1.336,13 ha, chiếm 32,48% về diện tích và 38,46% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 34 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 23,20 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 58 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 610,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 75 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 71,26 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 18 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 630,78 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 04 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 78 dự án với diện tích 111,81 ha. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 84,06 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 10,29 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa:

Tổng số dự án đã được thông qua là 71 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 84,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 44 dự án với diện tích đất trồng lúa là 53,44 ha đạt 63,57% về diện tích và đạt 61,97% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 5 dự án với diện tích 0,88 ha.
- Dự án đã có quyết định thu hồi đất: 4 dự án với diện tích là 10,51 ha.
- Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 11 dự án với diện tích là 15,72 ha.
- Dự án đã có chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý: 24 dự án với diện tích 26,33 ha.

2.2. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 5 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 10,29 ha. Trong đó, tổng số dự án đang triển khai thực hiện là 4 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 10,2 ha đạt 99,13% diện tích và đạt 80% về số dự án. Trong đó đã có quyết định thu hồi đất là 2 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ 0,15 ha; 02 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ 10,05 ha, đã có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý.

2.3. Dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng

Tổng số dự án đã được thông qua là 2 dự án, sử dụng từ đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 01 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 0,49 ha đạt 3,49% diện tích và đạt 50% về số dự án.

2.4. Các dự án chưa thực hiện

Tổng số dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chưa triển khai thực hiện là 29 dự án với diện tích 44,28 ha, trong đó các dự án sử dụng đất trồng lúa chưa triển khai thực hiện là 27 dự án với diện tích đất trồng lúa là 30,62 ha; các dự án sử dụng đất rừng phòng hộ chưa triển khai thực hiện là 01 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 0,09 ha; các dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 01 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 13,57 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 5 kèm theo)

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân:

- Chuyển từ đất lúa sang đất ở là 5,14 ha (Biên Hòa 0,01 ha, Cẩm Mỹ 0,08 ha, Định Quán 0,82 ha, Long Khánh 0,36 ha, Long Thành 0,45 ha, Tân Phú 0,09 ha, Trảng Bom 0,64 ha, Vĩnh Cửu 1,21 ha, Xuân Lộc 0,48 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 38,15 ha (Cẩm Mỹ 3,61 ha, Định Quán 7,11 ha, Long Thành 9,7 ha, Tân Phú 0,86 ha, Trảng Bom 4,06 ha, Vĩnh Cửu 8,11 ha, Xuân Lộc 1,64 ha, thị xã Long Khánh 3,06 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 0,65 ha (thuộc huyện Vĩnh Cửu).

- Chuyển đất lúa sang đất nông nghiệp khác là 6,17 ha (Cẩm Mỹ 3,77 ha, Tân Phú 1,73 ha, Xuân Lộc 0,67 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,12 ha (Vĩnh Cửu 0,06 ha, Xuân Lộc 0,06 ha).

4. Đánh giá chung

Như vậy, kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 đạt gần 70% về diện tích và trên 60% về số lượng dự án đã phần nào đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Số lượng dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao

thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

Để việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả cao hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tập trung thực hiện các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tỉnh Đồng Nai.

V. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh – thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2015, 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1. Kết quả thực hiện

1.1. Kết quả thực hiện các dự án cần thu hồi đất

Qua tổng hợp báo cáo bằng văn bản của các địa phương về kết quả triển khai thực hiện các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất

trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/10/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 là 1.071 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 708 dự án với diện tích thu hồi là 6.019,11 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 85,30% về diện tích và đạt 66,11% tổng số dự án, cụ thể:

a. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có quyết định thu hồi đất là 468 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,02 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 106 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 85,79 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 127 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 427,82 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 198 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 217,34 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.179,04 ha.

+ Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (sau đây viết tắt là theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1,03 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 1. Số lượng dự án đã có quyết định thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	53	207,18
2	Cẩm Mỹ	44	89,64
3	Xuân Lộc	21	483,08
4	Trảng Bom	47	43,83
5	Thống Nhất	32	68,99
6	Long Thành	44	156,63
7	Nhon Trạch	28	552,07
8	Định Quán	69	40,96
9	Tân Phú	40	14,15
10	Vĩnh Cửu	58	223,22
11	Long Khánh	30	19,25
	Các huyện	2	12,02
	Tổng	468	1.911,02

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện tại Phụ lục số 6 kèm theo)

b. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 25,69 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 48 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 506,99 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 32 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 93,54 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 24 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.091,80 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 2. Số lượng công trình đã có thông báo thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	32	353,51
2	Cẩm Mỹ	2	27,56
3	Xuân Lộc	3	15,83
4	Trảng Bom	10	257,52
5	Thống Nhất	6	5,83
6	Long Thành	8	191,48
7	Nhơn Trạch	33	789,36
8	Định Quán	1	2,40
9	Tân Phú	24	14,44
10	Vĩnh Cửu	5	53,05
11	Long Khánh	6	7,04
	Tổng	130	1.718,02

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 7 kèm theo)

c. Các công trình, dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất:

Tổng số dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất là 110 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.390,07 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 20 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 14,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 35 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 364,51 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 371,96 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 29 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.638,71 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 3. Số lượng công trình đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	16	803,38
2	Cẩm Mỹ	2	0,24
3	Xuân Lộc	3	6,27
4	Trảng Bom	1	0,50
5	Thống Nhất	2	0,44
6	Long Thành	20	527,43
7	Nhơn Trạch	25	725,04
8	Định Quán	2	178,36
9	Tân Phú	4	1,18
10	Vĩnh Cửu	6	16,66
11	Long Khánh	28	84,47
	Các huyện	1	46,10
	Tổng	110	2.390,07

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 8 kèm theo)

d. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án chưa triển khai thực hiện là 363 dự án với diện tích là 1.037,12 ha, chiếm 14,70% về diện tích và 33,89% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 105 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 51,58 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 135 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 258,60 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 103 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 117,96 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 551,58 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 03 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 57,40 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 4. Số lượng công trình chưa triển khai thực hiện theo đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	33	165,93
2	Cẩm Mỹ	25	86,37
3	Xuân Lộc	16	12,12
4	Trảng Bom	29	121,66
5	Thống Nhất	118	85,34
6	Long Thành	21	34,29
7	Nhơn Trạch	16	253,84
8	Định Quán	27	28,65
9	Tân Phú	22	16,28
10	Vĩnh Cửu	35	145,25
11	Long Khánh	19	18,67
	Các huyện	2	68,71
	Tổng	363	1.037,12

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 9 kèm theo)

1.2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 184 dự án với diện tích 2.509,66 ha. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 250,96 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 2,80 ha. Kết quả thực hiện như sau:

a. Dự án có sử dụng đất trồng lúa

Tổng số dự án đã được thông qua là 175 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 114 dự án với diện tích đất trồng lúa là 167,86 ha đạt 66,89% về diện tích và đạt 65,14% về số dự án. Cụ thể:

- Số lượng dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 47 dự án với diện tích 61,02ha.

- Số lượng dự án đã có quyết định thu hồi đất: 39 dự án với diện tích là 66,88 ha.

- Số lượng dự án đã có thông báo thu hồi đất: 19 dự án với diện tích là 24,44 ha.

- Số lượng dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang triển khai lập các thủ tục pháp lý: 9 dự án với diện tích 15,52 ha.

b. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 08 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 12,84 ha. Hiện nay toàn bộ các dự án này đều đã hoặc đang triển khai thực hiện, đạt 100% kế hoạch. Cụ thể:

- Số lượng dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 02 dự án với diện tích 7,8 ha.

- Số lượng dự án đã thu hồi đất: 03 dự án với diện tích là 3,314 ha.

- Số lượng dự án đã có thông báo thu hồi đất: 02 dự án với diện tích là 1,68 ha.

- Số lượng dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang triển khai lập các thủ tục pháp lý: 01 dự án với diện tích 0,05 ha.

c. Các dự án chưa thực hiện

Tổng các dự án chưa triển khai thực hiện là 62 dự án với tổng diện tích 85,91 ha, trong đó 61 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất rừng đặc dụng là 2,80 ha.

(Chi tiết kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được thể hiện trong Phụ lục số 10 kèm theo)

2. Đánh giá chung

Như vậy, tổng số lượng dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Dự án, công trình cần thu hồi đất là 1.071 dự án, với diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 468 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,02 ha.

+ Đang thực hiện là 240 dự án với diện tích thu hồi 4.108,09 ha (đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha; đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập các thủ tục thu hồi đất là 110 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.390,07 ha).

+ Dự án chưa triển khai thực hiện là 363 dự án với diện tích là 1.037,12 ha, chiếm 14,70% về diện tích và 33,89% về số lượng dự án.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 175 dự án, sử dụng đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 47 dự án với diện tích là 61,01 ha.

+ Đang triển khai thực hiện là 67 dự án với diện tích đất trồng lúa 106,84 ha (đã có quyết định thu hồi đất 39 dự án với diện tích 66,88 ha, có thông báo thu hồi đất là 19 dự án với diện tích là 24,44 ha, có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập thủ tục đất đai 09 dự án với diện tích 15,52 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 61 dự án với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha.

- Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng là 09 dự án (sử dụng đất rừng phòng hộ là 08 dự án/12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng 01 dự án/2,8 ha). Trong đó:

+ Đã thực hiện là 02 dự án với diện tích là 7,8 ha.

+ Đang thực hiện là 06 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 5,044 ha (đã có quyết định thu hồi đất 3 dự án với diện tích 3,314 ha, có thông báo

thu hồi đất là 02 dự án với diện tích 1,68 ha; đã có chủ trương đang thực hiện các thủ tục đất đai khác là 01 dự án với diện tích 0,05 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích 2,80 ha.

- Các dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

- Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

3. Ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai năm 2013: *“Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất”*.

- Căn cứ khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

“Đối với diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để sử dụng vào mục đích khác nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật đất đai và không phải làm lại thủ tục xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua

theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật đất đai nếu tiếp tục thực hiện dự án”.

Từ căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

VI. Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm 2019 tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện dự án. Qua rà soát, tổng hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2019 tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

VI.1. Các dự án cần thu hồi đất năm 2019

Tổng số dự án cần thu hồi đất trong năm 2019 là 170 dự án với tổng diện tích là 2.659,71 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha, cụ thể:

1. Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 164 dự án với tổng diện tích là 2.447,65 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.218,64 ha, cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 40 dự án/173,77 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 167,01 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô

thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 69 dự án/645,77 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 524,70 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 13 dự án/49,81 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 45,05 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 42 dự án/1.578,31 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.481,88ha.

2. Thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là 06 dự án/212,06 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 11,99 ha.

Các dự án cần thu hồi đất năm 2019 phân theo đơn vị hành chính như sau:

Bảng 5. Số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	52	244,22
2	Cẩm Mỹ	8	8,92
3	Định Quán	10	43,27
4	Long Khánh	5	1,50
5	Long Thành	24	1.224,59
6	Nhơn Trạch	10	270,61
7	Tân Phú	18	27,42
8	Thống Nhất	5	16,53
9	Trảng Bom	8	80,75
10	Vĩnh Cửu	18	50,012
11	Xuân Lộc	11	259,38
	Liên huyện	1	3,43
Tổng		170	2.230,632

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 11 kèm theo)

3. Đối với 09 dự án với tổng diện tích là 16,88 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 8,28 ha, đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thỏa thuận địa điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

VI.2. Các dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Tổng số dự án điều chỉnh vị trí thực hiện là 24 dự án với tổng diện tích 293,23 ha, trong đó có: 01 dự án đất di tích, 06 dự án đất giáo dục, 03 dự án đất giao thông, 02 dự án đất năng lượng, 02 dự án đất xử lý rác thải, 04 dự án đất văn hóa - sinh hoạt cộng đồng, 04 dự án đất thủy lợi và 02 dự án đất ở.

Bảng 6. Số lượng dự án, công trình cần điều chỉnh quy mô, vị trí năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)
1	Biên Hòa	2	53,86
2	Cẩm Mỹ	2	4,54
3	Định Quán	5	24,79
4	Long Khánh	1	0,51
5	Nhơn Trạch	1	7,06
6	Tân Phú	4	1,73
7	Thống Nhất	4	3,57
8	Vĩnh Cửu	2	0,28
9	Xuân Lộc	1	0,08
10	Liên huyện	2	196,81
Tổng		24	293,23

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 12 kèm theo)

VI.3. Các trường hợp có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019.

1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 là 82 dự án với tổng diện tích đất trồng lúa 101,31 ha, đất rừng phòng hộ 21,21 ha, đất rừng đặc dụng 7,66 ha, cụ thể như sau:

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa là 78 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 95,16 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng phòng hộ là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,47 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng đặc dụng là 7,66 ha.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ: 2 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 6,15 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 19,74 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

Đối với 07 dự án sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích là 12,71 ha, trong đó diện tích đất lúa là 4,01 ha, đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thỏa thuận địa điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

2. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2019.

- Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 126 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 7,0 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 15 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 10 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 16 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 15 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 9 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 22 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 15 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm là 7 ha, trong đó:

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 3 ha.

+ Tại các xã của huyện Xuân Lộc: 4 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 21 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 2 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 3 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 2 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 94 ha, trong đó:

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 12 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 15 ha.

+ Tại các xã của thị xã Long Khánh: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Thống Nhất: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 11 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 26 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 65 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 8 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 3 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 5 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 13 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 9 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 10 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 25 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 5 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 2 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 5 ha.

VII. Tổ chức thực hiện

Sau khi danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện, trong đó cập nhật đầy đủ danh mục dự án thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cùng các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cũng như giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp chặt chẽ với Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án thuộc trường hợp thu hồi đất, các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua từ năm 2015, 2016 mà đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, CNN, KT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Cầu Đồng Nai mới và tuyến 2 đầu cầu từ ngã 3 Tân Vạn đến điểm cuối tuyến QL1 tránh TPBH	Biên Hòa	An Bình; Long Bình Tân	0,29
2	Đình Bình Long - Miếu Bà Ngũ Hành	Biên Hòa	Bửu Hòa	0,06
3	Xây dựng Tòa án thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	0,40
4	Nút giao thông ngã tư Amata và Tam Hiệp	Biên Hòa	Các phường	0,03
5	Khu dân cư số 32 (Cty CP Kinh doanh nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,87
6	Trạm bơm kết hợp quan trắc tự động	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01
7	Xây dựng trụ sở Đội nghiệp vụ số 2 Cục Hải quan	Biên Hòa	Tam Phước	0,39
8	Mở rộng chợ Sắt	Biên Hòa	Tân Biên	0,08
9	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Hiệp	4,64
10	Đường Lê A (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,07
11	Đường vào trạm bơm số 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
12	Trường THCS Trảng Dài 2	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80
13	Khối đoàn thể phường Trung Dũng (vị trí Quỹ Tín dụng phường)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,01
14	Chống ngập úng tại ngã 5 Biên Hùng	Biên Hòa	Trung Dũng, Thanh Bình	0,68
15	Trạm bơm nước Hồ Sông Ray	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,11
16	Giáo xứ Gia Vinh	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	2,00
17	Giáo xứ Thiên Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	1,55
18	Giáo xứ Suối Cà	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,31
19	Trường MN Sơn Ca điểm chính (mở rộng)	Định Quán	Gia Canh	0,34
20	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05
21	Nhà văn hóa ấp Hòa Hiệp	Định Quán	Ngọc Định	0,03
22	Trụ sở Công an xã	Định Quán	Suối Nho	0,23
23	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Định Quán	Thanh Sơn	0,17
24	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Định Quán	Thanh Sơn	0,28
25	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Thanh Sơn	0,21
26	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Định Quán	Thanh Sơn	0,54
27	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,20
28	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,20
29	Trụ sở kho bạc	Định Quán	TT.Định Quán	0,13
30	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,47
31	Đường Cách Mạng Tháng 8	Định Quán	TT.Định Quán	2,14
32	Đường Lương Thế Vinh	Định Quán	TT.Định Quán	0,40
33	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20
34	Mở rộng Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,45
35	Đường Ruộng đồng - Ruộng tràm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,31
36	Trường Mầm non Tuổi Thơ (phân hiệu ấp 4 xã Bình Lộc)	Long Khánh	Bình Lộc	0,12
37	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	Long Khánh	Phú Bình	0,20
38	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 24 ấp Suối Tre)	Long Khánh	Suối tre	0,83
39	Đường số 4 (Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,06
40	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và đấu nối	Long Khánh	Suối Tre, Xuân Trung	0,68
41	Khu văn hóa - TDTT (tại khu đất thuộc bệnh viện đa khoa Long Khánh cũ)	Long Khánh	Xuân An	1,62

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
42	Trụ sở BCHQS phường Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,01
43	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 8, khu Suối Hôn, xã Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	1,40
44	Trường Mẫu giáo Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,29
45	Đường nội đồng tổ 2	Long Khánh	Xuân Tân	0,70
46	Đường số 3 nối dài đi Phú Bình	Long Khánh	Xuân Tân	1,24
47	Giáo xứ Minh Long	Long Thành	Bình An	0,40
48	Cống thoát nước khu dân cư D2D	Long Thành	Lộc An	0,18
49	Viện Chuyên Tu	Long Thành	Lộc An	0,91
50	Khu dân cư (công ty Vi như)	Long Thành	Lộc An	1,65
51	Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm	Long Thành	Phước Thái	0,03
52	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,70
53	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	0,43
54	Khu dân cư đô thị	Nhơn Trạch	Phước Thiện	12,66
55	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,30
56	Nhà văn hóa ấp Phú Hợp A, Phú Hợp B	Tân Phú	Phú Bình	0,03
57	Trường MN Phú Lộc (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lộc	0,65
58	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
59	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 1)	Tân Phú	Phú Lộc	0,05
60	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,31
61	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 4	Tân Phú	Phú Sơn	0,04
62	Trường TH dân tộc Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	1,11
63	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,08
64	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Tà Lài	0,09
65	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Tà Lài	0,06
66	Trường TH Lê Văn Tám cơ sở 1 (mở rộng)	Tân Phú	Trà Cỏ	0,88
67	Đường vào khu công nghiệp (đoạn từ ranh khu TMDV 55 ha đến ranh khu công nghiệp)	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,50
68	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,04
69	Trung tâm Mục vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	13,63
70	Nâng cấp đường số 10, ấp 4, xã An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,30
71	Đường cây Da ấp Tân Hoa - Tân Hợp (Nâng cấp, mở rộng đường từ đường 19/5 đến chùa Pháp Bảo)	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,84
72	Nâng cấp mở rộng đường nối đường Hưng long- Lộ 25 với đường Đông Hòa 07km (đường dốc Độc)	Trảng Bom	Đông Hòa	0,25
73	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Trảng Bom	Đông Hòa	0,04
74	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Quảng Đà	Trảng Bom	Đông Hòa	0,07
75	Trường TH Trần Phú	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,70
76	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	2,40
77	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	28,60
78	Đường liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa	2,20
79	Mở rộng nâng cấp đường từ đường lô 42 đến Trường An	Trảng Bom	Thanh Bình	2,20
80	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	2,00
81	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10
82	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
83	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
84	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,30
85	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,12
86	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,20
87	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,06
88	Giáo xứ Hiệp Lực (phần hoán đổi đất trường học)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,06
89	Đường vào cơ sở cai nghiện	Xuân Lộc	Suối Cao	1,20
90	Kênh mương ấp 1, ấp 3 Xuân Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,13

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Khu dân cư, tái định cư số 15 (TĐC cho đường Bửu Hòa Tân Vạn)	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,60
2	Đường dây 110 kV; 220 kV đấu nối vào Trạm biến áp 500 kV Tân Uyên	Biên Hòa	Bửu Hòa; Hóa An; Tân Hạnh	1,60
3	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thi Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,53
4	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,46
5	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,49
6	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	0,18
7	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,52
8	Trụ sở Tỉnh đoàn Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
9	Mở rộng khách sạn Hòa Bình	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
10	Trường TH Tân Hiệp (mới)	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,48
11	Trụ RMU và Trạm Compact Tam Hiệp	Biên Hòa	Tân Mai	0,00
12	Trường TH Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,83
13	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,59
14	Trung tâm dịch vụ hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90
15	Trường MN công lập (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,55
16	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,73
17	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	0,84
18	Khu dân cư số 86 (Cty Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80
19	Hồ Sông Ray (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Sông Ray, Lâm San	4,73
20	Công trình khoan quan trắc động thái nước dưới đất	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,01
21	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28
22	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32
23	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	4,43
24	Trung tâm VH-TT, HTCĐ xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,50
25	Trường MN Hướng Dương ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,50
26	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03
27	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,10
28	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT.Định Quán	1,00
29	Khu gia đình chiến sỹ quân khu 7	Long Khánh	Bảo Vinh	4,64
30	Kiên cố hạ lưu Suối Cài (chống ngập úng khu vực Suối Cài)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08
31	Nâng cấp hệ thống thoát nước và via hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05
32	Công viên nghĩa trang Long Đức	Long Thành	Long Đức	58,00
33	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Jico	Long Thành	Long Đức	9,75
34	Dự án Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phú Hữu, Đại Phước	69,20
35	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Bàu Mây	Tân Phú	Phú Thanh	0,06

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
36	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Thọ Lâm 1 (điểm 2)	Tân Phú	Phú Thanh	0,08
37	Cầu Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	0,20
38	Trường MN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,64
39	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
40	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
41	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
42	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,50
43	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	5,00
44	Khu dân cư tái định cư	Thống Nhất	Lộ 25	25,00
45	Khu đất công ty Phú Việt Tín	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,85
46	Trường MN An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,05
47	Trường MN Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,25
48	Mở rộng trường TH Nguyễn Khuyến	Trảng Bom	Trung Hòa	0,25
49	Trụ sở công an Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,20
50	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	Vĩnh Cửu	Phú Lý	12,16
51	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	27,35
52	Tịnh thất Tự Đức	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,99
53	Nhà công vụ giáo viên tại Xuân Định	Xuân Lộc	Xuân Định	0,50
54	Trụ sở UBND xã Suối Cát (mở rộng)	Xuân Lộc	Suối Cát	0,08
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	2,70
56	Mở rộng nút giao thông giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 1 (trước bưu điện huyện)	Xuân Lộc	TT Gia Ray, Xuân Hiệp	2,83
57	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (Đoạn từ QL.1A đến đường Song hành)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,20
58	Trường TH Trần Hưng Đạo (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,20

**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT**

(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết
số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Trụ sở kiểm toán nhà nước khu vực XIII	Biên Hòa	An Bình	0,63
2	Khu dân cư số 13 (Cty cổ phần An Bình)	Biên Hòa	An Bình	3,02
3	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	28,60
4	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35
5	Trường TH Long Bình Tân 2	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,18
6	Trạm BA 220 kV Tam Phước	Biên Hòa	Phước Tân	4,30
7	Đoạn kết nối hạ tầng giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2 khu công nghiệp Hồ Nai	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình	0,45
8	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87
9	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,90
10	Mở rộng trụ sở UBMTTQ tỉnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,07
11	Đường dây 110 kV 4 mạch từ TC 110 kV trạm 220 kV Tam Phước đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Bình - Long Thành	Biên Hòa	Tam Phước	0,07
12	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,13
13	Ủy ban Đoàn kết công giáo tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Tân Biên	0,10
14	Khu tái định cư số 51 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Biên	1,73
15	Trường MN Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82
16	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp	Biên Hòa	Tân Hiệp	2,88
17	Khu dân cư số 58	Biên Hòa	Tân Hòa	2,85
18	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4	Biên Hòa	Tân Tiến	0,04
19	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78
20	Bệnh viện da liễu Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,71
21	Trường TH Trảng Dài (Kp4)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,27
22	Khu dân cư số 83	Biên Hòa	Trảng Dài	4,50
23	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25
24	Đường Rừng Tre - La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,80
25	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	33,38
26	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 3	Định Quán	Gia Canh	0,05
27	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 9	Định Quán	Gia Canh	0,05
28	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	La Ngà	0,05
29	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Ngọc Định	0,05
30	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Cường	0,05
31	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Hòa	0,60
32	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Lợi	0,05
33	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Ngọc	0,05
34	Chợ Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20
35	Nhà văn hóa ấp 4	Định Quán	Phú Vinh	0,05
36	Trường MN Sen Hồng	Định Quán	Suối Nho	0,33
37	Trường TH Suối Nho (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	0,30
38	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
39	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,05
40	Di tích danh thắng đá Ba Chồng	Định Quán	TT.Định Quán	9,75
41	Trụ sở phòng giáo dục (xây mới)	Định Quán	TT.Định Quán	0,22
42	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT.Định Quán	1,10
43	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	19,83
44	Đường 11B	Định Quán	Túc Trưng	0,07
45	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt (mở rộng)	Định Quán	Túc Trưng	7,00
46	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,10
47	Đường Ngô Quyền (Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Thành Thái)	Long Khánh	Bảo Vinh	2,75
48	Hộ đạo Long Khánh (CĐTN)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,08
49	Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,04
50	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng)	Long Khánh	Bình Lộc	2,79
51	Ban chỉ huy quân sự xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
52	Trụ sở công an xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
53	Trường Mầm non Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,89
54	Đường song hành 21/4, đoạn qua khu phân lô tại ấp Núi Tung, xã Suối Tre	Long Khánh	Suối Tre	1,80
55	Mở rộng Trường PTTH Trần Phú	Long Khánh	Suối Tre	0,62
56	Đường QL1 - Xuân Lập (Đoạn từ đường 21/4 đến đường số 4 xã Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,97
57	Khu cây xanh dọc Suối Rét	Long Khánh	Xuân An; Xuân Hòa; Phú Bình	25,82
58	Trung tâm thương mại và dân cư Long Khánh	Long Khánh	Xuân Bình	0,50
59	Hồ chứa nước dự phòng	Long Khánh	Xuân Bình	0,05
60	Đường Lý Thái Tổ (Đoạn mở mới theo quy hoạch)	Long Khánh	Xuân Hòa	1,97
61	Mở rộng trường MN 19/5 (Trường Mẫu giáo Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	2,20
62	Mỏ Puzolan Núi Nứa	Long Khánh	Xuân Lập	80,00
63	Nhà văn hoá ấp Nông Doanh	Long Khánh	Xuân Tân	0,05
64	Đường Phạm Lạc (D9-X.Thanh)	Long Khánh	Xuân Thanh	0,34
65	Khu dân cư (Công ty Thái Thành Tài)	Long Thành	An Phước	9,00
66	Lộ ra 110KV trạm 220 KV An Phước	Long Thành	An Phước	0,15
67	Khu đất đầu tư BT (khu hầm đá, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	An Phước	6,60
68	Khu đất đầu tư BT (xí nghiệp nước đá cũ, dự án trường TH Tập Phước)	Long Thành	An Phước	0,87
69	Khu dân cư theo quy hoạch (đầu giá)	Long Thành	An Phước, Long Đức	94,00
70	Nghĩa trang Bình An (mở rộng - đầu giá)	Long Thành	Bình An	50,00
71	Trụ sở công an xã Bình An	Long Thành	Bình An	0,20
72	Hồ Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	86,60
73	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	284,00
74	Khu dân cư đô thị mới Bình Sơn (thu hồi thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất)	Long Thành	Bình Sơn, Lộc An	555,23
75	Khu dân cư (Công ty Ngân Hà)	Long Thành	Lộc An	3,80
76	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
77	Tuyến thoát nước ngoài hàng rào KCN Lộc An- Bình Sơn	Long Thành	Long An	0,30
78	Khu tái định cư Long An	Long Thành	Long An	2,35
79	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Bưng Môn)	Long Thành	Long An	11,80
80	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư dọc trục 25B, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Long An	60,00
81	Khu tái định cư Long Đức	Long Thành	Long Đức	14,00
82	Khu đất đầu tư BT(khu TĐC Long Đức, dự án đường vào KCN Long Đức GD2)	Long Thành	Long Đức	25,00
83	Tuyến cấp nước D1200 (giai đoạn 2, đoạn từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Long Thành	Long Phước	2,64
84	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	3,50
85	Trường Mầm non Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,66
86	Khu dân cư (công ty TNHH Phích nước Hoàng Long)	Long Thành	Long Phước	2,40
87	Khu dân cư (Công ty Vi Như)	Long Thành	Phước Bình	2,78
88	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư Tân Hiệp, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Tân Hiệp	30,00
89	Trạm y tế thị trấn Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10
90	Đường Trần Phú	Long Thành	TT.Long Thành	9,20
91	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT.Long Thành	0,19
92	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT.Long Thành	3,40
93	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Trần Phú)	Long Thành	TT.Long Thành	33,85
94	Khu đất đầu tư BT(khu đất huyện đội cũ, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	TT.Long Thành	0,75
95	Khu đô thị du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,00
96	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Nhơn Trạch	Long Tân	4,06
97	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Nhơn Trạch	Long Tân	88,41
98	Khu dân cư Long Tân (Khang Việt Hưng)	Nhơn Trạch	Long Tân	46,52
99	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Nhơn Trạch	Long Tân	34,19
100	Tuyến ống cấp nước từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Nhơn Trạch	Long Thọ	2,00
101	Cảng tổng hợp Phú Hữu	Nhơn Trạch	Phú Hữu	40,59
102	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,31
103	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40
104	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế dự phòng huyện)	Nhơn Trạch	Phước An	5,00
105	KDC Phước An (1) - (Công ty cổ phần Căn Nhà Mơ Ước)	Nhơn Trạch	Phước An	45,86
106	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Nhơn Trạch	Phước An	2,12
107	Khu dân cư Phước An 6 (Bảo Giang)	Nhơn Trạch	Phước An	70,00
108	Bờ kè sông Vàm Muông- Lòng Tàu	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,40
109	Trường THPT Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	2,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
110	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Nhơn Trạch	Phước Thiện	2,00
111	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	8,20
112	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Nhơn Trạch	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
113	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	46,09
114	Nhà ở công nhân lao động tại khu công nghiệp	Tân Phú	Phú Lộc	1,00
115	Nhà văn hóa ấp Phú Lâm 5 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	0,04
116	Trường MN ấp 7 Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,56
117	Trường MN Tà Lài (ấp 1)	Tân Phú	Tà Lài	0,69
118	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	0,07
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,03
120	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	0,10
121	Kho bạc Nhà nước huyện Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,20
122	Trụ sở tòa án nhân dân huyện	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,37
123	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20
124	Đường từ QL 20 vào Trung tâm Mực vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,98
125	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	3,20
126	Trụ sở BCHQS xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,08
127	Trường Mẫu Giáo Hoa Lan	Trảng Bom	Sông Trầu	0,13
128	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Sông Trầu	97,99
129	Trường MN Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,00
130	Trạm y tế xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,26
131	Trường Tiểu học Bàu Phụng	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,24
132	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,18
133	Tỉnh lộ 761 nối dài (đoạn từ ngã ba Mũi Dùi đến hết khu dân cư ấp 2, xã Phú Lý)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	2,00
134	Chợ Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,00
135	Đường Bùng Binh	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,00
136	Bến thủy nội địa tại xã Thiện Tân (DNTN Bích Liên)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,21
137	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú-Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,48
138	Trụ sở công an Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	0,16
139	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Trị An	0,05
140	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	50,00
141	Khu thể thao kết hợp công viên huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,47
142	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,05
143	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,13
144	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Xuân Phú, Suối Cát	1,01
145	Đền thờ Liệt sỹ huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	TT Gia Ray	2,13
146	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Mình, Xuân Tâm	11,50
147	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15
148	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12

PHỤ LỤC 04: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018).

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	An Bình	0,02
2	Đường Bùi Văn Hòa	Biên Hòa	An Bình, Long Bình, Long Bình Tân, Bình Đa	15,59
3	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ P.Tân Mai đến giáp KCN Biên Hòa I)	Biên Hòa	An Bình, Tân Mai, Tam Hiệp	0,84
4	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	64,79
5	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17
6	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20
7	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66
8	Khu dân cư tạo vốn số 4 (phục vụ đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	25,00
9	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29
10	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	80,00
11	Bia tường niệm kết hợp công viên văn hóa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,14
12	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD46)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,01
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhị Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,06
14	Văn phòng ấp Nhất Hòa 2	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,12
15	Dự án tuyến thoát nước khu phố 13	Biên Hòa	Hố Nai	0,02
16	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-9A, NB-9B)	Biên Hòa	Long Bình	0,02
17	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-10)	Biên Hòa	Long Bình	0,01
18	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD40)	Biên Hòa	Long Bình	0,01
19	Đường vào trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	0,16
20	Chùa Trúc Lâm Viên Nghiêm	Biên Hòa	Long Bình	0,21
21	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP2A	Biên Hòa	Long Bình	0,03
22	Lắp dựng cầu ghềnh cũ	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,10
23	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,01
24	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
25	Niem Phật Đường Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	0,40
26	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD36)	Biên Hòa	Phước Tân	0,01
27	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70
28	Trạm thu phí và Nhà điều hành trên đường vận chuyển khoáng sản	Biên Hòa	Phước Tân	1,16
29	Trường MN Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,76
30	Chỉnh trang vỉa hè đường Phạm Văn Thuận	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01
31	Đường song hành xa lộ Hà Nội	Biên Hòa	Tam Hòa, Tân Hiệp, An Bình, Bình Đa	10,63
32	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-12A, NB-12B)	Biên Hòa	Tam Phước	0,00
33	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD29)	Biên Hòa	Tam Phước	0,01

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
34	Đường dẫn nối từ ấp Long Đức 3 đến đường Phùng Hưng (đoạn từ công ty CP Tổ hợp SaDo ra đường Phùng Hưng)	Biên Hòa	Tam Phước	1,36
35	Trạm viễn thông	Biên Hòa	Tam Phước	0,04
36	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	0,02
37	Trung tâm VH-TT phường Tân Biên (Khu vui chơi giải trí kết hợp sân bãi tập luyện TDTT - hồ bơi trẻ em)	Biên Hòa	Tân Biên	0,38
38	Dự án thoát nước và xử lý nước thải - nhánh suối Săn Máu	Biên Hòa	Tân Biên, Tân Hòa, Hồ Nai	8,00
39	Khu dân cư Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,40
40	Họ đạo Cao Đài Tân Hạnh (CBTN)	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,37
41	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,05
42	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hồ Nai	2,75
43	Đường Trương Quyền	Biên Hòa	Tân Mai	0,33
44	Nhà ở tái định cư số 60 (phục vụ mở rộng Giáo xứ Tân Lộc)	Biên Hòa	Tân Mai	0,09
45	Giáo xứ Tân Lộc	Biên Hòa	Tân Mai	0,07
46	Trường Mẫu giáo Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,55
47	Khu đất tạo vốn số 12 (phục vụ dự án xây dựng đường liên phường Trảng Dài - Tân Hiệp)	Biên Hòa	Tân Phong	26,00
48	Văn phòng khu phố 3	Biên Hòa	Tân Tiến	0,01
49	Trung tâm học tập cộng đồng phường Thanh Bình	Biên Hòa	Thanh Bình	0,12
50	Trạm biến áp	Biên Hòa	Thống Nhất	0,50
51	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60
52	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-6A; NB-6B)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,00
53	Văn phòng khu phố 3A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
54	Văn phòng khu phố 2A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
55	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4B	Biên Hòa	Trảng Dài	0,02
56	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
57	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
58	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Trảng Dài	0,05
59	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp khu phố 4C	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
60	Khu dân cư số 85 (Cty Nhị Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	4,70
61	Khu dân cư số 87 (cty Thánh Phong)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,60
62	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Các huyện	Tam Phước, An Viễn, Bình An, Long Đức	49,70
63	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,80
64	Tịnh xá Ngọc Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,47
65	Nghĩa địa ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,30
66	Đường xã hội hóa giao thông nông thôn (20 tuyến)	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00
67	Trạm nước sạch làng dân tộc ấp 4	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,01
68	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,01
69	Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,77
70	Đình làng 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10
71	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,30
72	Chi hội Tin lành Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20
73	Giáo xứ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
74	Giáo xứ Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,68
75	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	1,93
76	Chùa Huyền Quang	Định Quán	La Ngà	0,31
77	Chùa Phước Lộc	Định Quán	Ngọc Định	1,14
78	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Điền	Định Quán	Phú Hòa	0,20
79	Chi hội Tin Lành Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	0,10
80	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	7,22
81	Thiền viện Trúc Lâm Chân pháp (mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh	0,62
82	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15
83	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	0,05
84	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40
85	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 2)	Định Quán	Thanh Sơn	0,54
86	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10
87	Hồ Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	86,50
88	Giáo xứ Xuân Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	0,47
89	Trung tâm VH-TT, HTCD TT.Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
90	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT.Định Quán	0,15
91	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	TT.Định Quán	0,52
92	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán Gia Canh	0,78
93	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Túc Trung	Định Quán	Túc Trung	0,15
94	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	0,06
95	Chùa Bảo Sơn (cơ sở bảo trợ xã hội)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,24
96	Đường vào trường Bình Minh	Long Khánh	Xuân Bình	0,06
97	Tĩnh thất Từ Lâm	Long Khánh	Xuân Bình	0,10
98	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thanh	0,02
99	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Nhon Trạch	Long Tân	0,05
100	Bến xe Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	0,20
101	Giáo xứ Đắc Lua (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	0,98
102	Cầu Đạ-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,15
103	Đường vào cầu Đạ-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,12
104	Giáo xứ Tiên Lâm (GX. Xuân Lâm)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,32
105	Trạm BA 110 kV Núi Tượng	Tân Phú	Núi Tượng	0,40
106	Mở rộng trường tiểu học Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,19
107	Chợ Phú Lập (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	0,11
108	Chùa Bửu Thiên	Tân Phú	Phú Lộc	0,66
109	Nghĩa trang xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	1,77
110	Giáo xứ Giang Lâm	Tân Phú	Phú Thanh	0,40
111	Giáo xứ Hòa Lâm	Tân Phú	Phú Trung	1,43
112	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00
113	Chùa Pháp Trụ	Tân Phú	Phú Xuân	0,28
114	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	2,14
115	Giáo xứ Tà Lài (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,17
116	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,10
117	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,02
118	Huyện Ủy	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,55
119	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xả số 6 khu công nghiệp Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
120	Hồ chứa nước Gia Đức	Thống Nhất	Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh	45,00
121	Điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,01
122	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,05
123	Trường MG Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,10
124	Trường Mẫu giáo xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,30
125	Trường mầm non Quang Trung B	Thống Nhất	Quang Trung	0,14
126	Khu dân cư Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	69,00
127	Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối ĐT769	Thống Nhất	Xuân Thạnh	5,30
128	Niệm phật đường Quan Thế Âm	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,34
129	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Thống Nhất	Xuân Thiện	8,30
130	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Trảng Bom	Bình Minh	0,07
131	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55
132	Chợ Đồi 61	Trảng Bom	Đồi 61	0,49
133	Trường Mẫu giáo Sao Mai	Trảng Bom	Đông Hòa	0,32
134	Trường Mẫu giáo Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,30
135	Trụ sở công an xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,14
136	Điều chỉnh vị trí trường mầm non Bình Minh và đường vào	Trảng Bom	Hố nai 3	0,50
137	Khu dân cư (công ty Tân Đông Dương)	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,48
138	Trung tâm dịch vụ và khu nhà ở công nhân phục vụ KCN Sông Mây, Hố Nai	Trảng Bom	Hố Nai 3	72,00
139	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03
140	Miếu Thần Hoàng	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06
141	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	0,50
142	Tu xá thánh Phanxico	Trảng Bom	Thanh Bình	0,34
143	Đường nội bộ khu tái định cư	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,46
144	Đường Lê Hồng Phong	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,78
145	trường tiểu học Nam Cao và đường vào	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83
146	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,65
147	Khu dân cư Lê Hương Sơn	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	7,00
148	Khu dân cư Công ty KTXDCB cao su khu 2	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,76
149	Quỹ đất tạo vốn đầu tư dự án Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn; đường Nguyễn Tri Phương và đường Nguyễn Trãi, theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,50
150	Trụ sở công an Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,20
151	Nhà máy cấp nước Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,16
152	Trường THCS Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,20
153	Nhà máy cấp nước Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,37
154	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,10
155	Giáo xứ Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,43
156	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,06
157	Trụ sở và nhà khách Khu bảo tồn Thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	7,10

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
158	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	25,13
159	Trường MN Phú Lý (tách trường)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,00
160	Trụ sở công an Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,30
161	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,62
162	Nhà máy cấp nước Tân Bình	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
163	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,14
164	Khu dân cư (Công ty CP Tín Khai)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	51,45
165	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Tân Bình	38,77
166	Cầu Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Trị An, Hiếu Liêm	1,00
167	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,08
168	Sân bóng đá huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,90
169	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,28
170	Giáo xứ Xuân Bình	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,15
171	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hòa	96,70
172	Trạm y tế xã Lang Minh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,08
173	Chùa Phóng Sanh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,40
174	Giáo xứ Chà Rang	Xuân Lộc	Suối Cao	1,17
175	Trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Suối Cát	0,46
176	Hội thánh Cao đài Tây Ninh	Xuân Lộc	Suối Cát	0,28
177	Trường TH Bán trú	Xuân Lộc	TT Gia Ray	1,20
178	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00
179	Giáo xứ Xuân Tôn	Xuân Lộc	Xuân Bắc	1,31
180	Chi hội Hưng Xuân Tự	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,12
181	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45
182	Giáo xứ Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,68
183	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,51
184	Giáo xứ Thọ Hòa	Xuân Lộc	Xuân Thọ	2,04
185	Giáo xứ Gia Ray	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,53

**PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG**

(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết
số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
A. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN							
1	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	2,90	0,27		
2	Văn phòng làm việc công ty IDICO	Long Thành	Long An	0,11	0,11		
3	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	2,40	0,09		
4	Đường-liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Trung Hòa	4,20	0,09		
5	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	4,26	0,32		
B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT							
6	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Các xã	272,96	3,75		
7	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	28,60	5,30		
8	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45		
9	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03		0,03	
10	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,20	0,01		
11	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,31		0,12	
C. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT							
12	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thị Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	7,86	0,29		
13	Gia cổ bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,86	0,10		
14	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,52	0,06		
15	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90	0,16		
16	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,50	1,05		
17	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32	0,30		
18	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	5,00	2,28		
19	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	0,81		
20	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,50	0,47		
21	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	5,00	1,20		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
22	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	27,35	9,00		
D. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH							
23	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,16	0,35		
24	Khu dân cư Long Bình Tân (Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	3,83	0,56		
25	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	2,05	0,48		
26	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87	0,03		
27	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	19,99	0,35		
28	Trường MN Tân Hạnh 2	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82	0,35		
29	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78	1,50		
30	Nhà ở cao tầng kết hợp TMDV số 46 (Cty Văn Tiến Nghĩa)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,28	0,02		
31	Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sôi	Định Quán	Gia Canh	14,00	1,96	8,07	
32	Làng nghề mây tre đan Gia Canh (sản xuất hàng mây, tre đan và sản phẩm đan lát, tết bện thủ công)	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03		
33	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	47,04	0,89	1,67	0,49
34	Mở rộng, đánh giá trữ lượng, diện tích mỏ đá Gia Canh 1 của Cty Mai Phong (Gia Canh - ĐQ.Đ2-3)	Định Quán	Gia Canh	0,80		0,31	
35	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT. Định Quán	1,10	0,93		
36	Di tích danh thắng đá Ba Chồng	Định Quán	TT. Định Quán	9,80	0,02		
37	Văn phòng làm việc công ty Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,95	0,95		
38	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69	3,69		
39	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	6,50	1,00		
40	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT. Long Thành	0,19	0,19		
41	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT. Long Thành	3,40	3,40		
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,03	0,02		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
43	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20	4,80		
44	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,48	0,05		
45	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	48,80	1,30		
46	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	11,50	2,51		
47	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15	0,34		
48	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,59	0,52		
49	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12	0,09		
E. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA THỰC HIỆN							
50	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	64,79	2,22		
51	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17	0,94		
52	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,74		
53	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	1,00		
54	Khu dân cư số 95 (Cty Thiên Lộc)	Biên Hòa	Bửu Long, Quang Vinh, Tân Phong	9,53	1,62		
55	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29	2,75		
56	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	80,00	1,85		
57	Khu dân cư số 106	Biên Hòa	Hóa An	4,92	0,58		
58	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70	0,03		
59	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60	0,80		
60	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15	0,12		
61	Trường MN Tuổi Thơ điểm áp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40	0,04		
62	Trung tâm VH-TT, HTCD TT.Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,10	0,10		
63	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT. Định Quán	1,32	0,16		
64	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán; Gia Canh	3,55	0,06		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
65	Cơ sở Điều khắc Thiên Kỳ	Long Thành	Long Phước	0,35	0,35		
66	Chùa Linh Phú	Tân Phú	Phú Sơn	1,43		0,09	
67	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00	0,06		
68	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	2,14	1,85		
69	Trụ sở UBND xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,50	0,02		
70	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55	0,06		
71	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03	6,64		
72	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	1,24	0,03		
73	Trường tiểu học Nam Cao	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	0,83		
74	Đường Bình Lợi - Thiện Tân (Cây Cóc)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12		
75	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	26,80			13,57
76	Tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,60	0,57		
77	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hoà	96,70	6,67		
78	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00	0,41		

PHỤ LỤC 06: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

(thuộc Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích: thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19
2	Chốt dân quân thường trực KCN Biên Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	0,05
3	Trường Nguyễn Thị Sáu	Biên Hòa	An Hòa	1,00
4	Trung tâm hành chính xã An Hòa	Biên Hòa	An Hòa	0,33
5	Trung tâm Văn hóa xã	Biên Hòa	An Hòa	0,66
6	Khu dân cư Bình Đa (Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa)	Biên Hòa	Bình Đa	2,32
7	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Biên Hòa	Bửu Long	1,70
8	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92
9	Khu dân cư phục vụ tái định cư nối khu tái định cư (khu F) với Khu dân cư Đình Tân Lại (Công ty TNHH Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Long	2,60
10	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm ĐN)	Biên Hòa	Bửu Long	48,90
11	03 trạm quan trắc tự động môi trường nước	Biên Hòa	các xã	0,01
12	Mở rộng hầm chui - cầu tránh đường sắt	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,17
13	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70
14	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80
15	Xây dựng cầu An Hào	Biên Hòa	Hiệp Hoà, An Bình	10,04
16	Dự án Xử lý nhà máy nước thải tại phường Hồ Nai	Biên Hòa	Hố Nai	2,40
17	Giáo xứ Xuân Trà	Biên Hòa	Hố Nai	0,08
18	Bia tường niệm Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,17
19	Đường A11 (đường vào trường Phan Bội Châu)	Biên Hòa	Long Bình	2,94
20	Xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Cty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,99
21	Xây dựng hạ tầng, cây xanh - C.ty TNHH MTV Dầu khí Đồng Tháp	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,37
22	Xây dựng tuyến đường nối từ khu tái định cư 14,2ha phường Long Bình	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
23	Dự án tái định cư của Công ty Anh Vinh	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,80
24	Trường TH Phước Tân (trong khu TĐC đường Võ Nguyên Giáp)	Biên Hòa	Phước Tân	1,30
25	Chùa Từ Bi	Biên Hòa	Phước Tân	0,09
26	Cầu sông Buông và đường dẫn vào cầu tại ấp Miếu	Biên Hòa	Phước Tân	0,82
27	Nhà văn hóa ấp Đồng	Biên Hòa	Phước Tân	0,05
28	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty An Hưng Phát)	Biên Hòa	Phước Tân	49,79
29	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,72
30	Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13
31	Xây dựng trụ sở cơ quan Sở LĐTBXH mới	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,13
32	Trụ sở Bảo hiểm xã hội Biên Hòa	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
33	Khu dân cư lấn sông (Cty Cổ phần ĐTKT_XD Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Quyết Thắng	8,40
34	Khu dân cư - Cty Đồng Nai Long Châu	Biên Hòa	Tam Hiệp	1,10
35	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,02

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
36	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hòa	0,01
37	Trạm biến áp 110KV An Phước và hướng tuyến đường dây nối xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,70
38	Chốt dân quân thường trực KCN Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,06
39	Đường vào trạm bơm tăng áp	Biên Hòa	Tam Phước	0,03
40	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16
41	Trường THCS Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	1,48
42	Đường vào trường THCS Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,40
43	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
44	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95
45	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Biên Hòa	Tân Tiến	0,40
46	Via hè đường Lê Thánh Tôn	Biên Hòa	Thanh Bình	0,02
47	Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất (Cty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	24,08
48	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
49	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
50	Khu TM và nhà ở cao tầng (Công ty Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Thống Nhất	2,10
51	Cầu Suối Săn Máu (Cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,43
52	Cải tạo mở rộng đoạn cống thoát nước	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
53	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Trung Dũng	0,50
54	Đường huyện Sông Nhạn - Dầu Giây	Các huyện	Sông Nhạn, Bàu Hàm 2	9,97
55	Dự án chống ùn tắc giao thông trên QL1	Các huyện	Tân Hòa, Hồ Nai 3	2,05
56	Đường trung tâm ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	3,60
57	Nhà văn hoá ấp Tân Hoà	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,03
58	Nhà văn hoá ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
59	Nhà văn hoá ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
60	Nhà văn hoá ấp Tân Xuân	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
61	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông (đoạn từ Bảo Bình đi Xuân Tây)	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Tây	6,40
62	Chợ Lâm San	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,18
63	Trường MN Lâm San (ấp 5)	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,30
64	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04
65	Nhà văn hoá ấp 3	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,05
66	Nhà văn hoá ấp 6	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04
67	Đường Long Giao - Bảo Bình	Cẩm Mỹ	Long Giao, Bảo Bình	8,72
68	Dự án đường dây 110kV Ngãi Giao - Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Long Giao, Xuân Đường	0,15
69	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,02
70	Nhà văn hoá cụm ấp 1,2,3	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30
71	Nhà văn hoá cụm ấp 4,5,6	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,39
72	Nhà văn hoá cụm ấp 7,8	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,16
73	Nhà văn hoá xã Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,64
74	Mầm non Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70
75	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10
76	Đường nối Hương lộ 10 - ĐT 769	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Thừa Đức	14,87

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
77	Đường 72 xã Sông Ray	Cẩm Mỹ	Sông Ray	15,68
78	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20
79	Nhà văn hoá ấp 7	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,04
80	Đường HL10 đi ấp 8 xã Thừa Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	5,20
81	Nhà văn hoá ấp 4	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,13
82	Nhà văn hoá ấp Tân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Bào	0,03
83	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,87
84	Kiên cố hoá kênh mương đập Cù Nhí	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,64
85	ĐH Xuân Đông - Xuân Tâm (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	4,50
86	Đường TL 765 đi Cọ Dầu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,83
87	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
88	Nhà văn hóa ấp La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
89	Nhà văn hoá ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
90	Nhà văn hoá ấp Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
91	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
92	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
93	Nhà văn hoá ấp Suối Nhát	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
94	Đường TL 765 (Nâng cấp mở rộng đoạn từ KM 10 đến KM 28+300)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông, Xuân Đông	2,58
95	Chợ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,30
96	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,20
97	Nhà văn hoá ấp Suối Râm	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,04
98	Đường huyện Chốt Mỹ - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,24
99	ĐH Xuân Phú - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,00
100	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Gia Canh	0,10
101	Mở rộng trường MN Sơn Ca (điểm chính)	Định Quán	Gia Canh	0,05
102	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Định Quán	Gia Canh	0,43
103	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Gia Canh	0,07
104	Trường TH Kim Đồng Ấp 1	Định Quán	Gia Canh	1,00
105	Trụ sở Công an xã Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	0,20
106	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Gia Canh	0,04
107	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (mở rộng)	Định Quán	La Ngà	0,42
108	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2/97	Định Quán	La Ngà	0,12
109	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 1	Định Quán	La Ngà	0,03
110	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Mít Nài	Định Quán	La Ngà	0,03
111	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	La Ngà	0,05
112	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Thuận	Định Quán	Ngọc Định	0,18
113	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03
114	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dông	Định Quán	Phú Cường	0,05
115	Trụ sở công an xã Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,20
116	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10
117	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05
118	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63
119	Trường MN Phú Hoa (ấp 3)	Định Quán	Phú Lợi	1,10
120	Trường MN Phú Hoa	Định Quán	Phú Lợi	0,78
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Phú Lợi	0,03
122	Đường vào khu tái định cư ấp 3, xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	2,10
123	Trường MN Hoa Phượng	Định Quán	Phú Ngọc	0,08
124	Trường Tiểu học Phú Ngọc B (Mở rộng)	Định Quán	Phú Ngọc	0,40

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
125	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Định Quán	Phú Tân	0,19
126	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Tân	0,03
127	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Tân	0,03
128	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Phú Tân	0,18
129	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Phú Tân	0,05
130	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Định Quán	Phú Tân	0,07
131	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Định Quán	Phú Tân	0,03
132	Trạm y tế xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,01
133	Trụ sở công an xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,20
134	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Cây Xăng	Định Quán	Phú Túc	0,02
135	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Phú Túc	0,04
136	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 1	Định Quán	Phú Túc	0,24
137	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 2	Định Quán	Phú Túc	0,07
138	Nhà văn hóa ấp 2	Định Quán	Phú Vinh	0,11
139	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ba tầng	Định Quán	Phú Vinh	0,20
140	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 1	Định Quán	Phú Vinh	0,18
141	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 2	Định Quán	Phú Vinh	0,04
142	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Vinh	0,11
143	Trụ sở Công an xã Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20
144	Hệ thống cấp nước sinh hoạt ấp 5 xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,10
145	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Suối Nho	0,03
146	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18
147	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Suối Nho	0,04
148	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Suối Nho	0,08
149	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Suối Nho	0,03
150	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Định Quán	Suối Nho	0,03
151	Cầu treo Thanh Sơn và nhà điều hành	Định Quán	Thanh Sơn	0,17
152	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	21,47
153	Cấp nước nam thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
154	Nhà thi đấu đa năng của huyện	Định Quán	TT.Định Quán	2,59
155	Trụ sở công an xã Túc Trung	Định Quán	Túc Trung	0,20
156	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,16
157	Trường MN Hoa Mai (ấp Đồng Xoài)	Định Quán	Túc Trung	0,49
158	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	3,10
159	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 94	Định Quán	Túc Trung	0,50
160	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Dzui	Định Quán	Túc Trung	0,16
161	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 2	Định Quán	Túc Trung	0,12
162	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 1	Định Quán	Túc Trung	0,03
163	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 2	Định Quán	Túc Trung	0,10
164	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 3	Định Quán	Túc Trung	0,13
165	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,26
166	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồng Xoài	Định Quán	Túc Trung	0,07
167	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 1	Định Quán	Túc Trung	0,04
168	Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro	Định Quán	Túc Trung	0,51
169	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20
170	Đập Lác Chiểu	Long Khánh	Bảo Quang	0,05
171	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc (Suối Đá)	Long Khánh	Bảo Quang	9,30
172	Mương thoát lũ tổ 7 ấp 18 Gia Đình	Long Khánh	Bảo Quang	0,30
173	Đường tổ 1 Thọ An đi tổ 23 Ruộng Lớn	Long Khánh	Bảo Vinh	3,47
174	Trường Mầm non Hoa Sen (ấp Bàu Sen)	Long Khánh	Bàu Sen	0,03

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
175	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20
176	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20
177	Nhà văn hóa ấp Bàu Trâm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05
178	Nhà văn hóa ấp Bàu Sầm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05
179	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Lộc	Long Khánh	Bình Lộc	0,14
180	Hệ thống cấp nước tập trung ấp 1, xã Bình Lộc	Long Khánh	Bình Lộc	0,13
181	Đường giao thông nông thôn tổ 10 ấp Tân Phong	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
182	Mở rộng Trường tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22
183	Mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22
184	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,08
185	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,03
186	Nhà văn hóa khu phố 6	Long Khánh	Xuân An	0,03
187	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân An	0,01
188	Trường MN Xuân Bình (Bình Minh)	Long Khánh	Xuân Bình	0,24
189	Trường MN Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,20
190	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (XD tuyến đường nối từ CMT8 sang NTM Khai)	Long Khánh	Xuân Hòa	3,04
191	Trụ sở Liên đoàn Lao động thị xã Long Khánh	Long Khánh	Xuân Hòa	0,23
192	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Hoà	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05
193	Đường tổ 3A ấp Tân Phong đi khu 8 ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,38
194	Nâng cấp sửa chữa đập Bàu Tra	Long Khánh	Xuân Tân	0,05
195	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,02
196	Trạm y tế phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,05
197	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
198	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
199	Giếng khoan quan trắc (TD13)	Long Thành	An Phước	0,00
200	Trường TH An Phước (ấp 7)	Long Thành	An Phước	1,66
201	Nhà ở chuyên gia-Cty TNHH MTV cao ốc văn phòng Minh Thành	Long Thành	An Phước	0,30
202	Khu nhà ở công nhân (Cty TM Lộc Khang)	Long Thành	An Phước	1,50
203	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty Khánh Nam)	Long Thành	An Phước	1,18
204	Tuyến thoát nước từ ranh KCN Long Đức ra Suối Nước Trong (GĐ 2)	Long Thành	An Phước	1,86
205	Giếng khoan quan trắc (NB14A, NB14B)	Long Thành	Bàu Cạn	0,00
206	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50
207	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50
208	Nghĩa địa huyện Long Thành	Long Thành	Bình An	52,00
209	Nhà văn hóa ấp 8	Long Thành	Bình Sơn	0,10
210	Khu vực Sụt trượt dự án đường cao tốc TP.HCM-LT-Dầu Giây	Long Thành	Bình Sơn	0,86
211	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	các xã	7,82
212	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,12
213	Tuyến ống nước	Long Thành	L.An, L.Phước	1,48
214	Giếng khoan quan trắc (TD25)	Long Thành	Lộc An	0,00
215	Trường Tiểu học Lộc An (mở rộng)	Long Thành	Lộc An	0,09
216	Trụ sở công an xã Long An	Long Thành	Long An	0,20
217	Trụ sở xã đội	Long Thành	Long An	0,05
218	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20
219	Trường THCS Long Đức (trong TĐC Long Đức)	Long Thành	Long Đức	1,74
220	Đường vào trường THCS Long Đức	Long Thành	Long Đức	1,53

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
221	Dự án Nhà máy Giấy Tân Mai Miền Đông (mương thoát nước)	Long Thành	Long Phước	1,90
222	Trường MN Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,30
223	Mở rộng trường Cao đẳng nghề Lilama 2	Long Thành	Long Phước	1,50
224	Trụ sở công an xã Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,20
225	Đường ống nước và nhà máy Hồ Cầu Mới	Long Thành	Long Phước, Bàu Cạn	11,38
226	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48
227	Trường Tiểu học Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,46
228	Khu dân cư theo QH của công ty TNHH BĐS Song Phương	Long Thành	Phước Thái	4,00
229	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60
230	Xây dựng tượng đài	Long Thành	Phước Thái	0,12
231	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng	Long Thành	Phước Thái	0,50
232	Nhà văn hóa ấp Hiền Hòa	Long Thành	Phước Thái	0,05
233	Trường Tiểu học Phước Thái mở rộng	Long Thành	Phước Thái	0,46
234	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60
235	Trường Tiểu học Tam An ấp 4 (mở rộng)	Long Thành	Tam An	0,50
236	Nhà văn hóa ấp 2	Long Thành	Tam An	0,04
237	Giếng khoan quan trắc (TD10)	Long Thành	Tân Hiệp	0,00
238	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Tân Hiệp	0,03
239	Công viên nghĩa trang	Long Thành	Tân Hiệp	50,00
240	Mở rộng trường nghề (Changsin cũ)	Long Thành	TT. Long Thành	0,68
241	Phòng khám ban bảo vệ sức khỏe huyện Long Thành	Long Thành	TT. Long Thành	0,03
242	Tu xá chùa Thánh Linh	Long Thành	TT. Long Thành	0,10
243	Trường Mầm non Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	1,00
244	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,23
245	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Đại Phước	2,00
246	Chốt dân quân thường trực KCN	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,00
247	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	1,46
248	Khu dân cư theo quy hoạch duyệt	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,10
249	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	1,88
250	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	4,75
251	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	6,36
252	KDC Long Tân (7)	Nhơn Trạch	Long Tân	62,36
253	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	55,70
254	Trường Mầm non Phú Đông	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,00
255	Dự án Xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Đông	37,60
256	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,00
257	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,00
258	Đội thanh tra giao thông số 8	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,20
259	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,54
260	Khu dân cư (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	186,17

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
261	Khu Nhà ở cho người có thu nhập thấp của Công ty TNHH Địa ốc Nguyên Khang	Nhon Trạch	Phước An	2,16
262	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	10,39
263	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	70,00
264	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	50,00
265	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,09
266	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,04
267	Giáo xứ Nghĩa Yên	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,04
268	Cảng tổng hợp	Nhon Trạch	Phước Khánh	10,00
269	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhon Trạch	Phước Thiện	29,00
270	Khu dân cư xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	12,00
271	Nghĩa địa ấp 10 (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	2,73
272	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Đắc Lua	0,11
273	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5B	Tân Phú	Đắc Lua	0,05
274	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Tân Phú	Đắc Lua	0,23
275	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20
276	Trạm bơm bến thuyền	Tân Phú	Phú Bình	0,04
277	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 07 ấp	Tân Phú	Phú Bình	0,33
278	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,20
279	Cầu Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền	0,75
280	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Điền	0,05
281	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Điền	0,05
282	Trụ sở xã đội Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,10
283	Mở rộng giáo xứ Đồng Hiệp (GD1)	Tân Phú	Phú Điền	0,31
284	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
285	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
286	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
287	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,02
288	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
289	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
290	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,07
291	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
292	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,04
293	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
294	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
295	Trụ sở xã Đội Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	0,10
296	Trung tâm VH-TT xã Phú Sơn	Tân Phú	Phú Sơn	0,37
297	Trường TH Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,51
298	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	6,70
299	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06
300	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06
301	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Phú Thịnh	0,07
302	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03
303	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03
304	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 03 ấp	Tân Phú	Phú Trung	0,13
305	Hệ thống cấp nước tập trung (ấp 4)	Tân Phú	Tà lài	0,04
306	Trạm cấp nước tập trung	Tân Phú	Trà Cỏ	0,20
307	Hồ đạo cao đài	Tân Phú	Trà Cỏ	0,13

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
308	Hồ đập Cao đài Tân Phú	Tân Phú	Trà Cổ	0,13
309	Bệnh viện đa khoa huyện (mở rộng)	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,04
310	Trụ sở Chi cục thống kê	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,03
311	Chợ Phan Bội Châu	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
312	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lộ 25	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,05
313	Đường điện 500 kV TTĐL Vĩnh Tân –Rẽ Sông Mây – Tân Uyên	Thống Nhất	Các xã	1,70
314	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
315	Nhà văn hóa xã	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,24
316	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,03
317	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
318	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 1	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
319	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
320	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 3	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
321	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Bắc	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,02
322	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Dốc Mơ 2	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,06
323	Trung tâm mục vụ	Thống Nhất	Gia Tân 1	4,43
324	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Long 3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
325	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
326	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09
327	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
328	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05
329	Hệ thống thoát nước khu dân cư xóm hồ	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,04
330	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Hiệp	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,05
331	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Thống Nhất	Lộ 25	0,05
332	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	0,05
333	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 2	Thống Nhất	Quang Trung	0,07
334	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nam Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	0,01
335	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lạc Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	0,05
336	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 1	Thống Nhất	Quang Trung	0,05
337	Nghĩa địa huyện Thống Nhất	Thống Nhất	Quang Trung	39,82
338	Nhà máy tái chế Ấc quy chì tại khu xử lý chất thải Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	10,00
339	Trường TH Xuân Thạnh (khu A1)	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,04
340	Trường đại học- Công nghệ Miền đông	Thống Nhất	Xuân Thạnh	10,00
341	Khu xử lý và đài nước Công trình hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Thạnh	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,35
342	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 9 / 4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,05
343	Đường số 9 (liên ấp 2-6)	Trảng Bom	An Viễn	1,22
344	Đường liên ấp 2,3,4	Trảng Bom	An Viễn	1,80
345	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Trảng Bom	An Viễn	0,04
346	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Trảng Bom	An Viễn	0,05
347	TT. VH xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,40
348	Trường MG Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,06
349	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07
350	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30
351	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Việt	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,04
352	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Bình	Trảng Bom	Bình Minh	0,05
353	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Tiên	Trảng Bom	Cây Gáo	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
354	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Trảng Bom	Giang Điền	5,38
355	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình (mở rộng)	Trảng Bom	Giang Điền	0,01
356	Trạm biến áp 110 kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Trảng Bom	Giang Điền	0,43
357	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc liên ấp Xây dựng - Bảo vệ	Trảng Bom	Giang Điền	0,04
358	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,50
359	Đường từ Trung tâm xã Hồ Nai 3 đi 2 ấp Đông Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hồ Nai 3	1,95
360	Trung tâm VH-TT, học tập cộng đồng xã Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,50
361	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,74
362	Đường D3 xã Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,70
363	Đường nối D3 đi D4 Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,50
364	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,05
365	Trường TH Lý Thường Kiệt	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,20
366	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Long	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,08
367	Ga Trảng Bom	Trảng Bom	Quảng Tiến	0,19
368	Trường Mẫu giáo Hoàng Yến - Cơ sở 3	Trảng Bom	Sông Thao	0,40
369	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15
370	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25
371	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05
372	10 công trình giếng khoan quan trắc động thái nước dưới đất trên địa bàn huyện Trảng Bom, Long Thành	Trảng Bom	Tây Hòa	0,03
373	Đường vào khu thể thao ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,07
374	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06
375	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Trung Tâm	Trảng Bom	Thanh Bình	0,05
376	Trường tiểu học liên xã Đông - Trung Hòa	Trảng Bom	Trung Hòa	0,90
377	Công viên văn hóa Hùng Vương	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,10
378	Trụ sở hạt kiểm lâm liên huyện	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
379	Đường 30/4 (đoạn từ đường 3/2 đến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,30
380	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,30
381	Đường Lê Quang Định	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,21
382	Tuyến mương thoát nước từ KP4 đến Suối Đá	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,44
383	Trường Mầm non bán trú	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	2,99
384	Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,90
385	Đường Lương Thế Vinh	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,30
386	Khu dân cư theo Quy hoạch (DNTN An Phú Hưng)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	2,90
387	Khu dân cư xã Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	6,50
388	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã	Trảng Bom	Xã Đồi 61	1,43
389	Hệ thống cấp nước tập trung	Trảng Bom	Xã Đồi 61	0,05
390	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26
391	Đường bến đò Thới Sơn	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,06
392	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thới Sơn	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,15
393	Đường liên ấp 3-4 (tuyến 2)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,16
394	Đường Bến đoi (tuyến 1)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,54
395	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,03
396	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,05
397	Đường dây 110KV Trị An - Vĩnh An (cải tạo các móng trụ)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
398	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,59
399	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	1,89
400	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	42,43
401	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,20
402	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó: Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3.5ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5.7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5ha, Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2ha, công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm, DNTN Phi Hùng, công ty TNHH Hồ Nai 14,05 ha)	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00
403	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	4,65
404	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
405	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Tân An	0,06
406	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
407	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Trung (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
408	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Chánh	Vĩnh Cửu	Tân An	0,05
409	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02
410	Đường dây 500kV Sông Mây - Tân Uyên	Vĩnh Cửu	Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa	2,82
411	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13
412	Đường liên xóm ấp Vĩnh Hiệp (đường hẻm 5,6,7)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
413	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Ý	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05
414	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Vĩnh Hiệp	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05
415	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22
416	Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng). Trong đó: Trường tiểu học Miền Đông (XD trong KDC Miền Đông 0,2 ha)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	17,00
417	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,20
418	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
419	Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu, cụm công nghiệp	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,97
420	Đường cây Gõ ấp 6	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,13
421	Đường xóm Dừa	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,22
422	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
423	Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,21
424	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu chính ngạch (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,70
425	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
426	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
427	Bến thủy nội địa (Công ty TNHH MTV Khang Khoa)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,70
428	Cụm CN Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	48,90
429	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 1)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25
430	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 2)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,13

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
431	Nạo vét suối cây Khô (nạo vét và đặt cống)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40
432	Chợ Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40
433	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05
434	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng ĐT 768 (các hộ còn lại)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân, Tân An	0,10
435	Trường MN ấp 2 (Trường Mầm non Trị An - cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,70
436	Đường Vũng Rẽ	Vĩnh Cửu	Trị An	0,28
437	Đường Hóc Lai (vào vùng KKCĐ)	Vĩnh Cửu	Trị An	1,90
438	Đường xóm Huế nổi dài	Vĩnh Cửu	Trị An	1,08
439	Đường đôi 74	Vĩnh Cửu	Trị An	0,47
440	Nạo vét mương thoát lũ Thủy Hội	Vĩnh Cửu	Trị An	4,16
441	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An, Vĩnh Tân	23,59
442	Trụ sở Liên đoàn Lao động huyện	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	0,13
443	Đường liên tổ 2-4-5	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	1,59
444	Mỏ đá thị trấn Vĩnh An (đợt 2, công ty Tín Nghĩa)	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	1,03
445	Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	18,90
446	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,10
447	Linh Sơn Cổ Tự	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,84
448	Đường dây điện 500KV Vĩnh Tân rẽ Sông Mỹ	Xuân Lộc	Các xã	0,40
449	Kênh mương Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Các xã	15,00
450	Đường Xuân Hiệp - Gia Lào	Xuân Lộc	Các xã	2,00
451	Trường MN Lang Minh (Mở rộng phân hiệu Đông Minh)	Xuân Lộc	Lang Minh	0,32
452	Xây dựng đường tổ 23 ấp Suối Cát 1	Xuân Lộc	Suối Cát	0,02
453	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08
454	Trụ sở chi cục thuế Huyện	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,32
455	Nhà văn hóa khu phố 4	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,04
456	Nhà văn hóa khu phố 8	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,03
457	Chùa Thiên Ân	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,63
458	Khu Dofico	Xuân Lộc	Xã Xuân Bắc	405,92
459	Đường Xuân Bắc - Long Khánh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	4,67
460	QH mằm non Thọ Vực (Phân hiệu 2B)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,68
461	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Xuân Lộc	Xuân Bắc	2,06
462	Tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	2,60
463	Trạm y tế Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,38
464	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,15
465	Nghĩa trang huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Xuân Tâm	14,30
466	Khu xử lý rác thải không nguy hại	Xuân Lộc	Xuân Tâm	20,17
467	Mở rộng đường vào núi Chứa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52
468	Xây dựng hệ thống cấp treo	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,80

PHỤ LỤC 07: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	5,69
2	Khu dân cư An Hòa 3 (Bản giao khu gia đình Quân nhân Trường Sĩ quan Lục quân II)	Biên Hòa	An Bình	2,40
3	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70
4	Trường TH Trần Văn Ôn	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,30
5	Khu dân cư tái định cư Bửu Hòa - Tân Vạn	Biên Hòa	Bửu Hòa	21,30
6	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26
7	Đầu tư xây dựng bờ kè sông Đồng Nai	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,55
8	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,27
9	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	1,00
10	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng II (Bộ Công thương)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29
11	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh	Biên Hòa	Long Bình Tân	2,20
12	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Dông Dài	Biên Hòa	Phước Tân	154,62
13	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	Biên Hòa	Phước Tân	10,40
14	Khu dân cư Tân Cang	Biên Hòa	Phước Tân	45,94
15	Tuyến cống thoát nước hạ lưu khu TĐC phục vụ dự án QL 1A, đoạn tránh thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Phước Tân	0,16
16	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00
17	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37
18	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	29,30
19	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	Biên Hòa	Tam Phước	19,10
20	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98
21	Trường THCS Tân Biên	Biên Hòa	Tân Biên	1,33
22	Dự án khu dân cư và tái định cư Tân Biên 2 (Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tân Biên	0,23
23	Khu tái định cư	Biên Hòa	Tân Hạnh	3,05
24	Dự án mở rộng đường Trương Định (khu vực mũi tàu)	Biên Hòa	Tân Mai	0,10
25	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58
26	Trường Trung cấp nghề kinh tế - Kỹ thuật số 2 (cơ sở 2)	Biên Hòa	Tân Phong	2,20
27	Trung tâm văn hóa phường Tân Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	0,47
28	Mở rộng đường Lưu Văn Việt	Biên Hòa	Tân Tiến	0,70
29	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	0,45
30	Trụ sở làm việc các phòng ban	Biên Hòa	Thống Nhất	3,80
31	Cải tạo rạch Diên Hồng	Biên Hòa	Thống Nhất	0,76
32	Trường Tiểu học (Khu phố 2)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,01

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
33	Đường Hương lộ 10 - QL 1A	Cẩm Mỹ	Long Giao Nhân Nghĩa Bảo Bình Xuân Tây Xuân Đông	26,86
34	Chùa An Lạc	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70
35	Nghĩa trang Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	2,40
36	Nhà văn hóa ấp 1	Long Khánh	Bình Lộc	0,05
37	Nhà văn hóa ấp 2	Long Khánh	Bình Lộc	0,03
38	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	P. X.Bình, X.An, X.Hòa, X.Trung	0,05
39	Đường dây trung thế vào khu vực Suối Hôn	Long Khánh	Xuân Lập	1,80
40	Đường số 5 Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	1,72
41	Đường nhánh ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	3,39
42	Đường Hương Lộ 2 - nối dài	Long Thành	Tam An	35,00
43	Trường MN An Phước (ấp 2)	Long Thành	An Phước	0,52
44	Trụ sở xã đội xã Long An	Long Thành	Long An	0,05
45	Trường tiểu học Tập Phước	Long Thành	Long Phước	0,61
46	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00
47	Khu tái định cư Công ty Nhị Hiệp	Long Thành	Long Phước	0,30
48	Khu dân cư Riverside	Long Thành	TT. Long Thành	40,00
49	Khu dân cư	Long Thành	TT. Long Thành	40,00
50	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Đại Phước	9,60
51	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
52	Đường liên cảng	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	94,55
53	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,78
54	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,32
55	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,65
56	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Nhơn Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10
57	Chùa Long Hương	Nhơn Trạch	Long Tân	0,96
58	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Tân	35,00
59	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66
60	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04
61	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
62	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Long Thọ	18,50
63	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
64	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Hội	4,00
65	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72
66	Khu dân cư	Nhon Trạch	Phú Hữu	56,00
67	KDC Cty cổ phần Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phú Thạnh	90,00
68	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Nhon Trạch	Phước An	6,50
69	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
70	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhon Trạch - Cát Lái	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,18
71	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhon Trạch - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,14
72	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,10
73	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,08
74	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,20
75	Khu dân cư Phước Thiện (4)	Nhon Trạch	Phước Thiện	39,81
76	KDC Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	35,00
77	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phước Thiện	43,48
78	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,20
79	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05
80	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhon Trạch	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22
81	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
82	Hệ thống cấp nước Nhon Trạch (giai đoạn 2)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26
83	Chùa Vĩnh Giác	Tân Phú	Phú An	0,80
84	Niệm phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66
85	Đường Phú An - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34
86	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10
87	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thạnh	8,10
88	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bầu Mây (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,18
89	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Giang Điền	Tân Phú	Phú Thạnh	0,05
90	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20
91	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20
92	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22
93	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,17
94	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
95	Trung tâm văn hóa thể thao	Tân Phú	Phú Trung	0,90
96	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Chim	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
97	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
98	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
99	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
100	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
101	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
102	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
103	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
104	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61
105	Hoàn thành via hè đường Nguyễn Đình Chiểu	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,01
106	Đường Nguyễn Thị Định	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,30
107	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,13
108	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
109	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
110	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
111	Trường THCS Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,60
112	Mương thủy lợi cánh đồng 78a-78b	Thống Nhất	Lộ 25	0,20
113	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00
114	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84
115	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00
116	Mở rộng Trường Tiểu học An Bình	Trảng Bom	Trung Hòa	0,30
117	Trụ sở BQLDA huyện	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
118	Đường Nguyễn Hữu Cánh từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,73
119	Đường N1	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,60
120	Đường D6	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,40
121	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,10
122	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,45
123	ĐT 768 (Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đường ĐT 768 từ cầu thủ biên đến ĐT 762)	Vĩnh Cửu	Các xã	37,00
124	Nghĩa trang nhân dân	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85
125	Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,00
126	Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	2,50
127	Mở rộng trường MN (cơ sở chính)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,70
128	Hương lộ 10	Xuân Lộc	Các xã	11,00
129	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	3,85
130	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,98

**PHỤ LỤC 08: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT**

(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20
2	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40
3	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59
4	Khu dân cư theo quy hoạch - Cty TNHH Hữu Trọng	Biên Hòa	Long Bình Tân	6,06
5	Bến xe Biên Hòa 2	Biên Hòa	Phước Tân	4,06
6	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00
7	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,02
8	Khu tái định cư phường Tam Hiệp	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,60
9	Khu nhà ở xã hội (Công ty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tam Phước	2,20
10	Công an xã Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,13
11	Mở rộng trường Trung cấp nghề Đinh Tiên Hoàng	Biên Hòa	Tân Hiệp	3,35
12	Trường MN Tân Mai (cơ sở 2)	Biên Hòa	Tân Mai	0,15
13	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74
14	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84
15	Văn phòng Khu phố 5 (mới)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02
16	Văn phòng 2 khu phố (4,6)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02
17	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	46,10
18	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21
19	Hệ thống cấp nước tập trung Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,03
20	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	Định Quán	Gia Canh	174,00
21	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	4,36
22	Khu căn cứ cách mạng Thị ủy	Long Khánh	Bảo Quang	4,80
23	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03
24	Trụ sở công an xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
25	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
26	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38
27	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bầu Sen	Long Khánh	Bầu Sen	0,41
28	Đường số 10 (tổ 14 Bầu Trâm đi tổ 10 Bầu Sầm)	Long Khánh	Bầu Trâm	1,00
29	Tu đoàn tình thương	Long Khánh	Bầu Trâm	0,27
30	Đường từ trường học ấp Cây Da đi ngã 3 Lộc Na	Long Khánh	Bình Lộc	1,75
31	Đường Cầu Cháy (từ ngã ba Vú Sữa - ngã ba Lộc Na)	Long Khánh	Bình Lộc	2,00
32	Chợ Bình Lộc ấp 1	Long Khánh	Bình Lộc	0,20
33	Trạm y tế Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
34	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	Long Khánh	Hàng Gòn	0,10
35	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49
36	Trung tâm văn hóa, thể thao và HTCD	Long Khánh	Hàng Gòn	1,40
37	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05
38	Đường CMT8 (ND)	Long Khánh	X.An, X.Hòa	5,71

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
39	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen	Long Khánh	X.Bình, B.Sen	4,40
40	Đường nội ô ấp Phú Mỹ 2	Long Khánh	Xuân Lập	0,10
41	Đường số 17 ấp Trung Tâm	Long Khánh	Xuân Lập	0,01
42	Đường Suối Phên	Long Khánh	Xuân Lập	0,01
43	Hạt kiểm lâm liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh	Long Khánh	Xuân Tân	0,08
44	Đường tổ 31D nối dài ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,31
45	Đường tổ 31B Bàu Tra	Long Khánh	Xuân Tân	1,30
46	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,18
47	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	Long Khánh	Xuân Trung	0,39
48	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,65
49	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	Long Khánh	Xuân Trung	0,15
50	Chợ An Viễn	Long Thành	Bình An	1,00
51	Trường TH Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	1,00
52	Trường MN Bình Sơn (ấp 1)	Long Thành	Bình Sơn	1,17
53	Khu biệt thự nhà vườn Thịnh Phú	Long Thành	Bình Sơn	4,70
54	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	282,73
55	Khu dân cư	Long Thành	Bình Sơn	7,14
56	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây.	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00
57	Chợ Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,27
58	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	Long Thành	Long An	45,00
59	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty Phú Sơn	Long Thành	Long An	8,20
60	Khu nhà ở công nhân và người thu nhập thấp	Long Thành	Phước Bình	2,00
61	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	Long Thành	Phước Bình	5,81
62	Cụm CN Phước Bình	Long Thành	Phước Bình	75,00
63	Nhà văn hóa ấp Hiền Đức	Long Thành	Phước Thái	0,05
64	Trường MN Tam An	Long Thành	Tam An	1,00
65	Khu đô thị dịch vụ cao cấp	Long Thành	Tam An	50,78
66	Trạm bơm tăng áp (Công ty cấp nước Đồng Nai)	Long Thành	TT. Long Thành	0,28
67	Trung tâm ngoại ngữ tin học	Long Thành	TT. Long Thành	0,10
68	Tu xá mẹ Mân Côi 2	Long Thành	TT. Long Thành	0,20
69	Khu dân cư (Khu Cầu Xéo)	Long Thành	TT. Long Thành	28,00
70	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Nhơn Trạch	Đại Phước	4,50
71	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00
72	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bái Từ Long làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,57
73	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,50
74	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Long Tân	9,50
75	Khu Tái định cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	21,00
76	Khu dân cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	125,00
77	Khu dân cư Long Tân (1)	Nhơn Trạch	Long Tân	95,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
78	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Nhon Trạch	Long Tân	0,30
79	Khu dân cư thương mại	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90
80	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Nhon Trạch	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03
81	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	Nhon Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00
82	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Đông	1,96
83	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Nhon Trạch	Phú Hội	1,12
84	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Nhon Trạch	Phú Hội	0,04
85	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 2	Nhon Trạch	Phú Hữu	35,47
86	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	Nhon Trạch	Phú Hữu	42,70
87	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Hữu	199,00
88	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Hữu	4,45
89	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Nhon Trạch	Phú Hữu	0,70
90	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	Nhon Trạch	Phú Thạnh	48,18
91	Khu tái định cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	40,00
92	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,02
93	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	25,00
94	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10
95	Tháp nước ấp 10	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,03
96	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Tân Phú	Phú Bình	0,60
97	Trụ sở làm việc công an xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	0,10
98	Trường mầm non Phú Trung	Tân Phú	Phú Trung	0,45
99	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19
100	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25
101	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50
102	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04
103	Khu dân cư (Cty CP nông súc sản Đồng Nai)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,26
104	Cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thanh Phú, Thiện Tân	8,54
105	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60
106	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,07
107	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,15
108	Tịnh thất Linh Quang	Xuân Lộc	Xã Suối Cát	0,23
109	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61
110	Giáo xứ Đồng Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43

PHỤ LỤC 09: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
 (thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	2,30
2	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89
3	Hương Lộ 2 và Cầu An Hòa	Biên Hòa	An Hòa, Tam Phước	12,06
4	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Bửu Long	0,59
5	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	1,26
6	Khu vui chơi giải trí	Biên Hòa	Bửu Long	1,47
7	Nhà tang lễ thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	1,50
8	Khu dân cư tái định cư cho dự án Ký túc xá và khu học tập sinh hoạt của sinh viên - Trường đại học Lạc Hồng	Biên Hòa	Bửu Long	0,19
9	Điểm du lịch và nhà ở tại xã Hoà An	Biên Hòa	Hoá An	45,70
10	Trung tâm văn hóa - thể thao	Biên Hòa	Hòa Bình	0,36
11	Văn hóa khu phố 3, 4	Biên Hòa	Hòa Bình	0,03
12	Dị tích Mộ Đoàn Văn cự và 16 nghĩa binh	Biên Hòa	Long Bình	0,65
13	Văn phòng KP I	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
14	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00
15	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00
16	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13
17	Trung tâm văn hóa - thể thao	Biên Hòa	Quang Vinh	0,23
18	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quang Vinh	0,02
19	Khu DC kết hợp TĐC tại phường Quang Vinh (Ban Quản lý Dự án TP)	Biên Hòa	Quang Vinh	4,70
20	Khu hiệu bộ trường THCS bán công Quyết Thắng (Ban Quản lý Dự án thành phố)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,20
21	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Tam Hòa	0,28
22	Đường chất thải rắn	Biên Hòa	Tam Phước	7,27
23	Đường vào Trung tâm hành chính phường Tân Biên	Biên Hòa	Tân Biên	2,73
24	Xây dựng bia tường niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08
25	Văn phòng Khu phố 6	Biên Hòa	Tân Hòa	0,01
26	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
27	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
28	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Phong A	Biên Hòa	Tân Phong	0,40
29	Mở rộng Trường Bùi Thị Xuân	Biên Hòa	Tân Tiến	1,30
30	Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai	Biên Hòa	Thống Nhất	0,82
31	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
32	Nhà ở tái định cư Thống Nhất - Tân Mai (Công ty Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	13,10
33	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58
34	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Các huyện	Các xã	28,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
35	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 2)	Các huyện	Tam Phước, Tam An	40,51
36	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,20
37	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,20
38	Đường song hành Quốc lộ 56	Cẩm Mỹ	Long Giao	14,00
39	Cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Long Giao	57,30
40	Nghĩa địa xã Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	2,33
41	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30
42	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,20
43	Tỉnh thất Liên Hoa	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,11
44	Lò đốt rác	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20
45	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,33
46	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,20
47	Tỉnh thất Viên An	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,59
48	Cộng đoàn Tân Việt Nam Hà	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,27
49	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20
50	Đường vào cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	2,40
51	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,20
52	Cộng đoàn Đa minh thánh thể Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,06
53	Chùa Bảo Quang	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,30
54	Hệ thống cấp nước TT Long Giao (Nhà máy nước + 5 giếng)	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Long Giao	1,15
55	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,20
56	Khu dân cư có bố trí tái định cư và nhà ở xã hội	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	5,00
57	Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35
58	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,02
59	Tu viện Mên Thánh giá - Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,07
60	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,20
61	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 2	Định Quán	La Ngà	0,03
62	Sân thể thao ấp 2/97	Định Quán	La Ngà	0,33
63	Sân thể thao ấp Phú Quý 1	Định Quán	La Ngà	0,10
64	Sân thể thao ấp Mít Nài	Định Quán	La Ngà	0,08
65	Sân thể thao ấp 5	Định Quán	La Ngà	0,30
66	Phước Nghiêm Bửu Tự	Định Quán	La Ngà	0,49
67	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Định Quán	Ngọc Định	0,68
68	Chùa Tịnh Quang	Định Quán	Ngọc Định	0,39
69	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Cường	Định Quán	Phú Cường	0,23
70	Sân thể thao ấp 5	Định Quán	Phú Lợi	0,17
71	Sân thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16
72	Trường MN Phú Ngọc (Ấp 3)	Định Quán	Phú Ngọc	0,40
73	Trạm kiểm lâm La Ngà	Định Quán	Phú Ngọc	0,03
74	Trụ sở Công an xã Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	0,20
75	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Định Quán	Phú Túc	0,65
76	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Phú Túc	3,00
77	Tỉnh thất Pháp Độ	Định Quán	Phú Túc	0,76
78	Nhà văn hóa ấp 4 kết hợp Khu thể thao các ấp 1, 2, 3, 4	Định Quán	Phú Vinh	0,15
79	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Phú Vinh	4,00
80	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Suối Nho	0,05
81	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Suối Nho	4,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
82	Trụ sở Công an xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,20
83	Trụ sở Công an TT. Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,25
84	Khu tái định cư 3	Định Quán	TT.Định Quán	11,70
85	Trạm kiểm lâm Cao Cang	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
86	Mở rộng trạm viễn thông	Định Quán	Túc Trưng	0,03
87	Chùa Từ Thiện	Định Quán	Túc Trưng	0,17
88	Nhà văn hóa ấp Ruộng Lớn	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
89	Nhà Văn hóa và khu thể thao ấp Bảo Vinh A	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
90	Đường Xoài Quéo (đường Bàu Đục - Phú Mỹ)	Long Khánh	Bàu Sen	2,04
91	Chợ Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,08
92	Đường mùa Hè Xanh	Long Khánh	Bàu Trâm	0,78
93	Trung tâm Văn hóa - học tập cộng đồng	Long Khánh	Bàu Trâm	0,34
94	Đường tổ 37 ấp Hàng Gòn (Mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	0,40
95	Trường Mẫu giáo Phú Bình (công viên Hòa Bình)	Long Khánh	Phú Bình	0,30
96	Nhà văn hóa khu phố 1 phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05
97	Đường dây 500 kV (Vĩnh Tân-Sông Mỹ)	Long Khánh	S.Tre; B.Lộc	0,01
98	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	Long Khánh	Suối Tre, Bảo Vinh; Xuân Thanh	10,93
99	Nhà triển lãm và văn phòng TTVH thể thao thị xã	Long Khánh	Xuân Bình	0,67
100	Nhà văn hóa khu phố 5	Long Khánh	Xuân Hòa	0,06
101	Đường vào vùng khuyến khích chăn nuôi Cầu Be	Long Khánh	Xuân Lập	1,01
102	Đường giao thông nông thôn khu 1, ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,46
103	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thanh	0,02
104	Trung tâm Văn hóa, thể thao và HTCĐ phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,13
105	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực	Long Khánh	Xuân Trung	1,25
106	Nhà văn hóa khu phố 2 phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
107	Trụ sở VPĐKĐĐ Chi nhánh Long Thành	Long Thành	An Phước	0,15
108	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	An Phước	0,03
109	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Bình An	0,03
110	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Bình Sơn	0,03
111	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Lộc An	0,03
112	Bệnh viện đa khoa (khu dân cư 25B)	Long Thành	Long An	3,44
113	Trạm y tế khu 15	Long Thành	Long Đức	0,10
114	Điểm trung chuyển rác khu 14	Long Thành	Long Đức	0,05
115	Điểm trung chuyển rác khu 15	Long Thành	Long Đức	0,03
116	Mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Long Thành	Long Phước	2,50
117	Khu dân cư Cty Thái Việt	Long Thành	Long Phước	5,00
118	Khu biệt thự vườn	Long Thành	Long Phước	8,90
119	Điểm trung chuyển rác ấp 2	Long Thành	Phước Bình	0,02
120	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty FA	Long Thành	Phước Bình	0,50
121	Điểm trung chuyển rác (ấp 3)	Long Thành	Phước Thái	0,05
122	Nghĩa địa mở rộng	Long Thành	Tam An	2,50
123	Đường Vào khu CN AMATA	Long Thành	TT. Long Thành	10,00
124	Khu TĐC Trạm khuyến nông	Long Thành	TT. Long Thành	0,37
125	Khu TĐC TTDV và QLĐT	Long Thành	TT. Long Thành	0,43
126	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	TT.Long Thành	0,03

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
127	Trường đào tạo ngoại ngữ-tin học và Văn hóa hàng không của HTX DV nông nghiệp và đầu tư phát triển Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10
128	Văn phòng ấp 1	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05
129	Văn phòng ấp 2	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05
130	Bãi trung chuyển rác xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	0,20
131	Chợ xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	0,70
132	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Nhơn Trạch	Long Thọ	0,04
133	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Phú Tân	Nhơn Trạch	Phú Đông	0,05
134	Bãi đậu xe 3 ha trong dự án Trồng cây xanh kết hợp bãi đậu xe 20 ha	Nhơn Trạch	Phú Hội	3,00
135	Khu dân cư Cty Vạn Phúc (mở rộng)	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,14
136	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60
137	Nhà văn hóa ấp 2 xã Phú Thạnh	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,16
138	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90
139	Trung tâm văn hoá thể dục thể thao	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,38
140	Đường từ 319 đến KDC Tài Tiến	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30
141	KDC Phước Thiện (2)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	40,27
142	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	90,00
143	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	103,00
144	Sân vận động xã	Tân Phú	Phú An	0,80
145	Kênh mương nội đồng	Tân Phú	Phú Bình	5,22
146	Trường MN Nam Cát Tiên (ấp 8)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,25
147	Công trình Cầu Dạ Hoai	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20
148	Trường MN Phú An (mở rộng)	Tân Phú	Phú An	0,50
149	Nhà lưu niệm Đoàn 600	Tân Phú	Phú An	0,02
150	Chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,22
151	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,06
152	Mở rộng chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,08
153	Trụ sở BCHQS xã Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,20
154	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	0,33
155	Kênh N6-12	Tân Phú	Phú Thanh	0,15
156	Mở rộng bãi rác tại Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	5,00
157	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,18
158	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,23
159	Sân thể thao ấp Giang Điền	Tân Phú	Phú Thanh	0,14
160	Sân vận động	Tân Phú	Phú Thanh	1,20
161	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,50
162	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,10
163	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Xuân	0,10
164	Trụ sở trạm bảo vệ thực vật	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,02
165	Khu tái định cư chợ Trà Cỏ	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,78
166	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	5,20
167	Trường TH Phan Bội Châu (mở rộng)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,00
168	Trụ sở công an xã Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
169	Đường nối ấp Ngô Quyền đến QL 20	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
170	Đường ấp Phan Bội Châu đi đường 769	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,80

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
171	Đường từ ấp Lộ 25 đến đường đi Hưng Lộc	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,33
172	Mở rộng, nâng cấp đường nội đồng 2 ấp Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,26
173	Đường ấp Ngô Quyền đi Sông Thao	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,37
174	Đường nội đồng 1 ấp Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,38
175	Đường tổ 3 ấp Lộ 25	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,10
176	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,59
177	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Thái Học đi Bàu Hàm	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,52
178	Đường song hành QL20 khu TTHC huyện	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,72
179	Chợ Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,63
180	Trường TH - THCS - THPT Á Châu	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	2,10
181	Đường vào cầu Bến Tẹt	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,50
182	Đường tổ 8B đi trường THCS Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,25
183	Nạo vét, mở rộng và nâng cấp hệ thống thoát lũ 5 xã Kiệm Tân	Thống Nhất	các xã	0,80
184	Trường THCS tại Gia Kiệm (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,50
185	Trường MN Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,60
186	Trụ sở công an xã Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
187	Trung tâm văn hóa - học tập công đồng xã Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,95
188	Trường Tiểu học (khu đồi đá Soklu)	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
189	Đường đôi trục	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,30
190	Đường ngã ba Hoàng vào vùng KKCĐ phía Tây	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,98
191	Đường số 1 Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,28
192	Đường Đông Bắc đi Ao Khoai	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,38
193	Chợ tại Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
194	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
195	Trụ sở công an xã Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,22
196	Đường Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,05
197	Đường đôi Côtin nối dài	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,99
198	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Thống Nhất	Gia Tân 1	7,80
199	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,30
200	Đường Sào Lâm Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08
201	Đường vườn Na	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,11
202	Đường vào khu chăn nuôi Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14
203	Đường Dốc Đất	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14
204	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Túc	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41
205	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Cường	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,63
206	Đường nội đồng 2-3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,90
207	Đường ranh khu chăn nuôi Đức Long 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,23
208	Đường suối đá Đức Long 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,13
209	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10
210	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,29
211	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41
212	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,18
213	Đường liên ấp Long Đức 1-2-3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
214	Trạm cấp nước tập trung	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08
215	Chợ Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25
216	Khu vui chơi giải trí tại ấp Đức Long 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,58
217	Khu vui chơi Thanh thiếu niên	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
218	Khu thể dục thể thao ấp	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10
219	Cầu Đức Long 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,02
220	Trường TH Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,72
221	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
222	Mở rộng trường Trần Quang Khải	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,09
223	Trường Mầm non Gia Tân 3 (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,27
224	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
225	Đường Chu Văn An - Định Quán	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,16
226	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,18
227	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,28
228	Đường Tân Yên đến hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,15
229	Đường Đài đức mẹ đi Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,56
230	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,72
231	Đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn 2)	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,80
232	Đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,73
233	Nạo vét mương đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,21
234	Mương tiêu úng cánh đồng rau Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
235	Nạo vét và kè đá mương suối lầy	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,12
236	Đập cầu quay	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
237	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05
238	Cầu 1 Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
239	Cầu 2 Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22
240	Cầu Quay	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22
241	Trường Mầm non Hoa Cúc (mở rộng)	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,46
242	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Hưng Lộc	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,05
243	Đường Hưng Nghĩa - Xã Lộ 25	Thống Nhất	Hưng Lộc	5,18
244	Đường Hưng Lộc- Xã Lộ 25	Thống Nhất	Hưng Lộc	2,99
245	Mở rộng đường trung tâm Hưng Thạnh	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,13
246	Đường Trung tâm Hưng Lộc	Thống Nhất	Hưng Lộc	3,56
247	Sân vận động	Thống Nhất	Hưng Lộc	1,20
248	Trường MN Hòa mi mở rộng	Thống Nhất	Lộ 25	0,30
249	Trụ sở công an xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,23
250	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	0,55
251	Trường Mầm non Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,43
252	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	1,71
253	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Lộ 25	1,30
254	Đường vào cánh đồng Cây khô	Thống Nhất	Lộ 25	0,14
255	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,37
256	Đường cầu số 1 ấp 6 nhánh 1	Thống Nhất	Lộ 25	0,32
257	Đường Tránh Lũ	Thống Nhất	Lộ 25	0,19
258	Hệ thống cấp nước tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,10
259	Mương thoát nước Hưng Long - Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,14
260	Trường THCS Lý Tự Trọng	Thống Nhất	Lộ 25	0,83
261	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Quang Trung	3,44
262	Trụ sở công an xã Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	0,11
263	Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên ấp Nguyễn Huệ 2	Thống Nhất	Quang Trung	0,46
264	Mở rộng trường Mầm non Lê Lợi	Thống Nhất	Quang Trung	0,07
265	Đường Lạc Sơn-Xuân Thiện (Km0+0-km3+00)	Thống Nhất	Quang Trung	1,60

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
266	Đường Võ Đông 3- Soklu	Thống Nhất	Quang Trung	0,09
267	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm	Thống Nhất	Quang Trung	2,09
268	Đường Võ Đông 1- Lạc Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	1,79
269	Khu vui chơi giải trí Nguyễn Huệ 1	Thống Nhất	Quang Trung	0,11
270	Trường MN Quang Trung B (mở rộng)	Thống Nhất	Quang Trung	0,16
271	Trường MN Quang Trung A	Thống Nhất	Quang Trung	0,30
272	Trường MN 9/ 4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,50
273	Trụ sở công an xã Xuân Thạnh	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,30
274	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,05
275	Đường vào khu dân tộc đoạn 1	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,14
276	Mở rộng, nâng cấp đường trung tâm ấp 9/4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,58
277	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,52
278	Nối dài đường khu dân tộc đến tổ 12 ấp 9	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,56
279	Mở rộng, nâng cấp đường tổ 3 đi tổ 10	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,16
280	Mở rộng, nối dài đường thủy lợi	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,26
281	Đường cánh đồng 97	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,55
282	Đường Đồi đá liên ấp 9-4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,57
283	Mương thoát nước tại khu vực tổ 4-5 ấp 9/4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,25
284	Cụm CN An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	50,00
285	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 5	Trảng Bom	An Viễn	0,03
286	Trường Mầm non	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,50
287	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07
288	Chốt dân quân thường trực	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,15
289	Khu nhà ở cho công nhân thuê	Trảng Bom	Bắc Sơn	13,80
290	Trường TH Nguyễn Trung Trực	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,50
291	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,10
292	Trường MN Anh Đào	Trảng Bom	Bình Minh	0,12
293	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Cây Gáo	0,10
294	Mở rộng trường Mầm non Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,07
295	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	19,00
296	Trường MN Bình Minh	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,30
297	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,30
298	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,20
299	Sân thể thao ấp 2	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20
300	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20
301	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Trảng Bom	Sông Trầu	0,10
302	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 1	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05
303	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Tây Hòa	0,22
304	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Cá	Trảng Bom	Trung Hòa	0,08
305	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc khu phố 4	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
306	Ban chỉ huy quân sự thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
307	Trạm vệ thực vật	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
308	Trạm Khuyến Nông	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,09
309	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Võ Trường Toản)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,50
310	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,50
311	Khu dân cư Đình Thuận mở rộng	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	9,68
312	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50
313	Mở rộng trường TH Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
314	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Bình Hòa, Tân Bình	2,84
315	Sân bóng đá xã	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	2,00
316	Trụ sở Công an xã	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,20
317	Đường Bình Lợi - Thiện Tân đoạn nắn tuyến qua khu vực đất quốc phòng	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	4,67
318	Mương thủy lợi ấp 2	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,25
319	Chợ Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,30
320	Mỏ Bình Lợi (75K-2b)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	40,00
321	Sân bóng đá	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,91
322	Đường vào khu chăn nuôi Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	3,75
323	Sân thể thao (ấp 1)	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	1,80
324	XD điểm dân cư nông thôn số 3 & số 4, xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	45,00
325	Trung tâm hành chính xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	12,65
326	Chợ Tân An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,15
327	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22
328	Đường vào Chùa Tháp (đường liên ấp Bình Phước - Bình Lục)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,38
329	Sân thể thao ấp Bình Lục	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
330	Sân thể thao ấp Vĩnh Hiệp	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
331	Đường liên ấp 5 - 7	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	1,57
332	Đường ấp 1 Thanh Phú (đường 16)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,21
333	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
334	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
335	Đường nhà máy nước Thiện Tân (mở rộng lên 9,5 m)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70
336	Nâng cấp cải tạo hàng rào, vỉa hè Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,03
337	Đường Bưng mua	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,29
338	Đường gò Miếu nổi dài	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48
339	Đường nối đường Bưng Bình - đi Trảng Dài TPBH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,28
340	Sân thể thao ấp 6-7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50
341	Đá xây dựng tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40
342	Mỏ đá Thiện Tân 1A (công ty TNHH Vĩnh Hải)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00
343	Chợ Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	1,20
344	Trường mẫu giáo khu phố 7	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,09
345	Sân bóng đá xã Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,00
346	Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,60
347	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,03
348	Khu tái định cư đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Xuân Lộc	T.T Gia Ray	4,00
349	Kho tàng trữ tang vật CC Thị hành án huyện	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,15
350	Đài tưởng niệm Suối Cao	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,05
351	Chùa Cao Tuyền	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	4,00
352	Trụ sở Công an xã Xuân Bắc	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,30
353	Niệm Phật đường Giác Huệ	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,51
354	Trường TH Xuân Định (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Định	0,10
355	Trường TH Trịnh Hoài Đức (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,30
356	Mở rộng trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hoà	0,18
357	Trường THCS Xuân Hòa (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,40
358	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,80
359	Hệ thống cấp nước tập trung	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
360	Trường MN Xuân Thành	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,72
361	Mở rộng nghĩa trang ấp Thọ Bình	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,21
362	Nhà công vụ giáo viên	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,10
363	Trường MN Xuân Trường (PH Trung Sơn)	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,10

**PHỤ LỤC 10: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG**

(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
A. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN							
1	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19	0,13		
2	Trạm chiết nạp khí oxy, nito, argon (Công ty Tân Tân)	Biên Hòa	An Hòa	0,40	0,40		
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80	4,37		
4	Xây dựng cầu An Hào	Biên Hòa	Hiệp Hòa, An Bình	10,04	3,88		
5	Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	16,00	2,00		
6	Đường Huỳnh Văn Lũy nối dài	Biên Hòa	Quang Vinh	0,73	0,25		
7	UBND phường Quang Vinh mở rộng	Biên Hòa	Quang Vinh	0,05	0,05		
8	Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh (Sở Nội Vụ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,30	0,04		
9	Đường số 16 tại xã Tân Hạnh qua cánh đồng Bà Nghè	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,32	0,32		
10	Xây dựng chợ truyền thống Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,60	0,80		
11	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Thống Nhất	0,30	0,01		
12	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63	0,11		
13	Điểm công nghiệp thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán, Phú Vinh	4,80	0,30		
14	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	4,60	0,38		
15	Trạm xăng dầu 515 (Công ty TNHH Tân Hiệp)	Long Thành	Long An	0,15	0,15		
16	Trạm dừng chân Hoa Mai	Long Thành	Long An	0,60	0,60		
17	Dự án đầu nối hạ tầng KDC An Thuận vào QL51 (do CTy Cổ phần Đình Thuận làm chủ đầu tư)	Long Thành	Long An	0,20	0,20		
18	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20	0,20		
19	Đường 25B	Long Thành	Long An	14,00	6,61		
20	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48	0,48		
21	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Đại Phước	2,00	1,78		
22	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Hiệp Phước	9,84	8,55		
23	Nghĩa trang Long Thọ	Nhon Trạch	Long Thọ	20,77	1,10		
24	Khu nghỉ dưỡng phục hồi chức năng	Nhon Trạch	Phú Đông	0,38	0,32		
25	Dự án xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Dầu tư Thái Sơn - Bộ quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Đông	37,60	8,70		
26	Trạm Biên phòng cửa khẩu Cảng Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phước Khánh	1,00	0,77		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09	0,09		
28	Cơ sở gia công hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lục bình, dây nhựa (ông Lê Đức Tiến)	Trảng Bom	Đông Hòa	0,99	0,99		
29	Công ty Đại Huy Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	1,23	0,19		
30	Kho chứa hàng và sân phơi gạch	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,90	0,52		
31	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	6,57	0,74		
32	Đường từ Trung tâm xã Hồ Nai 3 đi 2 ấp Đông Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,50	0,22		
33	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25	0,10		
34	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15	0,04		
35	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,39	0,07		
36	Bến vượt của Lữ đoàn Công Binh 25	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	17,15	5,70		
37	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	10,15	1,37		
38	Trang trại chăn nuôi	Vĩnh Cửu	Tân An	2,90	1,80		
39	Cây xăng ấp Bình Lục	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,10	0,10		
40	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22		
41	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13	0,13		
42	Cây xăng tại ấp 7 (Hương lộ 6)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10	0,10		
43	Mở rộng xưởng sản xuất cơ khí tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25	0,18		
44	Nhà máy sản xuất nhôm thép định hình và nhà máy sản xuất kính xây dựng	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,40	1,00		
45	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An, Vĩnh Tân	23,59	4,87		
46	Đường vào bãi rác Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	4,64	0,07		
47	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08	0,02		
48	Hệ thống cáp treo phục vụ du lịch Núi Chúa Chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	9,90		6,80	
49	Mở rộng đường vào núi Chúa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52		1,00	
B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT							
1	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92	1,30		
2	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70	0,21		
3	Khu Công nghiệp Hồ Nai (Giai đoạn II)	Biên Hòa	Phước Tân	85,00	2,35		
4	Tuyến mương thoát nước KCN Giang Điền (Tổng Công ty phát triển KCN)	Biên Hòa	Phước Tân	1,71	0,03		
5	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,34	0,24		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
6	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16	4,70		
7	Đường chuyên dùng vận chuyển khoáng sản tại xã Phước Tân và xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam phước, Phước Tân	13,77	0,33		
8	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95	0,12		
9	Trạm bơm nước thải	Biên Hòa	Thống Nhất	0,49	0,13		
10	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03	0,03		
11	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10	0,10		
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	0,06		
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05	0,05		
14	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	1,01	0,80		
15	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18	0,03		
16	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	24,40	7,74	1,47	
17	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	An Phước, Lộc An, Bình Sơn, Phước Thái, Long Phước, Long An, Phước Bình	7,82	0,20		
18	Đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc (HL10)	Long Thành	Cẩm Đường, Bình An	12,00	1,10		
19	Đường vào trung tâm đo kiểm	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,09	0,09		
20	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	2,87		
21	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	6,36	2,24		
22	Xây dựng tuyến đường vào khu TĐC Sen Việt (Cty CP Đầu tư Sen Việt Công thương)	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,80	1,04		
23	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Nhơn Trạch	Phước An	82,00		0,004	
24	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,09	0,09		
25	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,04	0,04		
26	Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	10,00	0,80		
27	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	86,60	5,69		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
28	Trung tâm Văn hoá thể thao - học tập cộng đồng	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,88	0,18		
29	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99		1,84	
30	Trường MN Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,45	0,45		
31	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	18,80	3,60		
32	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07		
33	Khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa - U1	Trảng Bom	Thanh Bình	3,70	0,05		
34	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó, Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3,5 ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5,7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5 ha; Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2 ha) và phần diện tích còn lại	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00	10,00		
35	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,20	0,20		
36	Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	2,24	0,20		
37	Mỏ đá Thiện Tân 4 (Khu vực khai thác của Công ty CP khoáng sản 623 Đồng Nai)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	30,80	5,00		
38	Mỏ đá Thiện Tân 7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	12,00	9,50		
39	Trường Mầm non Trị An (cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,31	0,31		
40	Mở rộng đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh	12,00	3,40		
41	Giáo xứ Đồng Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43	0,09		
42	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45		
C. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT							
1	Nối dài tuyến đường số 1 và số 3 khu dân cư An Hòa 2 và khu dân cư An Bình	Biên Hòa	An Bình	1,08	0,10		
2	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	4,00		
3	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37	0,17		
4	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	0,13		
5	Hệ thống thoát nước Suối Nước Trong	Biên Hòa	Tam Phước	0,98	0,01		
6	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41		
7	Khu dịch vụ cảng	Nhon Trạch	Phước An	70,00		0,02	
8	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	0,31		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
9	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66		1,66	
10	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10	0,01		
11	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thanh	9,00	0,16		
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	0,20		
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	0,14		
14	Chợ Ngọc Lâm	Tân Phú	Phú Xuân	0,31	0,31		
15	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	0,55		
16	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	8,34		
17	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Hồ Nai 3, Bắc Sơn	387,00	1,14		
18	Nghĩa trang Nhân dân	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85	0,30		
19	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,50	1,60		
20	Mỏ đá Thiện Tân 2 Trong đó Khu vực khai thác là 29,5 ha Khu công trình phụ trợ là 9,3 ha	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	38,70	6,00		
21	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,65	0,56		
D. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN							
1	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	0,62		
2	Trạm xăng dầu trên đường Đặng Văn Tron	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,30	0,30		
3	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	3,40		
4	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12		
5	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,70	1,69		
6	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	5,00	0,05		
7	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00		0,05	
8	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50,00	7,70		
9	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04		
10	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6,00	1,60		
E. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA THỰC HIỆN							
1	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	1,38		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
2	Trụ sở làm việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà	Biên Hòa	Bửu Long	0,40	0,03		
3	Nhà tang lễ thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	0,07		
4	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	46,03	0,22		
5	Khu thương mại dịch vụ (Cty Nhơn Long)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29	0,01		
6	Khu dân cư (công ty Hữu Trọng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	5,64	0,96		
7	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00	1,90		
8	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61		
9	Khu du lịch sinh thái ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	11,00	3,60		
10	Đất thương mại dịch vụ	Long Thành	Long Phước	0,30	0,30		
11	Điểm Du lịch sinh thái tại xã Đại Phước, Phú Hữu	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	45,00	6,05		
12	Điểm du lịch sinh thái dự trữ theo QH duyệt	Nhơn Trạch	Phú Đông, Phước Khánh	62,25	6,30		
13	Công ty trục vớt Sông Thương	Nhơn Trạch	Phú Hữu	3,32	2,31		
14	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29		
15	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90		
16	Đường từ 319 đến KDC Tài Tiến	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30	3,45		
17	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lập	Tân Phú	Phú Bình	0,05	0,05		
18	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,20	0,10		
19	Sân vận động	Tân Phú	Phú Thanh	1,20	0,77		
20	Thao trường huấn luyện, trường bắn của LLVT	Tân Phú	Phú Xuân	15,00	1,17		
21	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,46	0,07		
22	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,10	0,01		
23	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,59	0,01		
24	Đường đò trọc	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,54	0,03		
25	Đường số 1 Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,88	0,01		
26	Khu thể dục thể thao ấp	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00	0,10		
27	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,47	0,04		
28	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,33	0,02		
29	Chợ Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25	0,25		
30	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương mước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,48	0,24		
31	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	Thống Nhất	Gia Tân 3	2,38	0,04		
32	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,00	0,02		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
33	Nạo vét mương đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,70	0,21		
34	Đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Dầu Giây - Phan Thiết)	Thống Nhất	Lộ 25	6,50	0,10		
35	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Lộ 25	2,95	0,21		
36	Đường vào cánh đồng Cây khô	Thống Nhất	Lộ 25	0,26	0,02		
37	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	3,30	0,12		
38	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,67	0,24		
39	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	Thống Nhất	Xuân Thạnh	3,11	1,05		
40	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,61	0,40		
41	Mở rộng, nối dài đường thủy lợi	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,36	0,12		
42	Đường cánh đồng 97	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,64	0,27		
43	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Trảng Bom	các xã	21,02	0,77		
44	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	19,00	1,00		
45	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50	9,80		
46	Cây xăng ấp 1 Đa Lộc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,10	0,10		
47	Công ty Phúc Hiếu	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	8,24	2,19		
48	Căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Phú Lý	28,00			2,80
49	Trung tâm GDQP - AN - trường bắn BB	Vĩnh Cửu	Tân An	78,00	5,19		
50	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02	0,02		
51	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22		
52	Đường 768 B	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Hòa, Thạnh Phú	3,50	3,50		
53	Hệ thống thoát nước Thạnh Phú - Bình Lợi (đoạn qua địa bàn Thạnh Phú)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	8,77	3,80		
54	Nhà máy xay đá, trạm cân đá thành phẩm và bãi chứa đất đá thải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	3,50	0,28		
55	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	9,54	1,80		
56	Sân thể thao ấp 6-7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50	0,50		
57	Đường Bung mua	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,50	0,07		
58	Đường gò Miếu nối dài	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,78	0,20		
59	Đường nối đường Bùng Bình - đi Trảng Dài TPBH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48	0,04		
60	Mở rộng đường Nhà máy nước Thiện Tân lên 9,5m	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70	0,50		
61	Đá xây dựng tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40	8,70		
62	Hội mỹ nghệ huyện Xuân Lộc (TT trưng bày và quảng bá sản phẩm hàng TCMN)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,38	0,38		

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng các dự án thu hồi				170	2.659,71	2.230,63	
I. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013				164	2.447,65	2.218,64	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				40	173,77	167,01	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	DGD	1,40	0,02	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Trường Tiểu học Hóa An 2	Biên Hòa	Hóa An	DGD	0,85	0,85	Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2017 (lần 2); Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa v/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B.
4	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	DGD	2,14	1,14	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
5	Trường Tiểu học Long Bình 2	Biên Hòa	Long Bình	DGD	0,81	0,81	Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
6	Trường cao đẳng y tế và bệnh viện (Lê Quý Đôn)	Biên Hòa	Long Bình Tân	DYT	4,51	4,51	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7843517681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 2 ngày 09/3/2016; Thông báo thu hồi đất số 7081/TB-UBND ngày 17/10/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Trường TH Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	DGD	1,30	0,04	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
8	Trường TH Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	DGD	0,51	0,06	Đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án tại VB số 11029/UBND-ĐT ngày 14/8/2018 của UBND TP
9	Trụ sở làm việc các phòng ban TP. Biên Hòa	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	2,64	2,64	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa;
10	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	1,70	0,80	Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
11	Trường MN Sông Ray (ấp 10)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (bố trí vốn trong năm 2019 - 2020).
12	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
13	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	TSC	0,20	0,20	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
14	Trạm y tế xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DYT	0,05	0,05	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
15	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
16	Trường Tiểu học Thái Thiện	Long Thành	Phước Thái	DGD	1,27	1,27	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 của UBND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
17	Trường Tiểu học Tam An (Giai đoạn 2)	Long Thành	Tam An	DGD	1,06	1,06	Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Long Thành về việc quyết định chủ trương đầu tư
18	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Nhơn Trạch	Long Tân , Phước Thiện	DGD	126,00	126,00	Thông báo số 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh vv địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
19	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DYT	0,17	0,17	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
20	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	DYT	0,19	0,19	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
21	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	DYT	0,15	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
22	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lập	TSC	0,12	0,12	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
23	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	1,53	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
24	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	TSC	0,18	0,18	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
25	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	DYT	0,07	0,07	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
26	Trường TH Xuân Thanh (Khu THHC xã)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DGD	1,00	1,00	Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc điều chỉnh, bổ sung và kế hoạch đầu tư công 6 tháng cuối năm 2018
27	Trường tiểu học Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	DGD	1,72	1,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
28	Mở rộng trường tiểu học thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGD	0,17	0,17	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
29	Công an xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	TSC	0,08	0,08	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
30	Trường THCS Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
31	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về Chủ trương đầu tư dự án sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
32	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DVH	1,04	1,04	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý (ghi vốn năm 2018)
33	Trường MN Cây Gáo	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DGD	1,20	1,20	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
34	Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DVH	0,07	0,03	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
35	Trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DGD	0,86	0,86	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
36	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DGD	1,58	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
37	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,65	0,15	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
38	Trường MN Xuân Thành (mở rộng phân hiệu Tân Hợp)	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
39	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
40	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Thống Nhất	Xuân Thạnh	DGD	14,00	14,00	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải				69	645,77	524,70	
41	Hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	DGT	1,00	0,75	Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hành lang Quốc lộ 51 trước mặt tiền dự án Sơn Tiên; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
42	Xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch (Đường N1)	Biên Hòa	Bình Đa	DGT	0,24	0,24	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch từ đường Vũ Hồng Phô đến hết phần đất dọc theo đất khu dân cư Bình Đa
43	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	9,00	1,80	Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017; điều chỉnh lại diện tích lên 9 ha
44	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DTL	1,85	0,38	Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2018, điều chỉnh tăng thêm diện tích; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía cù lao Phố); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương) Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
45	Đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	DGT	17,92	17,92	Quyết định số 3618/UBND-XDCB ngày 26/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường chuyên dùng VLXD - Văn bản số 1125/SKHĐT-DN ngày 3/4/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc đầu tư tuyến nối vào đường Võ Nguyên Giáp thuộc tuyến dự án BOT đường chuyên dùng VLXD Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
46	Đường từ Hương lộ 2 đầu nối vào đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	5,30	5,30	Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của PCT UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh về việc đề xuất đầu tư tuyến đường Hương lộ 2 nối dài Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
47	Mở rộng Quốc lộ 51	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	0,09	0,09	Văn bản số 9122/UBND-ĐT ngày 12/9/2017 về việc cải tạo mở rộng đoạn km4+556-km5+395, cải tạo bổ sung hệ thống thoát nước, cải tạo các nút giao thông thuộc dự án mở rộng QL 51 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
48	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
49	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	DGT	0,10	0,08	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Điều Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất
50	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	DGT	2,80	2,80	Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
51	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hồ Nai	DTL	13,75	11,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;
52	Via hè đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Thanh Bình	DGT	0,00	0,00	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
53	Tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,20	1,20	Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch Văn bản số 14189/UBND-ĐT ngày 10/10/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v đầu tư các tuyến đường giao thông theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
54	Đường Nguyễn Văn Hoa	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,60	1,60	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
55	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,60	0,76	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh diện tích từ 1,6 ha lên
56	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,70	1,70	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương)
57	Nâng cấp đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	DGT	7,20	3,60	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
58	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DNL	1,63	0,76	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
59	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	3,10	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
60	Giếng khoan quan trắc	Định Quán	Các xã	DKH	0,03	0,03	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
61	Nâng cấp, mở rộng đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774) đoạn từ km1+600 đến km 7+300	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DGT	5,74	4,74	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
62	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	DGT	19,26	9,01	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
63	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
64	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	DGT	9,00	1,48	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
65	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
66	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	4,12	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
67	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	DGT	4,45	3,85	Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
68	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
69	Nâng cấp đường ĐT.763 (đoạn qua thị xã Long Khánh).	Long Khánh	Bảo Quang	DGT	0,05	0,05	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
70	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Làng văn hóa Đồng bào dân tộc Choro	Long Khánh	Bảo Vinh	DTL	0,24	0,24	Văn bản số 10620/UBND-CNN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro tại xã Bảo Vinh (GĐ1); Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018.
71	Đường Cây Khế - Bung Môn	Long Thành	Long An	DGT	2,70	0,70	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
72	Đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	3,09	0,09	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
73	Hẻm 21 đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	1,02	0,02	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
74	Hẻm 109 đường Khai Thác Đá 3	Long Thành	Long An	DGT	3,44	0,34	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
75	Nâng cấp đường Long Đức-Long An	Long Thành	Long Đức-Long An	DGT	10,00	0,10	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020
76	Trung tâm Logistic Long Thành	Long Thành	Tân Hiệp		67,50	67,50	Văn bản số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh v/v xin ý kiến Tập đoàn Cao su Việt Nam về địa điểm đầu tư dự án Trung tâm Logistic Long Thành tại huyện Long Thành; Công văn số 91/HDQTCSVN-KHĐT ngày 21/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thông nhất theo Công văn số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh (thu hồi giao Trung tâm phát triển Quỹ đất đầu giá); Văn bản số 1098/UBND-CNN ngày 18/10/2018 v/v đầu giá quyền sử dụng đất xây dựng trung tâm logistic Long Thành
77	Nạo vét và gia cố bờ kè suối Quán Thủ	Long Thành	TTLong Thành - Lộc An	DTL	31,04	1,04	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
78	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	0,06	0,06	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh vv duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới cầu mít trên Hương lộ 12 huyện Nhon Trạch
79	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	3,20	3,20	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
80	Giếng khoan quan trắc	Tân Phú	Các xã	DKH	0,01	0,01	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
81	Trạm bơm dã chiến ấp 2	Tân Phú	Đắc Lua	DTL	0,20	0,20	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
82	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DTL	0,30	0,30	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 duyệt điều chỉnh một số điều của Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
83	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	DGT	14,07	11,47	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
84	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An	Tân Phú	Phú An	DTL	0,20	0,20	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
85	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	DGT	1,66	0,40	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
86	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	DGT	4,48	3,46	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
87	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	DGT	8,82	8,82	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
88	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
89	Giếng khoan quan trắc	Thống Nhất	Hưng Lộc; Quang Trung	DKH	0,02	0,02	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
90	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	DGT	3,85	3,85	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
91	Đường U1 Tân Thành đi xã Sông Thao	Trảng Bom	Thanh Bình	DGT	5,70	4,50	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
92	Đường Hà Huy Tập	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	0,45	0,45	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
93	Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	1,84	1,84	- Báo cáo số 885/BC-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện Trảng Bom v/v Công ty TNHH Đại Đại Hùng xin đầu tư theo hình thức BT. Văn bản số 3971/SKHĐT-DN ngày 27/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v lấy ý kiến - Văn bản số 1797/UBND-VP ngày 8/3/2018 của UBND huyện Trảng Bom tham mưu xử lý Văn bản số 706,707/SKHĐT của Sở Kế hoạch và đầu tư v/v đề xuất đầu tư Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BT. - Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
94	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
95	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,18	0,18	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
96	Đường Đất Cát	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,25	0,25	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
97	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	SON	4,68	4,68	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
98	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
99	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
100	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	SON	7,00	7,00	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
101	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	DTL	1,00	1,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
102	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
103	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	1,50	Quyết định 2697/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND huyện Vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại); Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
104	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	5,30	5,30	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện vv xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
105	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	DNL	2,44	2,44	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
106	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát)	Xuân Lộc	Suối Cát	DGT	2,60	1,50	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v duyệt chủ trương đầu tư dự án Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (Ngã ba Suối Cát); đã dự kiến bố trí vốn đầu tư năm 2019
107	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	DGT	48,79	21,64	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
108	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	MNC	230,00	230,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
109	Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DRA	1,83	1,88	Quyết định số 413/QĐ-UBND ng 11/02/2015 của UBND tỉnh V/v cho công ty TNHH Cù Lao Xanh thuê đất để thực hiện dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Văn bản số 8015/UBND-ĐT ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh ranh giới, vị trí dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				13	49,81	45,05	
110	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Bình Đa, Tam Hiệp, An Bình	ODT	2,33	2,33	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
111	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	28,60	25,20	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
112	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	0,56	0,07	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
113	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	DKV	1,30	0,43	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ điều hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
114	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Tam Hiệp	ODT	9,40	9,40	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
115	Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trảng An)	Biên Hòa	Tam Phước	ONT	6,40	6,40	Công văn số 7820/UBND-CNN ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo thực hiện các dự án tại xã Tam Phước của công ty CP Trảng An; Quyết định thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và Quyết định 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh điều chỉnh diện tích thu hồi trong Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008.
116	Nhà văn hóa ấp 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
117	Nhà văn hóa ấp 61	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
118	Công viên dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	DKV	0,65	0,65	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh bổ sung vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
120	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
122	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bầu Hàm 2	TON	0,21	0,21	Thông báo thu hồi đất số 2711/TB-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng				42	1.578,31	1.481,88	
123	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	ODT	3,24	1,72	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
124	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	0,13	0,13	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
125	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	9,53	9,53	Công văn số 12286/UBND-CNN ngày 27/11/2017 ghi nhận công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc là nhà đầu tư đề xuất dự án đường Nguyễn Du theo hình thức BT.
126	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	ODT	5,51	0,05	Văn bản số 3143/UBND-ĐT ngày 8/9/2011 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương Văn bản số 247/VBTP-STNMT ngày 23/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
127	Khu dân cư Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	ONT	40,00	40,00	Quyết định thu hồi đất số 2771/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh; Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu dân cư Long Hưng; còn 40 ha chưa hoàn thành công tác thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
128	Khu tái định cư số 53 (Khu đất Lâm trường Biên Hòa)	Biên Hòa	Tân Biên	ODT	6,20	6,20	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn thành phố Biên Hòa
129	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Biên Hòa	Tân Phong	ODT	1,00	1,00	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 1580/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 từ chức năng đất giáo dục sang đất ở, diện tích 0,31 ha; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 về điều chỉnh tên chủ đầu tư và Điều 1, QĐ 3495/QĐ.CT.UBT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh; đã giao đất 9,4 ha, còn 1 ha đang tiếp tục thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất
130	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Tân Phong, Bửu Long	ODT	3,95	3,95	Công văn số 2844/BQP ngày 02/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng để quy hoạch xây dựng khu gia đình quân đội Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
131	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	2,12	2,12	Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; Công văn số 7807/UBND-ĐT ngày 18/06/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh nội dung các văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư một số dự án do Công ty Đông Á Phát làm chủ đầu tư
132	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	4,02	4,02	Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
133	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,98	0,98	Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
134	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	30,62	8,22	Thông báo số 3949/TB-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất; Văn bản số 132/UBND-CNN ngày 05/1/2018 của UBND tỉnh v/v chủ trương điều chỉnh ranh quy hoạch dự án khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); còn 3,92 ha chưa hoàn thành thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
135	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	3,71	3,71	Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,15	0,15	Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch; Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
137	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	ODT	1,10	0,55	Văn bản số 3799/UBND-ĐT ngày 7/10/2013 của UBND thành phố chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở Khu dân cư giai đoạn 2
138	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
139	Khu dân cư An Phước	Long Thành	An Phước	ONT	1,13	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư tại An Phước (Cty Vi Như)	Long Thành	An Phước	ONT	3,08	3,08	Quyết định chủ trương đầu tư số 3526/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư tại An Phước (Cty Đại Thành Công Bình Thuận)	Long Thành	An Phước	ONT	1,17	1,17	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
142	Khu đô thị dịch vụ AMATA	Long Thành	An Phước, Tam An	ONT	122,00	122,00	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3275162351 ngày 28/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 55,4 ha; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106114566 ngày 8/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 51,9 ha
143	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Bình Sơn	ONT	49,80	49,80	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
144	Khu dân cư Lộc An Mới	Long Thành	Lộc An	ONT	1,12	1,12	Quyết định chủ trương đầu tư số 3116/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Lộc An	Long Thành	Lộc An	ONT	1,00	1,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3129/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức	ONT	22,22	22,22	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
147	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức, An Phước	ONT	190,00	190,00	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
148	Khu dân cư tại Phước Bình (Cty Ngân Hà)	Long Thành	Phước Bình	ONT	1,73	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 3560/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Công văn số 5617/SXD-QLN-TTBĐS ngày 19/11/2018 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh diện tích đất theo quy hoạch của dự án Khu dân cư Phước Bình mới, xã Phước Bình, huyện Long Thành.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
149	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Long Thành	Tam An	ONT	753,10	753,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1965/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3220817410 ngày 4/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
150	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,76	2,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 3117/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
151	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,55	2,55	Quyết định chủ trương đầu tư số 3118/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
152	Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,91	0,31	Văn bản số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
153	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,50	0,50	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1265/UBND-KT ngày 25/3/2013 của UBND huyện Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
154	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Nhơn Trạch	Đại Phước	ONT	55,33	22,75	Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1:500 khu đô thị Du lịch sinh thái Six Sences Sài Gòn River tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch; Công văn số 731/UBND-CNN ngày 26/1/2007 của UBND tỉnh vv chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
155	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Nhon Trạch	Long Tân	ONT	35,30	35,30	Văn bản số 9298/UBND-CNN ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh vv xin ý kiến Ban thường vụ tỉnh ủy chấp thuận chủ trương; Văn bản 5552-CV/TU ngày 27/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25/9/2018 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Nhon Trạch	Long Tân, Phước An	ONT	40,95	29,45	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh vv giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
157	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhon Trạch
158	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Nhon Trạch	Phước An	ONT	36,87	36,87	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầy tư Xây dựng Nhon Thành làm chủ đầu tư ; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh.
159	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	ONT	3,30	3,30	Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	ONT	6,62	6,62	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Cụm CN Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	SKN	50,00	50,00	Đã được thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 nhưng vị trí tại xã An Viễn, Nay quy hoạch được phê duyệt đã điều chỉnh sang xã Đồi 61 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
162	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	ONT	18,22	18,22	Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
163	Cụm công nghiệp VLXD Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	SKN	21,82	8,00	- QĐ thuê đất đợt 1 số 1192/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 (13,9); QĐ thuê đất đợt 2 số 3138/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 (19,64ha); QĐ thuê đất đợt 3 số 3648/QĐ ngày 16/10/2017 (8,54 ha). Còn lại 8 ha chưa hoàn thành thu hồi
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Tân An	ONT	9,83	9,83	Quyết định chủ trương đầu tư số 3071/QĐ-UBND ngày 30/8/2018
II. Dự án thu hồi đất theo khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP				6	212,06	11,99	
165	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	25,07	4,28	Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
166	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	Biên Hòa	An Hòa	TMD	179,50	5,00	Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh (373,62 ha); tuy nhiên đến nay còn 5 ha chưa thu hồi xong, do vậy đưa vào danh mục thu hồi để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004
167	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Biên Hòa	Long Bình	TMD	2,70	0,27	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất được 1,9 ha; còn 0,27 ha đăng ký để tiếp tục thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
168	Trạm dừng chân Tp. Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	TMD	0,53	0,53	Thông báo thu hồi đất số 3145/TB-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
169	Khu đô thị, sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân	TMD	3,34	1,30	Quyết định thu hồi đất số 1972/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013.
170	Trường PTTH và dạy nghề (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Hòa	DGD	0,92	0,61	Quyết định thu hồi đất số 1238/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường, đang lập thủ tục bồi thường.

PHỤ LỤC 12

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng số dự án					293,23	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Đường dây 220kV Sông Mỹ - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mỹ - Tam Phước
3	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
4	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
6	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
7	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo số 271/BC-BQLĐAĐTĐ ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đề nghị tỉnh bố trí vốn
8	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
9	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
10	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
11	Đường giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Long Thành, Cẩm Mỹ	Các xã	DGT	193,38	Thông báo số 11631/TB-UBND ngày 31/10/2018 của PCT.UBND tỉnh Trần Văn Vinh về việc thống nhất về hướng tuyến các tuyến đường kết nối cảng HKQT Long Thành.
12	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch
13	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	Đã hoàn thành phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự kiến triển khai vào quý IV năm 2018.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
14	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
15	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú.
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
17	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
18	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	DGD	1,50	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
19	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,69	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
20	Trạm y tế xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,08	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
21	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
22	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
23	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
24	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

PHỤ LỤC 13

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2019
TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng			1.351,00	101,31	21,21	7,66	
1	KDC an bình mở rộng (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi Giang Điền)	Biên Hòa	An Bình	2,47	0,32			Có quyết định giao đất hết theo luật cũ, còn 10 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường; Hiện nay đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
2	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình)	Biên Hòa	An Bình	2,40	1,10			Đã hoàn thành kiểm đếm; đang lập phương án bồi thường
3	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	3,24	0,71			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
4	Khu dân cư số 10 (Công ty CP BĐS Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	4,90			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất
5	Khu đất đấu giá số 2, 3 (tờ 20 thửa 46; tờ 45 thửa 3)	Biên Hòa	An Hòa	0,72	0,87			Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý; Đã phê duyệt giá khởi điểm tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND tỉnh
6	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Hóa An	55,34	3,44			Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 nối dài. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
7	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	9,00	1,26			Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017
8	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,52			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa (đoạn từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm)
9	Ký túc xá trường ĐH Lạc Hồng (cơ sở 6)	Biên Hòa	Bửu Long	0,34	0,34			Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công văn số 5306/UBND-ĐT ngày 2/5/2018 của UBND thành phố Biên hòa về việc xác nhận hoàn thành bồi thường dự án KTX trường Đại học Lạc Hồng
10	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	0,13	0,13			Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
11	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70			Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa; BQLDA đề xuất tại Công văn số 375/QLDA-KT ngày 15/7/2016. Đang kêu gọi đầu tư
12	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35			Công văn số 5086/UBND-CNN ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất dự án đường ven sông Cái theo hình thức PPP, hợp đồng BT. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại NGHỊ quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa
13	Đường ven sông Cái (Đường Trần Phú)	Biên Hòa	Các phường	29,30	2,18			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
14	Mở rộng trường TH Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,05			Công văn số 7032/UBND-DT ngày 29/7/2016 của UBND thành phố Biên Hòa vv chấp thuận chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa năm 2017 (lần 2)
15	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	Biên Hòa	Hóa An	2,21	0,01			Công văn số 3267/UBND-XDCB ngày 19/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc góp ý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
16	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,77			Tờ trình số 9291/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của UBND TP. Biên Hòa vv xin điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Long Bình Tân (vị trí đoạn đường giao thông nằm giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến tại khu vực đất của dự án mở rộng Cảng Đồng Nai do Cty CP Cảng Đồng Nai làm chủ đầu tư); thông báo thu hồi đất số 2638/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
17	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,99	0,10			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 về thông qua danh mục thu hồi đất từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2014; còn 0,1 ha đất lúa đăng ký thực hiện công tác giao đất
18	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,05			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh vv báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
19	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	0,12	0,09			Quyết định giao đất số 846/QĐ-UBND ngày 07/04/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Liên hiệp HTX Dịch vụ nông nghiệp để xây dựng nhà máy gạch.
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 6 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	15,00	0,56			Đã có QĐ thu hồi đất
21	Trường TH Lê Văn Tám	Biên Hòa	Quang Vinh	1,00	0,47			Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 4/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
22	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	1,30	0,63			Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ Điều Hòa
23	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,16	0,16			Đất do trường tự thỏa thuận, đang lập thủ tục về đất đai xây dựng
24	Khu công nghiệp Giang Điền	Biên Hòa	Tam Phước	73,42	1,95			Đã có quyết định thu hồi đất, đã hoàn thành công tác bồi thường được 145,78 ha, còn 3 hộ chưa thu hồi xong
25	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,80		1,47		Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
26	Đường vào trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,24	0,22			Quyết định số 3522/UBND-CNN ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu KH vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
27	Trung tâm TMDV theo quy hoạch (Cty TNHH TMDV Khang Điền Thịnh)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,94	0,07			Công văn số 9787/UBND-XD ngày 14/08/2017 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty
28	Trường MN Tâm Đức (Cty TNHH MN Tâm Đức)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,21	0,18			Đã được chấp thuận chủ trương tại văn bản số 713/UBND-ĐT ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,14			Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
30	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	2,12	0,02			Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
31	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	4,02	0,35			Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
32	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,15	0,14			Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
33	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,99			Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
34	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	3,71	2,64			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 với diện tích 1,85 ha đất lúa (nằm trong dự án khu đất tạo vốn đường ven sông Cái). Nay rà soát lại là 2,64 ha. Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án; Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
35	Đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	120,00	4,41			Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc thu hồi đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đoạn qua các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
36	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đấu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,63	0,73			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
37	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	3,84	0,50			Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
38	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28	0,09			Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư.
39	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mây - Tân Uyên	Định Quán	Các xã	0,44	0,1			Đã hoàn thành bồi thường, bổ sung lúa để thực hiện thủ tục đất đai. Văn bản số 359/UBND-NL ngày 07/02/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV trung tâm điện lực Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, qua địa bàn huyện Định Quán.
40	Trường TH Kim Đồng	Định Quán	Gia Canh	1,25	1,00			Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện Định Quán để thực hiện dự án trường TH Kim Đồng
41	Hồ chứa nước Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	174,00			7,66	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về bổ sung đầu tư công năm 2018 tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II mục IV phần b số thứ tự 8)
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	0,02			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
43	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	19,26	0,65			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 18)
44	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03			Thông báo kết luận số 197/TB-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện Định Quán về thực hiện các dự án nông thôn mới xã Ngọc Định
45	Dự án Trang trại chăn nuôi gà tại huyện Định Quán của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm Hai	Định Quán	Phú Hòa	12,40	6,47			Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
46	Đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường DT-774)	Định Quán	Phú Hòa	5,74	1,15			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 19)
47	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	0,12			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
48	Trường THCS Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	2,00	0,42			Chuyển tiếp để hoàn thành các thủ tục đất đai. Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Định Quán về đề nghị giao đất cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án Trường THCS Suối Nho tại ấp 4
49	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	0,54			Đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục đất đai. Văn bản số 315/TB-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện kết luận chấp thuận bổ sung quy hoạch kế hoạch huyện Định Quán

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
50	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75	1,00			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 17)
51	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	4,45	0,80			Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
52	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	0,10			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
53	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	Định Quán	TT.Định Quán	0,02	0,01			Văn bản số 45/TTPTQĐ ngày 06/9/2018 của TTPTQĐ huyện Định Quán về rà soát và đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của TTPTQĐ huyện Định Quán
54	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (Gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	0,02			Quyết định 1952/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Choro. Nghị quyết 83, phụ lục 3, mục III.b, STT 2: đây là 1 hạng mục trong làng văn hóa đồng bào Choro
55	Kiên cố hạ lưu Suối Cái (chống ngập úng khu vực Suối Cái)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	9,43			Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
56	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	Long Khánh	X.Hòa; P.Bình; Xuân Tân	6,11	0,26			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
57	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	4,50	1,00			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 tuy nhiên do điều chỉnh ranh giới dự án nên tăng thêm 1 ha đất trồng lúa; Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
58	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,90	0,30			VB số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
59	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	3,30	3,25			Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch
60	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	14,07	3,33	1,02		Có kế hoạch bố trí vốn thực hiện trong năm 2019 tại Phụ lục 2, mục C, STT 2

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
61	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	4,48	1,85			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Dự thảo Đầu tư công năm 2019 tại Phụ lục 9, STT 19 dự án đường Tà Lài - Trà Cỏ
62	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	8,82	3,78			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
63	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	0,13			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
64	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,66	0,02			Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
65	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	3,85	0,99			Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 (PL9, STT20)
66	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	18,22	6,34			Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
67	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	3,43	0,85			Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 cho Ban Quản lý Dự án lưới điện Miền Nam

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
68	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
69	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	4,68	2,07			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
70	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,37	0,37			Công văn số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí
71	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	7,00	6,55			Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
72	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	25,07	1,20			Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
73	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	3,00	0,5			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
74	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú và Bình Lợi	5,3	0,7			Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đào Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện vv xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
75	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	2,44	1,16			Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
76	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	1,01	0,66			Văn bản số 10840/UBND-CNN ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và hướng tuyến đường dây đầu nối
77	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	48,79	2,27			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	230,00	1,95			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
79	Điểm trung chuyển rác	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,40	0,16			Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27/06/2017 của UBND huyện Xuân Lộc V/v Xác định địa điểm trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện Xuân Lộc Đất công do UBND xã Xuân Phú quản lý
80	Trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30			Văn bản số 4571/UBND-KT ngày 24/09/2018 của UBND huyện Xuân Lộc V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng trang trại chăn nuôi gà đẻ và các khu vực phụ trợ tại huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH TM-DV-SX và Chăn nuôi Thanh Đức làm chủ đầu tư
81	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,58	0,38			Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
82	Khu dân cư (ấp Trảng Táo)	Xuân Lộc	Xuân Thành, Xuân Tâm, Xuân Trường	221,04	2,82	18,72		Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất của BQL RPH Xuân Lộc giao cho các xã Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường quản lý. Văn bản số 4957/UBND-CNN ngày 18/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v lập, thẩm định, phê duyệt đối phương án sử dụng đối với diện tích bàn giao địa phương quản lý. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất theo phương án sử dụng đất.
II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường, xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã		12,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường		16,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
20	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Khánh	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Long Thành	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
24	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhon Trạch	Các xã		13,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhon Trạch	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Nhon Trạch	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn		10,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã		11,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Trảng Bom	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		9,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã		22,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
45	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã		26,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
48	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
49	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
50	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
51	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
52	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: /2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

— NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tổ và kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử
dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 170 dự án với tổng diện tích là 2.659,71 ha, trong đó diện
tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 82 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng
đặc dụng, gồm: 78 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích là 95,16 ha; 01
dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích là 1,47 ha; 01 dự án có sử
dụng đất rừng đặc dụng với diện tích là 7,66 ha; 02 dự án sử dụng đất trồng lúa

và đất rừng phòng hộ, trong đó diện tích đất trồng lúa 6,15 ha, diện tích đất rừng phòng hộ 19,74 ha.

Các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang các mục đích khác của các địa phương với tổng diện tích 338 ha.

(Phụ lục II kèm theo).

3. Danh mục 24 dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện với tổng diện tích 293,23 ha

(Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Đối với các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 mà chưa hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2018, chấp thuận cho Ủy ban nhân dân tỉnh được chuyển sang tiếp tục thực hiện trong năm 2019.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai, thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đồng thời tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện nhằm hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông tại Nghị quyết này đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các Sở, ban, ngành có liên quan để làm căn cứ triển khai thực hiện trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Đối với các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án đang thực hiện hoặc chưa thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ

hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tham gia giám sát và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày /... /2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày /.... /2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh (để đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng các dự án thu hồi				170	2.659,71	2.230,63	
I. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013				164	2.447,65	2.218,64	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				40	173,77	167,01	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	DGD	1,40	0,02	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Trường Tiểu học Hóa An 2	Biên Hòa	Hóa An	DGD	0,85	0,85	Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2017 (lần 2); Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa v/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B.
4	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	DGD	2,14	1,14	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
5	Trường Tiểu học Long Bình 2	Biên Hòa	Long Bình	DGD	0,81	0,81	Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
15	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
16	Trường Tiểu học Thái Thiện	Long Thành	Phước Thái	DGD	1,27	1,27	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 của UBND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
17	Trường Tiểu học Tam An (Giai đoạn 2)	Long Thành	Tam An	DGD	1,06	1,06	Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Long Thành về việc quyết định chủ trương đầu tư
18	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Nhơn Trạch	Long Tân, Phước Thiện	DGD	126,00	126,00	Thông báo số 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh vv địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
19	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DYT	0,17	0,17	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
20	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	DYT	0,19	0,19	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
21	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	DYT	0,15	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
22	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lập	TSC	0,12	0,12	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
23	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	1,53	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
24	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	TSC	0,18	0,18	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
25	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	DYT	0,07	0,07	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
6	Trường cao đẳng y tế và bệnh viện (Lê Quý Đôn)	Biên Hòa	Long Bình Tân	DYT	4,51	4,51	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7843517681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 2 ngày 09/3/2016; Thông báo thu hồi đất số 7081/TB-UBND ngày 17/10/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Trường TH Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	DGD	1,30	0,04	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
8	Trường TH Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	DGD	0,51	0,06	Đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án tại VB số 11029/UBND-ĐT ngày 14/8/2018 của UBND TP
9	Trụ sở làm việc các phòng ban TP. Biên Hòa	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	2,64	2,64	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa;
10	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	1,70	0,80	Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
11	Trường MN Sông Ray (ấp 10)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (bố trí vốn trong năm 2019 - 2020).
12	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
13	Trụ sở công an xã Xuân Bào	Cẩm Mỹ	Xuân Bào	TSC	0,20	0,20	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
14	Trạm y tế xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DYT	0,05	0,05	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
26	Trường TH Xuân Thạnh (Khu THHC xã)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DGD	1,00	1,00	Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc điều chỉnh, bổ sung và kế hoạch đầu tư công 6 tháng cuối năm 2018
27	Trường tiểu học Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	DGD	1,72	1,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
28	Mở rộng trường tiểu học thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGD	0,17	0,17	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
29	Công an xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	TSC	0,08	0,08	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
35	Trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DGD	0,86	0,86	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
36	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DGD	1,58	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
37	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,65	0,15	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
38	Trường MN Xuân Thành (mở rộng phân hiệu Tân Hợp)	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
39	Nhà Văn hóa Chơ rơ xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
40	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Thống Nhất	Xuân Thạnh	DGD	14,00	14,00	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải				69	645,77	524,70	
41	Hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	DGT	1,00	0,75	Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hành lang Quốc lộ 51 trước mặt tiền dự án Sơn Tiên; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
47	Mở rộng Quốc lộ 51	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	0,09	0,09	Văn bản số 9122/UBND-ĐT ngày 12/9/2017 về việc cải tạo mở rộng đoạn km4+556-km5+395, cải tạo bổ sung hệ thống thoát nước, cải tạo các nút giao thông thuộc dự án mở rộng QL 51 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
48	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
49	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	DGT	0,10	0,08	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Điều Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất
50	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	DGT	2,80	2,80	Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
51	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hố Nai	DTL	13,75	11,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;
52	Via hè đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Thanh Bình	DGT	0,00	0,00	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
53	Tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,20	1,20	Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch Văn bản số 14189/UBND-ĐT ngày 10/10/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v đầu tư các tuyến đường giao thông theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
61	Nâng cấp, mở rộng đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774) đoạn từ km1+600 đến km 7+300	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DGT	5,74	4,74	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
62	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	DGT	19,26	9,01	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
63	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
64	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	DGT	9,00	1,48	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
65	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
66	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	4,12	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
67	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	DGT	4,45	3,85	Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
68	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
78	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	0,06	0,06	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh v/v duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới cầu mít trên Hương lộ 12 huyện Nhon Trạch
79	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	3,20	3,20	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
80	Giếng khoan quan trắc	Tân Phú	Các xã	DKH	0,01	0,01	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
81	Trạm bơm dã chiến áp 2	Tân Phú	Đắc Lua	DTL	0,20	0,20	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
82	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DTL	0,30	0,30	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 duyệt điều chỉnh một số điều của Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
83	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	DGT	14,07	11,47	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
84	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An	Tân Phú	Phú An	DTL	0,20	0,20	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
85	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	DGT	1,66	0,40	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
93	Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	1,84	1,84	- Báo cáo số 885/BC-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện Trảng Bom v/v Công ty TNHH Đại Đại Hùng xin đầu tư theo hình thức BT. Văn bản số 3971/SKHĐT-DN ngày 27/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v lấy ý kiến - Văn bản số 1797/UBND-VP ngày 8/3/2018 của UBND huyện Trảng Bom tham mưu xử lý Văn bản số 706,707/SKHĐT của Sở Kế hoạch và đầu tư v/v đề xuất đầu tư Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BT. - Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
94	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
95	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,18	0,18	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
96	Đường Đất Cát	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,25	0,25	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
103	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	1,50	Quyết định 2697/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND huyện Vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại); Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
104	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	5,30	5,30	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện v.v xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
105	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	DNL	2,44	2,44	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
106	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát)	Xuân Lộc	Suối Cát	DGT	2,60	1,50	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v duyệt chủ trương đầu tư dự án Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (Ngã ba Suối Cát); đã dự kiến bố trí vốn đầu tư năm 2019
107	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	DGT	48,79	21,64	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
108	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	MNC	230,00	230,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
114	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Tam Hiệp	ODT	9,40	9,40	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
115	Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trảng An)	Biên Hòa	Tam Phước	ONT	6,40	6,40	Công văn số 7820/UBND-CNN ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo thực hiện các dự án tại xã Tam Phước của công ty CP Trảng An; Quyết định thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và Quyết định 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh điều chỉnh diện tích thu hồi trong Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008.
116	Nhà văn hóa ấp 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
117	Nhà văn hóa ấp 61	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
118	Công viên dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	DKV	0,65	0,65	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh bổ sung vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
120	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
127	Khu dân cư Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	ONT	40,00	40,00	Quyết định thu hồi đất số 2771/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh; Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu dân cư Long Hưng; còn 40 ha chưa hoàn thành công tác thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
128	Khu tái định cư số 53 (Khu đất Lâm trường Biên Hòa)	Biên Hòa	Tân Biên	ODT	6,20	6,20	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn thành phố Biên Hòa
129	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Biên Hòa	Tân Phong	ODT	1,00	1,00	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 1580/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 từ chức năng đất giáo dục sang đất ở, diện tích 0,31 ha; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 về điều chỉnh tên chủ đầu tư và Điều 1, QĐ 3495/QĐ.CT.UBT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh; đã giao đất 9,4 ha, còn 1 ha đang tiếp tục thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất
130	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Tân Phong, Bửu Long	ODT	3,95	3,95	Công văn số 2844/BQP ngày 02/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng để quy hoạch xây dựng khu gia đình quân đội Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
131	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	2,12	2,12	Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; Công văn số 7807/UBND-ĐT ngày 18/06/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh nội dung các văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư một số dự án do Công ty Đông Á Phát làm chủ đầu tư
132	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	4,02	4,02	Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
133	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,98	0,98	Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
139	Khu dân cư An Phước	Long Thành	An Phước	ONT	1,13	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư tại An Phước (Cty Vi Như)	Long Thành	An Phước	ONT	3,08	3,08	Quyết định chủ trương đầu tư số 3526/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư tại An Phước (Cty Đại Thành Công Bình Thuận)	Long Thành	An Phước	ONT	1,17	1,17	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
142	Khu đô thị dịch vụ AMATA	Long Thành	An Phước, Tam An	ONT	122,00	122,00	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3275162351 ngày 28/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 55,4 ha; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106114566 ngày 8/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 51,9 ha
143	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Bình Sơn	ONT	49,80	49,80	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
144	Khu dân cư Lộc An Mới	Long Thành	Lộc An	ONT	1,12	1,12	Quyết định chủ trương đầu tư số 3116/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Lộc An	Long Thành	Lộc An	ONT	1,00	1,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3129/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức	ONT	22,22	22,22	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
147	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức, An Phước	ONT	190,00	190,00	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
148	Khu dân cư tại Phước Bình (Cty Ngân Hà)	Long Thành	Phước Bình	ONT	1,73	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 3560/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Công văn số 5617/SXD-QLN-TTBDĐT ngày 19/11/2018 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh diện tích đất theo quy hoạch của dự án Khu dân cư Phước Bình mới, xã Phước Bình, huyện Long Thành.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
155	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Nhon Trạch	Long Tân	ONT	35,30	35,30	Văn bản số 9298/UBND-CNN ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh vv xin ý kiến Ban thường vụ tỉnh ủy chấp thuận chủ trương; Văn bản 5552-CV/TU ngày 27/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25/9/2018 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Nhon Trạch	Long Tân, Phước An	ONT	40,95	29,45	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh vv giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
157	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhon Trạch
158	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Nhon Trạch	Phước An	ONT	36,87	36,87	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhon Thành làm chủ đầu tư ; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh.
159	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	ONT	3,30	3,30	Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
168	Trạm dừng chân Tp. Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	TMD	0,53	0,53	Thông báo thu hồi đất số 3145/TB-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
169	Khu đô thị, sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân	TMD	3,34	1,30	Quyết định thu hồi đất số 1972/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013.
170	Trường PTTH và dạy nghề (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Hòa	DGD	0,92	0,61	Quyết định thu hồi đất số 1238/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường, đang lập thủ tục bồi thường.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
7	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	9,00	1,26			Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017
8	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,52			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa (đoạn từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm)
9	Ký túc xá trường ĐH Lạc Hồng (cơ sở 6)	Biên Hòa	Bửu Long	0,34	0,34			Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công văn số 5306/UBND-ĐT ngày 2/5/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc xác nhận hoàn thành bồi thường dự án KTX trường Đại học Lạc Hồng
10	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	0,13	0,13			Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
11	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70			Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa; BQLDA đề xuất tại Công văn số 375/QLDA-KT ngày 15/7/2016. Đang kêu gọi đầu tư
12	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35			Công văn số 5086/UBND-CNN ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất dự án đường ven sông Cái theo hình thức PPP, hợp đồng BT. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại NGHỊ quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa
13	Đường ven sông Cái (Đường Trần Phú)	Biên Hòa	Các phường	29,30	2,18			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
19	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	0,12	0,09			Quyết định giao đất số 846/QĐ-UBND ngày 07/04/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Liên hiệp HTX Dịch vụ nông nghiệp để xây dựng nhà máy gạch.
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 6 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	15,00	0,56			Đã có QĐ thu hồi đất
21	Trường TH Lê Văn Tám	Biên Hòa	Quang Vinh	1,00	0,47			Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 4/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
22	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	1,30	0,63			Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ Điều Hòa
23	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,16	0,16			Đất do trường tự thỏa thuận, đang lập thủ tục về đất đai xây dựng
24	Khu công nghiệp Giang Điền	Biên Hòa	Tam Phước	73,42	1,95			Đã có quyết định thu hồi đất, đã hoàn thành công tác bồi thường được 145,78 ha, còn 3 hộ chưa thu hồi xong
25	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,80		1,47		Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
26	Đường vào trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,24	0,22			Quyết định số 3522/UBND-CNN ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu KH vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
27	Trung tâm TMDV theo quy hoạch (Cty TNHH TMDV Khang Điền Thịnh)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,94	0,07			Công văn số 9787/UBND-XD ngày 14/08/2017 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty
28	Trường MN Tâm Đức (Cty TNHH MN Tâm Đức)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,21	0,18			Đã được chấp thuận chủ trương tại văn bản số 713/UBND-ĐT ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
35	Đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	120,00	4,41			Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc thu hồi đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đoạn qua các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
36	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,63	0,73			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
37	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	3,84	0,50			Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
38	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28	0,09			Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư.
39	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mây - Tân Uyên	Định Quán	Các xã	0,44	0,1			Đã hoàn thành bồi thường, bổ sung lúa để thực hiện thủ tục đất đai. Văn bản số 359/UBND-NL ngày 07/02/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV trung tâm điện lực Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, qua địa bàn huyện Định Quán.
40	Trường TH Kim Đồng	Định Quán	Gia Canh	1,25	1,00			Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện Định Quán để thực hiện dự án trường TH Kim Đồng
41	Hồ chứa nước Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	174,00			7,66	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về bổ sung đầu tư công năm 2018 tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II mục IV phần b số thứ tự 8)
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	0,02			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
50	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75	1,00			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 17)
51	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	4,45	0,80			Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
52	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	0,10			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
53	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	Định Quán	TT.Định Quán	0,02	0,01			Văn bản số 45/TTPTQĐ ngày 06/9/2018 của TTPTQĐ huyện Định Quán về rà soát và đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của TTPTQĐ huyện Định Quán
54	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (Gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	0,02			Quyết định 1952/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ ro. Nghị quyết 83, phụ lục 3, mục III.b, STT 2: đây là 1 hạng mục trong làng văn hóa đồng bào Chơ ro
55	Kiên cố hạ lưu Suối Cải (chống ngập úng khu vực Suối Cải)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	9,43			Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
61	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	4,48	1,85			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Dự thảo Đầu tư công năm 2019 tại Phụ lục 9, STT 19 dự án đường Tà Lài - Trà Cỏ
62	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	8,82	3,78			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
63	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	0,13			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
64	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,66	0,02			Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
65	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	3,85	0,99			Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 (PL9, STT20)
66	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	18,22	6,34			Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
67	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	3,43	0,85			Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 cho Ban Quản lý Dự án lưới điện Miền Nam

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
75	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	2,44	1,16			Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
76	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	1,01	0,66			Văn bản số 10840/UBND-CNN ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và hướng tuyến đường dây đầu nối
77	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	48,79	2,27			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	230,00	1,95			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
79	Điểm trung chuyển rác	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,40	0,16			Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27/06/2017 của UBND huyện Xuân Lộc V/v Xác định địa điểm trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện Xuân Lộc Đất công do UBND xã Xuân Phú quản lý
80	Trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30			Văn bản số 4571/UBND-KT ngày 24/09/2018 của UBND huyện Xuân Lộc V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng trang trại chăn nuôi gà đẻ và các khu vực phụ trợ tại huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH TM-DV-SX và Chăn nuôi Thanh Đức làm chủ đầu tư
81	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,58	0,38			Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã		12,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường		16,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
20	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Khánh	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã		11,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Trảng Bom	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		9,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã		22,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
45	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
7	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo số 271/BC-BQLDAĐT XD ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đề nghị tỉnh bố trí vốn
8	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
9	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
10	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
11	Đường giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Long Thành, Cẩm Mỹ	Các xã	DGT	193,38	Thông báo số 11631/TB-UBND ngày 31/10/2018 của PCT.UBND tỉnh Trần Văn Vinh về việc thống nhất về hướng tuyến các tuyến đường kết nối cảng HKQT Long Thành.
12	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhơn Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch
13	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	Đã hoàn thành phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự kiến triển khai vào quý IV năm 2018.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
21	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
22	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
23	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
24	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
30	Trường THCS Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
31	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về Chủ trương đầu tư dự án sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
32	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DVH	1,04	1,04	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý (ghi vốn năm 2018)
33	Trường MN Cây Gáo	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DGD	1,20	1,20	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
34	Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DVH	0,07	0,03	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
42	Xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch (Đường N1)	Biên Hòa	Bình Đa	DGT	0,24	0,24	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch từ đường Vũ Hồng Phô đến hết phần đất dọc theo đất khu dân cư Bình Đa
43	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	9,00	1,80	Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017; điều chỉnh lại diện tích lên 9 ha
44	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DTL	1,85	0,38	Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2018, điều chỉnh tăng thêm diện tích; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông ĐỒNG NAI (đoạn từ cầu rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía cù lao Phố); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương) Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
45	Đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	DGT	17,92	17,92	Quyết định số 3618/UBND-XDCB ngày 26/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường chuyên dùng VLXD - Văn bản số 1125/SKHĐT-DN ngày 3/4/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc đầu tư tuyến nối vào đường Võ Nguyên Giáp thuộc tuyến dự án BOT đường chuyên dùng VLXD Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
46	Đường từ Hương lộ 2 đầu nối vào đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	5,30	5,30	Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của PCT UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh về việc đề xuất đầu tư tuyến đường Hương lộ 2 nối dài Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
54	Đường Nguyễn Văn Hoa	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,60	1,60	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
55	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,60	0,76	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh diện tích từ 1,6 ha lên
56	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,70	1,70	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương)
57	Nâng cấp đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	DGT	7,20	3,60	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
58	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DNL	1,63	0,76	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
59	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	3,10	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
60	Giếng khoan quan trắc	Định Quán	Các xã	DKH	0,03	0,03	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
69	Nâng cấp đường ĐT.763 (đoạn qua thị xã Long Khánh).	Long Khánh	Bảo Quang	DGT	0,05	0,05	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
70	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Làng văn hóa Đồng bào dân tộc Choro	Long Khánh	Bảo Vinh	DTL	0,24	0,24	Văn bản số 10620/UBND-CNN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro tại xã Bảo Vinh (GD1); Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018.
71	Đường Cây Khế - Bưng Môn	Long Thành	Long An	DGT	2,70	0,70	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
72	Đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	3,09	0,09	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
73	Hẻm 21 đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	1,02	0,02	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
74	Hẻm 109 đường Khai Thác Đá 3	Long Thành	Long An	DGT	3,44	0,34	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
75	Nâng cấp đường Long Đức-Long An	Long Thành	Long Đức-Long An	DGT	10,00	0,10	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020
76	Trung tâm Logistic Long Thành	Long Thành	Tân Hiệp		67,50	67,50	Văn bản số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh v/v xin ý kiến Tập đoàn Cao su Việt Nam về địa điểm đầu tư dự án Trung tâm Logistic Long Thành tại huyện Long Thành; Công văn số 91/HDQTCSVN-KHĐT ngày 21/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thông nhất theo Công văn số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh (thu hồi giao Trung tâm phát triển Quỹ đất đầu giá); Văn bản số 1098/UBND-CNN ngày 18/10/2018 v/v đầu giá quyền sử dụng đất xây dựng trung tâm logistic Long Thành
77	Nạo vét và gia cố bờ kè suối Quán Thủ	Long Thành	TTLong Thành - Lộc An	DTL	31,04	1,04	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
86	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	DGT	4,48	3,46	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
87	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	DGT	8,82	8,82	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
88	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
89	Giếng khoan quan trắc	Thống Nhất	Hung Lộc; Quang Trung	DKH	0,02	0,02	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
90	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	DGT	3,85	3,85	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
91	Đường U1 Tân Thành đi xã Sông Thao	Trảng Bom	Thanh Bình	DGT	5,70	4,50	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
92	Đường Hà Huy Tập	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	0,45	0,45	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
97	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	SON	4,68	4,68	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
98	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
99	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
100	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	SON	7,00	7,00	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
101	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	DTL	1,00	1,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
102	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
109	Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DRA	1,88	1,88	Quyết định số 413/QĐ-UBND ng 11/02/2015 của UBND tỉnh V/v cho công ty TNHH Cù Lao Xanh thuê đất để thực hiện dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Văn bản số 8015/UBND-ĐT ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh ranh giới, vị trí dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				13	49,81	45,05	
110	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Bình Đa, Tam Hiệp, An Bình	ODT	2,33	2,33	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
111	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	28,60	25,20	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
112	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	0,56	0,07	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
113	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	DKV	1,30	0,43	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ điều hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
122	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	TON	0,21	0,21	Thông báo thu hồi đất số 2711/TB-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng				42	1.578,31	1.481,88	
123	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	ODT	3,24	1,72	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
124	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	0,13	0,13	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
125	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	9,53	9,53	Công văn số 12286/UBND-CNN ngày 27/11/2017 ghi nhận công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc là nhà đầu tư đề xuất dự án đường Nguyễn Du theo hình thức BT.
126	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	ODT	5,51	0,05	Văn bản số 3143/UBND-ĐT ngày 8/9/2011 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương Văn bản số 247/VBTĐ-STNMT ngày 23/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
134	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	30,62	8,22	Thông báo số 3949/TB-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất; Văn bản số 132/UBND-CNN ngày 05/1/2018 của UBND tỉnh v/v chủ trương điều chỉnh ranh quy hoạch dự án khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); còn 3,92 ha chưa hoàn thành thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
135	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	3,71	3,71	Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,15	0,15	Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa v/v thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch; Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
137	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	ODT	1,10	0,55	Văn bản số 3799/UBND-ĐT ngày 7/10/2013 của UBND thành phố chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở Khu dân cư giai đoạn 2
138	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
149	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Long Thành	Tam An	ONT	753,10	753,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1965/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3220817410 ngày 4/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
150	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,76	2,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 3117/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
151	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,55	2,55	Quyết định chủ trương đầu tư số 3118/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
152	Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,91	0,31	Văn bản số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
153	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,50	0,50	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1265/UBND-KT ngày 25/3/2013 của UBND huyện Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
154	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Nhơn Trạch	Đại Phước	ONT	55,33	22,75	Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1:500 khu đô thị Du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch; Công văn số 731/UBND-CNN ngày 26/1/2007 của UBND tỉnh vv chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	ONT	6,62	6,62	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Cụm CN Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	SKN	50,00	50,00	Đã được thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 nhưng vị trí tại xã An Viễn, Nay quy hoạch được phê duyệt đã điều chỉnh sang xã Đồi 61 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
162	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	ONT	18,22	18,22	Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
163	Cụm công nghiệp VLXD Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	SKN	21,82	8,00	- QĐ thuê đất đợt 1 số 1192/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 (13,9); QĐ thuê đất đợt 2 số 3138/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 (19,64ha); QĐ thuê đất đợt 3 số 3648/QĐ ngày 16/10/2017 (8,54 ha). Còn lại 8 ha chưa hoàn thành thu hồi
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Tân An	ONT	9,83	9,83	Quyết định chủ trương đầu tư số 3071/QĐ-UBND ngày 30/8/2018
II. Dự án thu hồi đất theo khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP				6	212,06	11,99	
165	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	25,07	4,28	Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
166	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	Biên Hòa	An Hòa	TMD	179,50	5,00	Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh (373,62 ha); tuy nhiên đến nay còn 5 ha chưa thu hồi xong, đo vẽ đưa vào danh mục thu hồi để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004
167	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Biên Hòa	Long Bình	TMD	2,70	0,27	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất được 1,9 ha; còn 0,27 ha đăng ký để tiếp tục thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2019
TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng			1.351,00	101,31	21,21	7,66	
1	KDC an bình mở rộng (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi Giang Điền)	Biên Hòa	An Bình	2,47	0,32			Có quyết định giao đất hết theo luật cũ, còn 10 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường; Hiện nay đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
2	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình)	Biên Hòa	An Bình	2,40	1,10			Đã hoàn thành kiểm đếm; đang lập phương án bồi thường
3	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	3,24	0,71			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
4	Khu dân cư số 10 (Công ty CP BDS Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	4,90			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất
5	Khu đất đấu giá số 2, 3 (tờ 20 thửa 46; tờ 45 thửa 3)	Biên Hòa	An Hòa	0,72	0,87			Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý; Đã phê duyệt giá khởi điểm tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND tỉnh
6	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Hóa An	55,34	3,44			Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 nối dài. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
14	Mở rộng trường TH Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,05			Công văn số 7032/UBND-ĐT ngày 29/7/2016 của UBND thành phố Biên Hòa vv chấp thuận chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa năm 2017 (lần 2)
15	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	Biên Hòa	Hóa An	2,21	0,01			Công văn số 3267/UBND-XDCB ngày 19/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc góp ý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
16	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,77			Tờ trình số 9291/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của UBND TP. Biên Hòa vv xin điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Long Bình Tân (vị trí đoạn đường giao thông nằm giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến tại khu vực đất của dự án mở rộng Cảng Đồng Nai do Cty CP Cảng Đồng Nai làm chủ đầu tư); thông báo thu hồi đất số 2638/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
17	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,99	0,10			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 về thông qua danh mục thu hồi đất từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2014; còn 0,1 ha đất lúa đăng ký thực hiện công tác giao đất
18	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,05			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh vv báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,14			Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
30	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	2,12	0,02			Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
31	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	4,02	0,35			Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
32	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,15	0,14			Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
33	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,99			Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
34	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	3,71	2,64			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 với diện tích 1,85 ha đất lúa (nằm trong dự án khu đất tạo vốn đường ven sông Cái). Nay rà soát lại là 2,64 ha. Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án; Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
43	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	19,26	0,65			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 18)
44	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03			Thông báo kết luận số 197/TB-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện Định Quán về thực hiện các dự án nông thôn mới xã Ngọc Định
45	Dự án Trang trại chăn nuôi gà tại huyện Định Quán của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm Hai	Định Quán	Phú Hòa	12,40	6,47			Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
46	Đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774)	Định Quán	Phú Hòa	5,74	1,15			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 19)
47	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	0,12			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
48	Trường THCS Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	2,00	0,42			Chuyển tiếp để hoàn thành các thủ tục đất đai. Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Định Quán về đề nghị giao đất cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án Trường THCS Suối Nho tại ấp 4
49	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	0,54			Đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục đất đai. Văn bản số 315/TB-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện kết luận chấp thuận bổ sung quy hoạch kế hoạch huyện Định Quán

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
56	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	Long Khánh	X.Hòa; P.Bình; Xuân Tân	6,11	0,26			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
57	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	4,50	1,00			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 tuy nhiên do điều chỉnh ranh giới dự án nên tăng thêm 1 ha đất trồng lúa; Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
58	Khu dân cư theo quy hoạch tại TILT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,90	0,30			VB số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
59	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	3,30	3,25			Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch
60	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	14,07	3,33	1,02		Có kế hoạch bố trí vốn thực hiện trong năm 2019 tại Phụ lục 2, mục C, STT 2

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
68	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
69	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	4,68	2,07			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
70	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,37	0,37			Công văn số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí
71	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	7,00	6,55			Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
72	Mô đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	25,07	1,20			Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
73	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	3,00	0,5			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
74	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú và Bình Lợi	5,3	0,7			Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện vv xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
82	Khu dân cư (ấp Trảng Táo)	Xuân Lộc	Xuân Thành, Xuân Tâm, Xuân Trường	221,04	2,82	18,72		Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất của BQL RPH Xuân Lộc giao cho các xã Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường quản lý. Văn bản số 4957/UBND-CNN ngày 18/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v lập, thẩm định, phê duyệt đối phương án sử dụng đối với diện tích bàn giao địa phương quản lý. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất theo phương án sử dụng đất.
	II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân							
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường, xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Long Thành	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
24	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		13,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhơn Trạch	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn		10,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã		26,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
48	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
49	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
50	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
51	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
52	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng số dự án					293,23	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cánh
2	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
3	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
4	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
6	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
14	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
15	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú.
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
17	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
18	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	DGD	1,50	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
19	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,69	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
20	Trạm y tế xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,08	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của

Số: 12883/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Điều chỉnh, bổ sung Tờ trình số 12213/TTr-UBND ngày 12/11/2018
của UBND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất;
dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất năm 2019 tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong trường hợp:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”.

Đối với việc thực hiện các dự án có sử dụng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định *“Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 hécta đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.*

Đối với việc điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án, tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định:

“- Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo.

- Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2019, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án cần thiết phải điều chỉnh về địa điểm thực hiện dự án mà phải thu hồi đất quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Các dự án cần thu hồi đất phải theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai

năm 2013; dự án điều chỉnh vị trí thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 mà đang thực hiện dang dở, cần thiết phải điều chỉnh thời gian thực hiện để lập thủ tục đất đai.

III. Quá trình xây dựng dự án văn bản:

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 9646/UBND-CNN về việc rà soát báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và rà soát lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 11628/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 02/11/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 836/HĐND-VP về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp nhu cầu của các ngành, địa phương, lập danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thực hiện các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ngày 12/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 9646/UBND-CNN giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa rà soát, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các địa phương; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa để thực hiện các nội dung nêu trên.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả triển khai các dự án, công trình thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 01/09/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

1. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 481 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 4.113,63 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả thực hiện như sau:

Tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 296 dự án với diện tích thu hồi là 2.777,50 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 67,52% về diện tích và đạt 61,54% tổng số dự án, cụ thể:

1.1. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có quyết định thu hồi đất là 90 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 106,45 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương (sau đây viết tắt là theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 19 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 10,23 ha.

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải (sau đây viết tắt là theo điểm b, khoản 3,

Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 31 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 53,97 ha.

+ Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa; nhà tang lễ, nhà hỏa táng (sau đây viết tắt là theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 38 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 39,73 ha.

+ Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (sau đây viết tắt là theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 02 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2,52 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 01 kèm theo)

1.2. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đã có thông báo thu hồi đất là 58 dự án với diện tích thu hồi đất là 281,83 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 21 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 20,14 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 110,89 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 12 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 91,59 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ: 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 49,32 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 02 kèm theo)

1.3. Các công trình, dự án đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất là 148 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 2.389,22 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 38,06 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 50 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 282,66 ha.

+ Dự án theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 25 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 419,22 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.569,28 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 80 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 03 kèm theo)

1.4. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại các Nghị quyết trên, đến nay chưa triển khai thực hiện là 185 dự án với diện tích là 1.336,13 ha, chiếm 32,48% về diện tích và 38,46% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 34 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 23,20 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 58 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 610,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 75 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 71,26 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 18 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 630,78 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 04 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 là 78 dự án với diện tích 111,81 ha. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 84,06 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 10,29 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa:

Tổng số dự án đã được thông qua là 71 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 84,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 44 dự án với diện tích đất trồng lúa là 53,44 ha đạt 63,57% về diện tích và đạt 61,97% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 5 dự án với diện tích 0,88 ha.
- Dự án đã có quyết định thu hồi đất: 4 dự án với diện tích là 10,51 ha.
- Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 11 dự án với diện tích là 15,72 ha.
- Dự án đã có chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý: 24 dự án với diện tích 26,33 ha.

2.2. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 5 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 10,29 ha. Trong đó, tổng số dự án đang triển khai thực hiện là 4 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 10,2 ha đạt 99,13% diện tích và đạt 80% về số dự án. Trong đó đã có quyết định thu hồi đất là 2 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ 0,15 ha; 02 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ 10,05 ha, đã có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý.

2.3. Dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng

Tổng số dự án đã được thông qua là 2 dự án, sử dụng từ đất rừng đặc dụng là 14,06 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 01 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 0,49 ha đạt 3,49% diện tích và đạt 50% về số dự án.

2.4. Các dự án chưa thực hiện

Tổng số dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chưa triển khai thực hiện là 29 dự án với diện tích 44,28 ha, trong đó các dự án sử dụng đất trồng lúa chưa triển khai thực hiện là 27 dự án với diện tích đất trồng lúa là 30,62 ha; các dự án sử dụng đất rừng phòng hộ chưa triển khai thực hiện là 01 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 0,09 ha; các dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 01 dự án với diện tích đất rừng đặc dụng là 13,57 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 5 kèm theo)

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân:

- Chuyển từ đất lúa sang đất ở là 5,14 ha (Biên Hòa 0,01 ha, Cẩm Mỹ 0,08 ha, Định Quán 0,82 ha, Long Khánh 0,36 ha, Long Thành 0,45 ha, Tân Phú 0,09 ha, Trảng Bom 0,64 ha, Vĩnh Cửu 1,21 ha, Xuân Lộc 0,48 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 38,15 ha (Cẩm Mỹ 3,61 ha, Định Quán 7,11 ha, Long Thành 9,7 ha, Tân Phú 0,86 ha, Trảng Bom 4,06 ha, Vĩnh Cửu 8,11 ha, Xuân Lộc 1,64 ha, thị xã Long Khánh 3,06 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 0,65 ha (thuộc huyện Vĩnh Cửu).

- Chuyển đất lúa sang đất nông nghiệp khác là 6,17 ha (Cẩm Mỹ 3,77 ha, Tân Phú 1,73 ha, Xuân Lộc 0,67 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,12 ha (Vĩnh Cửu 0,06 ha, Xuân Lộc 0,06 ha).

4. Đánh giá chung

Như vậy, kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 đạt gần 70% về diện tích và trên 60% về số lượng dự án đã phân nào đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Số lượng dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao

thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

Để việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả cao hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tập trung thực hiện các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tỉnh Đồng Nai.

V. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh – thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm 2015, 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1. Kết quả thực hiện

1.1. Kết quả thực hiện các dự án cần thu hồi đất

Qua tổng hợp báo cáo bằng văn bản của các địa phương về kết quả triển khai thực hiện các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất

trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/10/2018 và ước thực hiện đến 31/12/2018 như sau:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 là 1.071 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 708 dự án với diện tích thu hồi là 6.019,11 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 85,30% về diện tích và đạt 66,11% tổng số dự án, cụ thể:

a. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có quyết định thu hồi đất là 468 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,02 ha, cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 106 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 85,79 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 127 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 427,82 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 198 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 217,34 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 36 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.179,04 ha.

+ Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản (sau đây viết tắt là theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013): 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1,03 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 1. Số lượng dự án đã có quyết định thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	53	207,18
2	Cẩm Mỹ	44	89,64
3	Xuân Lộc	21	483,08
4	Trảng Bom	47	43,83
5	Thống Nhất	32	68,99
6	Long Thành	44	156,63
7	Nhơn Trạch	28	552,07
8	Định Quán	69	40,96
9	Tân Phú	40	14,15
10	Vĩnh Cửu	58	223,22
11	Long Khánh	30	19,25
	Các huyện	2	12,02
	Tổng	468	1.911,02

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện tại Phụ lục số 6 kèm theo)

b. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 25,69 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 48 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 506,99 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 32 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 93,54 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 24 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.091,80 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 2. Số lượng công trình đã có thông báo thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	32	353,51
2	Cẩm Mỹ	2	27,56
3	Xuân Lộc	3	15,83
4	Trảng Bom	10	257,52
5	Thống Nhất	6	5,83
6	Long Thành	8	191,48
7	Nhơn Trạch	33	789,36
8	Định Quán	1	2,40
9	Tân Phú	24	14,44
10	Vĩnh Cửu	5	53,05
11	Long Khánh	6	7,04
	Tổng	130	1.718,02

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 7 kèm theo)

c. Các công trình, dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất:

Tổng số dự án đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang triển khai các bước để lập thủ tục thu hồi đất là 110 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.390,07 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 20 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 14,89 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 35 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 364,51 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 26 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 371,96 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 29 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.638,71 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 3. Số lượng công trình đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, đang lập thủ tục thu hồi đất

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	16	803,38
2	Cẩm Mỹ	2	0,24
3	Xuân Lộc	3	6,27
4	Trảng Bom	1	0,50
5	Thống Nhất	2	0,44
6	Long Thành	20	527,43
7	Nhơn Trạch	25	725,04
8	Định Quán	2	178,36
9	Tân Phú	4	1,18
10	Vĩnh Cửu	6	16,66
11	Long Khánh	28	84,47
	Các huyện	1	46,10
	Tổng	110	2.390,07

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 8 kèm theo)

d. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án chưa triển khai thực hiện là 363 dự án với diện tích là 1.037,12 ha, chiếm 14,70% về diện tích và 33,89% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Phân theo các nhóm dự án:

+ Dự án thu hồi đất theo điểm a, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 105 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 51,58 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 135 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 258,60 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 103 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 117,96 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 17 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 551,58 ha.

+ Dự án thu hồi đất theo điểm đ, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 03 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 57,40 ha.

- Phân theo đơn vị hành chính:

Bảng 4. Số lượng công trình chưa triển khai thực hiện theo đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số	
		Số lượng	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	33	165,93
2	Cẩm Mỹ	25	86,37
3	Xuân Lộc	16	12,12
4	Trảng Bom	29	121,66
5	Thống Nhất	118	85,34
6	Long Thành	21	34,29
7	Nhơn Trạch	16	253,84
8	Định Quán	27	28,65
9	Tân Phú	22	16,28
10	Vĩnh Cửu	35	145,25
11	Long Khánh	19	18,67
	Các huyện	2	68,71
	Tổng	363	1.037,12

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 9 kèm theo)

1.2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 184 dự án với diện tích 2.509,66 ha. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 250,96 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng là 2,80 ha. Kết quả thực hiện như sau:

a. Dự án có sử dụng đất trồng lúa

Tổng số dự án đã được thông qua là 175 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 114 dự án với diện tích đất trồng lúa là 167,86 ha đạt 66,89% về diện tích và đạt 65,14% về số dự án. Cụ thể:

- Số lượng dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 47 dự án với diện tích 61,02ha.

- Số lượng dự án đã có quyết định thu hồi đất: 39 dự án với diện tích là 66,88 ha.

- Số lượng dự án đã có thông báo thu hồi đất: 19 dự án với diện tích là 24,44 ha.

- Số lượng dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang triển khai lập các thủ tục pháp lý: 9 dự án với diện tích 15,52 ha.

b. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 08 dự án, sử dụng từ đất rừng phòng hộ là 12,84 ha. Hiện nay toàn bộ các dự án này đều đã hoặc đang triển khai thực hiện, đạt 100% kế hoạch. Cụ thể:

- Số lượng dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 02 dự án với diện tích 7,8 ha.

- Số lượng dự án đã thu hồi đất: 03 dự án với diện tích là 3,314 ha.

- Số lượng dự án đã có thông báo thu hồi đất: 02 dự án với diện tích là 1,68 ha.

- Số lượng dự án đã có chủ trương đầu tư, hiện nay đang triển khai lập các thủ tục pháp lý: 01 dự án với diện tích 0,05 ha.

c. Các dự án chưa thực hiện

Tổng các dự án chưa triển khai thực hiện là 62 dự án với tổng diện tích 85,91 ha, trong đó 61 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha; 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất rừng đặc dụng là 2,80 ha.

(Chi tiết kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được thể hiện trong Phụ lục số 10 kèm theo)

2. Đánh giá chung

Như vậy, tổng số lượng dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Dự án, công trình cần thu hồi đất là 1.071 dự án, với diện tích cần thu hồi đất là 7.056,23 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 468 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.911,02 ha.

+ Đang thực hiện là 240 dự án với diện tích thu hồi 4.108,09 ha (đã có thông báo thu hồi đất là 130 dự án với diện tích thu hồi đất là 1.718,02 ha; đã được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập các thủ tục thu hồi đất là 110 dự án với diện tích thu hồi đất là 2.390,07 ha).

+ Dự án chưa triển khai thực hiện là 363 dự án với diện tích là 1.037,12 ha, chiếm 14,70% về diện tích và 33,89% về số lượng dự án.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 175 dự án, sử dụng đất trồng lúa là 250,96 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện là 47 dự án với diện tích là 61,01 ha.

+ Đang triển khai thực hiện là 67 dự án với diện tích đất trồng lúa 106,84 ha (đã có quyết định thu hồi đất 39 dự án với diện tích 66,88 ha, có thông báo thu hồi đất là 19 dự án với diện tích là 24,44 ha, có chấp thuận chủ trương hoặc thỏa thuận địa điểm, đang lập thủ tục đất đai 09 dự án với diện tích 15,52 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 61 dự án với diện tích đất trồng lúa là 83,11 ha.

- Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng là 09 dự án (sử dụng đất rừng phòng hộ là 08 dự án/12,84 ha, sử dụng đất rừng đặc dụng 01 dự án/2,8 ha). Trong đó:

+ Đã thực hiện là 02 dự án với diện tích là 7,8 ha.

+ Đang thực hiện là 06 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 5,044 ha (đã có quyết định thu hồi đất 3 dự án với diện tích 3,314 ha, có thông báo

thu hồi đất là 02 dự án với diện tích 1,68 ha; đã có chủ trương đang thực hiện các thủ tục đất đai khác là 01 dự án với diện tích 0,05 ha).

+ Chưa triển khai thực hiện là 01 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích 2,80 ha.

- Các dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm, chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân. Một phần trong quá trình triển khai thực hiện, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên phải đổi địa điểm khác dẫn đến chưa thực hiện được thủ tục đất đai.

- Các dự án đang triển khai thực hiện phần lớn là các dự án có quy mô lớn, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để thực hiện thu hồi đất, giao đất hoặc thuê đất. Việc thực hiện các thủ tục này đối với các dự án sử dụng đất với quy mô lớn rất phức tạp và mất nhiều thời gian.

3. Ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai năm 2013: *“Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất”*.

- Căn cứ khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

“Đối với diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để sử dụng vào mục đích khác nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật đất đai và không phải làm lại thủ tục xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua

theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật đất đai nếu tiếp tục thực hiện dự án”.

Từ căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

VI. Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm 2019 tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện dự án. Qua rà soát, tổng hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2019 tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

VI.1. Các dự án cần thu hồi đất năm 2019

Tổng số dự án cần thu hồi đất trong năm 2019 là 170 dự án với tổng diện tích là 2.659,71 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha, cụ thể:

1. Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 164 dự án với tổng diện tích là 2.447,65 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2.218,64 ha, cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 40 dự án/173,77 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 167,01 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô

thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 69 dự án/645,77 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 524,70 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 13 dự án/49,81 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 45,05 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 42 dự án/1.578,31 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1.481,88ha.

2. Thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ:

Tổng số dự án cần thu hồi đất theo Khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là 06 dự án/212,06 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 11,99 ha.

Các dự án cần thu hồi đất năm 2019 phân theo đơn vị hành chính như sau:

Bảng 5. Số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích thu hồi (ha)
1	Biên Hòa	52	244,22
2	Cẩm Mỹ	8	8,92
3	Định Quán	10	43,27
4	Long Khánh	5	1,50
5	Long Thành	24	1.224,59
6	Nhơn Trạch	10	270,61
7	Tân Phú	18	27,42
8	Thống Nhất	5	16,53
9	Trảng Bom	8	80,75
10	Vĩnh Cửu	18	50,012
11	Xuân Lộc	11	259,38
	Liên huyện	1	3,43
Tổng		170	2.230,632

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 11 kèm theo)

3. Đối với 09 dự án với tổng diện tích là 16,88 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 8,28 ha, đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thỏa thuận địa điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

VI.2. Các dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

Tổng số dự án điều chỉnh vị trí thực hiện là 24 dự án với tổng diện tích 293,23 ha, trong đó có: 01 dự án đất di tích, 06 dự án đất giáo dục, 03 dự án đất giao thông, 02 dự án đất năng lượng, 02 dự án đất xử lý rác thải, 04 dự án đất văn hóa - sinh hoạt cộng đồng, 04 dự án đất thủy lợi và 02 dự án đất ở.

Bảng 6. Số lượng dự án, công trình cần điều chỉnh quy mô, vị trí năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)
1	Biên Hòa	2	53,86
2	Cẩm Mỹ	2	4,54
3	Định Quán	5	24,79
4	Long Khánh	1	0,51
5	Nhơn Trạch	1	7,06
6	Tân Phú	4	1,73
7	Thống Nhất	4	3,57
8	Vĩnh Cửu	2	0,28
9	Xuân Lộc	1	0,08
10	Liên huyện	2	196,81
Tổng		24	293,23

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 12 kèm theo)

VI.3. Các trường hợp có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019.

1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 là 82 dự án với tổng diện tích đất trồng lúa 101,31 ha, đất rừng phòng hộ 21,21 ha, đất rừng đặc dụng 7,66 ha, cụ thể như sau:

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa là 78 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 95,16 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng phòng hộ là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,47 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 01 dự án, trong đó sử dụng đất rừng đặc dụng là 7,66 ha.

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ: 2 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 6,15 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 19,74 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

Đối với 07 dự án sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích là 12,71 ha, trong đó diện tích đất lúa là 4,01 ha, đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thỏa thuận địa điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

2. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2019.

- Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 126 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 7,0 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 15 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 10 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 16 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 15 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 9 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 22 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 15 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm là 7 ha, trong đó:

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 3 ha.

+ Tại các xã của huyện Xuân Lộc: 4 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 21 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 2 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 3 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 2 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 94 ha, trong đó:

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 12 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 15 ha.

+ Tại các xã của thị xã Long Khánh: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Thống Nhất: 5 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 11 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 10 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 26 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 65 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 8 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 3 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 5 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 13 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 7 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 9 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 10 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 25 ha, trong đó:

+ Tại các phường, xã của thành phố Biên Hòa: 5 ha.

+ Tại các xã của huyện Cẩm Mỹ: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Định Quán: 1 ha.

+ Tại các phường, xã của thị xã Long Khánh: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Long Thành: 2 ha.

+ Tại các xã của huyện Nhơn Trạch: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Tân Phú: 1 ha.

+ Tại các xã của huyện Thống Nhất: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Trảng Bom: 1 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Vĩnh Cửu: 2 ha.

+ Tại các xã, thị trấn của huyện Xuân Lộc: 5 ha.

VII. Tổ chức thực hiện

Sau khi danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện, trong đó cập nhật đầy đủ danh mục dự án thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cùng các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cũng như giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp chặt chẽ với Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án thuộc trường hợp thu hồi đất, các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua từ năm 2015, 2016 mà đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục đất đai, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, CNN, KT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Cầu Đồng Nai mới và tuyến 2 đầu cầu từ ngã 3 Tân Vạn đến điểm cuối tuyến QL1 tránh TPBH	Biên Hòa	An Bình; Long Bình Tân	0,29
2	Đình Bình Long - Miếu Bà Ngũ Hành	Biên Hòa	Bửu Hòa	0,06
3	Xây dựng Tòa án thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	0,40
4	Nút giao thông ngã tư Amata và Tam Hiệp	Biên Hòa	Các phường	0,03
5	Khu dân cư số 32 (Cty CP Kinh doanh nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,87
6	Trạm bơm kết hợp quan trắc tự động	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01
7	Xây dựng trụ sở Đội nghiệp vụ số 2 Cục Hải quan	Biên Hòa	Tam Phước	0,39
8	Mở rộng chợ Sắt	Biên Hòa	Tân Biên	0,08
9	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Hiệp	4,64
10	Đường Lê A (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,07
11	Đường vào trạm bơm số 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
12	Trường THCS Trảng Dài 2	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80
13	Khối đoàn thể phường Trung Dũng (vị trí Quỹ Tín dụng phường)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,01
14	Chống ngập úng tại ngã 5 Biên Hùng	Biên Hòa	Trung Dũng, Thanh Bình	0,68
15	Trạm bơm nước Hồ Sông Ray	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,11
16	Giáo xứ Gia Vinh	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	2,00
17	Giáo xứ Thiên Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	1,55
18	Giáo xứ Suối Cà	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,31
19	Trường MN Sơn Ca điểm chính (mở rộng)	Định Quán	Gia Canh	0,34
20	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05
21	Nhà văn hóa ấp Hòa Hiệp	Định Quán	Ngọc Định	0,03
22	Trụ sở Công an xã	Định Quán	Suối Nho	0,23
23	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Định Quán	Thanh Sơn	0,17
24	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 4	Định Quán	Thanh Sơn	0,28
25	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Thanh Sơn	0,21
26	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 6	Định Quán	Thanh Sơn	0,54
27	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,20
28	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,20
29	Trụ sở kho bạc	Định Quán	TT.Định Quán	0,13
30	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,47
31	Đường Cách Mạng Tháng 8	Định Quán	TT.Định Quán	2,14
32	Đường Lương Thế Vinh	Định Quán	TT.Định Quán	0,40
33	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20
34	Mở rộng Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,45
35	Đường Ruộng đồng - Ruộng tràm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,31
36	Trường Mầm non Tuổi Thơ (phân hiệu ấp 4 xã Bình Lộc)	Long Khánh	Bình Lộc	0,12
37	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	Long Khánh	Phú Bình	0,20
38	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 24 ấp Suối Tre)	Long Khánh	Suối tre	0,83
39	Đường số 4 (Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,06
40	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và đấu nối	Long Khánh	Suối Tre, Xuân Trung	0,68
41	Khu văn hóa - TDTT (tại khu đất thuộc bệnh viện đa khoa Long Khánh cũ)	Long Khánh	Xuân An	1,62

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
42	Trụ sở BCHQS phường Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,01
43	Lưới điện trung thế nông thôn sinh hoạt thị xã (tuyến tổ 8, khu Suối Hôn, xã Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	1,40
44	Trường Mẫu giáo Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,29
45	Đường nội đồng tổ 2	Long Khánh	Xuân Tân	0,70
46	Đường số 3 nối dài đi Phú Bình	Long Khánh	Xuân Tân	1,24
47	Giáo xứ Minh Long	Long Thành	Bình An	0,40
48	Cống thoát nước khu dân cư D2D	Long Thành	Lộc An	0,18
49	Viện Chuyên Tu	Long Thành	Lộc An	0,91
50	Khu dân cư (công ty Vi như)	Long Thành	Lộc An	1,65
51	Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm	Long Thành	Phước Thái	0,03
52	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Nhon Trạch	Phú Hội	0,70
53	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Nhon Trạch	Phước Thiện	0,43
54	Khu dân cư đô thị	Nhon Trạch	Phước Thiện	12,66
55	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,30
56	Nhà văn hóa ấp Phú Hợp A, Phú Hợp B	Tân Phú	Phú Bình	0,03
57	Trường MN Phú Lộc (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lộc	0,65
58	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
59	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 1)	Tân Phú	Phú Lộc	0,05
60	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,31
61	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 4	Tân Phú	Phú Sơn	0,04
62	Trường TH dân tộc Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	1,11
63	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,08
64	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Tà Lài	0,09
65	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Tà Lài	0,06
66	Trường TH Lê Văn Tám cơ sở 1 (mở rộng)	Tân Phú	Trà Cỏ	0,88
67	Đường vào khu công nghiệp (đoạn từ ranh khu TMDV 55 ha đến ranh khu công nghiệp)	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,50
68	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,04
69	Trung tâm Mục vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	13,63
70	Nâng cấp đường số 10, ấp 4, xã An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,30
71	Đường cây Da ấp Tân Hoa - Tân Hợp (Nâng cấp, mở rộng đường từ đường 19/5 đến chùa Pháp Bảo)	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,84
72	Nâng cấp mở rộng đường nối đường Hưng long- Lộ 25 với đường Đông Hòa 07km (đường dốc Độc)	Trảng Bom	Đông Hòa	0,25
73	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Trảng Bom	Đông Hòa	0,04
74	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Quảng Đà	Trảng Bom	Đông Hòa	0,07
75	Trường TH Trần Phú	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,70
76	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	2,40
77	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	28,60
78	Đường liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa	2,20
79	Mở rộng nâng cấp đường từ đường lô 42 đến Trường An	Trảng Bom	Thanh Bình	2,20
80	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	2,00
81	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10
82	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
83	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
84	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,30
85	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,12
86	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,20
87	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,06
88	Giáo xứ Hiệp Lực (phần hoán đổi đất trường học)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,06
89	Đường vào cơ sở cai nghiện	Xuân Lộc	Suối Cao	1,20
90	Kênh mương ấp 1, ấp 3 Xuân Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,13

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Khu dân cư, tái định cư số 15 (TĐC cho đường Bửu Hòa Tân Vạn)	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,60
2	Đường dây 110 kV; 220 kV đấu nối vào Trạm biến áp 500 kV Tân Uyên	Biên Hòa	Bửu Hòa; Hóa An; Tân Hạnh	1,60
3	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thi Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,53
4	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,46
5	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,49
6	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	0,18
7	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,52
8	Trụ sở Tỉnh đoàn Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
9	Mở rộng khách sạn Hòa Bình	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
10	Trường TH Tân Hiệp (mới)	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,48
11	Trụ RMU và Trạm Compact Tam Hiệp	Biên Hòa	Tân Mai	0,00
12	Trường TH Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,83
13	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,59
14	Trung tâm dịch vụ hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90
15	Trường MN công lập (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,55
16	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,73
17	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	0,84
18	Khu dân cư số 86 (Cty Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80
19	Hồ Sông Ray (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Sông Ray, Lâm Sơn	4,73
20	Công trình khoan quan trắc động thái nước dưới đất	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,01
21	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28
22	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32
23	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	4,43
24	Trung tâm VH-TT, HTCĐ xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,50
25	Trường MN Hướng Dương ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,50
26	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03
27	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,10
28	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT.Định Quán	1,00
29	Khu gia đình chiến sỹ quân khu 7	Long Khánh	Bảo Vinh	4,64
30	Kiên cố hạ lưu Suối Cài (chống ngập úng khu vực Suối Cài)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08
31	Nâng cấp hệ thống thoát nước và via hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05
32	Công viên nghĩa trang Long Đức	Long Thành	Long Đức	58,00
33	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Jico	Long Thành	Long Đức	9,75
34	Dự án Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phú Hữu, Đại Phước	69,20
35	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Bàu Mây	Tân Phú	Phú Thanh	0,06

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
36	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Thọ Lâm 1 (điểm 2)	Tân Phú	Phú Thanh	0,08
37	Cầu Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	0,20
38	Trường MN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,64
39	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
40	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
41	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
42	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,50
43	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	5,00
44	Khu dân cư tái định cư	Thống Nhất	Lộ 25	25,00
45	Khu đất công ty Phú Việt Tín	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,85
46	Trường MN An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,05
47	Trường MN Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,25
48	Mở rộng trường TH Nguyễn Khuyến	Trảng Bom	Trung Hòa	0,25
49	Trụ sở công an Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,20
50	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	Vĩnh Cửu	Phú Lý	12,16
51	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	27,35
52	Tịnh thất Tự Đức	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,99
53	Nhà công vụ giáo viên tại Xuân Định	Xuân Lộc	Xuân Định	0,50
54	Trụ sở UBND xã Suối Cát (mở rộng)	Xuân Lộc	Suối Cát	0,08
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	2,70
56	Mở rộng nút giao thông giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 1 (trước bưu điện huyện)	Xuân Lộc	TT Gia Ray, Xuân Hiệp	2,83
57	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (Đoạn từ QL.1A đến đường Song hành)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,20
58	Trường TH Trần Hưng Đạo (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,20

**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT**

(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết
số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Trụ sở kiểm toán nhà nước khu vực XIII	Biên Hòa	An Bình	0,63
2	Khu dân cư số 13 (Cty cổ phần An Bình)	Biên Hòa	An Bình	3,02
3	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	28,60
4	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35
5	Trường TH Long Bình Tân 2	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,18
6	Trạm BA 220 kV Tam Phước	Biên Hòa	Phước Tân	4,30
7	Đoạn kết nối hạ tầng giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2 khu công nghiệp Hồ Nai	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình	0,45
8	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87
9	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,90
10	Mở rộng trụ sở UBMTTQ tỉnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,07
11	Đường dây 110 kV 4 mạch từ TC 110 kV trạm 220 kV Tam Phước đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Bình - Long Thành	Biên Hòa	Tam Phước	0,07
12	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,13
13	Ủy ban Đoàn kết công giáo tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Tân Biên	0,10
14	Khu tái định cư số 51 (xây dựng hạ tầng)	Biên Hòa	Tân Biên	1,73
15	Trường MN Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82
16	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp	Biên Hòa	Tân Hiệp	2,88
17	Khu dân cư số 58	Biên Hòa	Tân Hòa	2,85
18	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4	Biên Hòa	Tân Tiến	0,04
19	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78
20	Bệnh viện da liễu Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,71
21	Trường TH Trảng Dài (Kp4)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,27
22	Khu dân cư số 83	Biên Hòa	Trảng Dài	4,50
23	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25
24	Đường Rừng Tre - La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,80
25	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	33,38
26	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 3	Định Quán	Gia Canh	0,05
27	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 9	Định Quán	Gia Canh	0,05
28	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	La Ngà	0,05
29	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Ngọc Định	0,05
30	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Cường	0,05
31	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Hòa	0,60
32	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Lợi	0,05
33	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Ngọc	0,05
34	Chợ Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20
35	Nhà văn hóa ấp 4	Định Quán	Phú Vinh	0,05
36	Trường MN Sen Hồng	Định Quán	Suối Nho	0,33
37	Trường TH Suối Nho (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	0,30
38	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
39	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt ấp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,05
40	Di tích danh thắng đá Ba Chồng	Định Quán	TT.Định Quán	9,75
41	Trụ sở phòng giáo dục (xây mới)	Định Quán	TT.Định Quán	0,22
42	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT.Định Quán	1,10
43	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	19,83
44	Đường 11B	Định Quán	Túc Trưng	0,07
45	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt (mở rộng)	Định Quán	Túc Trưng	7,00
46	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,10
47	Đường Ngô Quyền (Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Thành Thái)	Long Khánh	Bảo Vinh	2,75
48	Hộ đạo Long Khánh (CĐTN)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,08
49	Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,04
50	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng)	Long Khánh	Bình Lộc	2,79
51	Ban chỉ huy quân sự xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
52	Trụ sở công an xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
53	Trường Mầm non Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,89
54	Đường song hành 21/4, đoạn qua khu phân lô tại ấp Núi Tung, xã Suối Tre	Long Khánh	Suối Tre	1,80
55	Mở rộng Trường PTTH Trần Phú	Long Khánh	Suối Tre	0,62
56	Đường QL1 - Xuân Lập (Đoạn từ đường 21/4 đến đường số 4 xã Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,97
57	Khu cây xanh dọc Suối Rét	Long Khánh	Xuân An; Xuân Hòa; Phú Bình	25,82
58	Trung tâm thương mại và dân cư Long Khánh	Long Khánh	Xuân Bình	0,50
59	Hồ chứa nước dự phòng	Long Khánh	Xuân Bình	0,05
60	Đường Lý Thái Tổ (Đoạn mở mới theo quy hoạch)	Long Khánh	Xuân Hòa	1,97
61	Mở rộng trường MN 19/5 (Trường Mẫu giáo Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	2,20
62	Mỏ Puzolan Núi Nứa	Long Khánh	Xuân Lập	80,00
63	Nhà văn hoá ấp Nông Doanh	Long Khánh	Xuân Tân	0,05
64	Đường Phạm Lạc (D9-X.Thanh)	Long Khánh	Xuân Thanh	0,34
65	Khu dân cư (Công ty Thái Thành Tài)	Long Thành	An Phước	9,00
66	Lộ ra 110KV trạm 220 KV An Phước	Long Thành	An Phước	0,15
67	Khu đất đầu tư BT (khu hầm đá, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	An Phước	6,60
68	Khu đất đầu tư BT (xí nghiệp nước đá cũ, dự án trường TH Tập Phước)	Long Thành	An Phước	0,87
69	Khu dân cư theo quy hoạch (đầu giá)	Long Thành	An Phước, Long Đức	94,00
70	Nghĩa trang Bình An (mở rộng - đầu giá)	Long Thành	Bình An	50,00
71	Trụ sở công an xã Bình An	Long Thành	Bình An	0,20
72	Hồ Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	86,60
73	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	284,00
74	Khu dân cư đô thị mới Bình Sơn (thu hồi thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất)	Long Thành	Bình Sơn, Lộc An	555,23
75	Khu dân cư (Công ty Ngân Hà)	Long Thành	Lộc An	3,80
76	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
77	Tuyến thoát nước ngoài hàng rào KCN Lộc An- Bình Sơn	Long Thành	Long An	0,30
78	Khu tái định cư Long An	Long Thành	Long An	2,35
79	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Bưng Môn)	Long Thành	Long An	11,80
80	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư dọc trục 25B, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Long An	60,00
81	Khu tái định cư Long Đức	Long Thành	Long Đức	14,00
82	Khu đất đầu tư BT(khu TĐC Long Đức, dự án đường vào KCN Long Đức GD2)	Long Thành	Long Đức	25,00
83	Tuyến cấp nước D1200 (giai đoạn 2, đoạn từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Long Thành	Long Phước	2,64
84	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	3,50
85	Trường Mầm non Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,66
86	Khu dân cư (công ty TNHH Phích nước Hoàng Long)	Long Thành	Long Phước	2,40
87	Khu dân cư (Công ty Vi Như)	Long Thành	Phước Bình	2,78
88	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư Tân Hiệp, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Tân Hiệp	30,00
89	Trạm y tế thị trấn Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10
90	Đường Trần Phú	Long Thành	TT.Long Thành	9,20
91	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT.Long Thành	0,19
92	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT.Long Thành	3,40
93	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Trần Phú)	Long Thành	TT.Long Thành	33,85
94	Khu đất đầu tư BT(khu đất huyện đội cũ, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	TT.Long Thành	0,75
95	Khu đô thị du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,00
96	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Nhơn Trạch	Long Tân	4,06
97	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Nhơn Trạch	Long Tân	88,41
98	Khu dân cư Long Tân (Khang Việt Hưng)	Nhơn Trạch	Long Tân	46,52
99	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Nhơn Trạch	Long Tân	34,19
100	Tuyến ống cấp nước từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Nhơn Trạch	Long Thọ	2,00
101	Cảng tổng hợp Phú Hữu	Nhơn Trạch	Phú Hữu	40,59
102	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,31
103	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40
104	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế dự phòng huyện)	Nhơn Trạch	Phước An	5,00
105	KDC Phước An (1) - (Công ty cổ phần Căn Nhà Mơ Ước)	Nhơn Trạch	Phước An	45,86
106	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Nhơn Trạch	Phước An	2,12
107	Khu dân cư Phước An 6 (Bảo Giang)	Nhơn Trạch	Phước An	70,00
108	Bờ kè sông Vàm Muông- Lòng Tàu	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,40
109	Trường THPT Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	2,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
110	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Nhơn Trạch	Phước Thiện	2,00
111	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	8,20
112	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Nhơn Trạch	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
113	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	46,09
114	Nhà ở công nhân lao động tại khu công nghiệp	Tân Phú	Phú Lộc	1,00
115	Nhà văn hóa ấp Phú Lâm 5 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	0,04
116	Trường MN ấp 7 Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,56
117	Trường MN Tà Lài (ấp 1)	Tân Phú	Tà Lài	0,69
118	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	0,07
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,03
120	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	0,10
121	Kho bạc Nhà nước huyện Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,20
122	Trụ sở tòa án nhân dân huyện	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,37
123	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20
124	Đường từ QL 20 vào Trung tâm Mực vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,98
125	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	3,20
126	Trụ sở BCHQS xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,08
127	Trường Mẫu Giáo Hoa Lan	Trảng Bom	Sông Trầu	0,13
128	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Sông Trầu	97,99
129	Trường MN Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,00
130	Trạm y tế xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,26
131	Trường Tiểu học Bàu Phụng	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,24
132	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,18
133	Tỉnh lộ 761 nối dài (đoạn từ ngã ba Mũi Dùi đến hết khu dân cư ấp 2, xã Phú Lý)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	2,00
134	Chợ Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,00
135	Đường Bùng Binh	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,00
136	Bến thủy nội địa tại xã Thiện Tân (DNTN Bích Liên)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,21
137	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú-Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,48
138	Trụ sở công an Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	0,16
139	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Trị An	0,05
140	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	50,00
141	Khu thể thao kết hợp công viên huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	1,47
142	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,05
143	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,13
144	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Xuân Phú, Suối Cát	1,01
145	Đền thờ Liệt sỹ huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	TT Gia Ray	2,13
146	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Mình, Xuân Tâm	11,50
147	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15
148	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12

PHỤ LỤC 04: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018).

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	An Bình	0,02
2	Đường Bùi Văn Hòa	Biên Hòa	An Bình, Long Bình, Long Bình Tân, Bình Đa	15,59
3	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ P.Tân Mai đến giáp KCN Biên Hòa I)	Biên Hòa	An Bình, Tân Mai, Tam Hiệp	0,84
4	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	64,79
5	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17
6	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20
7	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66
8	Khu dân cư tạo vốn số 4 (phục vụ đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	25,00
9	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29
10	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	80,00
11	Bia tường niệm kết hợp công viên văn hóa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,14
12	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD46)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,01
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhị Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,06
14	Văn phòng ấp Nhất Hòa 2	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,12
15	Dự án tuyến thoát nước khu phố 13	Biên Hòa	Hố Nai	0,02
16	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-9A, NB-9B)	Biên Hòa	Long Bình	0,02
17	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-10)	Biên Hòa	Long Bình	0,01
18	Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn (TD40)	Biên Hòa	Long Bình	0,01
19	Đường vào trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	0,16
20	Chùa Trúc Lâm Viên Nghiêm	Biên Hòa	Long Bình	0,21
21	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP2A	Biên Hòa	Long Bình	0,03
22	Lắp dựng cầu ghềnh cũ	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,10
23	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,01
24	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
25	Niem Phật Đường Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	0,40
26	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD36)	Biên Hòa	Phước Tân	0,01
27	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70
28	Trạm thu phí và Nhà điều hành trên đường vận chuyển khoáng sản	Biên Hòa	Phước Tân	1,16
29	Trường MN Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,76
30	Chỉnh trang vỉa hè đường Phạm Văn Thuận	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,01
31	Đường song hành xa lộ Hà Nội	Biên Hòa	Tam Hòa, Tân Hiệp, An Bình, Bình Đa	10,63
32	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-12A, NB-12B)	Biên Hòa	Tam Phước	0,00
33	Giếng khoan nghiên cứu ĐCTV (TD29)	Biên Hòa	Tam Phước	0,01

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
34	Đường dẫn nối từ ấp Long Đức 3 đến đường Phùng Hưng (đoạn từ công ty CP Tổ hợp SaDo ra đường Phùng Hưng)	Biên Hòa	Tam Phước	1,36
35	Trạm viễn thông	Biên Hòa	Tam Phước	0,04
36	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	0,02
37	Trung tâm VH-TT phường Tân Biên (Khu vui chơi giải trí kết hợp sân bãi tập luyện TDTT - hồ bơi trẻ em)	Biên Hòa	Tân Biên	0,38
38	Dự án thoát nước và xử lý nước thải - nhánh suối Săn Máu	Biên Hòa	Tân Biên, Tân Hòa, Hồ Nai	8,00
39	Khu dân cư Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,40
40	Họ đạo Cao Đài Tân Hạnh (CBTN)	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,37
41	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,05
42	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hồ Nai	2,75
43	Đường Trương Quyền	Biên Hòa	Tân Mai	0,33
44	Nhà ở tái định cư số 60 (phục vụ mở rộng Giáo xứ Tân Lộc)	Biên Hòa	Tân Mai	0,09
45	Giáo xứ Tân Lộc	Biên Hòa	Tân Mai	0,07
46	Trường Mẫu giáo Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,55
47	Khu đất tạo vốn số 12 (phục vụ dự án xây dựng đường liên phường Trảng Dài - Tân Hiệp)	Biên Hòa	Tân Phong	26,00
48	Văn phòng khu phố 3	Biên Hòa	Tân Tiến	0,01
49	Trung tâm học tập cộng đồng phường Thanh Bình	Biên Hòa	Thanh Bình	0,12
50	Trạm biến áp	Biên Hòa	Thống Nhất	0,50
51	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60
52	Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn (NB-6A; NB-6B)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,00
53	Văn phòng khu phố 3A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
54	Văn phòng khu phố 2A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
55	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4B	Biên Hòa	Trảng Dài	0,02
56	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
57	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
58	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Trảng Dài	0,05
59	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp khu phố 4C	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
60	Khu dân cư số 85 (Cty Nhị Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	4,70
61	Khu dân cư số 87 (cty Thánh Phong)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,60
62	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Các huyện	Tam Phước, An Viễn, Bình An, Long Đức	49,70
63	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,80
64	Tịnh xá Ngọc Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,47
65	Nghĩa địa ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,30
66	Đường xã hội hóa giao thông nông thôn (20 tuyến)	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00
67	Trạm nước sạch làng dân tộc ấp 4	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,01
68	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,01
69	Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,77
70	Đình làng 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10
71	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,30
72	Chi hội Tin lành Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20
73	Giáo xứ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
74	Giáo xứ Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,68
75	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	1,93
76	Chùa Huyền Quang	Định Quán	La Ngà	0,31
77	Chùa Phước Lộc	Định Quán	Ngọc Định	1,14
78	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Điền	Định Quán	Phú Hòa	0,20
79	Chi hội Tin Lành Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	0,10
80	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	7,22
81	Thiền viện Trúc Lâm Chân pháp (mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh	0,62
82	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15
83	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	0,05
84	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40
85	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 2)	Định Quán	Thanh Sơn	0,54
86	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10
87	Hồ Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	86,50
88	Giáo xứ Xuân Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	0,47
89	Trung tâm VH-TT, HTCD TT.Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
90	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT.Định Quán	0,15
91	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	TT.Định Quán	0,52
92	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán Gia Canh	0,78
93	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Túc Trung	Định Quán	Túc Trung	0,15
94	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	0,06
95	Chùa Bảo Sơn (cơ sở bảo trợ xã hội)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,24
96	Đường vào trường Bình Minh	Long Khánh	Xuân Bình	0,06
97	Tĩnh thất Từ Lâm	Long Khánh	Xuân Bình	0,10
98	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thanh	0,02
99	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Nhon Trạch	Long Tân	0,05
100	Bến xe Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	0,20
101	Giáo xứ Đắc Lua (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	0,98
102	Cầu Đạ-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,15
103	Đường vào cầu Đạ-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,12
104	Giáo xứ Tiên Lâm (GX. Xuân Lâm)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,32
105	Trạm BA 110 kV Núi Tượng	Tân Phú	Núi Tượng	0,40
106	Mở rộng trường tiểu học Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,19
107	Chợ Phú Lập (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	0,11
108	Chùa Bửu Thiên	Tân Phú	Phú Lộc	0,66
109	Nghĩa trang xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	1,77
110	Giáo xứ Giang Lâm	Tân Phú	Phú Thanh	0,40
111	Giáo xứ Hòa Lâm	Tân Phú	Phú Trung	1,43
112	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00
113	Chùa Pháp Trụ	Tân Phú	Phú Xuân	0,28
114	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	2,14
115	Giáo xứ Tà Lài (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,17
116	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,10
117	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,02
118	Huyện Ủy	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,55
119	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xả số 6 khu công nghiệp Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
120	Hồ chứa nước Gia Đức	Thống Nhất	Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh	45,00
121	Điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,01
122	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiêm	0,05
123	Trường MG Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,10
124	Trường Mẫu giáo xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,30
125	Trường mầm non Quang Trung B	Thống Nhất	Quang Trung	0,14
126	Khu dân cư Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	69,00
127	Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối ĐT769	Thống Nhất	Xuân Thạnh	5,30
128	Niệm phật đường Quan Thế Âm	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,34
129	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Thống Nhất	Xuân Thiện	8,30
130	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Trảng Bom	Bình Minh	0,07
131	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55
132	Chợ Đồi 61	Trảng Bom	Đồi 61	0,49
133	Trường Mẫu giáo Sao Mai	Trảng Bom	Đông Hòa	0,32
134	Trường Mẫu giáo Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,30
135	Trụ sở công an xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,14
136	Điều chỉnh vị trí trường mầm non Bình Minh và đường vào	Trảng Bom	Hố nai 3	0,50
137	Khu dân cư (công ty Tân Đông Dương)	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,48
138	Trung tâm dịch vụ và khu nhà ở công nhân phục vụ KCN Sông Mây, Hố Nai	Trảng Bom	Hố Nai 3	72,00
139	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03
140	Miếu Thần Hoàng	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06
141	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	0,50
142	Tu xá thánh Phanxico	Trảng Bom	Thanh Bình	0,34
143	Đường nội bộ khu tái định cư	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,46
144	Đường Lê Hồng Phong	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,78
145	trường tiểu học Nam Cao và đường vào	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83
146	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,65
147	Khu dân cư Lê Hương Sơn	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	7,00
148	Khu dân cư Công ty KTXDCB cao su khu 2	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,76
149	Quỹ đất tạo vốn đầu tư dự án Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn; đường Nguyễn Tri Phương và đường Nguyễn Trãi, theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,50
150	Trụ sở công an Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,20
151	Nhà máy cấp nước Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,16
152	Trường THCS Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,20
153	Nhà máy cấp nước Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,37
154	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,10
155	Giáo xứ Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,43
156	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,06
157	Trụ sở và nhà khách Khu bảo tồn Thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	7,10

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
158	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	25,13
159	Trường MN Phú Lý (tách trường)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,00
160	Trụ sở công an Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,30
161	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,62
162	Nhà máy cấp nước Tân Bình	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
163	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,14
164	Khu dân cư (Công ty CP Tín Khai)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	51,45
165	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Tân Bình	38,77
166	Cầu Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Trị An, Hiếu Liêm	1,00
167	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,08
168	Sân bóng đá huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,90
169	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,28
170	Giáo xứ Xuân Bình	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,15
171	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hòa	96,70
172	Trạm y tế xã Lang Minh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,08
173	Chùa Phóng Sanh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,40
174	Giáo xứ Chà Rang	Xuân Lộc	Suối Cao	1,17
175	Trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Suối Cát	0,46
176	Hội thánh Cao đài Tây Ninh	Xuân Lộc	Suối Cát	0,28
177	Trường TH Bán trú	Xuân Lộc	TT Gia Ray	1,20
178	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00
179	Giáo xứ Xuân Tôn	Xuân Lộc	Xuân Bắc	1,31
180	Chi hội Hưng Xuân Tự	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,12
181	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45
182	Giáo xứ Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,68
183	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,51
184	Giáo xứ Thọ Hòa	Xuân Lộc	Xuân Thọ	2,04
185	Giáo xứ Gia Ray	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,53

**PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG**

(thông qua tại các Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết
số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
A. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN							
1	Đường bao điểm công nghiệp Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	2,90	0,27		
2	Văn phòng làm việc công ty IDICO	Long Thành	Long An	0,11	0,11		
3	Đường liên xã Hưng Lộc - Hưng Thịnh - Đông Hòa (khu chăn nuôi tập trung)	Trảng Bom	Hưng Thịnh	2,40	0,09		
4	Đường-liên xã Tây Hòa - Trung Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Trung Hòa	4,20	0,09		
5	Đường An Bình -Bàu Cá (Nghĩa địa Bàu Cá hay còn gọi là đường số 4)	Trảng Bom	Trung Hòa	4,26	0,32		
B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT							
6	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Các xã	272,96	3,75		
7	Khu xử lý chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt (giai đoạn 3)	Trảng Bom	Sông Thao, Tây Hòa	28,60	5,30		
8	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45		
9	Nhà văn hóa ấp 3	Định Quán	Thanh Sơn	0,03		0,03	
10	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 8	Định Quán	Thanh Sơn	0,20	0,01		
11	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,31		0,12	
C. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT							
12	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thị Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	7,86	0,29		
13	Gia cổ bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,86	0,10		
14	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,52	0,06		
15	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90	0,16		
16	Trung tâm VH-TT, HTCD xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,50	1,05		
17	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32	0,30		
18	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	5,00	2,28		
19	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	0,81		
20	Trường THCS Duy Tân	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,50	0,47		
21	Hệ thống kênh mương thủy lợi cánh đồng 78A - 78B	Thống Nhất	Lộ 25	5,00	1,20		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
22	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	27,35	9,00		
D. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH							
23	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,16	0,35		
24	Khu dân cư Long Bình Tân (Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	3,83	0,56		
25	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	2,05	0,48		
26	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87	0,03		
27	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	19,99	0,35		
28	Trường MN Tân Hạnh 2	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82	0,35		
29	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78	1,50		
30	Nhà ở cao tầng kết hợp TMDV số 46 (Cty Văn Tiến Nghĩa)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,28	0,02		
31	Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sôi	Định Quán	Gia Canh	14,00	1,96	8,07	
32	Làng nghề mây tre đan Gia Canh (sản xuất hàng mây, tre đan và sản phẩm đan lát, tết bện thủ công)	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03		
33	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	47,04	0,89	1,67	0,49
34	Mở rộng, đánh giá trữ lượng, diện tích mỏ đá Gia Canh 1 của Cty Mai Phong (Gia Canh - ĐQ.Đ2-3)	Định Quán	Gia Canh	0,80		0,31	
35	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT. Định Quán	1,10	0,93		
36	Di tích danh thắng đá Ba Chồng	Định Quán	TT. Định Quán	9,80	0,02		
37	Văn phòng làm việc công ty Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,95	0,95		
38	Khu dân cư (Công ty Cát Linh)	Long Thành	Long An	3,69	3,69		
39	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	6,50	1,00		
40	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT. Long Thành	0,19	0,19		
41	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT. Long Thành	3,40	3,40		
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	0,03	0,02		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
43	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20	4,80		
44	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,48	0,05		
45	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	48,80	1,30		
46	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	11,50	2,51		
47	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15	0,34		
48	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,59	0,52		
49	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12	0,09		
E. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA THỰC HIỆN							
50	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	64,79	2,22		
51	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17	0,94		
52	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,74		
53	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	1,00		
54	Khu dân cư số 95 (Cty Thiên Lộc)	Biên Hòa	Bửu Long, Quang Vinh, Tân Phong	9,53	1,62		
55	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29	2,75		
56	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	80,00	1,85		
57	Khu dân cư số 106	Biên Hòa	Hóa An	4,92	0,58		
58	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70	0,03		
59	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60	0,80		
60	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15	0,12		
61	Trường MN Tuổi Thơ điểm áp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40	0,04		
62	Trung tâm VH-TT, HTCD TT.Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,10	0,10		
63	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT. Định Quán	1,32	0,16		
64	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán; Gia Canh	3,55	0,06		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
65	Cơ sở Điều khắc Thiên Kỳ	Long Thành	Long Phước	0,35	0,35		
66	Chùa Linh Phú	Tân Phú	Phú Sơn	1,43		0,09	
67	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00	0,06		
68	Trạm bơm Tà Lài	Tân Phú	Tà Lài	2,14	1,85		
69	Trụ sở UBND xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,50	0,02		
70	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55	0,06		
71	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03	6,64		
72	Nhựa hóa, mở mới đường liên xã Tây Hòa - Đồi 61	Trảng Bom	Tây Hòa, Đồi 61	1,24	0,03		
73	Trường tiểu học Nam Cao	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	0,83		
74	Đường Bình Lợi - Thiện Tân (Cây Cóc)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12		
75	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	26,80			13,57
76	Tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,60	0,57		
77	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hoà	96,70	6,67		
78	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00	0,41		

PHỤ LỤC 06: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT

(thuộc Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích: thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19
2	Chốt dân quân thường trực KCN Biên Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	0,05
3	Trường Nguyễn Thị Sáu	Biên Hòa	An Hòa	1,00
4	Trung tâm hành chính xã An Hòa	Biên Hòa	An Hòa	0,33
5	Trung tâm Văn hóa xã	Biên Hòa	An Hòa	0,66
6	Khu dân cư Bình Đa (Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Đa)	Biên Hòa	Bình Đa	2,32
7	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Biên Hòa	Bửu Long	1,70
8	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92
9	Khu dân cư phục vụ tái định cư nối khu tái định cư (khu F) với Khu dân cư Đình Tân Lại (Công ty TNHH Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Long	2,60
10	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long (Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm ĐN)	Biên Hòa	Bửu Long	48,90
11	03 trạm quan trắc tự động môi trường nước	Biên Hòa	các xã	0,01
12	Mở rộng hầm chui - cầu tránh đường sắt	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,17
13	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70
14	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80
15	Xây dựng cầu An Hào	Biên Hòa	Hiệp Hoà, An Bình	10,04
16	Dự án Xử lý nhà máy nước thải tại phường Hồ Nai	Biên Hòa	Hồ Nai	2,40
17	Giáo xứ Xuân Trà	Biên Hòa	Hồ Nai	0,08
18	Bia tường niệm Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,17
19	Đường A11 (đường vào trường Phan Bội Châu)	Biên Hòa	Long Bình	2,94
20	Xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Cty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình	0,99
21	Xây dựng hạ tầng, cây xanh - C.ty TNHH MTV Dầu khí Đồng Tháp	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,37
22	Xây dựng tuyến đường nối từ khu tái định cư 14,2ha phường Long Bình	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
23	Dự án tái định cư của Công ty Anh Vinh	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,80
24	Trường TH Phước Tân (trong khu TĐC đường Võ Nguyên Giáp)	Biên Hòa	Phước Tân	1,30
25	Chùa Từ Bi	Biên Hòa	Phước Tân	0,09
26	Cầu sông Buông và đường dẫn vào cầu tại ấp Miếu	Biên Hòa	Phước Tân	0,82
27	Nhà văn hóa ấp Đồng	Biên Hòa	Phước Tân	0,05
28	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty An Hưng Phát)	Biên Hòa	Phước Tân	49,79
29	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,72
30	Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13
31	Xây dựng trụ sở cơ quan Sở LĐTBXH mới	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,13
32	Trụ sở Bảo hiểm xã hội Biên Hòa	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06
33	Khu dân cư lấn sông (Cty Cổ phần ĐTKT_XD Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Quyết Thắng	8,40
34	Khu dân cư - Cty Đồng Nai Long Châu	Biên Hòa	Tam Hiệp	1,10
35	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,02

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
36	Văn phòng Khu phố 2	Biên Hòa	Tam Hòa	0,01
37	Trạm biến áp 110KV An Phước và hướng tuyến đường dây nối xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,70
38	Chốt dân quân thường trực KCN Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước	0,06
39	Đường vào trạm bơm tăng áp	Biên Hòa	Tam Phước	0,03
40	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16
41	Trường THCS Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	1,48
42	Đường vào trường THCS Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,40
43	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
44	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95
45	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Biên Hòa	Tân Tiến	0,40
46	Via hè đường Lê Thánh Tôn	Biên Hòa	Thanh Bình	0,02
47	Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất (Cty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	24,08
48	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
49	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
50	Khu TM và nhà ở cao tầng (Công ty Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Thống Nhất	2,10
51	Cầu Suối Săn Máu (Cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,43
52	Cải tạo mở rộng đoạn cống thoát nước	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03
53	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Trung Dũng	0,50
54	Đường huyện Sông Nhạn - Dầu Giây	Các huyện	Sông Nhạn, Bàu Hàm 2	9,97
55	Dự án chống ùn tắc giao thông trên QL1	Các huyện	Tân Hòa, Hồ Nai 3	2,05
56	Đường trung tâm ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	3,60
57	Nhà văn hoá ấp Tân Hoà	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,03
58	Nhà văn hoá ấp Tân Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
59	Nhà văn hoá ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
60	Nhà văn hoá ấp Tân Xuân	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,05
61	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông (đoạn từ Bảo Bình đi Xuân Tây)	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Tây	6,40
62	Chợ Lâm San	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,18
63	Trường MN Lâm San (ấp 5)	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,30
64	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04
65	Nhà văn hoá ấp 3	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,05
66	Nhà văn hoá ấp 6	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,04
67	Đường Long Giao - Bảo Bình	Cẩm Mỹ	Long Giao, Bảo Bình	8,72
68	Dự án đường dây 110kV Ngãi Giao - Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Long Giao, Xuân Đường	0,15
69	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,02
70	Nhà văn hoá cụm ấp 1,2,3	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30
71	Nhà văn hoá cụm ấp 4,5,6	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,39
72	Nhà văn hoá cụm ấp 7,8	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,16
73	Nhà văn hoá xã Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,64
74	Mầm non Sông Nhạn	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70
75	Nhà văn hoá ấp 1	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10
76	Đường nối Hương lộ 10 - ĐT 769	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Thừa Đức	14,87

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
77	Đường 72 xã Sông Ray	Cẩm Mỹ	Sông Ray	15,68
78	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20
79	Nhà văn hoá ấp 7	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,04
80	Đường HL10 đi ấp 8 xã Thừa Đức	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	5,20
81	Nhà văn hoá ấp 4	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,13
82	Nhà văn hoá ấp Tân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Bào	0,03
83	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,87
84	Kiên cố hoá kênh mương đập Cù Nhí	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,64
85	ĐH Xuân Đông - Xuân Tâm (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	4,50
86	Đường TL 765 đi Cọ Dầu	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,83
87	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
88	Nhà văn hóa ấp La Hoa	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
89	Nhà văn hoá ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
90	Nhà văn hoá ấp Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
91	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 1	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
92	Nhà văn hoá ấp Cọ Dầu 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,05
93	Nhà văn hoá ấp Suối Nhát	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,04
94	Đường TL 765 (Nâng cấp mở rộng đoạn từ KM 10 đến KM 28+300)	Cẩm Mỹ	Xuân Đông, Xuân Đông	2,58
95	Chợ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,30
96	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,20
97	Nhà văn hoá ấp Suối Râm	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,04
98	Đường huyện Chốt Mỹ - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,24
99	ĐH Xuân Phú - Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,00
100	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 5	Định Quán	Gia Canh	0,10
101	Mở rộng trường MN Sơn Ca (điểm chính)	Định Quán	Gia Canh	0,05
102	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Định Quán	Gia Canh	0,43
103	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Gia Canh	0,07
104	Trường TH Kim Đồng Ấp 1	Định Quán	Gia Canh	1,00
105	Trụ sở Công an xã Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	0,20
106	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Gia Canh	0,04
107	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (mở rộng)	Định Quán	La Ngà	0,42
108	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2/97	Định Quán	La Ngà	0,12
109	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 1	Định Quán	La Ngà	0,03
110	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Mít Nài	Định Quán	La Ngà	0,03
111	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	La Ngà	0,05
112	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Thuận	Định Quán	Ngọc Định	0,18
113	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03
114	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dông	Định Quán	Phú Cường	0,05
115	Trụ sở công an xã Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,20
116	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10
117	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05
118	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63
119	Trường MN Phú Hoa (ấp 3)	Định Quán	Phú Lợi	1,10
120	Trường MN Phú Hoa	Định Quán	Phú Lợi	0,78
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Phú Lợi	0,03
122	Đường vào khu tái định cư ấp 3, xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	2,10
123	Trường MN Hoa Phượng	Định Quán	Phú Ngọc	0,08
124	Trường Tiểu học Phú Ngọc B (Mở rộng)	Định Quán	Phú Ngọc	0,40

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
125	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Định Quán	Phú Tân	0,19
126	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Tân	0,03
127	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Tân	0,03
128	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Phú Tân	0,18
129	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Phú Tân	0,05
130	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Định Quán	Phú Tân	0,07
131	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Định Quán	Phú Tân	0,03
132	Trạm y tế xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,01
133	Trụ sở công an xã Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	0,20
134	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Cây Xăng	Định Quán	Phú Túc	0,02
135	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Phú Túc	0,04
136	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 1	Định Quán	Phú Túc	0,24
137	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa 2	Định Quán	Phú Túc	0,07
138	Nhà văn hóa ấp 2	Định Quán	Phú Vinh	0,11
139	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ba tầng	Định Quán	Phú Vinh	0,20
140	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 1	Định Quán	Phú Vinh	0,18
141	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Suối Soong 2	Định Quán	Phú Vinh	0,04
142	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Vinh	0,11
143	Trụ sở Công an xã Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20
144	Hệ thống cấp nước sinh hoạt ấp 5 xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,10
145	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Suối Nho	0,03
146	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18
147	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Suối Nho	0,04
148	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Định Quán	Suối Nho	0,08
149	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Định Quán	Suối Nho	0,03
150	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Định Quán	Suối Nho	0,03
151	Cầu treo Thanh Sơn và nhà điều hành	Định Quán	Thanh Sơn	0,17
152	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	21,47
153	Cấp nước nam thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
154	Nhà thi đấu đa năng của huyện	Định Quán	TT.Định Quán	2,59
155	Trụ sở công an xã Túc Trung	Định Quán	Túc Trung	0,20
156	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,16
157	Trường MN Hoa Mai (ấp Đồng Xoài)	Định Quán	Túc Trung	0,49
158	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	3,10
159	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 94	Định Quán	Túc Trung	0,50
160	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Dzui	Định Quán	Túc Trung	0,16
161	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 2	Định Quán	Túc Trung	0,12
162	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 1	Định Quán	Túc Trung	0,03
163	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 2	Định Quán	Túc Trung	0,10
164	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 3	Định Quán	Túc Trung	0,13
165	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình	Định Quán	Túc Trung	0,26
166	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồng Xoài	Định Quán	Túc Trung	0,07
167	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Thắng 1	Định Quán	Túc Trung	0,04
168	Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro	Định Quán	Túc Trung	0,51
169	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20
170	Đập Lác Chiểu	Long Khánh	Bảo Quang	0,05
171	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc (Suối Đá)	Long Khánh	Bảo Quang	9,30
172	Mương thoát lũ tổ 7 ấp 18 Gia Đình	Long Khánh	Bảo Quang	0,30
173	Đường tổ 1 Thọ An đi tổ 23 Ruộng Lớn	Long Khánh	Bảo Vinh	3,47
174	Trường Mầm non Hoa Sen (ấp Bàu Sen)	Long Khánh	Bàu Sen	0,03

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
175	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20
176	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20
177	Nhà văn hóa ấp Bàu Trâm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05
178	Nhà văn hóa ấp Bàu Sầm	Long Khánh	Bàu Trâm	0,05
179	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Lộc	Long Khánh	Bình Lộc	0,14
180	Hệ thống cấp nước tập trung ấp 1, xã Bình Lộc	Long Khánh	Bình Lộc	0,13
181	Đường giao thông nông thôn tổ 10 ấp Tân Phong	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
182	Mở rộng Trường tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22
183	Mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22
184	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,08
185	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,03
186	Nhà văn hóa khu phố 6	Long Khánh	Xuân An	0,03
187	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân An	0,01
188	Trường MN Xuân Bình (Bình Minh)	Long Khánh	Xuân Bình	0,24
189	Trường MN Xuân Bình	Long Khánh	Xuân Bình	0,20
190	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (XD tuyến đường nối từ CMT8 sang NTM Khai)	Long Khánh	Xuân Hòa	3,04
191	Trụ sở Liên đoàn Lao động thị xã Long Khánh	Long Khánh	Xuân Hòa	0,23
192	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Hoà	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05
193	Đường tổ 3A ấp Tân Phong đi khu 8 ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,38
194	Nâng cấp sửa chữa đập Bàu Tra	Long Khánh	Xuân Tân	0,05
195	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,02
196	Trạm y tế phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,05
197	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
198	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
199	Giếng khoan quan trắc (TD13)	Long Thành	An Phước	0,00
200	Trường TH An Phước (ấp 7)	Long Thành	An Phước	1,66
201	Nhà ở chuyên gia-Cty TNHH MTV cao ốc văn phòng Minh Thành	Long Thành	An Phước	0,30
202	Khu nhà ở công nhân (Cty TM Lộc Khang)	Long Thành	An Phước	1,50
203	Khu dân cư theo quy hoạch (Cty Khánh Nam)	Long Thành	An Phước	1,18
204	Tuyến thoát nước từ ranh KCN Long Đức ra Suối Nước Trong (GĐ 2)	Long Thành	An Phước	1,86
205	Giếng khoan quan trắc (NB14A, NB14B)	Long Thành	Bàu Cạn	0,00
206	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50
207	Đường vào khu chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	0,50
208	Nghĩa địa huyện Long Thành	Long Thành	Bình An	52,00
209	Nhà văn hóa ấp 8	Long Thành	Bình Sơn	0,10
210	Khu vực Sút trượt dự án đường cao tốc TP.HCM-LT-Dầu Giây	Long Thành	Bình Sơn	0,86
211	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	các xã	7,82
212	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,12
213	Tuyến ống nước	Long Thành	L.An, L.Phước	1,48
214	Giếng khoan quan trắc (TD25)	Long Thành	Lộc An	0,00
215	Trường Tiểu học Lộc An (mở rộng)	Long Thành	Lộc An	0,09
216	Trụ sở công an xã Long An	Long Thành	Long An	0,20
217	Trụ sở xã đội	Long Thành	Long An	0,05
218	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20
219	Trường THCS Long Đức (trong TĐC Long Đức)	Long Thành	Long Đức	1,74
220	Đường vào trường THCS Long Đức	Long Thành	Long Đức	1,53

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
221	Dự án Nhà máy Giấy Tân Mai Miền Đông (mương thoát nước)	Long Thành	Long Phước	1,90
222	Trường MN Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,30
223	Mở rộng trường Cao đẳng nghề Lilama 2	Long Thành	Long Phước	1,50
224	Trụ sở công an xã Long Phước	Long Thành	Long Phước	0,20
225	Đường ống nước và nhà máy Hồ Cầu Mới	Long Thành	Long Phước, Bàu Cạn	11,38
226	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48
227	Trường Tiểu học Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,46
228	Khu dân cư theo QH của công ty TNHH BĐS Song Phương	Long Thành	Phước Thái	4,00
229	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60
230	Xây dựng tượng đài	Long Thành	Phước Thái	0,12
231	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng	Long Thành	Phước Thái	0,50
232	Nhà văn hóa ấp Hiền Hòa	Long Thành	Phước Thái	0,05
233	Trường Tiểu học Phước Thái mở rộng	Long Thành	Phước Thái	0,46
234	Khu dân cư kết hợp thương mại	Long Thành	Phước Thái	3,60
235	Trường Tiểu học Tam An ấp 4 (mở rộng)	Long Thành	Tam An	0,50
236	Nhà văn hóa ấp 2	Long Thành	Tam An	0,04
237	Giếng khoan quan trắc (TD10)	Long Thành	Tân Hiệp	0,00
238	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Tân Hiệp	0,03
239	Công viên nghĩa trang	Long Thành	Tân Hiệp	50,00
240	Mở rộng trường nghề (Changsin cũ)	Long Thành	TT. Long Thành	0,68
241	Phòng khám ban bảo vệ sức khỏe huyện Long Thành	Long Thành	TT. Long Thành	0,03
242	Tu xá chùa Thánh Linh	Long Thành	TT. Long Thành	0,10
243	Trường Mầm non Đại Phước	Nhon Trạch	Đại Phước	1,00
244	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Nhon Trạch	Đại Phước	0,23
245	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Đại Phước	2,00
246	Chốt dân quân thường trực KCN	Nhon Trạch	Hiệp Phước	2,00
247	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Hiệp Phước	1,46
248	Khu dân cư theo quy hoạch duyệt	Nhon Trạch	Hiệp Phước	2,10
249	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Hiệp Phước	1,88
250	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Hiệp Phước	4,75
251	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhon Trạch	Long Tân	6,36
252	KDC Long Tân (7)	Nhon Trạch	Long Tân	62,36
253	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	55,70
254	Trường Mầm non Phú Đông	Nhon Trạch	Phú Đông	1,00
255	Dự án Xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Đông	37,60
256	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Nhon Trạch	Phú Hội	1,00
257	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Nhon Trạch	Phú Hội	1,00
258	Đội thanh tra giao thông số 8	Nhon Trạch	Phú Hội	0,20
259	Khu dân cư	Nhon Trạch	Phú Hội	1,54
260	Khu dân cư (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhon Trạch)	Nhon Trạch	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	186,17

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
261	Khu Nhà ở cho người có thu nhập thấp của Công ty TNHH Địa ốc Nguyên Khang	Nhon Trạch	Phước An	2,16
262	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	10,39
263	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	70,00
264	Khu dân cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	50,00
265	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,09
266	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,04
267	Giáo xứ Nghĩa Yên	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,04
268	Cảng tổng hợp	Nhon Trạch	Phước Khánh	10,00
269	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhon Trạch	Phước Thiện	29,00
270	Khu dân cư xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	12,00
271	Nghĩa địa ấp 10 (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	2,73
272	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Đắc Lua	0,11
273	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5B	Tân Phú	Đắc Lua	0,05
274	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Tân Phú	Đắc Lua	0,23
275	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20
276	Trạm bơm bến thuyền	Tân Phú	Phú Bình	0,04
277	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 07 ấp	Tân Phú	Phú Bình	0,33
278	Cầu Đa Kai	Tân Phú	Phú Bình	0,20
279	Cầu Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền	0,75
280	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Điền	0,05
281	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Điền	0,05
282	Trụ sở xã đội Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,10
283	Mở rộng giáo xứ Đồng Hiệp (GD1)	Tân Phú	Phú Điền	0,31
284	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
285	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
286	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
287	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,02
288	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
289	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 2	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
290	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,07
291	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Lâm 1	Tân Phú	Phú Lâm	0,03
292	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phương Mai 3	Tân Phú	Phú Lâm	0,04
293	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 7	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
294	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 8	Tân Phú	Phú Lộc	0,03
295	Trụ sở xã Đội Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	0,10
296	Trung tâm VH-TT xã Phú Sơn	Tân Phú	Phú Sơn	0,37
297	Trường TH Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,51
298	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	6,70
299	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06
300	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Tân Phú	Phú Thịnh	0,06
301	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Phú Thịnh	0,07
302	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03
303	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Tân Phú	Phú Thịnh	0,03
304	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc 03 ấp	Tân Phú	Phú Trung	0,13
305	Hệ thống cấp nước tập trung (ấp 4)	Tân Phú	Tà lài	0,04
306	Trạm cấp nước tập trung	Tân Phú	Trà Cỏ	0,20
307	Hồ đạo cao đài	Tân Phú	Trà Cỏ	0,13

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
308	Hồ đập Cao đài Tân Phú	Tân Phú	Trà Cổ	0,13
309	Bệnh viện đa khoa huyện (mở rộng)	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,04
310	Trụ sở Chi cục thống kê	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,03
311	Chợ Phan Bội Châu	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
312	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lộ 25	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,05
313	Đường điện 500 kV TTĐL Vĩnh Tân –Rẽ Sông Mây – Tân Uyên	Thống Nhất	Các xã	1,70
314	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
315	Nhà văn hóa xã	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,24
316	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,03
317	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 2	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
318	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 1	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
319	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
320	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 3	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04
321	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đông Bắc	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,02
322	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Dốc Mơ 2	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,06
323	Trung tâm mục vụ	Thống Nhất	Gia Tân 1	4,43
324	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đức Long 3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
325	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
326	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09
327	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
328	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05
329	Hệ thống thoát nước khu dân cư xóm hồ	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,04
330	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Hiệp	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,05
331	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Thống Nhất	Lộ 25	0,05
332	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	0,05
333	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 2	Thống Nhất	Quang Trung	0,07
334	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nam Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	0,01
335	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lạc Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	0,05
336	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 1	Thống Nhất	Quang Trung	0,05
337	Nghĩa địa huyện Thống Nhất	Thống Nhất	Quang Trung	39,82
338	Nhà máy tái chế Ấc quy chì tại khu xử lý chất thải Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	10,00
339	Trường TH Xuân Thạnh (khu A1)	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,04
340	Trường đại học- Công nghệ Miền đông	Thống Nhất	Xuân Thạnh	10,00
341	Khu xử lý và đài nước Công trình hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Thạnh	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,35
342	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 9 / 4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,05
343	Đường số 9 (liên ấp 2-6)	Trảng Bom	An Viễn	1,22
344	Đường liên ấp 2,3,4	Trảng Bom	An Viễn	1,80
345	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Trảng Bom	An Viễn	0,04
346	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6	Trảng Bom	An Viễn	0,05
347	TT. VH xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,40
348	Trường MG Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,06
349	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07
350	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30
351	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Việt	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,04
352	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Bình	Trảng Bom	Bình Minh	0,05
353	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Suối Tiên	Trảng Bom	Cây Gáo	0,05

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
354	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Trảng Bom	Giang Điền	5,38
355	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hòa Bình (mở rộng)	Trảng Bom	Giang Điền	0,01
356	Trạm biến áp 110 kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Trảng Bom	Giang Điền	0,43
357	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc liên ấp Xây dựng - Bảo vệ	Trảng Bom	Giang Điền	0,04
358	TT Văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,50
359	Đường từ Trung tâm xã Hồ Nai 3 đi 2 ấp Đông Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hồ Nai 3	1,95
360	Trung tâm VH-TT, học tập cộng đồng xã Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,50
361	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,74
362	Đường D3 xã Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,70
363	Đường nối D3 đi D4 Hồ Nai 3	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,50
364	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái Hòa	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,05
365	Trường TH Lý Thường Kiệt	Trảng Bom	Hồ Nai 3	0,20
366	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Hưng Long	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,08
367	Ga Trảng Bom	Trảng Bom	Quảng Tiến	0,19
368	Trường Mẫu giáo Hoàng Yến - Cơ sở 3	Trảng Bom	Sông Thao	0,40
369	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15
370	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25
371	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05
372	10 công trình giếng khoan quan trắc động thái nước dưới đất trên địa bàn huyện Trảng Bom, Long Thành	Trảng Bom	Tây Hòa	0,03
373	Đường vào khu thể thao ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,07
374	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhân Hòa	Trảng Bom	Tây Hòa	0,06
375	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Trung Tâm	Trảng Bom	Thanh Bình	0,05
376	Trường tiểu học liên xã Đông - Trung Hòa	Trảng Bom	Trung Hòa	0,90
377	Công viên văn hóa Hùng Vương	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,10
378	Trụ sở hạt kiểm lâm liên huyện	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
379	Đường 30/4 (đoạn từ đường 3/2 đến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,30
380	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,30
381	Đường Lê Quang Định	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,21
382	Tuyến mương thoát nước từ KP4 đến Suối Đá	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,44
383	Trường Mầm non bán trú	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	2,99
384	Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,90
385	Đường Lương Thế Vinh	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,30
386	Khu dân cư theo Quy hoạch (DNTN An Phú Hưng)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	2,90
387	Khu dân cư xã Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	6,50
388	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã	Trảng Bom	Xã Đồi 61	1,43
389	Hệ thống cấp nước tập trung	Trảng Bom	Xã Đồi 61	0,05
390	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26
391	Đường bến đò Thới Sơn	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,06
392	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thới Sơn	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,15
393	Đường liên ấp 3-4 (tuyến 2)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,16
394	Đường Bến đoi (tuyến 1)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,54
395	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,03
396	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,05
397	Đường dây 110KV Trị An - Vĩnh An (cải tạo các móng trụ)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
398	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	0,59
399	Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi (đường Ông Bình)	Vĩnh Cửu	Các xã	1,89
400	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	42,43
401	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,20
402	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó: Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3.5ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5.7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5ha, Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2ha, công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm, DNTN Phi Hùng, công ty TNHH Hồ Nai 14,05 ha)	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00
403	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	4,65
404	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
405	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Tân An	0,06
406	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
407	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Trung (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03
408	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Chánh	Vĩnh Cửu	Tân An	0,05
409	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02
410	Đường dây 500kV Sông Mây - Tân Uyên	Vĩnh Cửu	Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa	2,82
411	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13
412	Đường liên xóm ấp Vĩnh Hiệp (đường hẻm 5,6,7)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
413	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Ý	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05
414	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Vĩnh Hiệp	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05
415	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22
416	Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng). Trong đó: Trường tiểu học Miền Đông (XD trong KDC Miền Đông 0,2 ha)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	17,00
417	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,20
418	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
419	Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu, cụm công nghiệp	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,97
420	Đường cây Gõ ấp 6	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,13
421	Đường xóm Dừa	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,22
422	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
423	Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,21
424	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu từ gỗ rừng trồng và gỗ nhập khẩu chính ngạch (trong cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,70
425	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
426	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05
427	Bến thủy nội địa (Công ty TNHH MTV Khang Khoa)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,70
428	Cụm CN Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	48,90
429	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 1)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25
430	Mở rộng bến thủy nội địa (bến 2)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,13

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
431	Nạo vét suối cây Khô (nạo vét và đặt cống)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40
432	Chợ Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40
433	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05
434	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng ĐT 768 (các hộ còn lại)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân, Tân An	0,10
435	Trường MN ấp 2 (Trường Mầm non Trị An - cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,70
436	Đường Vững Rễ	Vĩnh Cửu	Trị An	0,28
437	Đường Hóc Lai (vào vùng KKCĐ)	Vĩnh Cửu	Trị An	1,90
438	Đường xóm Huế nổi dài	Vĩnh Cửu	Trị An	1,08
439	Đường đôi 74	Vĩnh Cửu	Trị An	0,47
440	Nạo vét mương thoát lũ Thủy Hội	Vĩnh Cửu	Trị An	4,16
441	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An, Vĩnh Tân	23,59
442	Trụ sở Liên đoàn Lao động huyện	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	0,13
443	Đường liên tổ 2-4-5	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	1,59
444	Mỏ đá thị trấn Vĩnh An (đợt 2, công ty Tín Nghĩa)	Vĩnh Cửu	TT. Vĩnh An	1,03
445	Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	18,90
446	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,10
447	Linh Sơn Cổ Tự	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,84
448	Đường dây điện 500KV Vĩnh Tân rẽ Sông Mỹ	Xuân Lộc	Các xã	0,40
449	Kênh mương Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Các xã	15,00
450	Đường Xuân Hiệp - Gia Lào	Xuân Lộc	Các xã	2,00
451	Trường MN Lang Minh (Mở rộng phân hiệu Đông Minh)	Xuân Lộc	Lang Minh	0,32
452	Xây dựng đường tổ 23 ấp Suối Cát 1	Xuân Lộc	Suối Cát	0,02
453	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08
454	Trụ sở chi cục thuế Huyện	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,32
455	Nhà văn hóa khu phố 4	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,04
456	Nhà văn hóa khu phố 8	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,03
457	Chùa Thiên Ân	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,63
458	Khu Dofico	Xuân Lộc	Xã Xuân Bắc	405,92
459	Đường Xuân Bắc - Long Khánh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	4,67
460	QH mằm non Thọ Vực (Phân hiệu 2B)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,68
461	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Xuân Lộc	Xuân Bắc	2,06
462	Tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	2,60
463	Trạm y tế Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,38
464	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,15
465	Nghĩa trang huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Xuân Tâm	14,30
466	Khu xử lý rác thải không nguy hại	Xuân Lộc	Xuân Tâm	20,17
467	Mở rộng đường vào núi Chứa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52
468	Xây dựng hệ thống cấp treo	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,80

PHỤ LỤC 07: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	5,69
2	Khu dân cư An Hòa 3 (Bản giao khu gia đình Quân nhân Trường Sĩ quan Lục quân II)	Biên Hòa	An Bình	2,40
3	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70
4	Trường TH Trần Văn Ôn	Biên Hòa	Bửu Hòa	1,30
5	Khu dân cư tái định cư Bửu Hòa - Tân Vạn	Biên Hòa	Bửu Hòa	21,30
6	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26
7	Đầu tư xây dựng bờ kè sông Đồng Nai	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,55
8	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,27
9	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	1,00
10	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng II (Bộ Công thương)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29
11	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh	Biên Hòa	Long Bình Tân	2,20
12	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Dông Dài	Biên Hòa	Phước Tân	154,62
13	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	Biên Hòa	Phước Tân	10,40
14	Khu dân cư Tân Cang	Biên Hòa	Phước Tân	45,94
15	Tuyến cống thoát nước hạ lưu khu TĐC phục vụ dự án QL 1A, đoạn tránh thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Phước Tân	0,16
16	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00
17	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37
18	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	29,30
19	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	Biên Hòa	Tam Phước	19,10
20	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98
21	Trường THCS Tân Biên	Biên Hòa	Tân Biên	1,33
22	Dự án khu dân cư và tái định cư Tân Biên 2 (Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tân Biên	0,23
23	Khu tái định cư	Biên Hòa	Tân Hạnh	3,05
24	Dự án mở rộng đường Trương Định (khu vực mũi tàu)	Biên Hòa	Tân Mai	0,10
25	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58
26	Trường Trung cấp nghề kinh tế - Kỹ thuật số 2 (cơ sở 2)	Biên Hòa	Tân Phong	2,20
27	Trung tâm văn hóa phường Tân Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	0,47
28	Mở rộng đường Lưu Văn Việt	Biên Hòa	Tân Tiến	0,70
29	Trường THCS Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	0,45
30	Trụ sở làm việc các phòng ban	Biên Hòa	Thống Nhất	3,80
31	Cải tạo rạch Diên Hồng	Biên Hòa	Thống Nhất	0,76
32	Trường Tiểu học (Khu phố 2)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,01

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
33	Đường Hương lộ 10 - QL 1A	Cẩm Mỹ	Long Giao Nhân Nghĩa Bảo Bình Xuân Tây Xuân Đông	26,86
34	Chùa An Lạc	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70
35	Nghĩa trang Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	2,40
36	Nhà văn hóa ấp 1	Long Khánh	Bình Lộc	0,05
37	Nhà văn hóa ấp 2	Long Khánh	Bình Lộc	0,03
38	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	P. X.Bình, X.An, X.Hòa, X.Trung	0,05
39	Đường dây trung thế vào khu vực Suối Hôn	Long Khánh	Xuân Lập	1,80
40	Đường số 5 Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	1,72
41	Đường nhánh ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	3,39
42	Đường Hương Lộ 2 - nối dài	Long Thành	Tam An	35,00
43	Trường MN An Phước (ấp 2)	Long Thành	An Phước	0,52
44	Trụ sở xã đội xã Long An	Long Thành	Long An	0,05
45	Trường tiểu học Tập Phước	Long Thành	Long Phước	0,61
46	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00
47	Khu tái định cư Công ty Nhị Hiệp	Long Thành	Long Phước	0,30
48	Khu dân cư Riverside	Long Thành	TT. Long Thành	40,00
49	Khu dân cư	Long Thành	TT. Long Thành	40,00
50	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Đại Phước	9,60
51	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
52	Đường liên cảng	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	94,55
53	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,78
54	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,32
55	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Kỳ	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	2,65
56	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Nhơn Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10
57	Chùa Long Hương	Nhơn Trạch	Long Tân	0,96
58	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Tân	35,00
59	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66
60	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04
61	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
62	Khu dân cư	Nhơn Trạch	Long Thọ	18,50
63	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
64	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Hội	4,00
65	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72
66	Khu dân cư	Nhon Trạch	Phú Hữu	56,00
67	KDC Cty cổ phần Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phú Thạnh	90,00
68	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Nhon Trạch	Phước An	6,50
69	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
70	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhon Trạch - Cát Lái	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,18
71	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhon Trạch - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,14
72	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,10
73	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,08
74	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,20
75	Khu dân cư Phước Thiện (4)	Nhon Trạch	Phước Thiện	39,81
76	KDC Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	35,00
77	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phước Thiện	43,48
78	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,20
79	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05
80	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhon Trạch	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22
81	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
82	Hệ thống cấp nước Nhon Trạch (giai đoạn 2)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26
83	Chùa Vĩnh Giác	Tân Phú	Phú An	0,80
84	Niệm phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66
85	Đường Phú An - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34
86	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10
87	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thạnh	8,10
88	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bầu Mây (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,18
89	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Giang Điền	Tân Phú	Phú Thạnh	0,05
90	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20
91	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20
92	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22
93	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,17
94	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
95	Trung tâm văn hóa thể thao	Tân Phú	Phú Trung	0,90
96	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Chim	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
97	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
98	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
99	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
100	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
101	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
102	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
103	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,05
104	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61
105	Hoàn thành via hè đường Nguyễn Đình Chiểu	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,01
106	Đường Nguyễn Thị Định	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,30
107	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,13
108	Trường TH Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
109	Trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
110	Trường MN Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,30
111	Trường THCS Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,60
112	Mương thủy lợi cánh đồng 78a-78b	Thống Nhất	Lộ 25	0,20
113	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00
114	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84
115	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00
116	Mở rộng Trường Tiểu học An Bình	Trảng Bom	Trung Hòa	0,30
117	Trụ sở BQLDA huyện	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
118	Đường Nguyễn Hữu Cánh từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,73
119	Đường N1	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,60
120	Đường D6	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,40
121	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,10
122	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,45
123	ĐT 768 (Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đường ĐT 768 từ cầu thủ biên đến ĐT 762)	Vĩnh Cửu	Các xã	37,00
124	Nghĩa trang nhân dân	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85
125	Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,00
126	Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	2,50
127	Mở rộng trường MN (cơ sở chính)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,70
128	Hương lộ 10	Xuân Lộc	Các xã	11,00
129	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	3,85
130	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,98

**PHỤ LỤC 08: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐANG LẬP THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT**

(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20
2	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40
3	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59
4	Khu dân cư theo quy hoạch - Cty TNHH Hữu Trọng	Biên Hòa	Long Bình Tân	6,06
5	Bến xe Biên Hòa 2	Biên Hòa	Phước Tân	4,06
6	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00
7	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,02
8	Khu tái định cư phường Tam Hiệp	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,60
9	Khu nhà ở xã hội (Công ty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Tam Phước	2,20
10	Công an xã Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,13
11	Mở rộng trường Trung cấp nghề Đinh Tiên Hoàng	Biên Hòa	Tân Hiệp	3,35
12	Trường MN Tân Mai (cơ sở 2)	Biên Hòa	Tân Mai	0,15
13	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74
14	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84
15	Văn phòng Khu phố 5 (mới)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02
16	Văn phòng 2 khu phố (4,6)	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02
17	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	46,10
18	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21
19	Hệ thống cấp nước tập trung Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,03
20	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	Định Quán	Gia Canh	174,00
21	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	4,36
22	Khu căn cứ cách mạng Thị ủy	Long Khánh	Bảo Quang	4,80
23	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03
24	Trụ sở công an xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
25	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
26	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38
27	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bầu Sen	Long Khánh	Bầu Sen	0,41
28	Đường số 10 (tổ 14 Bầu Trâm đi tổ 10 Bầu Sầm)	Long Khánh	Bầu Trâm	1,00
29	Tu đoàn tình thương	Long Khánh	Bầu Trâm	0,27
30	Đường từ trường học ấp Cây Da đi ngã 3 Lộc Na	Long Khánh	Bình Lộc	1,75
31	Đường Cầu Cháy (từ ngã ba Vú Sữa - ngã ba Lộc Na)	Long Khánh	Bình Lộc	2,00
32	Chợ Bình Lộc ấp 1	Long Khánh	Bình Lộc	0,20
33	Trạm y tế Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20
34	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	Long Khánh	Hàng Gòn	0,10
35	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49
36	Trung tâm văn hóa, thể thao và HTCD	Long Khánh	Hàng Gòn	1,40
37	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05
38	Đường CMT8 (ND)	Long Khánh	X.An, X.Hòa	5,71

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
39	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen	Long Khánh	X.Bình, B.Sen	4,40
40	Đường nội ô ấp Phú Mỹ 2	Long Khánh	Xuân Lập	0,10
41	Đường số 17 ấp Trung Tâm	Long Khánh	Xuân Lập	0,01
42	Đường Suối Phên	Long Khánh	Xuân Lập	0,01
43	Hạt kiểm lâm liên huyện Xuân Lộc - Long Khánh	Long Khánh	Xuân Tân	0,08
44	Đường tổ 31D nối dài ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,31
45	Đường tổ 31B Bàu Tra	Long Khánh	Xuân Tân	1,30
46	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,18
47	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	Long Khánh	Xuân Trung	0,39
48	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,65
49	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	Long Khánh	Xuân Trung	0,15
50	Chợ An Viễn	Long Thành	Bình An	1,00
51	Trường TH Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	1,00
52	Trường MN Bình Sơn (ấp 1)	Long Thành	Bình Sơn	1,17
53	Khu biệt thự nhà vườn Thịnh Phú	Long Thành	Bình Sơn	4,70
54	Khu tái định cư Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	282,73
55	Khu dân cư	Long Thành	Bình Sơn	7,14
56	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây.	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00
57	Chợ Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,27
58	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	Long Thành	Long An	45,00
59	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty Phú Sơn	Long Thành	Long An	8,20
60	Khu nhà ở công nhân và người thu nhập thấp	Long Thành	Phước Bình	2,00
61	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	Long Thành	Phước Bình	5,81
62	Cụm CN Phước Bình	Long Thành	Phước Bình	75,00
63	Nhà văn hóa ấp Hiền Đức	Long Thành	Phước Thái	0,05
64	Trường MN Tam An	Long Thành	Tam An	1,00
65	Khu đô thị dịch vụ cao cấp	Long Thành	Tam An	50,78
66	Trạm bơm tăng áp (Công ty cấp nước Đồng Nai)	Long Thành	TT. Long Thành	0,28
67	Trung tâm ngoại ngữ tin học	Long Thành	TT. Long Thành	0,10
68	Tu xá mẹ Mân Côi 2	Long Thành	TT. Long Thành	0,20
69	Khu dân cư (Khu Cầu Xéo)	Long Thành	TT. Long Thành	28,00
70	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Nhon Trạch	Đại Phước	4,50
71	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Nhon Trạch	Đại Phước	20,00
72	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bái Từ Long làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Đại Phước	0,57
73	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,50
74	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Long Tân	9,50
75	Khu Tái định cư Long Tân	Nhon Trạch	Long Tân	21,00
76	Khu dân cư Long Tân	Nhon Trạch	Long Tân	125,00
77	Khu dân cư Long Tân (1)	Nhon Trạch	Long Tân	95,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
78	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Nhon Trạch	Long Tân	0,30
79	Khu dân cư thương mại	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90
80	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Nhon Trạch	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03
81	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	Nhon Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00
82	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Đông	1,96
83	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Nhon Trạch	Phú Hội	1,12
84	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Nhon Trạch	Phú Hội	0,04
85	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 2	Nhon Trạch	Phú Hữu	35,47
86	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	Nhon Trạch	Phú Hữu	42,70
87	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Hữu	199,00
88	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phú Hữu	4,45
89	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Nhon Trạch	Phú Hữu	0,70
90	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	Nhon Trạch	Phú Thạnh	48,18
91	Khu tái định cư Phước An	Nhon Trạch	Phước An	40,00
92	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,02
93	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	25,00
94	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10
95	Tháp nước ấp 10	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,03
96	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Tân Phú	Phú Bình	0,60
97	Trụ sở làm việc công an xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	0,10
98	Trường mầm non Phú Trung	Tân Phú	Phú Trung	0,45
99	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19
100	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25
101	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50
102	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04
103	Khu dân cư (Cty CP nông súc sản Đồng Nai)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,26
104	Cụm công nghiệp Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thanh Phú, Thiện Tân	8,54
105	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60
106	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,07
107	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 6	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,15
108	Tịnh thất Linh Quang	Xuân Lộc	Xã Suối Cát	0,23
109	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61
110	Giáo xứ Đồng Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43

PHỤ LỤC 09: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
 (thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
1	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	2,30
2	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89
3	Hương Lộ 2 và Cầu An Hòa	Biên Hòa	An Hòa, Tam Phước	12,06
4	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Bửu Long	0,59
5	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	1,26
6	Khu vui chơi giải trí	Biên Hòa	Bửu Long	1,47
7	Nhà tang lễ thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	1,50
8	Khu dân cư tái định cư cho dự án Ký túc xá và khu học tập sinh hoạt của sinh viên - Trường đại học Lạc Hồng	Biên Hòa	Bửu Long	0,19
9	Điểm du lịch và nhà ở tại xã Hoà An	Biên Hòa	Hoá An	45,70
10	Trung tâm văn hóa - thể thao	Biên Hòa	Hòa Bình	0,36
11	Văn hóa khu phố 3, 4	Biên Hòa	Hòa Bình	0,03
12	Di tích Mộ Đoàn Văn cự và 16 nghĩa binh	Biên Hòa	Long Bình	0,65
13	Văn phòng KP I	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02
14	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00
15	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00
16	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13
17	Trung tâm văn hóa - thể thao	Biên Hòa	Quang Vinh	0,23
18	Văn phòng khu phố 2	Biên Hòa	Quang Vinh	0,02
19	Khu DC kết hợp TĐC tại phường Quang Vinh (Ban Quản lý Dự án TP)	Biên Hòa	Quang Vinh	4,70
20	Khu hiệu bộ trường THCS bán công Quyết Thắng (Ban Quản lý Dự án thành phố)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,20
21	Trung tâm văn hóa phường	Biên Hòa	Tam Hòa	0,28
22	Đường chất thải rắn	Biên Hòa	Tam Phước	7,27
23	Đường vào Trung tâm hành chính phường Tân Biên	Biên Hòa	Tân Biên	2,73
24	Xây dựng bia tường niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08
25	Văn phòng Khu phố 6	Biên Hòa	Tân Hòa	0,01
26	Văn phòng khu phố 5	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
27	Văn phòng khu phố 6	Biên Hòa	Tân Mai	0,02
28	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Phong A	Biên Hòa	Tân Phong	0,40
29	Mở rộng Trường Bùi Thị Xuân	Biên Hòa	Tân Tiến	1,30
30	Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai	Biên Hòa	Thống Nhất	0,82
31	Văn phòng khu phố 1	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02
32	Nhà ở tái định cư Thống Nhất - Tân Mai (Công ty Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	13,10
33	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58
34	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Các huyện	Các xã	28,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
35	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 2)	Các huyện	Tam Phước, Tam An	40,51
36	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,20
37	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,20
38	Đường song hành Quốc lộ 56	Cẩm Mỹ	Long Giao	14,00
39	Cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Long Giao	57,30
40	Nghĩa địa xã Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	2,33
41	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30
42	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,20
43	Tỉnh thất Liên Hoa	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,11
44	Lò đốt rác	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20
45	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,33
46	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,20
47	Tỉnh thất Viên An	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,59
48	Cộng đoàn Tân Việt Nam Hà	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,27
49	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20
50	Đường vào cụm công nghiệp Long Giao	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	2,40
51	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,20
52	Cộng đoàn Đa minh thánh thể Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,06
53	Chùa Bảo Quang	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,30
54	Hệ thống cấp nước TT Long Giao (Nhà máy nước + 5 giếng)	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Long Giao	1,15
55	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,20
56	Khu dân cư có bố trí tái định cư và nhà ở xã hội	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	5,00
57	Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35
58	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,02
59	Tu viện Mên Thánh giá - Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,07
60	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,20
61	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 2	Định Quán	La Ngà	0,03
62	Sân thể thao ấp 2/97	Định Quán	La Ngà	0,33
63	Sân thể thao ấp Phú Quý 1	Định Quán	La Ngà	0,10
64	Sân thể thao ấp Mít Nài	Định Quán	La Ngà	0,08
65	Sân thể thao ấp 5	Định Quán	La Ngà	0,30
66	Phước Nghiêm Bửu Tự	Định Quán	La Ngà	0,49
67	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Định Quán	Ngọc Định	0,68
68	Chùa Tịnh Quang	Định Quán	Ngọc Định	0,39
69	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Cường	Định Quán	Phú Cường	0,23
70	Sân thể thao ấp 5	Định Quán	Phú Lợi	0,17
71	Sân thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16
72	Trường MN Phú Ngọc (Ấp 3)	Định Quán	Phú Ngọc	0,40
73	Trạm kiểm lâm La Ngà	Định Quán	Phú Ngọc	0,03
74	Trụ sở Công an xã Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	0,20
75	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Định Quán	Phú Túc	0,65
76	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Phú Túc	3,00
77	Tỉnh thất Pháp Độ	Định Quán	Phú Túc	0,76
78	Nhà văn hóa ấp 4 kết hợp Khu thể thao các ấp 1, 2, 3, 4	Định Quán	Phú Vinh	0,15
79	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Phú Vinh	4,00
80	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Chợ	Định Quán	Suối Nho	0,05
81	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	Định Quán	Suối Nho	4,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
82	Trụ sở Công an xã Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,20
83	Trụ sở Công an TT. Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,25
84	Khu tái định cư 3	Định Quán	TT.Định Quán	11,70
85	Trạm kiểm lâm Cao Cang	Định Quán	TT.Định Quán	0,10
86	Mở rộng trạm viễn thông	Định Quán	Túc Trưng	0,03
87	Chùa Từ Thiện	Định Quán	Túc Trưng	0,17
88	Nhà văn hóa ấp Ruộng Lớn	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
89	Nhà Văn hóa và khu thể thao ấp Bảo Vinh A	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05
90	Đường Xoài Quéo (đường Bàu Đục - Phú Mỹ)	Long Khánh	Bàu Sen	2,04
91	Chợ Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,08
92	Đường mùa Hè Xanh	Long Khánh	Bàu Trâm	0,78
93	Trung tâm Văn hóa - học tập cộng đồng	Long Khánh	Bàu Trâm	0,34
94	Đường tổ 37 ấp Hàng Gòn (Mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	0,40
95	Trường Mẫu giáo Phú Bình (công viên Hòa Bình)	Long Khánh	Phú Bình	0,30
96	Nhà văn hóa khu phố 1 phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05
97	Đường dây 500 kV (Vĩnh Tân-Sông Mỹ)	Long Khánh	S.Tre; B.Lộc	0,01
98	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	Long Khánh	Suối Tre, Bảo Vinh; Xuân Thanh	10,93
99	Nhà triển lãm và văn phòng TTVH thể thao thị xã	Long Khánh	Xuân Bình	0,67
100	Nhà văn hóa khu phố 5	Long Khánh	Xuân Hòa	0,06
101	Đường vào vùng khuyến khích chăn nuôi Cầu Be	Long Khánh	Xuân Lập	1,01
102	Đường giao thông nông thôn khu 1, ấp Cẩm Tân	Long Khánh	Xuân Tân	0,46
103	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thanh	0,02
104	Trung tâm Văn hóa, thể thao và HTCĐ phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,13
105	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực	Long Khánh	Xuân Trung	1,25
106	Nhà văn hóa khu phố 2 phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,04
107	Trụ sở VPĐKĐĐ Chi nhánh Long Thành	Long Thành	An Phước	0,15
108	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	An Phước	0,03
109	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Bình An	0,03
110	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Bình Sơn	0,03
111	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	Lộc An	0,03
112	Bệnh viện đa khoa (khu dân cư 25B)	Long Thành	Long An	3,44
113	Trạm y tế khu 15	Long Thành	Long Đức	0,10
114	Điểm trung chuyển rác khu 14	Long Thành	Long Đức	0,05
115	Điểm trung chuyển rác khu 15	Long Thành	Long Đức	0,03
116	Mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Long Thành	Long Phước	2,50
117	Khu dân cư Cty Thái Việt	Long Thành	Long Phước	5,00
118	Khu biệt thự vườn	Long Thành	Long Phước	8,90
119	Điểm trung chuyển rác ấp 2	Long Thành	Phước Bình	0,02
120	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty FA	Long Thành	Phước Bình	0,50
121	Điểm trung chuyển rác (ấp 3)	Long Thành	Phước Thái	0,05
122	Nghĩa địa mở rộng	Long Thành	Tam An	2,50
123	Đường Vào khu CN AMATA	Long Thành	TT. Long Thành	10,00
124	Khu TĐC Trạm khuyến nông	Long Thành	TT. Long Thành	0,37
125	Khu TĐC TTDV và QLĐT	Long Thành	TT. Long Thành	0,43
126	Điểm trung chuyển rác	Long Thành	TT.Long Thành	0,03

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
127	Trường đào tạo ngoại ngữ-tin học và Văn hóa hàng không của HTX DV nông nghiệp và đầu tư phát triển Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10
128	Văn phòng ấp 1	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05
129	Văn phòng ấp 2	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05
130	Bãi trung chuyển rác xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	0,20
131	Chợ xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	0,70
132	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Nhơn Trạch	Long Thọ	0,04
133	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Phú Tân	Nhơn Trạch	Phú Đông	0,05
134	Bãi đậu xe 3 ha trong dự án Trồng cây xanh kết hợp bãi đậu xe 20 ha	Nhơn Trạch	Phú Hội	3,00
135	Khu dân cư Cty Vạn Phúc (mở rộng)	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,14
136	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60
137	Nhà văn hóa ấp 2 xã Phú Thạnh	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,16
138	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90
139	Trung tâm văn hoá thể dục thể thao	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,38
140	Đường từ 319 đến KDC Tài Tiến	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30
141	KDC Phước Thiện (2)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	40,27
142	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	90,00
143	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	103,00
144	Sân vận động xã	Tân Phú	Phú An	0,80
145	Kênh mương nội đồng	Tân Phú	Phú Bình	5,22
146	Trường MN Nam Cát Tiên (ấp 8)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,25
147	Công trình Cầu Dạ Hoai	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20
148	Trường MN Phú An (mở rộng)	Tân Phú	Phú An	0,50
149	Nhà lưu niệm Đoàn 600	Tân Phú	Phú An	0,02
150	Chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,22
151	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,06
152	Mở rộng chùa Phước Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,08
153	Trụ sở BCHQS xã Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,20
154	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	0,33
155	Kênh N6-12	Tân Phú	Phú Thanh	0,15
156	Mở rộng bãi rác tại Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	5,00
157	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,18
158	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,23
159	Sân thể thao ấp Giang Điền	Tân Phú	Phú Thanh	0,14
160	Sân vận động	Tân Phú	Phú Thanh	1,20
161	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,50
162	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,10
163	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Xuân	0,10
164	Trụ sở trạm bảo vệ thực vật	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,02
165	Khu tái định cư chợ Trà Cỏ	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,78
166	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	5,20
167	Trường TH Phan Bội Châu (mở rộng)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,00
168	Trụ sở công an xã Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
169	Đường nối ấp Ngô Quyền đến QL 20	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30
170	Đường ấp Phan Bội Châu đi đường 769	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,80

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
171	Đường từ ấp Lộ 25 đến đường đi Hưng Lộc	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,33
172	Mở rộng, nâng cấp đường nội đồng 2 ấp Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,26
173	Đường ấp Ngô Quyền đi Sông Thao	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,37
174	Đường nội đồng 1 ấp Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,38
175	Đường tổ 3 ấp Lộ 25	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,10
176	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,59
177	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Thái Học đi Bàu Hàm	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,52
178	Đường song hành QL20 khu TTHC huyện	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,72
179	Chợ Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,63
180	Trường TH - THCS - THPT Á Châu	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	2,10
181	Đường vào cầu Bến Tẹt	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,50
182	Đường tổ 8B đi trường THCS Ngô Quyền	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,25
183	Nạo vét, mở rộng và nâng cấp hệ thống thoát lũ 5 xã Kiệm Tân	Thống Nhất	các xã	0,80
184	Trường THCS tại Gia Kiệm (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,50
185	Trường MN Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,60
186	Trụ sở công an xã Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
187	Trung tâm văn hóa - học tập công đồng xã Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,95
188	Trường Tiểu học (khu đồi đá Soklu)	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
189	Đường đôi trục	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,30
190	Đường ngã ba Hoàng vào vùng KKCĐ phía Tây	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,98
191	Đường số 1 Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,28
192	Đường Đông Bắc đi Ao Khoai	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,38
193	Chợ tại Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20
194	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05
195	Trụ sở công an xã Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,22
196	Đường Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,05
197	Đường đôi Côtin nối dài	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,99
198	Đường Tây Kim - Thanh Bình	Thống Nhất	Gia Tân 1	7,80
199	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,30
200	Đường Sào Lâm Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08
201	Đường vườn Na	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,11
202	Đường vào khu chăn nuôi Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14
203	Đường Dốc Đất	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14
204	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Túc	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41
205	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Cường	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,63
206	Đường nội đồng 2-3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,90
207	Đường ranh khu chăn nuôi Đức Long 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,23
208	Đường suối đá Đức Long 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,13
209	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10
210	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,29
211	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41
212	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,18
213	Đường liên ấp Long Đức 1-2-3	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05
214	Trạm cấp nước tập trung	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08
215	Chợ Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25
216	Khu vui chơi giải trí tại ấp Đức Long 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,58
217	Khu vui chơi Thanh thiếu niên	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
218	Khu thể dục thể thao ấp	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10
219	Cầu Đức Long 1	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,02
220	Trường TH Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,72
221	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
222	Mở rộng trường Trần Quang Khải	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,09
223	Trường Mầm non Gia Tân 3 (mở rộng)	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,27
224	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
225	Đường Chu Văn An - Định Quán	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,16
226	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,18
227	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,28
228	Đường Tân Yên đến hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,15
229	Đường Đài đức mẹ đi Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,56
230	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,72
231	Đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn 2)	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,80
232	Đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,73
233	Nạo vét mương đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,21
234	Mương tiêu úng cánh đồng rau Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
235	Nạo vét và kè đá mương suối lầy	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,12
236	Đập cầu quay	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30
237	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05
238	Cầu 1 Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07
239	Cầu 2 Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22
240	Cầu Quay	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22
241	Trường Mầm non Hoa Cúc (mở rộng)	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,46
242	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Hưng Lộc	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,05
243	Đường Hưng Nghĩa - Xã Lộ 25	Thống Nhất	Hưng Lộc	5,18
244	Đường Hưng Lộc- Xã Lộ 25	Thống Nhất	Hưng Lộc	2,99
245	Mở rộng đường trung tâm Hưng Thạnh	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,13
246	Đường Trung tâm Hưng Lộc	Thống Nhất	Hưng Lộc	3,56
247	Sân vận động	Thống Nhất	Hưng Lộc	1,20
248	Trường MN Hòa mi mở rộng	Thống Nhất	Lộ 25	0,30
249	Trụ sở công an xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,23
250	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	0,55
251	Trường Mầm non Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,43
252	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	1,71
253	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Lộ 25	1,30
254	Đường vào cánh đồng Cây khô	Thống Nhất	Lộ 25	0,14
255	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,37
256	Đường cầu số 1 ấp 6 nhánh 1	Thống Nhất	Lộ 25	0,32
257	Đường Tránh Lũ	Thống Nhất	Lộ 25	0,19
258	Hệ thống cấp nước tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,10
259	Mương thoát nước Hưng Long - Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,14
260	Trường THCS Lý Tự Trọng	Thống Nhất	Lộ 25	0,83
261	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Quang Trung	3,44
262	Trụ sở công an xã Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	0,11
263	Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên ấp Nguyễn Huệ 2	Thống Nhất	Quang Trung	0,46
264	Mở rộng trường Mầm non Lê Lợi	Thống Nhất	Quang Trung	0,07
265	Đường Lạc Sơn-Xuân Thiện (Km0+0-km3+00)	Thống Nhất	Quang Trung	1,60

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
266	Đường Võ Đông 3- Soklu	Thống Nhất	Quang Trung	0,09
267	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm	Thống Nhất	Quang Trung	2,09
268	Đường Võ Đông 1- Lạc Sơn	Thống Nhất	Quang Trung	1,79
269	Khu vui chơi giải trí Nguyễn Huệ 1	Thống Nhất	Quang Trung	0,11
270	Trường MN Quang Trung B (mở rộng)	Thống Nhất	Quang Trung	0,16
271	Trường MN Quang Trung A	Thống Nhất	Quang Trung	0,30
272	Trường MN 9/ 4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,50
273	Trụ sở công an xã Xuân Thạnh	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,30
274	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,05
275	Đường vào khu dân tộc đoạn 1	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,14
276	Mở rộng, nâng cấp đường trung tâm ấp 9/4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,58
277	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,52
278	Nối dài đường khu dân tộc đến tổ 12 ấp 9	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,56
279	Mở rộng, nâng cấp đường tổ 3 đi tổ 10	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,16
280	Mở rộng, nối dài đường thủy lợi	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,26
281	Đường cánh đồng 97	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,55
282	Đường Đồi đá liên ấp 9-4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,57
283	Mương thoát nước tại khu vực tổ 4-5 ấp 9/4	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,25
284	Cụm CN An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	50,00
285	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 5	Trảng Bom	An Viễn	0,03
286	Trường Mầm non	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,50
287	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,07
288	Chốt dân quân thường trực	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,15
289	Khu nhà ở cho công nhân thuê	Trảng Bom	Bắc Sơn	13,80
290	Trường TH Nguyễn Trung Trực	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,50
291	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,10
292	Trường MN Anh Đào	Trảng Bom	Bình Minh	0,12
293	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Cây Gáo	0,10
294	Mở rộng trường Mầm non Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,07
295	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	19,00
296	Trường MN Bình Minh	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,30
297	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,30
298	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,20
299	Sân thể thao ấp 2	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20
300	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20
301	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Trảng Bom	Sông Trầu	0,10
302	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 1	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05
303	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Trảng Bom	Tây Hòa	0,22
304	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Cá	Trảng Bom	Trung Hòa	0,08
305	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc khu phố 4	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
306	Ban chỉ huy quân sự thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
307	Trạm vệ thực vật	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,10
308	Trạm Khuyến Nông	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,09
309	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Võ Trường Toản)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,50
310	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	0,50
311	Khu dân cư Đình Thuận mở rộng	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	9,68
312	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50
313	Mở rộng trường TH Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
314	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Bình Hòa, Tân Bình	2,84
315	Sân bóng đá xã	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	2,00
316	Trụ sở Công an xã	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,20
317	Đường Bình Lợi - Thiện Tân đoạn nắn tuyến qua khu vực đất quốc phòng	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	4,67
318	Mương thủy lợi ấp 2	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,25
319	Chợ Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,30
320	Mỏ Bình Lợi (75K-2b)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	40,00
321	Sân bóng đá	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,91
322	Đường vào khu chăn nuôi Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	3,75
323	Sân thể thao (ấp 1)	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	1,80
324	XD điểm dân cư nông thôn số 3 & số 4, xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	45,00
325	Trung tâm hành chính xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	12,65
326	Chợ Tân An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,15
327	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22
328	Đường vào Chùa Tháp (đường liên ấp Bình Phước - Bình Lục)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,38
329	Sân thể thao ấp Bình Lục	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
330	Sân thể thao ấp Vĩnh Hiệp	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20
331	Đường liên ấp 5 - 7	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	1,57
332	Đường ấp 1 Thanh Phú (đường 16)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,21
333	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
334	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05
335	Đường nhà máy nước Thiện Tân (mở rộng lên 9,5 m)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70
336	Nâng cấp cải tạo hàng rào, vỉa hè Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,03
337	Đường Bưng mua	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,29
338	Đường gò Miếu nổi dài	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48
339	Đường nối đường Bưng Bình - đi Trảng Dài TPBH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,28
340	Sân thể thao ấp 6-7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50
341	Đá xây dựng tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40
342	Mỏ đá Thiện Tân 1A (công ty TNHH Vĩnh Hải)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00
343	Chợ Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	1,20
344	Trường mẫu giáo khu phố 7	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,09
345	Sân bóng đá xã Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,00
346	Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,60
347	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,03
348	Khu tái định cư đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Xuân Lộc	T.T Gia Ray	4,00
349	Kho tàng trữ tang vật CC Thị hành án huyện	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	0,15
350	Đài tưởng niệm Suối Cao	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,05
351	Chùa Cao Tuyền	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	4,00
352	Trụ sở Công an xã Xuân Bắc	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,30
353	Niệm Phật đường Giác Huệ	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,51
354	Trường TH Xuân Định (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Định	0,10
355	Trường TH Trịnh Hoài Đức (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,30
356	Mở rộng trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hoà	0,18
357	Trường THCS Xuân Hòa (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,40
358	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,80
359	Hệ thống cấp nước tập trung	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,20

STT	Tên dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi (ha)
		Huyện	Xã, phường, thị trấn	
360	Trường MN Xuân Thành	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,72
361	Mở rộng nghĩa trang ấp Thọ Bình	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,21
362	Nhà công vụ giáo viên	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,10
363	Trường MN Xuân Trường (PH Trung Sơn)	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,10

**PHỤ LỤC 10: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG**

(thông qua tại các Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
	A. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN						
1	Trạm y tế phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	0,19	0,13		
2	Trạm chiết nạp khí oxy, nito, argon (Công ty Tân Tân)	Biên Hòa	An Hòa	0,40	0,40		
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư tại xã Hiệp Hòa (Ban Quản lý dự án thành phố)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	4,80	4,37		
4	Xây dựng cầu An Hào	Biên Hòa	Hiệp Hòa, An Bình	10,04	3,88		
5	Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	16,00	2,00		
6	Đường Huỳnh Văn Lũy nối dài	Biên Hòa	Quang Vinh	0,73	0,25		
7	UBND phường Quang Vinh mở rộng	Biên Hòa	Quang Vinh	0,05	0,05		
8	Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh (Sở Nội Vụ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,30	0,04		
9	Đường số 16 tại xã Tân Hạnh qua cánh đồng Bà Nghè	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,32	0,32		
10	Xây dựng chợ truyền thống Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,60	0,80		
11	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa	Thống Nhất	0,30	0,01		
12	Giáo xứ Phú Hòa	Định Quán	Phú Hòa	0,63	0,11		
13	Điểm công nghiệp thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán, Phú Vinh	4,80	0,30		
14	Đường Suối Rắc	Định Quán	Túc Trung	4,60	0,38		
15	Trạm xăng dầu 515 (Công ty TNHH Tân Hiệp)	Long Thành	Long An	0,15	0,15		
16	Trạm dừng chân Hoa Mai	Long Thành	Long An	0,60	0,60		
17	Dự án đầu nối hạ tầng KDC An Thuận vào QL51 (do CTy Cổ phần Đình Thuận làm chủ đầu tư)	Long Thành	Long An	0,20	0,20		
18	Đầu nối hạ tầng khu dân cư An Thuận vào TL25B	Long Thành	Long An	0,20	0,20		
19	Đường 25B	Long Thành	Long An	14,00	6,61		
20	Đường ấp 1 - ấp 3	Long Thành	Phước Bình	3,48	0,48		
21	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Đại Phước	2,00	1,78		
22	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Hiệp Phước	9,84	8,55		
23	Nghĩa trang Long Thọ	Nhon Trạch	Long Thọ	20,77	1,10		
24	Khu nghỉ dưỡng phục hồi chức năng	Nhon Trạch	Phú Đông	0,38	0,32		
25	Dự án xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Dầu tư Thái Sơn - Bộ quốc phòng làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Đông	37,60	8,70		
26	Trạm Biên phòng cửa khẩu Cảng Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phước Khánh	1,00	0,77		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bạch Lâm 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,09	0,09		
28	Cơ sở gia công hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lục bình, dây nhựa (ông Lê Đức Tiến)	Trảng Bom	Đông Hòa	0,99	0,99		
29	Công ty Đại Huy Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	1,23	0,19		
30	Kho chứa hàng và sân phơi gạch	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,90	0,52		
31	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	6,57	0,74		
32	Đường từ Trung tâm xã Hồ Nai 3 đi 2 ấp Đông Hải và Lộ Đức	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,50	0,22		
33	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng	Trảng Bom	Sông Thao	0,25	0,10		
34	Đường dân sinh tránh nhà máy xử lý chất thải (Tài Tiến)	Trảng Bom	Sông Thao	0,15	0,04		
35	Đường vào trường MN	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,39	0,07		
36	Bến vượt của Lữ đoàn Công Binh 25	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	17,15	5,70		
37	Đường Cộ Cây xoài	Vĩnh Cửu	Tân An	10,15	1,37		
38	Trang trại chăn nuôi	Vĩnh Cửu	Tân An	2,90	1,80		
39	Cây xăng ấp Bình Lục	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,10	0,10		
40	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22		
41	Chùa Xuân Quang	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,13	0,13		
42	Cây xăng tại ấp 7 (Hương lộ 6)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,10	0,10		
43	Mở rộng xưởng sản xuất cơ khí tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,25	0,18		
44	Nhà máy sản xuất nhôm thép định hình và nhà máy sản xuất kính xây dựng	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,40	1,00		
45	Nạo vét Suối Sâu	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An, Vĩnh Tân	23,59	4,87		
46	Đường vào bãi rác Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	4,64	0,07		
47	Cầu tập đoàn 7	Xuân Lộc	Suối Cát, Lang Minh	0,08	0,02		
48	Hệ thống cáp treo phục vụ du lịch Núi Chúa Chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	9,90		6,80	
49	Mở rộng đường vào núi Chúa Chan (đường vào chùa Gia Lào)	Xuân Lộc	Xuân Trường	6,52		1,00	
B. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT							
1	Ký túc xá và khu học tập sinh viên (trường ĐH Lạc Hồng)	Biên Hòa	Bửu Long	1,92	1,30		
2	Đường Đỗ Văn Thi (HL10, đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,70	0,21		
3	Khu Công nghiệp Hồ Nai (Giai đoạn II)	Biên Hòa	Phước Tân	85,00	2,35		
4	Tuyến mương thoát nước KCN Giang Điền (Tổng Công ty phát triển KCN)	Biên Hòa	Phước Tân	1,71	0,03		
5	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,34	0,24		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
6	Đường đầu nối KCN Giang Điền với đường tránh Biên Hòa (Tổng Cty phát triển khu công nghiệp)	Biên Hòa	Tam phước, phước Tân	24,16	4,70		
7	Đường chuyên dùng vận chuyển khoáng sản tại xã Phước Tân và xã Tam Phước	Biên Hòa	Tam phước, Phước Tân	13,77	0,33		
8	Trường Tiểu học Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	0,95	0,12		
9	Trạm bơm nước thải	Biên Hòa	Thống Nhất	0,49	0,13		
10	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Tân	Định Quán	Phú Cường	0,03	0,03		
11	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	Định Quán	Phú Hòa	0,10	0,10		
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	0,06		
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Định Quán	Phú Hòa	0,05	0,05		
14	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	1,01	0,80		
15	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Suối Nho	0,18	0,03		
16	Tiêu nước cánh đồng Bàu Kiên	Định Quán	Thanh Sơn	24,40	7,74	1,47	
17	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Long Thành	An Phước, Lộc An, Bình Sơn, Phước Thái, Long Phước, Long An, Phước Bình	7,82	0,20		
18	Đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc (HL10)	Long Thành	Cẩm Đường, Bình An	12,00	1,10		
19	Đường vào trung tâm đo kiểm	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,09	0,09		
20	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	2,87		
21	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	6,36	2,24		
22	Xây dựng tuyến đường vào khu TĐC Sen Việt (Cty CP Đầu tư Sen Việt Công thương)	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,80	1,04		
23	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Nhơn Trạch	Phước An	82,00		0,004	
24	Mở rộng Trường Tiểu học Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,09	0,09		
25	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,04	0,04		
26	Cảng tổng hợp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	10,00	0,80		
27	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	86,60	5,69		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
28	Trung tâm Văn hoá thể thao - học tập cộng đồng	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,88	0,18		
29	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99		1,84	
30	Trường MN Phú Thanh (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,45	0,45		
31	Nạo vét suối Đa Tôn	Tân Phú	Phú Thanh, Thanh Sơn, Phú Lâm	18,80	3,60		
32	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phúc Nhạc 2	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07		
33	Khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa - U1	Trảng Bom	Thanh Bình	3,70	0,05		
34	Cụm công nghiệp Tân An (Trong đó, Công ty TNHH Hoàng Bảo Lâm 3,5 ha; Công ty TNHH Hồ Nai 5,7 ha; DNTN Nguyễn Phi Hùng 5 ha; Công ty TNHH Phúc Lộc Thịnh Phát 2 ha) và phần diện tích còn lại	Vĩnh Cửu	Tân An	40,00	10,00		
35	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,20	0,20		
36	Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Vĩnh Hải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	2,24	0,20		
37	Mỏ đá Thiện Tân 4 (Khu vực khai thác của Công ty CP khoáng sản 623 Đồng Nai)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	30,80	5,00		
38	Mỏ đá Thiện Tân 7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	12,00	9,50		
39	Trường Mầm non Trị An (cơ sở 2)	Vĩnh Cửu	Trị An	0,31	0,31		
40	Mở rộng đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh	12,00	3,40		
41	Giáo xứ Đồng Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43	0,09		
42	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45		
C. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ CÓ THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT							
1	Nối dài tuyến đường số 1 và số 3 khu dân cư An Hòa 2 và khu dân cư An Bình	Biên Hòa	An Bình	1,08	0,10		
2	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	4,00		
3	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37	0,17		
4	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	0,13		
5	Hệ thống thoát nước Suối Nước Trong	Biên Hòa	Tam Phước	0,98	0,01		
6	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41		
7	Khu dịch vụ cảng	Nhon Trạch	Phước An	70,00		0,02	
8	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	0,31		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
9	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66		1,66	
10	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10	0,01		
11	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thanh	9,00	0,16		
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	0,20		
13	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	0,14		
14	Chợ Ngọc Lâm	Tân Phú	Phú Xuân	0,31	0,31		
15	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	0,55		
16	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	8,34		
17	KCN Hồ Nai	Trảng Bom	Hồ Nai 3, Bắc Sơn	387,00	1,14		
18	Nghĩa trang Nhân dân	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85	0,30		
19	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,50	1,60		
20	Mỏ đá Thiện Tân 2 Trong đó Khu vực khai thác là 29,5 ha Khu công trình phụ trợ là 9,3 ha	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	38,70	6,00		
21	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,65	0,56		
D. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN							
1	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	0,62		
2	Trạm xăng dầu trên đường Đặng Văn Tron	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,30	0,30		
3	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	3,40		
4	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12		
5	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,70	1,69		
6	Mở rộng hệ thống kênh tưới trạm bơm Ba Giọt	Định Quán	Phú Vinh	5,00	0,05		
7	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00		0,05	
8	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50,00	7,70		
9	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04		
10	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6,00	1,60		
E. CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA THỰC HIỆN							
1	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	1,38		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
2	Trụ sở làm việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà	Biên Hòa	Bửu Long	0,40	0,03		
3	Nhà tang lễ thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	0,07		
4	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	46,03	0,22		
5	Khu thương mại dịch vụ (Cty Nhơn Long)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29	0,01		
6	Khu dân cư (công ty Hữu Trọng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	5,64	0,96		
7	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00	1,90		
8	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61		
9	Khu du lịch sinh thái ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	11,00	3,60		
10	Đất thương mại dịch vụ	Long Thành	Long Phước	0,30	0,30		
11	Điểm Du lịch sinh thái tại xã Đại Phước, Phú Hữu	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	45,00	6,05		
12	Điểm du lịch sinh thái dự trữ theo QH duyệt	Nhơn Trạch	Phú Đông, Phước Khánh	62,25	6,30		
13	Công ty trục vớt Sông Thương	Nhơn Trạch	Phú Hữu	3,32	2,31		
14	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29		
15	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90		
16	Đường từ 319 đến KDC Tài Tiến	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30	3,45		
17	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lập	Tân Phú	Phú Bình	0,05	0,05		
18	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,20	0,10		
19	Sân vận động	Tân Phú	Phú Thanh	1,20	0,77		
20	Thao trường huấn luyện, trường bắn của LLVT	Tân Phú	Phú Xuân	15,00	1,17		
21	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,46	0,07		
22	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,10	0,01		
23	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,59	0,01		
24	Đường đò trọc	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,54	0,03		
25	Đường số 1 Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,88	0,01		
26	Khu thể dục thể thao ấp	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00	0,10		
27	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,47	0,04		
28	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,33	0,02		
29	Chợ Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25	0,25		
30	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương mước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,48	0,24		
31	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	Thống Nhất	Gia Tân 3	2,38	0,04		
32	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,00	0,02		

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Trong đó		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
33	Nạo vét mương đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,70	0,21		
34	Đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Dầu Giây - Phan Thiết)	Thống Nhất	Lộ 25	6,50	0,10		
35	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Lộ 25	2,95	0,21		
36	Đường vào cánh đồng Cây khô	Thống Nhất	Lộ 25	0,26	0,02		
37	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	3,30	0,12		
38	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,67	0,24		
39	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	Thống Nhất	Xuân Thạnh	3,11	1,05		
40	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,61	0,40		
41	Mở rộng, nối dài đường thủy lợi	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,36	0,12		
42	Đường cánh đồng 97	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,64	0,27		
43	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Trảng Bom	các xã	21,02	0,77		
44	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	19,00	1,00		
45	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50	9,80		
46	Cây xăng ấp 1 Đa Lộc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,10	0,10		
47	Công ty Phúc Hiếu	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	8,24	2,19		
48	Căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Phú Lý	28,00			2,80
49	Trung tâm GDQP - AN - trường bắn BB	Vĩnh Cửu	Tân An	78,00	5,19		
50	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02	0,02		
51	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22		
52	Đường 768 B	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Hòa, Thạnh Phú	3,50	3,50		
53	Hệ thống thoát nước Thạnh Phú - Bình Lợi (đoạn qua địa bàn Thạnh Phú)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	8,77	3,80		
54	Nhà máy xay đá, trạm cân đá thành phẩm và bãi chứa đất đá thải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	3,50	0,28		
55	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	9,54	1,80		
56	Sân thể thao ấp 6-7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50	0,50		
57	Đường Bung mua	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,50	0,07		
58	Đường gò Miếu nối dài	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,78	0,20		
59	Đường nối đường Bùng Bình - đi Trảng Dài TPBH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48	0,04		
60	Mở rộng đường Nhà máy nước Thiện Tân lên 9,5m	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70	0,50		
61	Đá xây dựng tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40	8,70		
62	Hội mỹ nghệ huyện Xuân Lộc (TT trưng bày và quảng bá sản phẩm hàng TCMN)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,38	0,38		

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng các dự án thu hồi				170	2.659,71	2.230,63	
I. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013				164	2.447,65	2.218,64	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				40	173,77	167,01	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	DGD	1,40	0,02	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Trường Tiểu học Hóa An 2	Biên Hòa	Hóa An	DGD	0,85	0,85	Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2017 (lần 2); Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa v/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B.
4	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	DGD	2,14	1,14	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
5	Trường Tiểu học Long Bình 2	Biên Hòa	Long Bình	DGD	0,81	0,81	Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
6	Trường cao đẳng y tế và bệnh viện (Lê Quý Đôn)	Biên Hòa	Long Bình Tân	DYT	4,51	4,51	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7843517681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 2 ngày 09/3/2016; Thông báo thu hồi đất số 7081/TB-UBND ngày 17/10/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Trường TH Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	DGD	1,30	0,04	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
8	Trường TH Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	DGD	0,51	0,06	Đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án tại VB số 11029/UBND-ĐT ngày 14/8/2018 của UBND TP
9	Trụ sở làm việc các phòng ban TP. Biên Hòa	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	2,64	2,64	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa;
10	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	1,70	0,80	Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
11	Trường MN Sông Ray (ấp 10)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (bố trí vốn trong năm 2019 - 2020).
12	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
13	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	TSC	0,20	0,20	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
14	Trạm y tế xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DYT	0,05	0,05	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
15	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
16	Trường Tiểu học Thái Thiện	Long Thành	Phước Thái	DGD	1,27	1,27	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 của UBND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
17	Trường Tiểu học Tam An (Giai đoạn 2)	Long Thành	Tam An	DGD	1,06	1,06	Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Long Thành về việc quyết định chủ trương đầu tư
18	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Nhơn Trạch	Long Tân , Phước Thiện	DGD	126,00	126,00	Thông báo số 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh vv địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
19	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DYT	0,17	0,17	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
20	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	DYT	0,19	0,19	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
21	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	DYT	0,15	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
22	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lập	TSC	0,12	0,12	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
23	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	1,53	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
24	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	TSC	0,18	0,18	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
25	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	DYT	0,07	0,07	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
26	Trường TH Xuân Thanh (Khu THHC xã)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DGD	1,00	1,00	Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc điều chỉnh, bổ sung và kế hoạch đầu tư công 6 tháng cuối năm 2018
27	Trường tiểu học Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	DGD	1,72	1,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
28	Mở rộng trường tiểu học thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGD	0,17	0,17	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
29	Công an xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	TSC	0,08	0,08	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
30	Trường THCS Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
31	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về Chủ trương đầu tư dự án sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
32	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DVH	1,04	1,04	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý (ghi vốn năm 2018)
33	Trường MN Cây Gáo	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DGD	1,20	1,20	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
34	Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DVH	0,07	0,03	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
35	Trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DGD	0,86	0,86	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
36	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DGD	1,58	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
37	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,65	0,15	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
38	Trường MN Xuân Thành (mở rộng phân hiệu Tân Hợp)	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
39	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
40	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Thống Nhất	Xuân Thạnh	DGD	14,00	14,00	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải				69	645,77	524,70	
41	Hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	DGT	1,00	0,75	Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hành lang Quốc lộ 51 trước mặt tiền dự án Sơn Tiên; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
42	Xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch (Đường N1)	Biên Hòa	Bình Đa	DGT	0,24	0,24	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch từ đường Vũ Hồng Phô đến hết phần đất dọc theo đất khu dân cư Bình Đa
43	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	9,00	1,80	Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017; điều chỉnh lại diện tích lên 9 ha
44	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DTL	1,85	0,38	Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2018, điều chỉnh tăng thêm diện tích; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía cù lao Phố); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương) Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
45	Đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	DGT	17,92	17,92	Quyết định số 3618/UBND-XDCB ngày 26/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường chuyên dùng VLXD - Văn bản số 1125/SKHĐT-DN ngày 3/4/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc đầu tư tuyến nối vào đường Võ Nguyên Giáp thuộc tuyến dự án BOT đường chuyên dùng VLXD Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
46	Đường từ Hương lộ 2 đầu nối vào đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	5,30	5,30	Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của PCT UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh về việc đề xuất đầu tư tuyến đường Hương lộ 2 nối dài Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
47	Mở rộng Quốc lộ 51	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	0,09	0,09	Văn bản số 9122/UBND-ĐT ngày 12/9/2017 về việc cải tạo mở rộng đoạn km4+556-km5+395, cải tạo bổ sung hệ thống thoát nước, cải tạo các nút giao thông thuộc dự án mở rộng QL 51 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
48	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
49	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	DGT	0,10	0,08	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Điều Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất
50	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	DGT	2,80	2,80	Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
51	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hồ Nai	DTL	13,75	11,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;
52	Via hè đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Thanh Bình	DGT	0,00	0,00	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
53	Tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,20	1,20	Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch Văn bản số 14189/UBND-ĐT ngày 10/10/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v đầu tư các tuyến đường giao thông theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
54	Đường Nguyễn Văn Hoa	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,60	1,60	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
55	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,60	0,76	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh diện tích từ 1,6 ha lên
56	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,70	1,70	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương)
57	Nâng cấp đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	DGT	7,20	3,60	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
58	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DNL	1,63	0,76	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
59	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	3,10	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
60	Giếng khoan quan trắc	Định Quán	Các xã	DKH	0,03	0,03	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
61	Nâng cấp, mở rộng đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774) đoạn từ km1+600 đến km 7+300	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DGT	5,74	4,74	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
62	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	DGT	19,26	9,01	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
63	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
64	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	DGT	9,00	1,48	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
65	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
66	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	4,12	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
67	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	DGT	4,45	3,85	Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
68	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
69	Nâng cấp đường ĐT.763 (đoạn qua thị xã Long Khánh).	Long Khánh	Bảo Quang	DGT	0,05	0,05	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
70	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Làng văn hóa Đồng bào dân tộc Choro	Long Khánh	Bảo Vinh	DTL	0,24	0,24	Văn bản số 10620/UBND-CNN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro tại xã Bảo Vinh (GĐ1); Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018.
71	Đường Cây Khế - Bung Môn	Long Thành	Long An	DGT	2,70	0,70	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
72	Đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	3,09	0,09	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
73	Hẻm 21 đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	1,02	0,02	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
74	Hẻm 109 đường Khai Thác Đá 3	Long Thành	Long An	DGT	3,44	0,34	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
75	Nâng cấp đường Long Đức-Long An	Long Thành	Long Đức-Long An	DGT	10,00	0,10	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020
76	Trung tâm Logistic Long Thành	Long Thành	Tân Hiệp		67,50	67,50	Văn bản số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh v/v xin ý kiến Tập đoàn Cao su Việt Nam về địa điểm đầu tư dự án Trung tâm Logistic Long Thành tại huyện Long Thành; Công văn số 91/HDQTCSVN-KHĐT ngày 21/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thông nhất theo Công văn số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh (thu hồi giao Trung tâm phát triển Quỹ đất đầu giá); Văn bản số 1098/UBND-CNN ngày 18/10/2018 v/v đầu giá quyền sử dụng đất xây dựng trung tâm logistic Long Thành
77	Nạo vét và gia cố bờ kè suối Quán Thủ	Long Thành	TTLong Thành - Lộc An	DTL	31,04	1,04	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
78	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	0,06	0,06	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh vv duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới cầu mít trên Hương lộ 12 huyện Nhon Trạch
79	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	3,20	3,20	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
80	Giếng khoan quan trắc	Tân Phú	Các xã	DKH	0,01	0,01	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
81	Trạm bơm dã chiến ấp 2	Tân Phú	Đắc Lua	DTL	0,20	0,20	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
82	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DTL	0,30	0,30	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 duyệt điều chỉnh một số điều của Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
83	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	DGT	14,07	11,47	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
84	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An	Tân Phú	Phú An	DTL	0,20	0,20	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
85	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	DGT	1,66	0,40	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
86	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	DGT	4,48	3,46	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
87	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	DGT	8,82	8,82	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chi tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
88	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chi tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
89	Giếng khoan quan trắc	Thống Nhất	Hưng Lộc; Quang Trung	DKH	0,02	0,02	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
90	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	DGT	3,85	3,85	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
91	Đường U1 Tân Thành đi xã Sông Thao	Trảng Bom	Thanh Bình	DGT	5,70	4,50	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
92	Đường Hà Huy Tập	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	0,45	0,45	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
93	Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	1,84	1,84	- Báo cáo số 885/BC-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện Trảng Bom v/v Công ty TNHH Đại Đại Hùng xin đầu tư theo hình thức BT. Văn bản số 3971/SKHĐT-DN ngày 27/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v lấy ý kiến - Văn bản số 1797/UBND-VP ngày 8/3/2018 của UBND huyện Trảng Bom tham mưu xử lý Văn bản số 706,707/SKHĐT của Sở Kế hoạch và đầu tư v/v đề xuất đầu tư Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BT. - Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
94	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
95	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,18	0,18	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
96	Đường Đất Cát	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,25	0,25	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
97	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	SON	4,68	4,68	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
98	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
99	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
100	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	SON	7,00	7,00	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
101	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	DTL	1,00	1,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
102	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
103	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	1,50	Quyết định 2697/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND huyện Vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại); Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
104	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	5,30	5,30	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện v.v xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
105	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	DNL	2,44	2,44	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
106	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát)	Xuân Lộc	Suối Cát	DGT	2,60	1,50	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v duyệt chủ trương đầu tư dự án Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (Ngã ba Suối Cát); đã dự kiến bố trí vốn đầu tư năm 2019
107	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	DGT	48,79	21,64	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
108	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	MNC	230,00	230,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
109	Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DRA	1,83	1,88	Quyết định số 413/QĐ-UBND ng 11/02/2015 của UBND tỉnh V/v cho công ty TNHH Cù Lao Xanh thuê đất để thực hiện dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Văn bản số 8015/UBND-ĐT ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh ranh giới, vị trí dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				13	49,81	45,05	
110	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Bình Đa, Tam Hiệp, An Bình	ODT	2,33	2,33	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
111	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	28,60	25,20	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
112	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	0,56	0,07	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
113	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	DKV	1,30	0,43	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ điều hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
114	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Tam Hiệp	ODT	9,40	9,40	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
115	Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trảng An)	Biên Hòa	Tam Phước	ONT	6,40	6,40	Công văn số 7820/UBND-CNN ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo thực hiện các dự án tại xã Tam Phước của công ty CP Trảng An; Quyết định thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và Quyết định 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh điều chỉnh diện tích thu hồi trong Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008.
116	Nhà văn hóa ấp 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
117	Nhà văn hóa ấp 61	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
118	Công viên dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	DKV	0,65	0,65	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh bổ sung vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
120	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
122	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bầu Hàm 2	TON	0,21	0,21	Thông báo thu hồi đất số 2711/TB-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng				42	1.578,31	1.481,88	
123	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	ODT	3,24	1,72	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
124	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	0,13	0,13	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
125	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	9,53	9,53	Công văn số 12286/UBND-CNN ngày 27/11/2017 ghi nhận công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc là nhà đầu tư đề xuất dự án đường Nguyễn Du theo hình thức BT.
126	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	ODT	5,51	0,05	Văn bản số 3143/UBND-ĐT ngày 8/9/2011 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương Văn bản số 247/VBTP-STNMT ngày 23/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
127	Khu dân cư Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	ONT	40,00	40,00	Quyết định thu hồi đất số 2771/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh; Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 vv điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu dân cư Long Hưng; còn 40 ha chưa hoàn thành công tác thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
128	Khu tái định cư số 53 (Khu đất Lâm trường Biên Hòa)	Biên Hòa	Tân Biên	ODT	6,20	6,20	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn thành phố Biên Hòa
129	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Biên Hòa	Tân Phong	ODT	1,00	1,00	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 1580/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 từ chức năng đất giáo dục sang đất ở, diện tích 0,31 ha; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 vv điều chỉnh tên chủ đầu tư và Điều 1, QĐ 3495/QĐ.CT.UBT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh; đã giao đất 9,4 ha, còn 1 ha đang tiếp tục thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất
130	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Tân Phong, Bửu Long	ODT	3,95	3,95	Công văn số 2844/BQP ngày 02/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng để quy hoạch xây dựng khu gia đình quân đội Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
131	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	2,12	2,12	Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; Công văn số 7807/UBND-ĐT ngày 18/06/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh nội dung các văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư một số dự án do Công ty Đông Á Phát làm chủ đầu tư
132	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	4,02	4,02	Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
133	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,98	0,98	Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
134	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	30,62	8,22	Thông báo số 3949/TB-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất; Văn bản số 132/UBND-CNN ngày 05/1/2018 của UBND tỉnh v/v chủ trương điều chỉnh ranh quy hoạch dự án khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); còn 3,92 ha chưa hoàn thành thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
135	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	3,71	3,71	Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,15	0,15	Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch; Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
137	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	ODT	1,10	0,55	Văn bản số 3799/UBND-ĐT ngày 7/10/2013 của UBND thành phố chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở Khu dân cư giai đoạn 2
138	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
139	Khu dân cư An Phước	Long Thành	An Phước	ONT	1,13	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư tại An Phước (Cty Vi Như)	Long Thành	An Phước	ONT	3,08	3,08	Quyết định chủ trương đầu tư số 3526/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư tại An Phước (Cty Đại Thành Công Bình Thuận)	Long Thành	An Phước	ONT	1,17	1,17	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
142	Khu đô thị dịch vụ AMATA	Long Thành	An Phước, Tam An	ONT	122,00	122,00	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3275162351 ngày 28/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 55,4 ha; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106114566 ngày 8/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 51,9 ha
143	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Bình Sơn	ONT	49,80	49,80	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
144	Khu dân cư Lộc An Mới	Long Thành	Lộc An	ONT	1,12	1,12	Quyết định chủ trương đầu tư số 3116/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Lộc An	Long Thành	Lộc An	ONT	1,00	1,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3129/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức	ONT	22,22	22,22	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
147	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức, An Phước	ONT	190,00	190,00	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
148	Khu dân cư tại Phước Bình (Cty Ngân Hà)	Long Thành	Phước Bình	ONT	1,73	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 3560/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Công văn số 5617/SXD-QLN-TTBĐS ngày 19/11/2018 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh diện tích đất theo quy hoạch của dự án Khu dân cư Phước Bình mới, xã Phước Bình, huyện Long Thành.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
149	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Long Thành	Tam An	ONT	753,10	753,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1965/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3220817410 ngày 4/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
150	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,76	2,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 3117/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
151	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,55	2,55	Quyết định chủ trương đầu tư số 3118/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
152	Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,91	0,31	Văn bản số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
153	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,50	0,50	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1265/UBND-KT ngày 25/3/2013 của UBND huyện Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
154	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Nhơn Trạch	Đại Phước	ONT	55,33	22,75	Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1:500 khu đô thị Du lịch sinh thái Six Sences Sài Gòn River tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch; Công văn số 731/UBND-CNN ngày 26/1/2007 của UBND tỉnh vv chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
155	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Nhon Trạch	Long Tân	ONT	35,30	35,30	Văn bản số 9298/UBND-CNN ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh vv xin ý kiến Ban thường vụ tỉnh ủy chấp thuận chủ trương; Văn bản 5552-CV/TU ngày 27/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25/9/2018 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Nhon Trạch	Long Tân, Phước An	ONT	40,95	29,45	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh vv giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
157	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhon Trạch
158	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Nhon Trạch	Phước An	ONT	36,87	36,87	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầy tư Xây dựng Nhon Thành làm chủ đầu tư ; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh.
159	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	ONT	3,30	3,30	Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	ONT	6,62	6,62	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Cụm CN Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	SKN	50,00	50,00	Đã được thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 nhưng vị trí tại xã An Viễn, Nay quy hoạch được phê duyệt đã điều chỉnh sang xã Đồi 61 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
162	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	ONT	18,22	18,22	Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
163	Cụm công nghiệp VLXD Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	SKN	21,82	8,00	- QĐ thuê đất đợt 1 số 1192/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 (13,9); QĐ thuê đất đợt 2 số 3138/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 (19,64ha); QĐ thuê đất đợt 3 số 3648/QĐ ngày 16/10/2017 (8,54 ha). Còn lại 8 ha chưa hoàn thành thu hồi
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Tân An	ONT	9,83	9,83	Quyết định chủ trương đầu tư số 3071/QĐ-UBND ngày 30/8/2018
II. Dự án thu hồi đất theo khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP				6	212,06	11,99	
165	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	25,07	4,28	Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
166	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	Biên Hòa	An Hòa	TMD	179,50	5,00	Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh (373,62 ha); tuy nhiên đến nay còn 5 ha chưa thu hồi xong, do vậy đưa vào danh mục thu hồi để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004
167	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Biên Hòa	Long Bình	TMD	2,70	0,27	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất được 1,9 ha; còn 0,27 ha đăng ký để tiếp tục thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
168	Trạm dừng chân Tp. Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	TMD	0,53	0,53	Thông báo thu hồi đất số 3145/TB-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
169	Khu đô thị, sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân	TMD	3,34	1,30	Quyết định thu hồi đất số 1972/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013.
170	Trường PTTH và dạy nghề (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Hòa	DGD	0,92	0,61	Quyết định thu hồi đất số 1238/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường, đang lập thủ tục bồi thường.

PHỤ LỤC 12

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng số dự án					293,23	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Đường dây 220kV Sông Mỹ - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mỹ - Tam Phước
3	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
4	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
6	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
7	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo số 271/BC-BQLĐAĐTĐ ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đề nghị tỉnh bố trí vốn
8	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
9	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trưng	DRA	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trưng. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
10	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
11	Đường giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Long Thành, Cẩm Mỹ	Các xã	DGT	193,38	Thông báo số 11631/TB-UBND ngày 31/10/2018 của PCT.UBND tỉnh Trần Văn Vinh về việc thống nhất về hướng tuyến các tuyến đường kết nối cảng HKQT Long Thành.
12	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhon Trạch
13	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	Đã hoàn thành phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự kiến triển khai vào quý IV năm 2018.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
14	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
15	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú.
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
17	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
18	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	DGD	1,50	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
19	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,69	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
20	Trạm y tế xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,08	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
21	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
22	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
23	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
24	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

PHỤ LỤC 13

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2019
TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng			1.351,00	101,31	21,21	7,66	
1	KDC an bình mở rộng (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi Giang Điền)	Biên Hòa	An Bình	2,47	0,32			Có quyết định giao đất hết theo luật cũ, còn 10 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường; Hiện nay đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
2	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình)	Biên Hòa	An Bình	2,40	1,10			Đã hoàn thành kiểm đếm; đang lập phương án bồi thường
3	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	3,24	0,71			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
4	Khu dân cư số 10 (Công ty CP BĐS Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	4,90			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất
5	Khu đất đấu giá số 2, 3 (tờ 20 thửa 46; tờ 45 thửa 3)	Biên Hòa	An Hòa	0,72	0,87			Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý; Đã phê duyệt giá khởi điểm tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND tỉnh
6	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Hóa An	55,34	3,44			Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 nối dài. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
7	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	9,00	1,26			Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017
8	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,52			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa (đoạn từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm)
9	Ký túc xá trường ĐH Lạc Hồng (cơ sở 6)	Biên Hòa	Bửu Long	0,34	0,34			Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công văn số 5306/UBND-ĐT ngày 2/5/2018 của UBND thành phố Biên hòa về việc xác nhận hoàn thành bồi thường dự án KTX trường Đại học Lạc Hồng
10	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	0,13	0,13			Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
11	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70			Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa; BQLDA đề xuất tại Công văn số 375/QLDA-KT ngày 15/7/2016. Đang kêu gọi đầu tư
12	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35			Công văn số 5086/UBND-CNN ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất dự án đường ven sông Cái theo hình thức PPP, hợp đồng BT. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại NGHỊ quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa
13	Đường ven sông Cái (Đường Trần Phú)	Biên Hòa	Các phường	29,30	2,18			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 vv giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
14	Mở rộng trường TH Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,05			Công văn số 7032/UBND-DT ngày 29/7/2016 của UBND thành phố Biên Hòa vv chấp thuận chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa năm 2017 (lần 2)
15	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	Biên Hòa	Hóa An	2,21	0,01			Công văn số 3267/UBND-XDCB ngày 19/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc góp ý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
16	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,77			Tờ trình số 9291/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của UBND TP. Biên Hòa vv xin điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Long Bình Tân (vị trí đoạn đường giao thông nằm giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến tại khu vực đất của dự án mở rộng Cảng Đồng Nai do Cty CP Cảng Đồng Nai làm chủ đầu tư); thông báo thu hồi đất số 2638/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
17	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,99	0,10			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 về thông qua danh mục thu hồi đất từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2014; còn 0,1 ha đất lúa đăng ký thực hiện công tác giao đất
18	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,05			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh vv báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
19	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	0,12	0,09			Quyết định giao đất số 846/QĐ-UBND ngày 07/04/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Liên hiệp HTX Dịch vụ nông nghiệp để xây dựng nhà máy gạch.
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 6 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	15,00	0,56			Đã có QĐ thu hồi đất
21	Trường TH Lê Văn Tám	Biên Hòa	Quang Vinh	1,00	0,47			Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 4/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
22	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	1,30	0,63			Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ Điều Hòa
23	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,16	0,16			Đất do trường tự thỏa thuận, đang lập thủ tục về đất đai xây dựng
24	Khu công nghiệp Giang Điền	Biên Hòa	Tam Phước	73,42	1,95			Đã có quyết định thu hồi đất, đã hoàn thành công tác bồi thường được 145,78 ha, còn 3 hộ chưa thu hồi xong
25	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,80		1,47		Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
26	Đường vào trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,24	0,22			Quyết định số 3522/UBND-CNN ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu KH vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
27	Trung tâm TMDV theo quy hoạch (Cty TNHH TMDV Khang Điền Thịnh)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,94	0,07			Công văn số 9787/UBND-XD ngày 14/08/2017 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty
28	Trường MN Tâm Đức (Cty TNHH MN Tâm Đức)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,21	0,18			Đã được chấp thuận chủ trương tại văn bản số 713/UBND-ĐT ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,14			Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
30	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	2,12	0,02			Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
31	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	4,02	0,35			Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
32	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,15	0,14			Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
33	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,99			Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
34	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	3,71	2,64			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 với diện tích 1,85 ha đất lúa (nằm trong dự án khu đất tạo vốn đường ven sông Cái). Nay rà soát lại là 2,64 ha. Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án; Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
35	Đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	120,00	4,41			Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc thu hồi đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đoạn qua các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
36	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đấu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,63	0,73			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
37	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	3,84	0,50			Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
38	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28	0,09			Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư.
39	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mây - Tân Uyên	Định Quán	Các xã	0,44	0,1			Đã hoàn thành bồi thường, bổ sung lúa để thực hiện thủ tục đất đai. Văn bản số 359/UBND-NL ngày 07/02/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV trung tâm điện lực Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, qua địa bàn huyện Định Quán.
40	Trường TH Kim Đồng	Định Quán	Gia Canh	1,25	1,00			Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện Định Quán để thực hiện dự án trường TH Kim Đồng
41	Hồ chứa nước Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	174,00			7,66	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về bổ sung đầu tư công năm 2018 tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II mục IV phần b số thứ tự 8)
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	0,02			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
43	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	19,26	0,65			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 18)
44	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03			Thông báo kết luận số 197/TB-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện Định Quán về thực hiện các dự án nông thôn mới xã Ngọc Định
45	Dự án Trang trại chăn nuôi gà tại huyện Định Quán của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm Hai	Định Quán	Phú Hòa	12,40	6,47			Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
46	Đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường DT-774)	Định Quán	Phú Hòa	5,74	1,15			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 19)
47	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	0,12			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
48	Trường THCS Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	2,00	0,42			Chuyển tiếp để hoàn thành các thủ tục đất đai. Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Định Quán về đề nghị giao đất cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án Trường THCS Suối Nho tại ấp 4
49	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	0,54			Đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục đất đai. Văn bản số 315/TB-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện kết luận chấp thuận bổ sung quy hoạch kế hoạch huyện Định Quán

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
50	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75	1,00			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 17)
51	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	4,45	0,80			Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
52	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	0,10			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
53	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	Định Quán	TT.Định Quán	0,02	0,01			Văn bản số 45/TTPTQĐ ngày 06/9/2018 của TTPTQĐ huyện Định Quán về rà soát và đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của TTPTQĐ huyện Định Quán
54	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (Gd1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	0,02			Quyết định 1952/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Choro. Nghị quyết 83, phụ lục 3, mục III.b, STT 2: đây là 1 hạng mục trong làng văn hóa đồng bào Choro
55	Kiên cố hạ lưu Suối Cái (chống ngập úng khu vực Suối Cái)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	9,43			Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
56	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	Long Khánh	X.Hòa; P.Bình; Xuân Tân	6,11	0,26			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
57	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	4,50	1,00			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 tuy nhiên do điều chỉnh ranh giới dự án nên tăng thêm 1 ha đất trồng lúa; Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
58	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,90	0,30			VB số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
59	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	3,30	3,25			Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch
60	Đường DT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	14,07	3,33	1,02		Có kế hoạch bố trí vốn thực hiện trong năm 2019 tại Phụ lục 2, mục C, STT 2

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
61	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	4,48	1,85			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Dự thảo Đầu tư công năm 2019 tại Phụ lục 9, STT 19 dự án đường Tà Lài - Trà Cỏ
62	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	8,82	3,78			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
63	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	0,13			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
64	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,66	0,02			Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
65	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	3,85	0,99			Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 (PL9, STT20)
66	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	18,22	6,34			Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
67	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	3,43	0,85			Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 cho Ban Quản lý Dự án lưới điện Miền Nam

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
68	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
69	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	4,68	2,07			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
70	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đấu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,37	0,37			Công văn số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí
71	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	7,00	6,55			Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
72	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	25,07	1,20			Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
73	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	3,00	0,5			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
74	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú và Bình Lợi	5,3	0,7			Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đào Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện vv xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
75	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	2,44	1,16			Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
76	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	1,01	0,66			Văn bản số 10840/UBND-CNN ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và hướng tuyến đường dây đầu nối
77	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	48,79	2,27			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	230,00	1,95			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
79	Điểm trung chuyển rác	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,40	0,16			Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27/06/2017 của UBND huyện Xuân Lộc V/v Xác định địa điểm trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện Xuân Lộc Đất công do UBND xã Xuân Phú quản lý
80	Trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30			Văn bản số 4571/UBND-KT ngày 24/09/2018 của UBND huyện Xuân Lộc V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng trang trại chăn nuôi gà đẻ và các khu vực phụ trợ tại huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH TM-DV-SX và Chăn nuôi Thanh Đức làm chủ đầu tư
81	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,58	0,38			Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
82	Khu dân cư (ấp Trảng Táo)	Xuân Lộc	Xuân Thành, Xuân Tâm, Xuân Trường	221,04	2,82	18,72		Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất của BQL RPH Xuân Lộc giao cho các xã Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường quản lý. Văn bản số 4957/UBND-CNN ngày 18/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v lập, thẩm định, phê duyệt đối phương án sử dụng đối với diện tích bàn giao địa phương quản lý. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất theo phương án sử dụng đất.
II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường, xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã		12,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường		16,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
20	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Khánh	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Long Thành	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
24	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhon Trạch	Các xã		13,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhon Trạch	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Nhon Trạch	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn		10,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã		11,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Trảng Bom	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		9,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã		22,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
45	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã		26,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
48	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
49	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
50	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
51	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
52	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: /2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

— NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 tỉnh Đồng Nai; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tổ và kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử
dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 170 dự án với tổng diện tích là 2.659,71 ha, trong đó diện
tích cần thu hồi đất là 2.230,63 ha.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 82 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng
đặc dụng, gồm: 78 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích là 95,16 ha; 01
dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích là 1,47 ha; 01 dự án có sử
dụng đất rừng đặc dụng với diện tích là 7,66 ha; 02 dự án sử dụng đất trồng lúa

và đất rừng phòng hộ, trong đó diện tích đất trồng lúa 6,15 ha, diện tích đất rừng phòng hộ 19,74 ha.

Các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang các mục đích khác của các địa phương với tổng diện tích 338 ha.

(Phụ lục II kèm theo).

3. Danh mục 24 dự án điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện với tổng diện tích 293,23 ha

(Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Đối với các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 mà chưa hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2018, chấp thuận cho Ủy ban nhân dân tỉnh được chuyển sang tiếp tục thực hiện trong năm 2019.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai, thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đồng thời tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện nhằm hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông tại Nghị quyết này đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các Sở, ban, ngành có liên quan để làm căn cứ triển khai thực hiện trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Đối với các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp Ban Kinh tế Ngân sách thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở ngành liên quan rà soát cụ thể tiến độ thực hiện của từng dự án đang thực hiện hoặc chưa thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hủy bỏ

hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tham gia giám sát và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày /... /2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày /.... /2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh (để đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng các dự án thu hồi				170	2.659,71	2.230,63	
I. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013				164	2.447,65	2.218,64	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương				40	173,77	167,01	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
2	Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	DGD	1,40	0,02	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Trường Tiểu học Hóa An 2	Biên Hòa	Hóa An	DGD	0,85	0,85	Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2017 (lần 2); Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa v/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B.
4	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	DGD	2,14	1,14	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
5	Trường Tiểu học Long Bình 2	Biên Hòa	Long Bình	DGD	0,81	0,81	Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020)

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
15	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
16	Trường Tiểu học Thái Thiện	Long Thành	Phước Thái	DGD	1,27	1,27	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 của UBND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
17	Trường Tiểu học Tam An (Giai đoạn 2)	Long Thành	Tam An	DGD	1,06	1,06	Quyết định số 4639/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND huyện Long Thành về việc quyết định chủ trương đầu tư
18	Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM	Nhơn Trạch	Long Tân, Phước Thiện	DGD	126,00	126,00	Thông báo số 10704/TB-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh vv địa điểm xây dựng Cơ sở 2 Đại học Y dược TP HCM Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
19	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DYT	0,17	0,17	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
20	Trạm y tế xã	Tân Phú	Phú Lâm	DYT	0,19	0,19	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
21	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	DYT	0,15	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
22	Trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lập	TSC	0,12	0,12	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
23	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	1,53	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
24	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	TSC	0,18	0,18	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
25	Trạm y tế xã (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	DYT	0,07	0,07	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
6	Trường cao đẳng y tế và bệnh viện (Lê Quý Đôn)	Biên Hòa	Long Bình Tân	DYT	4,51	4,51	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7843517681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp thay đổi lần 2 ngày 09/3/2016; Thông báo thu hồi đất số 7081/TB-UBND ngày 17/10/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Trường TH Tân Tiến A	Biên Hòa	Tân Tiến	DGD	1,30	0,04	Quyết định số 3522/UBND-ĐT ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
8	Trường TH Phan Đăng Lưu	Biên Hòa	Thanh Bình	DGD	0,51	0,06	Đã phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án tại VB số 11029/UBND-ĐT ngày 14/8/2018 của UBND TP
9	Trụ sở làm việc các phòng ban TP. Biên Hòa	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	2,64	2,64	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa v/v giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa;
10	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	TSC	1,70	0,80	Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
11	Trường MN Sông Ray (ấp 10)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (bố trí vốn trong năm 2019 - 2020).
12	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
13	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	TSC	0,20	0,20	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
14	Trạm y tế xã Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DYT	0,05	0,05	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
26	Trường TH Xuân Thạnh (Khu THHC xã)	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DGD	1,00	1,00	Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc điều chỉnh, bổ sung và kế hoạch đầu tư công 6 tháng cuối năm 2018
27	Trường tiểu học Sông Mây	Trảng Bom	Bắc Sơn	DGD	1,72	1,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
28	Mở rộng trường tiểu học thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGD	0,17	0,17	- Văn bản chấp thuận chủ trương số 9103/UBND-VP ngày 9/10/2018 của UBND huyện Trảng Bom; - Văn bản số 2375-CV/HU ngày 18/9/2018 của Huyện Ủy Trảng Bom v/v chấp thuận chủ trương cho bổ sung công trình Trường tiểu học Sông Mây vào danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2018. - Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v triển khai nhiệm vụ các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
29	Công an xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	TSC	0,08	0,08	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
35	Trường MN Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DGD	0,86	0,86	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
36	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DGD	1,58	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
37	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,65	0,15	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
38	Trường MN Xuân Thành (mở rộng phân hiệu Tân Hợp)	Xuân Lộc	Xuân Thành	DGD	0,40	0,40	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
39	Nhà Văn hóa Chơ rơ xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020
40	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Thống Nhất	Xuân Thạnh	DGD	14,00	14,00	Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải				69	645,77	524,70	
41	Hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 51	Biên Hòa	An Hòa	DGT	1,00	0,75	Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hành lang Quốc lộ 51 trước mặt tiền dự án Sơn Tiên; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
47	Mở rộng Quốc lộ 51	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	0,09	0,09	Văn bản số 9122/UBND-ĐT ngày 12/9/2017 về việc cải tạo mở rộng đoạn km4+556-km5+395, cải tạo bổ sung hệ thống thoát nước, cải tạo các nút giao thông thuộc dự án mở rộng QL 51 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
48	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
49	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	DGT	0,10	0,08	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Điều Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất
50	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	DGT	2,80	2,80	Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
51	Dự án nạo vét suối Săn Máu (đoạn đầu của nhánh suối chính, xuất phát từ phường Tân Hòa đến cầu Xóm Mai)	Biên Hòa	Tân Hòa, Trảng Dài, Tân Biên, Hố Nai	DTL	13,75	11,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020;
52	Via hè đường Hưng Đạo Vương	Biên Hòa	Thanh Bình	DGT	0,00	0,00	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
53	Tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,20	1,20	Văn bản số 12345/UBND-ĐT ngày 06/9/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v chủ trương đầu tư các tuyến đường giao thông dọc suối Săn Máu theo quy hoạch Văn bản số 14189/UBND-ĐT ngày 10/10/2018 của UBND thành phố Biên Hòa v/v đầu tư các tuyến đường giao thông theo quy hoạch trên địa bàn thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
61	Nâng cấp, mở rộng đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774) đoạn từ km1+600 đến km 7+300	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	DGT	5,74	4,74	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
62	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	DGT	19,26	9,01	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
63	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
64	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	DGT	9,00	1,48	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
65	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
66	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	4,12	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
67	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	DGT	4,45	3,85	Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
68	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
78	Cầu Mít (trên Hương lộ 12)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	0,06	0,06	Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh về duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới cầu mít trên Hương lộ 12 huyện Nhon Trạch
79	Đường ra cảng Phước An đoạn 1 (từ nút giao 319 đến đường cao tốc Bến Lức Long Thành)	Nhon Trạch	Long Thọ	DGT	3,20	3,20	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
80	Giếng khoan quan trắc	Tân Phú	Các xã	DKH	0,01	0,01	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
81	Trạm bơm dã chiến áp 2	Tân Phú	Đắc Lua	DTL	0,20	0,20	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
82	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Nam Cát Tiên	DTL	0,30	0,30	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 duyệt điều chỉnh một số điều của Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
83	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	DGT	14,07	11,47	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
84	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An	Tân Phú	Phú An	DTL	0,20	0,20	Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020
85	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	DGT	1,66	0,40	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
93	Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	1,84	1,84	- Báo cáo số 885/BC-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện Trảng Bom v/v Công ty TNHH Đại Đại Hùng xin đầu tư theo hình thức BT. Văn bản số 3971/SKHĐT-DN ngày 27/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v lấy ý kiến - Văn bản số 1797/UBND-VP ngày 8/3/2018 của UBND huyện Trảng Bom tham mưu xử lý Văn bản số 706,707/SKHĐT của Sở Kế hoạch và đầu tư v/v đề xuất đầu tư Đường Cách mạng tháng 8 (Đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BT. - Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
94	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
95	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,18	0,18	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
96	Đường Đất Cát	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	DGT	0,25	0,25	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
103	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	1,50	Quyết định 2697/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND huyện Vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại); Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
104	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	5,30	5,30	Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện v/v xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
105	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	DNL	2,44	2,44	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Đông và hướng tuyến đường dây đầu nối
106	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát)	Xuân Lộc	Suối Cát	DGT	2,60	1,50	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v duyệt chủ trương đầu tư dự án Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (Ngã ba Suối Cát); đã dự kiến bố trí vốn đầu tư năm 2019
107	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	DGT	48,79	21,64	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
108	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	MNC	230,00	230,00	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
114	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Tam Hiệp	ODT	9,40	9,40	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
115	Khu dân cư cho người có thu nhập thấp (Khu đô thị du lịch sinh thái của Công ty Trảng An)	Biên Hòa	Tam Phước	ONT	6,40	6,40	Công văn số 7820/UBND-CNN ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo thực hiện các dự án tại xã Tam Phước của công ty CP Trảng An; Quyết định thu hồi đất số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh và Quyết định 1500/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh điều chỉnh diện tích thu hồi trong Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 25/8/2008.
116	Nhà văn hóa ấp 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
117	Nhà văn hóa ấp 61	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	DSH	0,08	0,08	Nghị Quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
118	Công viên dọc đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	DKV	0,65	0,65	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND thị xã về việc điều chỉnh bổ sung vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020
119	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
120	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
127	Khu dân cư Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	ONT	40,00	40,00	Quyết định thu hồi đất số 2771/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của UBND tỉnh; Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 khu dân cư Long Hưng; còn 40 ha chưa hoàn thành công tác thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
128	Khu tái định cư số 53 (Khu đất Lâm trường Biên Hòa)	Biên Hòa	Tân Biên	ODT	6,20	6,20	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn thành phố Biên Hòa
129	Khu nhà ở số 63 (Cty Kinh Doanh Nhà)	Biên Hòa	Tân Phong	ODT	1,00	1,00	Quyết định điều chỉnh cục bộ số 1580/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 từ chức năng đất giáo dục sang đất ở, diện tích 0,31 ha; Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 về điều chỉnh tên chủ đầu tư và Điều 1, QĐ 3495/QĐ.CT.UBT ngày 29/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh; đã giao đất 9,4 ha, còn 1 ha đang tiếp tục thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất
130	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Tân Phong, Bửu Long	ODT	3,95	3,95	Công văn số 2844/BQP ngày 02/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng để quy hoạch xây dựng khu gia đình quân đội Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
131	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	2,12	2,12	Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất; Công văn số 7807/UBND-ĐT ngày 18/06/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh nội dung các văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư một số dự án do Công ty Đông Á Phát làm chủ đầu tư
132	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	4,02	4,02	Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
133	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,98	0,98	Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
139	Khu dân cư An Phước	Long Thành	An Phước	ONT	1,13	1,13	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư tại An Phước (Cty Vi Như)	Long Thành	An Phước	ONT	3,08	3,08	Quyết định chủ trương đầu tư số 3526/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư tại An Phước (Cty Đại Thành Công Bình Thuận)	Long Thành	An Phước	ONT	1,17	1,17	Quyết định chủ trương đầu tư số 3130/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh
142	Khu đô thị dịch vụ AMATA	Long Thành	An Phước, Tam An	ONT	122,00	122,00	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3275162351 ngày 28/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 55,4 ha; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2106114566 ngày 8/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp diện tích 51,9 ha
143	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Bình Sơn	ONT	49,80	49,80	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
144	Khu dân cư Lộc An Mới	Long Thành	Lộc An	ONT	1,12	1,12	Quyết định chủ trương đầu tư số 3116/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Lộc An	Long Thành	Lộc An	ONT	1,00	1,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 3129/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức	ONT	22,22	22,22	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
147	Khu đất để đấu giá	Long Thành	Long Đức, An Phước	ONT	190,00	190,00	Văn bản số 12817/UBND-CNN ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh về các khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại huyện Long Thành
148	Khu dân cư tại Phước Bình (Cty Ngân Hà)	Long Thành	Phước Bình	ONT	1,73	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 3560/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Công văn số 5617/SXD-QLN-TTBDĐT ngày 19/11/2018 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh diện tích đất theo quy hoạch của dự án Khu dân cư Phước Bình mới, xã Phước Bình, huyện Long Thành.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
155	Khu dân cư đô thị The Lake(Cty ĐTTMXK 3L Sài Gòn)	Nhon Trạch	Long Tân	ONT	35,30	35,30	Văn bản số 9298/UBND-CNN ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh vv xin ý kiến Ban thường vụ tỉnh ủy chấp thuận chủ trương; Văn bản 5552-CV/TU ngày 27/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 25/9/2018 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
156	Dự án khu dân cư Công ty Cổ phần KCN Miền Nam	Nhon Trạch	Long Tân, Phước An	ONT	40,95	29,45	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh vv giao đất. Đã ban hành quyết định thu hồi đất cá nhân, đang tiến hành lập lại phương án bồi thường. Đã thỏa thuận được 11,5 ha. Bổ sung để tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
157	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhon Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhon Trạch
158	Dự án khu dân cư Công ty Nhon Thành	Nhon Trạch	Phước An	ONT	36,87	36,87	Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhon Thành làm chủ đầu tư ; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc điều chỉnh Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2009 của UBND tỉnh.
159	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	ONT	3,30	3,30	Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhon Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhon Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
168	Trạm dừng chân Tp. Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	TMD	0,53	0,53	Thông báo thu hồi đất số 3145/TB-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
169	Khu đô thị, sân golf, thể thao và du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân	TMD	3,34	1,30	Quyết định thu hồi đất số 1972/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh; tuy nhiên chưa thu hồi xong nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013.
170	Trường PTTH và dạy nghề (mở rộng)	Biên Hòa	Tân Hòa	DGD	0,92	0,61	Quyết định thu hồi đất số 1238/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường, đang lập thủ tục bồi thường.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
7	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	9,00	1,26			Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017
8	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	0,52			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa (đoạn từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm)
9	Ký túc xá trường ĐH Lạc Hồng (cơ sở 6)	Biên Hòa	Bửu Long	0,34	0,34			Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 19/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Công văn số 5306/UBND-ĐT ngày 2/5/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc xác nhận hoàn thành bồi thường dự án KTX trường Đại học Lạc Hồng
10	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	0,13	0,13			Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
11	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70			Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa; BQLDA đề xuất tại Công văn số 375/QLDA-KT ngày 15/7/2016. Đang kêu gọi đầu tư
12	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35			Công văn số 5086/UBND-CNN ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh về việc đề xuất dự án đường ven sông Cái theo hình thức PPP, hợp đồng BT. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa
13	Đường ven sông Cái (Đường Trần Phú)	Biên Hòa	Các phường	29,30	2,18			Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 5 năm (2016-2020) của năm 2017 trên địa bàn TP. Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
19	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	0,12	0,09			Quyết định giao đất số 846/QĐ-UBND ngày 07/04/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Liên hiệp HTX Dịch vụ nông nghiệp để xây dựng nhà máy gạch.
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 6 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	15,00	0,56			Đã có QĐ thu hồi đất
21	Trường TH Lê Văn Tám	Biên Hòa	Quang Vinh	1,00	0,47			Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 4/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án
22	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	1,30	0,63			Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ Điều Hòa
23	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn (mở rộng)	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,16	0,16			Đất do trường tự thỏa thuận, đang lập thủ tục về đất đai xây dựng
24	Khu công nghiệp Giang Điền	Biên Hòa	Tam Phước	73,42	1,95			Đã có quyết định thu hồi đất, đã hoàn thành công tác bồi thường được 145,78 ha, còn 3 hộ chưa thu hồi xong
25	Nâng cấp, mở rộng đường nhà máy nước Thiện Tân	Biên Hòa	Tân Hòa, Tân Biên, Trảng Dài	2,80		1,47		Công văn số 948/HĐND-VP ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BOT đường 768
26	Đường vào trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,24	0,22			Quyết định số 3522/UBND-CNN ngày 2/8/2018 của UBND thành phố Biên Hòa vv giao điều chỉnh chỉ tiêu KH vốn đầu tư công năm 2018 (lần 2)
27	Trung tâm TMDV theo quy hoạch (Cty TNHH TMDV Khang Điền Thịnh)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,94	0,07			Công văn số 9787/UBND-XD ngày 14/08/2017 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty
28	Trường MN Tâm Đức (Cty TNHH MN Tâm Đức)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,21	0,18			Đã được chấp thuận chủ trương tại văn bản số 713/UBND-ĐT ngày 17/01/2017 của UBND thành phố Biên Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
35	Đường Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	120,00	4,41			Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc thu hồi đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đoạn qua các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ
36	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	1,63	0,73			Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
37	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	3,84	0,50			Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
38	Cầu Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,28	0,09			Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND huyện Cẩm Mỹ về chủ trương đầu tư.
39	Đường dây điện 500kV Vĩnh Tân - rẽ nhánh Sông Mây - Tân Uyên	Định Quán	Các xã	0,44	0,1			Đã hoàn thành bồi thường, bổ sung lúa để thực hiện thủ tục đất đai. Văn bản số 359/UBND-NL ngày 07/02/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường dây 500kV trung tâm điện lực Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, qua địa bàn huyện Định Quán.
40	Trường TH Kim Đồng	Định Quán	Gia Canh	1,25	1,00			Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND huyện Định Quán để thực hiện dự án trường TH Kim Đồng
41	Hồ chứa nước Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	174,00			7,66	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về bổ sung đầu tư công năm 2018 tỉnh Đồng Nai (Phụ lục II mục IV phần b số thứ tự 8)
42	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 8	Định Quán	Gia Canh	0,05	0,02			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
50	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	4,75	1,00			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 17)
51	Mở rộng đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	4,45	0,80			Thông báo Kết luận số 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý đề xuất, kiến nghị của UBND huyện Định Quán về các dự án trên địa bàn huyện, trong đó có dự án mở rộng đường Lý Thái Tổ. Có kế hoạch bố trí vốn năm 2018 tại quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Định Quán về công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
52	Nhà văn hóa khu phố Hiệp Đồng	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	0,10			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
53	Thu hồi đất của ông Trần Văn Chi	Định Quán	TT.Định Quán	0,02	0,01			Văn bản số 45/TTPTQĐ ngày 06/9/2018 của TTPTQĐ huyện Định Quán về rà soát và đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của TTPTQĐ huyện Định Quán
54	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (Gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	0,02			Quyết định 1952/QĐ-UBND ngày 12/06/2017 về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ ro. Nghị quyết 83, phụ lục 3, mục III.b, STT 2: đây là 1 hạng mục trong làng văn hóa đồng bào Chơ ro
55	Kiên cố hạ lưu Suối Cải (chống ngập úng khu vực Suối Cải)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	9,43			Nghị quyết số 83/2017/HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
61	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	4,48	1,85			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Dự thảo Đầu tư công năm 2019 tại Phụ lục 9, STT 19 dự án đường Tà Lài - Trà Cỏ
62	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	8,82	3,78			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
63	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	0,13			Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
64	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,66	0,02			Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình mở rộng đường Lá Ủ, xã Phú Bình; nguồn vốn sự nghiệp kinh tế
65	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Tràng Bom - Cây Gáo	Tràng Bom	Các xã	3,85	0,99			Tờ trình số 12255/TT-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019 (PL9, STT20)
66	Khu dân cư Tân Thịnh	Tràng Bom	Xã Đồi 61	18,22	6,34			Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
67	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Tràng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	3,43	0,85			Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 cho Ban Quản lý Dự án lưới điện Miền Nam

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
75	Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	2,44	1,16			Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
76	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối	Xuân Lộc	Các xã	1,01	0,66			Văn bản số 10840/UBND-CNN ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh V/v thỏa thuận vị trí Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và hướng tuyến đường dây đầu nối
77	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Bắc, Xuân Thọ	48,79	2,27			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
78	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	230,00	1,95			Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
79	Điểm trung chuyển rác	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,40	0,16			Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 27/06/2017 của UBND huyện Xuân Lộc V/v Xác định địa điểm trạm trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện Xuân Lộc Đất công do UBND xã Xuân Phú quản lý
80	Trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30			Văn bản số 4571/UBND-KT ngày 24/09/2018 của UBND huyện Xuân Lộc V/v đóng góp ý kiến đối với hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án mở rộng trang trại chăn nuôi gà đẻ và các khu vực phụ trợ tại huyện Xuân Lộc do Công ty TNHH TM-DV-SX và Chăn nuôi Thanh Đức làm chủ đầu tư
81	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,58	0,38			Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã		12,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường		16,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
20	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Khánh	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã		11,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Trảng Bom	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		9,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã		22,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
45	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
7	Cầu Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn, Ngọc Định	DGT	4,75	Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo số 271/BC-BQLDAĐT XD ngày 19/10/2018 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đề nghị tỉnh bố trí vốn
8	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án
9	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	DRA	0,06	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi
10	Trường mầm non Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	DGD	0,51	Công văn số 11574/UBND-CNN ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý điều chỉnh diện tích trường MN Bảo Quang
11	Đường giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Long Thành, Cẩm Mỹ	Các xã	DGT	193,38	Thông báo số 11631/TB-UBND ngày 31/10/2018 của PCT.UBND tỉnh Trần Văn Vinh về việc thống nhất về hướng tuyến các tuyến đường kết nối cảng HKQT Long Thành.
12	Khu dân cư dự án (Cty Vạn Khởi Thành-Sông Hồng cũ)	Nhon Trạch	Phú Hội	ONT	7,06	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư; Văn bản số 687/UBND-CN ngày 13/2/2015 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư PVSH Garden tại xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch
13	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	DGD	1,53	Đã hoàn thành phê duyệt báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự kiến triển khai vào quý IV năm 2018.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
21	Đường dây 110kV 1 mạch Vĩnh An - Định Quán 2	Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán	Các xã	DNL	3,43	Quyết định số 2778/QĐ-EVN SPC ngày 24/08/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án và kế hoạch vốn ĐTXD năm 2018 cho BQLDA lưới điện miền Nam
22	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
23	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
24	Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	DVH	0,08	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
30	Trường THCS Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
31	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu về Chủ trương đầu tư dự án sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
32	Nhà Văn hóa thiếu nhi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DVH	1,04	1,04	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý (ghi vốn năm 2018)
33	Trường MN Cây Gáo	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DGD	1,20	1,20	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý
34	Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa	Xuân Lộc	Xuân Hòa	DVH	0,07	0,03	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/07/2018 của HĐND huyện Xuân Lộc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
42	Xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch (Đường N1)	Biên Hòa	Bình Đa	DGT	0,24	0,24	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư xây dựng một phần tuyến đường giao thông theo quy hoạch từ đường Vũ Hồng Phô đến hết phần đất dọc theo đất khu dân cư Bình Đa
43	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	DGT	9,00	1,80	Đã lựa chọn nhà đầu tư; được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/5/2017; điều chỉnh lại diện tích lên 9 ha
44	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DTL	1,85	0,38	Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục thu hồi đất năm 2018, điều chỉnh tăng thêm diện tích; Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía cù lao Phố); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương) Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
45	Đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	DGT	17,92	17,92	Quyết định số 3618/UBND-XDCB ngày 26/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch hướng tuyến đường chuyên dùng VLXD - Văn bản số 1125/SKHĐT-DN ngày 3/4/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc đầu tư tuyến nối vào đường Võ Nguyên Giáp thuộc tuyến dự án BOT đường chuyên dùng VLXD Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
46	Đường từ Hương lộ 2 đầu nối vào đường cao tốc TPHCM - Long Thành - Dầu Giây	Biên Hòa	Tam Phước	DGT	5,30	5,30	Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của PCT UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh về việc đề xuất đầu tư tuyến đường Hương lộ 2 nối dài Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
54	Đường Nguyễn Văn Hoa	Biên Hòa	Thống Nhất	DGT	1,60	1,60	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
55	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,60	0,76	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh diện tích từ 1,6 ha lên
56	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	DTL	1,70	1,70	Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 duyệt điều chỉnh dự án gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát); Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên thuộc chương trình SP-RCC (công trình nguồn vốn từ Trung ương)
57	Nâng cấp đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa, Xuân Bảo	DGT	7,20	3,60	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
58	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DNL	1,63	0,76	Văn bản số 9760/UBND-CNN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí.
59	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	3,10	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư.
60	Giếng khoan quan trắc	Định Quán	Các xã	DKH	0,03	0,03	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
69	Nâng cấp đường ĐT.763 (đoạn qua thị xã Long Khánh).	Long Khánh	Bảo Quang	DGT	0,05	0,05	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020
70	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Làng văn hóa Đồng bào dân tộc Choro	Long Khánh	Bảo Vinh	DTL	0,24	0,24	Văn bản số 10620/UBND-CNN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa đồng bào dân tộc Chơ Ro tại xã Bảo Vinh (GD1); Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018.
71	Đường Cây Khế - Bưng Môn	Long Thành	Long An	DGT	2,70	0,70	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
72	Đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	3,09	0,09	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
73	Hẻm 21 đường Bàu Giao	Long Thành	Long An	DGT	1,02	0,02	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
74	Hẻm 109 đường Khai Thác Đá 3	Long Thành	Long An	DGT	3,44	0,34	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (đợt 1)
75	Nâng cấp đường Long Đức-Long An	Long Thành	Long Đức-Long An	DGT	10,00	0,10	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020
76	Trung tâm Logistic Long Thành	Long Thành	Tân Hiệp		67,50	67,50	Văn bản số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh v/v xin ý kiến Tập đoàn Cao su Việt Nam về địa điểm đầu tư dự án Trung tâm Logistic Long Thành tại huyện Long Thành; Công văn số 91/HDQTCSVN-KHĐT ngày 21/8/2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thông nhất theo Công văn số 4883/UBND-CNN ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh (thu hồi giao Trung tâm phát triển Quỹ đất đấu giá); Văn bản số 1098/UBND-CNN ngày 18/10/2018 v/v đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng trung tâm logistic Long Thành
77	Nạo vét và gia cố bờ kè suối Quán Thủ	Long Thành	TTLong Thành - Lộc An	DTL	31,04	1,04	Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
86	Đường ĐT 774 (đoạn từ km1+600 đến km 7+300) (đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Tân Phú	Phú Điền	DGT	4,48	3,46	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
87	Đường Phú Lâm - Trà Cỏ	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Thanh, Trà Cỏ	DGT	8,82	8,82	Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
88	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
89	Giếng khoan quan trắc	Thống Nhất	Hung Lộc; Quang Trung	DKH	0,02	0,02	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 về việc phê duyệt đề cương dự án điều tra, đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 7811/UBND-CNN ngày 25/7/2018 về việc thực hiện thủ tục đất đai để thực hiện các công trình giếng khoan quan trắc động thái dưới nước, dưới đất trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ
90	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo	Trảng Bom	Các xã	DGT	3,85	3,85	Tờ trình số 12255/TTr-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc báo tình hình kế hoạch đầu tư công 2018, kế hoạch thực hiện đầu tư công 2019
91	Đường U1 Tân Thành đi xã Sông Thao	Trảng Bom	Thanh Bình	DGT	5,70	4,50	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018
92	Đường Hà Huy Tập	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	DGT	0,45	0,45	Quyết định 3406/QĐ-UBND ngày 24/07/2018 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
97	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	SON	4,68	4,68	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
98	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	DTL	0,10	0,10	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
99	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	DTL	0,18	0,18	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018; đã trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi tại Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 nhưng hiện nay có điều chỉnh vị trí thực hiện
100	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	SON	7,00	7,00	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
101	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	DTL	1,00	1,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
102	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
109	Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	Xuân Lộc	Xuân Tâm	DRA	1,88	1,88	Quyết định số 413/QĐ-UBND ng 11/02/2015 của UBND tỉnh V/v cho công ty TNHH Cù Lao Xanh thuê đất để thực hiện dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai Văn bản số 8015/UBND-ĐT ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh ranh giới, vị trí dự án khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp không nguy hại và nguy hại tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				13	49,81	45,05	
110	Khu dân cư phục vụ tái định cư	Biên Hòa	Bình Đa, Tam Hiệp, An Bình	ODT	2,33	2,33	Văn bản số 8148/UBND-XDCB ngày 25/6/2018 của UBND thành phố Biên Hòa Vv thông báo đơn vị đầu tư về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
111	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hiệp Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	28,60	25,20	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
112	Khu tái định cư Hiệp Hòa (ấp Nhị Hòa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	ONT	0,56	0,07	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công 2018 (lần 2)
113	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	DKV	1,30	0,43	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo cảnh quan xung quanh khu vực hồ điều hòa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
121	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
122	Chùa Tịnh Quang	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	TON	0,21	0,21	Thông báo thu hồi đất số 2711/TB-UBND ngày 13/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng				42	1.578,31	1.481,88	
123	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	ODT	3,24	1,72	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
124	Khu dân cư theo quy hoạch số 25 (Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	0,13	0,13	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/06/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án
125	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long	ODT	9,53	9,53	Công văn số 12286/UBND-CNN ngày 27/11/2017 ghi nhận công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc là nhà đầu tư đề xuất dự án đường Nguyễn Du theo hình thức BT.
126	Khu dân cư Long Bình Tân tại phường Long Bình Tân (Cty Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	ODT	5,51	0,05	Văn bản số 3143/UBND-ĐT ngày 8/9/2011 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương Văn bản số 247/VBTD-STNMT ngày 23/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
134	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	30,62	8,22	Thông báo số 3949/TB-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất; Văn bản số 132/UBND-CNN ngày 05/1/2018 của UBND tỉnh v/v chủ trương điều chỉnh ranh quy hoạch dự án khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND tỉnh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư phường Thống Nhất (giai đoạn 2); còn 3,92 ha chưa hoàn thành thu hồi đất nên đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
135	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	3,71	3,71	Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	ODT	0,15	0,15	Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa v/v thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch; Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
137	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	ODT	1,10	0,55	Văn bản số 3799/UBND-ĐT ngày 7/10/2013 của UBND thành phố chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở Khu dân cư giai đoạn 2
138	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	ODT	19,68	19,68	Văn bản số 2071/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương đầu tư khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh. Điều chỉnh ranh giới dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
149	Khu đô thị dịch vụ (công ty Amata VN Public Limited)	Long Thành	Tam An	ONT	753,10	753,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 1965/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3220817410 ngày 4/7/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
150	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,76	2,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 3117/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
151	Khu dân cư Tân Hiệp	Long Thành	Tân Hiệp	ONT	2,55	2,55	Quyết định chủ trương đầu tư số 3118/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
152	Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,91	0,31	Văn bản số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
153	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	ODT	4,50	0,50	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 1265/UBND-KT ngày 25/3/2013 của UBND huyện Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
154	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty Hai Dung)	Nhơn Trạch	Đại Phước	ONT	55,33	22,75	Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1:500 khu đô thị Du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch; Công văn số 731/UBND-CNN ngày 26/1/2007 của UBND tỉnh vv chủ trương đầu tư dự án Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
160	Khu dân cư quy hoạch (DNTN Vạn Thịnh Phong)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	ONT	6,62	6,62	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án của DNTN Vạn Thịnh Phong
161	Cụm CN Đồi 61	Trảng Bom	Xã Đồi 61	SKN	50,00	50,00	Đã được thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 nhưng vị trí tại xã An Viễn, Nay quy hoạch được phê duyệt đã điều chỉnh sang xã Đồi 61 Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh
162	Khu dân cư Tân Thịnh	Trảng Bom	Xã Đồi 61	ONT	18,22	18,22	Quyết định chủ trương đầu tư số 3982/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
163	Cụm công nghiệp VLXD Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	SKN	21,82	8,00	- QĐ thuê đất đợt 1 số 1192/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 (13,9); QĐ thuê đất đợt 2 số 3138/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 (19,64ha); QĐ thuê đất đợt 3 số 3648/QĐ ngày 16/10/2017 (8,54 ha). Còn lại 8 ha chưa hoàn thành thu hồi
164	Khu dân cư theo quy hoạch	Vĩnh Cửu	Tân An	ONT	9,83	9,83	Quyết định chủ trương đầu tư số 3071/QĐ-UBND ngày 30/8/2018
II. Dự án thu hồi đất theo khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP				6	212,06	11,99	
165	Mỏ đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	25,07	4,28	Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
166	Khu đô thị du lịch sinh thái Sơn Tiên	Biên Hòa	An Hòa	TMD	179,50	5,00	Quyết định thu hồi đất số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh (373,62 ha); tuy nhiên đến nay còn 5 ha chưa thu hồi xong, đo vẽ đưa vào danh mục thu hồi để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013; Văn bản số 7321/UBND-CNN ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc rà soát hiệu lực Quyết định số 5530/QĐ.CT.UBT ngày 15/11/2004
167	Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở của KCN AMATA	Biên Hòa	Long Bình	TMD	2,70	0,27	Quyết định thu hồi đất số 4425/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh; Đã phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất được 1,9 ha; còn 0,27 ha đăng ký để tiếp tục thu hồi theo Luật đất đai năm 2013

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2019
TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng			1.351,00	101,31	21,21	7,66	
1	KDC an bình mở rộng (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi Giang Điền)	Biên Hòa	An Bình	2,47	0,32			Có quyết định giao đất hết theo luật cũ, còn 10 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường; Hiện nay đang tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
2	Khu dân cư An Hòa 3 (giai đoạn 2 - Cty cổ phần sonadezi An Bình)	Biên Hòa	An Bình	2,40	1,10			Đã hoàn thành kiểm đếm; đang lập phương án bồi thường
3	Mở rộng khu dân cư tại phường An Bình	Biên Hòa	An Bình	3,24	0,71			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất; còn 1,72 ha đăng ký để thu hồi theo Luật đất đai năm 2013
4	Khu dân cư số 10 (Công ty CP BDS Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	4,90			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 07/03/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất
5	Khu đất đấu giá số 2, 3 (tờ 20 thửa 46; tờ 45 thửa 3)	Biên Hòa	An Hòa	0,72	0,87			Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của UBND tỉnh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý; Đã phê duyệt giá khởi điểm tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND tỉnh
6	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Hóa An	55,34	3,44			Thông báo kết luận số 1682/TB-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 nối dài. Đã được thông qua các dự án cần thu hồi đất tại NGHỊ quyết số 91/NQ-HĐND ngày 8/12/2017, nay đăng ký để chuyển mục đích đất lúa

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
14	Mở rộng trường TH Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,05			Công văn số 7032/UBND-ĐT ngày 29/7/2016 của UBND thành phố Biên Hòa vv chấp thuận chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa vv giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 trên địa bàn TP. Biên Hòa năm 2017 (lần 2)
15	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	Biên Hòa	Hóa An	2,21	0,01			Công văn số 3267/UBND-XDCB ngày 19/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc góp ý hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
16	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,77			Tờ trình số 9291/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của UBND TP. Biên Hòa vv xin điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Long Bình Tân (vị trí đoạn đường giao thông nằm giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 dự kiến tại khu vực đất của dự án mở rộng Cảng Đồng Nai do Cty CP Cảng Đồng Nai làm chủ đầu tư); thông báo thu hồi đất số 2638/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
17	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mầm non (Công ty CPVLXD Thế Giới Nhà)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,99	0,10			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/9/2014 về thông qua danh mục thu hồi đất từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2014; còn 0,1 ha đất lúa đăng ký thực hiện công tác giao đất
18	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,05			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh vv báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh vv điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,14			Văn bản số 892/UBND-ĐT ngày 20/1/2017 của UBND thành phố vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
30	Nhà ở thấp tầng và trường học theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	2,12	0,02			Văn bản số 5161/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư tại, đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
31	Nhà ở kết hợp TMDV số 82 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	4,02	0,35			Văn bản số 5162/UBND-ĐT ngày 8/5/2017 của UBND thành phố về việc chấp thuận chủ trương dự án
32	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,15	0,14			Văn bản số 16726/UBND-ĐT ngày 01/8/2017 của UBND TP. Biên hòa vv thỏa thuận địa điểm đầu tư xây dựng Chung cư cao tầng kết hợp TMDV theo quy hoạch Quyết định chủ trương đầu tư số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh
33	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,99			Nghị quyết số 52/NQ-UBND ngày 12/07/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
34	Khu nhà ở kết hợp TMDV số 78	Biên Hòa	Thống Nhất	3,71	2,64			Đã được thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 với diện tích 1,85 ha đất lúa (nằm trong dự án khu đất tạo vốn đường ven sông Cái). Nay rà soát lại là 2,64 ha. Thông báo kết luận số 4532/TB-UBND ngày 16/05/2017 của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Vĩnh tại cuộc họp xử lý đề xuất và quy hoạch của một số dự án; Báo cáo số 806/BC-SKHĐT ngày 22/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư phức hợp Felicity của Công ty Thương mại Blue Diamond Đồng Nai tại phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa Văn bản số 12884/UBND-CNN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
43	Đường Cao Cang đoạn 1, 2	Định Quán	Gia Canh, TT. Định Quán	19,26	0,65			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 18)
44	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03			Thông báo kết luận số 197/TB-UBND ngày 12/8/2016 của UBND huyện Định Quán về thực hiện các dự án nông thôn mới xã Ngọc Định
45	Dự án Trang trại chăn nuôi gà tại huyện Định Quán của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm Hai	Định Quán	Phú Hòa	12,40	6,47			Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 1/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
46	Đường Tà Lài - Trà Cỏ (Đường ĐT-774)	Định Quán	Phú Hòa	5,74	1,15			Văn bản số 486/BC-SKHĐT ngày 24/07/2018 của Sở KHĐT về việc báo cáo kết quả họp hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh Thuộc dự thảo bố trí vốn đầu tư công năm 2019(Phụ lục 9- thứ tự 19)
47	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Định Quán	Phú Lợi	0,16	0,12			Đã xây dựng xong đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục giao đất
48	Trường THCS Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	2,00	0,42			Chuyển tiếp để hoàn thành các thủ tục đất đai. Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện Định Quán về đề nghị giao đất cho Ban QLDA huyện thực hiện dự án Trường THCS Suối Nho tại ấp 4
49	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	0,54			Đưa vào kế hoạch để thực hiện các thủ tục đất đai. Văn bản số 315/TB-UBND ngày 31/8/2017 của UBND huyện kết luận chấp thuận bổ sung quy hoạch kế hoạch huyện Định Quán

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dụng	
56	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	Long Khánh	X.Hòa; P.Bình; Xuân Tân	6,11	0,26			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
57	Khu dân cư biệt thự nhà vườn	Long Thành	TT. Long Thành	4,50	1,00			Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 tuy nhiên do điều chỉnh ranh giới dự án nên tăng thêm 1 ha đất trồng lúa; Văn bản số 5242/UBND-NN ngày 19/6/2017 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư và ranh giới địa chính dự án của Công ty TNHH MTV Hùng Minh Long Thành tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
58	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTILT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,90	0,30			VB số 5396/UBND-NN ngày 23/6/2017 của UBND huyện Long Thành v/v thỏa thuận địa điểm cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành lập dự án đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành
59	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ xã Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	3,30	3,25			Văn bản số 5063/UBND-CN ngày 02/8/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Phước Thiện, Nhơn Trạch
60	Đường ĐT774 (đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên)	Tân Phú	Nam Cát Tiên, Núi Tượng	14,07	3,33	1,02		Có kế hoạch bố trí vốn thực hiện trong năm 2019 tại Phụ lục 2, mục C, STT 2

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
68	Đường nội đồng Cây Cóc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,18	0,12			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
69	Nạo vét Rạch Mọi	Vĩnh Cửu	Các xã	4,68	2,07			Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018
70	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đầu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,37	0,37			Công văn số 5647/UBND-CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí
71	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	7,00	6,55			Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh và bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công 2018.
72	Mô đá xây dựng Thạnh Phú 3	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Thiện Tân	25,07	1,20			Thông báo thu hồi đất số 2961/TB-UBND ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh; đã kiểm kê hiện trạng
73	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân và Tân An	3,00	0,5			Quyết định 4450/QĐ-UBND ngày 7/8/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv thực hiện Nghị quyết số 80/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân vốn khác do huyện quản lý.
74	Hương lộ 15	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú và Bình Lợi	5,3	0,7			Thông báo Kết luận của thường trực Tỉnh ủy số 578-TB/TW ngày 30/7/2018 Vv buổi làm việc với Ban thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu năm 2018: trong đó chấp thuận chủ trương BT dự án Hương lộ 15 với quỹ đất khu vực Đảo Ó - Đồng trường; văn bản số 3843/UBND-KT ngày 8/8/2018 của UBND huyện vv xin Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
82	Khu dân cư (ấp Trảng Táo)	Xuân Lộc	Xuân Thành, Xuân Tâm, Xuân Trường	221,04	2,82	18,72		Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất của BQL RPH Xuân Lộc giao cho các xã Xuân Tâm, Xuân Thành và Xuân Trường quản lý. Văn bản số 4957/UBND-CNN ngày 18/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v lập, thẩm định, phê duyệt đối phương án sử dụng đối với diện tích bàn giao địa phương quản lý. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất theo phương án sử dụng đất.
	II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân							
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường, xã		7,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Long Thành	Các xã, thị trấn		3,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
24	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		13,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhơn Trạch	Các xã		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn		10,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00	-		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã		1,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Sử dụng vào đất trồng lúa	Sử dụng vào đất rừng phòng hộ	Sử dụng vào đất rừng đặc dùng	
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã		26,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
48	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		10,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
49	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
50	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		4,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
51	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		5,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
52	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00			Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
Tổng số dự án					293,23	
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	DDT	0,07	Kết luận số 569-KL/TU của Thường trực Tỉnh ủy về dự án mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Nguyễn Hữu Cánh
2	Đường dây 220kV Sông Mây - Tam Phước	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	DNL	53,79	Văn bản số 9136/UBND-CNN ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến; Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến công trình đường dây 220 kv Sông Mây - Tam Phước
3	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	DGD	0,70	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019; điều chỉnh quy mô diện tích từ 0,3 ha thành 0,7 ha.
4	Đường Tỉnh lộ 764 đi Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	DGT	3,84	Văn bản số 193/HĐND-VP ngày 25/9/2018 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công năm 2019.
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	DTL	0,25	Văn bản số 923/TB-SKHĐT ngày 11/12/2017 về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018
6	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	DRA	0,05	Văn bản số 1932/UBND-NL ngày 25/7/2018 của UBND huyện Định Quán về việc chấp thuận chủ trương cho thực hiện đầu tư xây dựng bộ trung chuyển rác sinh hoạt tại các xã Suối Nho, Thanh Sơn, La Ngà và Phú Túc - Túc Trung. Vốn của HTX TMDV Phú Lợi

STT	Tên công trình, dự án	Tên huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ sở đề xuất
14	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Suối Đá	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,07	Văn bản số 820/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Đá, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
15	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Thanh Lâm	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,03	Công văn số 507/UBND-KT ngày 03/5/2018 về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú.
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Trung	Tân Phú	Thanh Sơn	DSH	0,10	Công văn số 508/UBND-KT ngày 27/3/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc chấp thuận chủ trương, thỏa thuận địa điểm để lập dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú
17	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào CX6 KCN Dầu Giây	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	DTL	1,30	Văn bản số 3890/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
18	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	DGD	1,50	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
19	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,69	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của
20	Trạm y tế xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	DGD	0,08	Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc xem xét, chấp thuận cho phép chuyển chỉ tiêu quy hoạch và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của